

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRỊNH THÚY LIỄU

TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG  
LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRỊNH THÚY LIỄU

TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG  
LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI HIỆN NAY

Mã số: 9310202

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Người hướng dẫn chính: PGS, TS TRẦN THỊ HƯƠNG

Người hướng dẫn phụ: TS ĐẶNG TRÍ THỦ

HÀ NỘI - 2026

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ đúng quy định.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**Tác giả**

**Trịnh Thúy Liễu**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	8
1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước.....	8
1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước.....	17
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan và những vấn đề luận án tập trung giải quyết.....	33
<b>Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI HIỆN NAY</b> .....	36
2.1. Các tỉnh, nhân dân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và đảng bộ, tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy .....	36
2.2. Bình đẳng giới và thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.....	54
2.3. Tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới - khái niệm, nội dung, phương thức, vai trò.....	67
<b>Chương 3: TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM</b> .....	81
3.1. Thực trạng tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới .....	81
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm.....	120
<b>Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI THỜI GIAN TỚI</b> .....	129
4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới thời gian tới .....	129
4.2. Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới thời gian tới .....	139
<b>KẾT LUẬN</b> .....	179
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	181
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	182
<b>PHỤ LỤC</b> .....	197

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
BDG	: Bình đẳng giới
BTVTU	: Ban Thường vụ Tỉnh ủy
CT-XH	: Chính trị - xã hội
ĐBSCL	: Đồng bằng sông Cửu Long
HĐND	: Hội đồng nhân dân
HTCT	: Hệ thống chính trị
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
LHPN	: Liên hiệp phụ nữ
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
UBND	: Ủy ban nhân dân

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Bình đẳng giới (BDG) là một trong những mục tiêu quan trọng của tiến bộ xã hội và phát triển bền vững, đồng thời là tiêu chí phản ánh trình độ văn minh của mỗi quốc gia. Bình đẳng giới được hiểu là việc nữ giới và nam giới có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội như nhau trong tiếp cận các nguồn lực, tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội và thụ hưởng thành quả phát triển. Thực hiện BDG không chỉ nhằm bảo đảm quyền con người, mà còn góp phần phát huy đầy đủ tiềm năng của một nửa dân số, qua đó tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị và tiến bộ xã hội.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy BDG, hướng tới xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ, phát triển bền vững và nhân văn. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đã xác định: “Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước” [47]. Tại Đại hội XIV, Đảng xác định: “Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới” [67, tr.276]. Từ những chủ trương, định hướng đúng đắn đó, Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận là một trong những quốc gia đạt nhiều kết quả tích cực trong thực hiện BDG. Qua đó cho thấy, những thành tựu đạt được không chỉ phản ánh sự quan tâm, lãnh đạo đúng đắn của Đảng, mà còn thể hiện sự quản lý, điều hành hiệu quả của Nhà nước và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị (HTCT) trong thực hiện mục tiêu BDG.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, có thể thấy rằng việc hiện thực hóa mục tiêu BDG vẫn còn đặt ra không ít vấn đề cần tiếp tục quan tâm giải quyết; tình trạng bất BDG vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức và trên nhiều lĩnh vực. Tỷ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý, nhất là ở cấp cơ sở và trong HTCT, còn thấp so với mục tiêu đề ra; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (HĐND) ở một số nhiệm kỳ chưa đạt chỉ tiêu theo Chiến lược quốc gia về BDG; cơ hội tiếp cận việc làm có thu nhập cao và các nguồn lực kinh

tế của phụ nữ còn hạn chế so với nam giới. Ở một số địa bàn, đặc biệt là vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản còn nhiều khó khăn; tình trạng bạo lực trên cơ sở giới vẫn diễn biến phức tạp; nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân về phòng, chống bạo lực gia đình chưa đầy đủ. Bên cạnh đó, một số văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật liên quan đến BDG còn chậm được ban hành hoặc thiếu cụ thể, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất giàu tiềm năng, giữ vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, công tác BDG tại các tỉnh ở khu vực này đã đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, đặt trong tương quan với tiềm năng, lợi thế của vùng cũng như yêu cầu, nhiệm vụ phát triển trong bối cảnh mới, có thể thấy công tác lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện BDG vẫn còn một số điểm cần tiếp tục hoàn thiện. Theo đó, nội dung lãnh đạo, chỉ đạo ở một số thời điểm còn mang tính khái quát, chậm được cụ thể hóa và chưa thật sự gắn chặt với điều kiện, đặc điểm thực tiễn của địa phương; việc quán triệt, triển khai thực hiện ở một số tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong HTCT đôi khi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa thật sự rõ nét. Công tác chỉ đạo thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG có lúc thiếu quyết liệt, chưa thường xuyên, dẫn đến kết quả giữa các địa phương, đơn vị chưa đồng đều. Sự lãnh đạo đối với chính quyền các cấp trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về BDG có thời điểm thiếu tính đồng bộ, chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm; việc phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các tổ chức chính trị - xã hội (CT-XH) và các tổ chức xã hội ở một số nơi chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy đầy đủ vai trò giám sát, phản biện xã hội. Công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục có lúc còn thiếu chiều sâu; nội dung và hình thức chưa phong phú, chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng, nên sự chuyển biến về nhận thức và hành động chưa đồng đều. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết có lúc chưa thường xuyên, chưa sâu sát cơ sở; nội dung đánh giá còn dàn trải,

thiếu trọng tâm, việc rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế chưa kịp thời, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện BDG trên địa bàn.

Mặt khác, ĐBSCL hiện nay đang đứng trước yêu cầu phát triển mới gắn với thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng HTCT vững mạnh. Trong bối cảnh đó, thực hiện BDG không chỉ là yêu cầu về mặt xã hội, mà còn là yêu cầu trực tiếp đối với phát triển nguồn nhân lực, phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển vùng và xây dựng HTCT ở địa phương. Điều này đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện cả về lý luận và thực tiễn đối với sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL trong thực hiện BDG hiện nay.

Xuất phát từ thực trạng trên, đồng thời nhằm góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG đáp ứng yêu cầu phát triển vùng trong giai đoạn mới, nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn và thực hiện đề tài: ***“Tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án**

### **2.1. Mục đích của luận án**

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG, luận án đề xuất phương hướng và những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG thời gian tới.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

- Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, khái quát kết quả đạt được, kế thừa những nội dung liên quan đến luận án, xác định những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ.

- Luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG hiện nay.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng tình ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG từ năm 2020 đến nay; chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và kinh nghiệm.

- Dự báo và phân tích các yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG, đề xuất phương hướng và những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG thời gian tới.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG hiện nay.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án**

- *Về nội dung*: Điều 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18 Luật Bình đẳng giới hiện hành, quy định nội dung BDG trong các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội và gia đình, gồm: BDG trong lĩnh vực chính trị; kinh tế; lao động; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; y tế; gia đình. Luận án tập trung nghiên cứu BDG trong các lĩnh vực: chính trị; kinh tế; lao động; giáo dục và đào tạo; gia đình.

- *Về không gian*: Luận án khảo sát tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG tại 04 tỉnh, bao gồm: Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau.

- *Về thời gian*: Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG từ năm 2020 đến nay; phương hướng và những giải pháp đề xuất trong luận án có giá trị đến năm 2035.

### **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án**

#### **4.1. Cơ sở lý luận**

Cơ sở lý luận của luận án là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác phụ nữ, về bình đẳng, BDG và công bằng xã hội.

#### **4.2. Cơ sở thực tiễn**

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG từ năm 2020 đến nay.

### ***4.3. Phương pháp nghiên cứu***

- Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

- Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chính trị và khoa học liên ngành, như: Phương pháp hệ thống hóa; phương pháp phân tích kết hợp tổng hợp; phương pháp lôgic kết hợp lịch sử; phương pháp tổng kết thực tiễn; phương pháp quy nạp và diễn dịch; phương pháp thống kê, so sánh; phương pháp điều tra xã hội học.

+ Phương pháp hệ thống hóa: Được sử dụng trong phần tổng quan tình hình nghiên cứu và chương 2 của luận án nhằm nghiên cứu về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG một cách đầy đủ và toàn diện về mặt lý luận; đồng thời xác định rõ nội dung cần tập trung nghiên cứu của đề tài.

+ Phương pháp phân tích kết hợp tổng hợp: Được sử dụng chủ yếu trong đánh giá thực trạng tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG từ năm 2020 đến nay. Phân tích các báo cáo, số liệu từ các văn kiện, văn bản của tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, hội phụ nữ; tổng hợp, đưa ra các nhận định, đánh giá ưu điểm, hạn chế trong thực trạng.

+ Phương pháp lôgic kết hợp lịch sử: Được sử dụng trong chương 2 của luận án nhằm làm rõ những vấn đề lý luận về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG, từ đó xác định rõ các nội dung và phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG.

+ Phương pháp tổng kết thực tiễn: Tổng kết thực tiễn thông qua hoạt động thực tiễn thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL được thể hiện trong các báo cáo, các văn bản của tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, hội phụ nữ, điều tra, khảo sát... để đánh giá và rút ra kinh nghiệm từ thực tiễn. Nghiên cứu thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn để đề ra các giải pháp cần thiết, khả thi tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG.

+ Phương pháp quy nạp và diễn dịch: Được sử dụng để đưa ra các nhận định, đánh giá, luận cứ, luận chứng, được sử dụng trong từng nội dung của luận án, chủ yếu sử dụng trong chương 3 của luận án.

+ Phương pháp thống kê, so sánh: Được sử dụng nhằm đánh giá, xử lý các số liệu từ các nguồn tổng hợp được.

+ Phương pháp điều tra xã hội học: Thông qua phiếu điều tra, khảo sát để đánh giá thực trạng Tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG. Kết quả khảo sát được xử lý trên phần mềm SPSS (viết tắt của Statistical Package for the Social Sciences) phiên bản 22.

Để thu thập thông tin điều tra xã hội học phục vụ nghiên cứu về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG, tác giả đã tiến hành khảo sát 03 nhóm đối tượng: 1) Lãnh đạo, quản lý; 2) Cán bộ, công chức, viên chức; 3) Người dân ở các tỉnh ĐBSCL. Nghiên cứu tiến hành khảo sát thông qua Google Form trong thời gian từ tháng 10/2025 đến tháng 12/2025.

Tổng số phiếu phát ra là 800, thu về 776 phiếu, trong đó có 761 phiếu hợp lệ (đạt tỷ lệ 98,07%) và 15 phiếu không hợp lệ (chiếm 1,93%), phản ánh mức độ nghiêm túc, trách nhiệm cao của người trả lời.

Về cơ cấu giới tính, số lượng nam giới tham gia khảo sát là 342 người (chiếm 44,9%), nữ giới là 419 người (chiếm 55,1%).

Về trình độ học vấn, đa số người tham gia khảo sát có trình độ đại học (315 người, chiếm 41,4%), tiếp đến là sau đại học (237 người, chiếm 31,1%) và dưới đại học (209 người, chiếm 27,5%).

Về cơ quan công tác: Nghiên cứu được tiến hành khảo sát tại các nhóm cơ quan, tổ chức và đối tượng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: 1) Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (13,8%); 2) Cơ quan quản lý nhà nước về BDG (25,9%); 3) Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) và các tổ chức CT-XH (24,4%); 4) Phụ nữ và người dân trên địa bàn tỉnh (35,9%).

Nhìn chung, sự phân bố tương đối đồng đều này cho thấy dữ liệu khảo sát được thu thập từ nhiều nhóm chủ thể khác nhau trong HTCT và xã hội trên địa bàn nghiên cứu, góp phần nâng cao tính đại diện, khách quan và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

Các phương pháp trên được sử dụng linh hoạt, đan xen, kết hợp để phát huy hiệu quả tổng hợp nhằm hoàn thành mục tiêu nghiên cứu.

## **5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

- *Khái niệm:* Tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG là hoạt động của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy (BTVTU) về quán triệt chủ trương, quan điểm, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BĐG; xây dựng, ban hành quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU về BĐG; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát để quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU được thực hiện thắng lợi.

- *Kinh nghiệm có tính đặc thù về các tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG từ năm 2020 đến nay:* Tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các tổ chức của HTCT trong thực hiện BĐG.

- *Giải pháp có tính đột phá về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BĐG:* Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với việc thực hiện BĐG.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ những vấn đề lý luận về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp thêm những luận cứ khoa học cho các tỉnh ủy ở ĐBSCL trong lãnh đạo thực hiện BĐG, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này trên địa bàn thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu môn khoa học về Xây dựng Đảng ở các trường chính trị cấp tỉnh, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác trong cả nước.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 04 chương, 10 tiết.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

#### 1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC

##### 1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giới, bình đẳng giới, thực hiện bình đẳng giới

Maitrayee Mukhopadhyay, Shamim Meer (2008), *Gender, rights and development: A global sourcebook (Giới tính, quyền con người và phát triển: Cẩm nang toàn cầu)*, Royal Tropical Institute, Amsterdam [153]. Các tác giả đã khẳng định rằng, BDG cần được nhìn nhận như một quyền cơ bản, gắn trực tiếp với trách nhiệm của các chính phủ trong phát triển và bảo đảm công bằng xã hội. Theo cách tiếp cận này, nhà nước phải chủ động tạo lập các điều kiện thể chế, nguồn lực và cơ chế giám sát nhằm bảo đảm quyền của phụ nữ được thực thi hiệu quả trong thực tiễn. Nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò của các công cụ quản trị hiện đại như phân tích giới, đánh giá tác động giới, giúp chuyển các cam kết chính trị về BDG thành các quyết định phân bổ nguồn lực cụ thể và có thể đo lường. Bên cạnh đó, nhóm tác giả còn nhấn mạnh tầm quan trọng của trách nhiệm giải trình của chính phủ thông qua hệ thống chỉ báo theo dõi sự tham gia của phụ nữ trong các cơ quan quyền lực và bộ máy hành chính, cũng như việc công khai dữ liệu theo giới.

Yoko Niimi (2009), *Gender Equality and Inclusive Growth in Developing Asia (Bình đẳng giới và tăng trưởng toàn diện ở các nước đang phát triển châu Á)*, Asian Development Bank Economics, Working Paper Series No.186 [156]. Tác giả cho rằng, bất BDG hoạt động như một bất bình đẳng về cơ hội, khi phụ nữ và trẻ em gái dù có năng lực tương đương nhưng không được tiếp cận đầy đủ với các nguồn lực, thị trường và vị trí ra quyết định. Khi tình trạng này kéo dài, nó hình thành một vòng luẩn quẩn bất bình đẳng, trong đó nghèo đói, hạn chế giáo dục và phân biệt giới tiếp tục tái sản sinh qua các thế hệ. Nghiên cứu sử dụng khung phân tích mở rộng của Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ về BDG, tập trung vào hai nhóm chỉ báo chính: năng lực cá nhân (trình độ giáo dục, tình trạng sức khỏe và dinh dưỡng) và khả năng tiếp cận nguồn lực và cơ hội (việc làm có thu nhập, tham gia vào

các vị trí lãnh đạo và chính trị). Kết quả cho thấy, tại nhiều quốc gia châu Á, phụ nữ đã đạt tiến bộ rõ rệt về giáo dục, nhưng những tiến bộ này chưa được chuyển hóa thành việc làm ổn định, thu nhập tương xứng và quyền ra quyết định, do rào cản văn hóa, gánh nặng chăm sóc gia đình, phân biệt trong tuyển dụng và sự phổ biến của khu vực lao động phi chính thức. Nghiên cứu đã khẳng định: tăng trưởng chỉ thực sự toàn diện khi các rào cản giới được tháo gỡ đồng thời ở cả ba cấp độ - cá nhân, thị trường lao động và thể chế.

Pippa Norris và cộng sự (2012), *Gender Equality in Elected Office in Asia Pacific: Six Actions to Expand Women's Empowerment (Bình đẳng giới trong các chức vụ được bầu cử ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Sáu hành động để tăng cường trao quyền cho phụ nữ)*, The Asia Pacific Regional Centre - United Nations Development Programme (UNDP), Bangkok [157]. Trao quyền cho phụ nữ trong các cơ quan dân cử không chỉ là mục tiêu mang tính khẩu hiệu mà phải được thực hiện thông qua cải cách thể chế và quy trình chính trị. Nghiên cứu chỉ ra rằng, quyền lực của phụ nữ chỉ được mở rộng khi các rào cản trong pháp luật, hệ thống bầu cử và tổ chức chính trị được tháo gỡ một cách đồng bộ. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất sáu nhóm giải pháp chủ yếu gồm: bảo đảm BDG trong hiến pháp và pháp luật; cải cách hệ thống bầu cử theo hướng giảm bất lợi cho ứng viên nữ; áp dụng cơ chế hạn ngạch hoặc ghế dành riêng cho phụ nữ; đổi mới quy trình lựa chọn ứng viên trong các tổ chức chính trị; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho phụ nữ; và xây dựng môi trường làm việc nhạy cảm giới trong các cơ quan dân cử. Nghiên cứu khẳng định rằng việc nâng cao quyền lực chính trị của phụ nữ phải được thực hiện thông qua chuỗi giải pháp liên hoàn từ khuôn khổ pháp lý đến điều kiện thực thi.

Stephanie Chaban và cộng sự (2020), *Regional Organizations, Gender Equality and the Political Empowerment of Women (Các tổ chức khu vực, bình đẳng giới và trao quyền chính trị cho phụ nữ)*, In *Regional Organizations Handbook* [148]. Nghiên cứu này cho thấy, việc cải thiện pháp luật lao động đối với phụ nữ đạt hiệu quả cao nhất khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ và các tổ chức xã hội (như công đoàn, tổ chức quyền phụ nữ, hiệp hội nghề nghiệp). Nghiên cứu phân tích các trường hợp điển hình, đặc biệt trong bối cảnh Liên minh châu Âu, để làm rõ cách thức mà nhà nước và

các tổ chức xã hội cùng tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện và giám sát thực thi các quy định về BĐG trong lao động.

Pitchaya Sirivunnabood, Suan Liao (2021), *Women's Economic Empowerment in Asia (Tăng cường quyền năng kinh tế cho phụ nữ ở châu Á)*, No.2021-8 (December), Asian Development Bank Report [159]. Các tác giả tiếp cận BĐG từ góc nhìn trao quyền kinh tế cho phụ nữ, coi đây không chỉ là mục tiêu xã hội mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng bao trùm và phát triển bền vững. Nghiên cứu chỉ ra rằng, mặc dù phụ nữ tại nhiều quốc gia châu Á đã đạt được tiến bộ đáng kể về trình độ giáo dục, song các bất BĐG trong lĩnh vực kinh tế vẫn tồn tại dai dẳng, đặc biệt ở khả năng tham gia thị trường lao động, cơ hội việc làm chất lượng và vị trí lãnh đạo. Bên cạnh đó, nghiên cứu nhấn mạnh rào cản về tiếp cận tài chính chính thức, khi phụ nữ gặp khó khăn trong vay vốn do thiếu tài sản thế chấp, kỹ năng tài chính và khả năng tiếp cận công nghệ số. Những định hướng này có nhiều điểm tương đồng và giá trị vận dụng trực tiếp đối với Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu BĐG gắn với phát triển bền vững.

Jiekuan Zhang, Yan Zhang (2021), *Tourism and Gender Equality: An Asian Perspective (Du lịch và Bình đẳng giới: Góc nhìn châu Á)*, Annals of Tourism Research, Volume 85, November 2020 [166]. Các tác giả đã xem xét mối quan hệ giữa phát triển du lịch và BĐG ở quy mô quốc gia tại châu Á, xuất phát từ nhận định rằng du lịch không chỉ là ngành kinh tế tạo việc làm mà còn có thể tác động đến vị thế xã hội và kinh tế của phụ nữ. Trên cơ sở phân tích dữ liệu của 36 quốc gia châu Á trong giai đoạn 2006-2018, nghiên cứu sử dụng chỉ số BĐG toàn cầu (bao gồm các khía cạnh tham gia kinh tế, giáo dục, sức khỏe và trao quyền chính trị) để đo lường mức độ BĐG. Đóng góp quan trọng của nghiên cứu là việc cung cấp bằng chứng định lượng ở cấp quốc gia cho thấy du lịch có thể trở thành công cụ thúc đẩy BĐG, thay vì chỉ được nhìn nhận như một ngành tạo tăng trưởng kinh tế thuần túy.

Cabinet Office Japan (2022), *Current Status and Challenges of Gender Equality in Japan (Hiện trạng và thách thức của bình đẳng giới tại Nhật Bản)*, Japanese Government White Paper [147]. Chính phủ Nhật Bản đóng vai trò trung tâm trong việc bảo vệ quyền phụ nữ thông qua một hệ thống chính sách được thiết kế bài bản, có mục tiêu rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ.

Nghiên cứu thẳng thắn nhìn nhận rằng, mặc dù phụ nữ gần như đạt bình đẳng với nam giới trong giáo dục và chăm sóc sức khỏe, nhưng khoảng cách giới vẫn rất lớn trong lĩnh vực kinh tế và chính trị. Điều này thể hiện ở tỷ lệ phụ nữ tham gia các vị trí lãnh đạo và cơ quan quyền lực còn thấp, chênh lệch tiền lương theo giới kéo dài, cũng như gánh nặng công việc gia đình và chăm sóc không được trả công chủ yếu dồn lên phụ nữ. Trước thực trạng đó, Chính phủ Nhật Bản triển khai Kế hoạch cơ bản về BDG, đồng thời thiết lập cơ chế theo dõi và đánh giá việc thực hiện thông qua Hội đồng BDG.

Jessica Yang (2022), *The Making of “Woman”: The Evolution of Chinese State Feminism(s) Under Three Chinese Leaders (Quá trình hình thành “người phụ nữ”: Sự tiến hóa của chủ nghĩa nữ quyền nhà nước Trung Quốc dưới thời ba nhà lãnh đạo Trung Quốc)*, Stanford Journal of Feminist, Gender, and Sexuality Studies, vol.1, no.1 [165]. Công trình phân tích BDG dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc (CPC) thông qua khái niệm “chủ nghĩa nữ quyền nhà nước”, tức là cách Nhà nước chủ động định hình vai trò, hình ảnh và vị thế của phụ nữ trong xã hội nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển quốc gia. Tác giả cho rằng, BDG trong mô hình này không phát triển tuyến tính, mà biến đổi theo định hướng chính trị và ưu tiên kinh tế - xã hội (KT-XH) của từng giai đoạn lãnh đạo. Đóng góp quan trọng của bài viết là chỉ ra tính hai mặt của BDG trong khuôn khổ nữ quyền nhà nước: vừa mở ra cơ hội tham gia xã hội cho phụ nữ, vừa tiềm ẩn nguy cơ kiểm soát và công cụ hóa quyền phụ nữ.

Glenda Strachan, Arosha S.Adikaram (2023), *Women's Work in South Asia: Reflections on the Past Decade (Vai trò của phụ nữ trong công việc ở Nam Á: Những suy ngẫm về thập kỷ qua)*, South Asian Journal of Human Resources Management Volume 10, Issue 2, December 2023, pp.244-255 [162]. Các tác giả nhấn mạnh rằng, bất BDG trong lao động không chỉ bắt nguồn từ khung pháp lý, mà chủ yếu được duy trì bởi các yếu tố cấu trúc. Phụ nữ vẫn tập trung nhiều ở các công việc thu nhập thấp, thiếu ổn định, ít cơ hội thăng tiến và chịu khoảng cách tiền lương theo giới kéo dài. Bên cạnh đó, chuẩn mực xã hội về vai trò giới khiến phụ nữ phải gánh vác phần lớn công việc chăm sóc và việc nhà không được trả công, làm gián đoạn quá trình làm việc liên tục và hạn chế khả năng tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp. Giai

đoạn đại dịch Covid-19 được xem là phép thử quan trọng, khi hình thức làm việc tại nhà vừa tạo thêm linh hoạt cho phụ nữ, vừa làm gia tăng áp lực kết hợp giữa công việc và gia đình. Đóng góp nổi bật của bài viết nằm ở việc làm rõ rằng BDG trong việc làm không thể đạt được chỉ bằng thay đổi luật, mà cần các chính sách hỗ trợ đồng bộ, từ cải thiện điều kiện làm việc, cơ hội thăng tiến đến giảm gánh nặng chăm sóc.

ASEAN Secretariat, UN Women (2024), *ASEAN Gender Outlook 2024 - Achieving the SDGs for All and Leaving No Woman or Girl Behind (Tầm nhìn về giới của ASEAN năm 2024 - Đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững cho tất cả mọi người và không để phụ nữ hay trẻ em gái nào bị bỏ lại phía sau)*, ASEAN Report [145]. Trên cơ sở hệ thống chỉ báo SDGs được phân tách theo giới, kết hợp với các chỉ số bổ trợ khi dữ liệu chính thức còn hạn chế, nghiên cứu đã chỉ ra những tiến bộ đáng kể của khu vực ASEAN trong các lĩnh vực giáo dục, y tế và tham gia kinh tế, đồng thời làm rõ các khoảng cách giới mang tính cấu trúc vẫn tồn tại. Đáng chú ý, phụ nữ tiếp tục chịu bất lợi trong việc làm phi chính thức, gánh nặng lao động chăm sóc không được trả công, tiếp cận dịch vụ y tế, quyền sở hữu tài sản, cũng như đại diện trong các thiết chế ra quyết định, dù tỷ lệ nữ nghị sĩ đã đạt mức cao nhất từ trước đến nay trong khu vực (khoảng 23%). Đóng góp nổi bật của nghiên cứu là việc liên kết phân tích giới với các thách thức mới nổi, đặc biệt là biến đổi khí hậu, nghèo đa chiều, di cư lao động và chuyển đổi số, qua đó chỉ ra rằng phụ nữ - nhất là phụ nữ nghèo, phụ nữ nông thôn - có nguy cơ bị tổn thương cao hơn trước các cú sốc kinh tế - môi trường.

OECD (2025), *Gender Equality in a Changing World: Taking Stock and Moving Forward (Bình đẳng giới trong một thế giới đang thay đổi: Đánh giá hiện trạng và hướng tới tương lai)*, OECD Publishing, Paris [158]. Công trình đã chỉ ra rằng, bất BDG tồn tại đồng thời ở nhiều chiều cạnh như giáo dục và kỹ năng, việc làm và thu nhập, phân công lao động gia đình, khả năng tiếp cận vị trí lãnh đạo, sức khỏe và đặc biệt là bạo lực đối với phụ nữ. Những bất bình đẳng này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, vì vậy nếu chính sách được thiết kế rời rạc theo từng ngành, hiệu quả cải thiện BDG sẽ rất hạn chế. Nghiên cứu cũng đã làm rõ vai trò “kép” của chính phủ. Một mặt, chính phủ giữ vai trò thiết kế thể chế, thông qua các chính sách như cân bằng giữa công

việc và gia đình, phát triển dịch vụ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, chia sẻ trách nhiệm chăm sóc giữa nam và nữ, bảo đảm minh bạch tiền lương và tăng sự tham gia của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo. Mặt khác, chính phủ còn đóng vai trò điều phối và bảo đảm thực thi, bằng cách tăng cường phối hợp liên ngành, huy động khu vực tư nhân và xã hội dân sự, đồng thời xây dựng hệ thống theo dõi - đánh giá dựa trên dữ liệu tách biệt theo giới.

Lu, H., Chen, F., & Hu, W. (2025), “*Empowering rural women through internal migration: Evidence from longitudinal data in China*” (*Trao quyền cho phụ nữ nông thôn thông qua di cư nội địa: Nghiên cứu thực chứng tại Trung Quốc*), *Women’s Studies International Forum*, vol.112 [154]. Nghiên cứu xem xét tác động của di cư nội địa đối với quá trình trao quyền cho phụ nữ nông thôn ở Trung Quốc. Dựa trên dữ liệu dọc nhiều năm và phương pháp ước lượng nhằm xử lý vấn đề nội sinh, các tác giả cho thấy di cư có tác động tích cực đến năng lực tự chủ của phụ nữ, đặc biệt ở các khía cạnh như quyền ra quyết định trong gia đình, vị thế kinh tế và khả năng thương lượng. Kết quả cho thấy khi phụ nữ hoặc thành viên hộ gia đình tham gia di cư, thu nhập và mức độ tiếp cận thông tin, thị trường lao động và chuẩn mực xã hội mới đều được cải thiện, từ đó góp phần làm suy giảm các ràng buộc giới truyền thống ở nông thôn. Các tác giả cho rằng, quá trình di cư không chỉ là hiện tượng kinh tế mà còn là một cơ chế thúc đẩy BĐG và phát triển xã hội.

Sugiyama, H., Palmieri, G., & Lazzari, G. (2025), “Gender Equality and Its Significance for Scientific Research and Innovation Organisations” (*Bình đẳng giới và ý nghĩa đối với các tổ chức nghiên cứu khoa học và đổi mới*), *Tap chí Social Inclusion*, tập 13, số 1, tr.1-15 [163]. Các tác giả khẳng định rằng, BĐG không chỉ đơn thuần là vấn đề công bằng xã hội hay quyền con người, mà còn là nhân tố then chốt để nâng cao chất lượng nghiên cứu, tính liên chính khoa học và hiệu quả hoạt động của tổ chức. Thông qua phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp và đánh giá các chỉ số thực thi (KPI), nhóm tác giả nhấn mạnh rằng để BĐG đạt được kết quả thực chất, các tổ chức cần chuyển dịch từ việc “tuân thủ hình thức” sang “lồng ghép giới” một cách hệ thống vào văn hóa tổ chức và quy trình đánh giá chuyên môn. Các tác giả cũng đề xuất một khung quản trị mới, trong đó việc đo lường sự xuất sắc

trong khoa học phải gắn liền với “lãng kính giới”, giúp các tổ chức đổi mới phản ứng linh hoạt và hiệu quả hơn trước các thách thức của xã hội hiện đại.

### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đảng chính trị lãnh đạo, cấp ủy đảng lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới**

Su, F. (2006), *Gender inequality in Chinese politics: An empirical analysis of provincial elites (Bất bình đẳng giới trong chính trị Trung Quốc: Phân tích thực nghiệm về cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh)*, *Politics & Gender*, 2(2), 143-163 [169]. Trong nghiên cứu này, tác giả đã sử dụng bộ dữ liệu về đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh của Trung Quốc để phân tích mức độ bất BĐG trong chính trị. Tại Trung Quốc, phụ nữ dù có trình độ học vấn cao và năng lực công tác tốt song vẫn chủ yếu vẫn giữ các vị trí ít ảnh hưởng hơn so với nam giới. Những vị trí cao cấp, quyết định chính sách vẫn chủ yếu do nam giới nắm giữ. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng bất BĐG không chỉ xuất phát từ các rào cản xã hội, mà còn từ thể chế chính trị và cơ chế lựa chọn nhân sự, nơi mà nam giới chiếm ưu thế rõ rệt, ngay cả khi phụ nữ có năng lực tương đương.

International Institute for Democracy and Electoral Assistance (2016), *A framework for developing gender policies for political parties (Khung xây dựng chính sách bình đẳng giới cho các đảng chính trị)*, International IDEA, Stockholm [152]. Nghiên cứu đề xuất chu trình năm bước xây dựng chính sách giới, gồm: thành lập nhóm công tác; tiến hành đánh giá giới nội bộ (gender audit); soạn thảo và tham vấn; thông qua theo cơ chế của đảng; và rà soát, điều chỉnh để bảo đảm thực thi. Đáng chú ý, công trình nhấn mạnh việc lượng hóa mục tiêu, thiết lập chỉ số theo dõi, cơ chế trách nhiệm giải trình và tích hợp giới vào quy hoạch nhân sự, phân bổ nguồn lực, đào tạo cán bộ, xử lý quấy rối và phân biệt đối xử. Khung này khẳng định BĐG không chỉ là cam kết chính trị mà phải được thể chế hóa thành quy định, kế hoạch và cơ chế giám sát cụ thể trong hoạt động lãnh đạo của đảng.

State Council Information Office (2019), *Equality, Development and Sharing: Progress of Women's Cause in 70 Years Since New China's Founding (Bình đẳng, Phát triển và Chia sẻ: Những tiến bộ trong sự nghiệp phụ nữ trong 70 năm kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập)*, State Council Information Office White Paper [161]. Theo tác giả,

Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn xác định nam nữ bình đẳng là một nguyên tắc cơ bản trong phát triển xã hội, được thể chế hóa thành chính sách quốc gia lâu dài, đồng thời lồng ghép nhất quán vào các chiến lược phát triển KT-XH qua từng giai đoạn lịch sử. Vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện ở việc định hướng tư tưởng, xây dựng đường lối, và bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu BDG với nhiệm vụ phát triển quốc gia. Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chính phủ Trung Quốc phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng phụ nữ như một cầu nối giữa Nhà nước và xã hội, góp phần tuyên truyền chính sách, bảo vệ quyền lợi và giám sát việc thực thi pháp luật. Những phân tích này cho thấy mô hình lãnh đạo tập trung, nhất quán của Đảng tạo điều kiện để các chính sách về phụ nữ được triển khai đồng bộ trên phạm vi toàn quốc.

Zhang, L. (2021), *Nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với sự nghiệp phụ nữ*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hoa Trung, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc [167]. Luận án đã hệ thống hóa một cách toàn diện khung lý luận và thực tiễn về vai trò cầm quyền của Đảng trong việc thúc đẩy BDG. Tác giả khẳng định rằng, Đảng Cộng sản Trung Quốc (CPC) đã lãnh đạo toàn diện đối với công tác phụ nữ thông qua ba trụ cột cốt lõi: 1) Lãnh đạo về tư tưởng và chính trị; 2) Thông qua hội phụ nữ với mô hình “Đảng lãnh đạo, Hội Phụ nữ thực thi”; và 3) Hệ thống thể chế và chính sách. Đặc biệt, luận án nhấn mạnh vai trò của Đảng trong việc giám sát thực thi, đảm bảo các nguồn lực tài chính và nhân sự được ưu tiên cho các mục tiêu BDG.

Šejla Karamehić (2021), *Political Parties and Gender Equality: A Guide to Inside-Out Transformation (Các đảng chính trị và bình đẳng giới: Cẩm nang về chuyển đổi từ bên trong ra bên ngoài)*, UN Women & UNDP, ISBN 978-9926-8460-3-9 [153]. Tác giả phân tích vai trò then chốt của đảng chính trị trong việc mở rộng cơ hội tham gia chính trị của phụ nữ. Phụ nữ ít được đại diện trong các cơ quan quyền lực không phải do thiếu năng lực, mà chủ yếu xuất phát từ rào cản mang tính cấu trúc bên trong các đảng, như quy trình đề cử khép kín, phân bổ nguồn lực không công bằng và văn hóa tổ chức thiếu nhạy cảm giới. Vì vậy, thúc đẩy BDG cần bắt đầu từ cải cách nội bộ đảng, chứ không chỉ dựa vào các quy định bầu cử bên ngoài. Đóng góp nổi bật của báo cáo là đề xuất cách tiếp cận “chuyển đổi từ bên trong ra bên

ngoài”, trong đó BĐG được tích hợp xuyên suốt vào điều lệ, cương lĩnh, cơ cấu tổ chức và hoạt động thường ngày của đảng.

Du, J. (2022), *“The development of women’s cause in China: From a policy and legal perspective”* (Sự phát triển của sự nghiệp phụ nữ tại Trung Quốc: Dưới góc nhìn chính sách và pháp luật), Springer, Singapore [149]. Tác giả đã phân tích một cách hệ thống cơ chế thực thi BĐG thông qua sự kết hợp giữa ý chí chính trị của đảng cầm quyền và hệ thống pháp luật nhà nước. Tác giả chỉ ra rằng, Đảng Cộng sản Trung Quốc giữ vai trò định hướng tối cao bằng cách đưa mục tiêu BĐG vào các Cương lĩnh phát triển phụ nữ định kỳ 10 năm, từ đó cụ thể hóa thành các chỉ tiêu bắt buộc cho chính quyền các cấp. Sự thành công của Trung Quốc trong việc nâng cao địa vị phụ nữ không chỉ dựa vào việc ban hành luật pháp đơn thuần, mà dựa vào khả năng của Đảng trong việc lồng ghép giới vào quy trình quy hoạch cán bộ và phân bổ ngân sách quốc gia.

Xie, J. (2024), *“Research on Gender Equality Education Policy in China”* (Nghiên cứu về chính sách giáo dục bình đẳng giới tại Trung Quốc), Transactions on Social Science, Education and Humanities Research, vol.10, 164-169 [164]. Tác giả phân tích cách thức Đảng Cộng sản Trung Quốc cụ thể hóa tư tưởng “hiện đại hóa con người” thành các chính sách giáo dục thực tiễn. Tác giả nhấn mạnh rằng, Đảng Cộng sản Trung Quốc giữ vai trò định hướng cốt lõi trong việc xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật để bảo đảm quyền lợi của phụ nữ ngay từ khâu tiếp cận giáo dục. Bài viết làm rõ quan điểm của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIX, coi BĐG là nền tảng của văn minh hiện đại và là ưu tiên hàng đầu trong quản trị nhà nước.

State Council Information Office (2025), *China's Achievements in Women's Well-Rounded Development* (Những thành tựu của Trung Quốc trong phát triển toàn diện phụ nữ), State Council Information Office White Paper [160]. Nghiên cứu này đã khẳng định vai trò trung tâm của Đảng Cộng sản Trung Quốc (CPC) và Nhà nước Trung Quốc trong việc bảo vệ quyền phụ nữ và thúc đẩy BĐG như một mục tiêu chính sách nền tảng. Theo nghiên cứu này, BĐG được xác định là chính sách quốc gia cơ bản, được lồng ghép một cách hệ thống vào các chiến lược phát triển KT-XH, pháp luật và quản trị nhà nước. Đảng Cộng sản Trung Quốc giữ vai trò định hướng chính trị và lãnh

đạo thống nhất, trong khi chính phủ chịu trách nhiệm thiết kế thể chế, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện thông qua các chương trình phát triển phụ nữ ở cấp quốc gia và địa phương.

Tập Cận Bình (2025), *Xi Jinping's Discourses on Work for Women and Children (Quan điểm của Tập Cận Bình về công tác phụ nữ và trẻ em)*, Viện Lịch sử Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc biên soạn [146]. Công trình là tập hợp có hệ thống các quan điểm, chỉ đạo của Tập Cận Bình về công tác phụ nữ và trẻ em, qua đó phản ánh khá rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thực hiện BĐG ở giai đoạn mới. Công trình khẳng định kiên trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng là bảo đảm căn bản để thúc đẩy sự phát triển của phụ nữ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, đồng thời thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong quá trình hiện đại hóa đất nước. Công trình cũng cho thấy cách Đảng hiện thực hóa các định hướng chính trị về công tác phụ nữ thành nhiệm vụ cụ thể thông qua hoàn thiện chính sách, tăng cường vai trò của tổ chức hội phụ nữ và lồng ghép mục tiêu BĐG vào chiến lược phát triển quốc gia.

Howell, J. (2025), “*Women’s Political Participation in China: From Mao to Xi*” (*Sự tham gia chính trị của phụ nữ ở Trung Quốc: Từ thời Mao Trạch Đông đến thời Tập Cận Bình*), *Asian Survey*, 65(2), 234-255 [151]. Tác giả phân tích tiến trình tham gia chính trị của phụ nữ Trung Quốc từ thời Mao Trạch Đông đến thời Tập Cận Bình, qua đó làm rõ sự thay đổi trong cách Đảng Cộng sản Trung Quốc định hình và dẫn dắt công tác phụ nữ trong từng giai đoạn phát triển. Đảng luôn giữ vai trò trung tâm trong việc xác lập mục tiêu BĐG, tổ chức huy động phụ nữ tham gia chính trị và xây dựng các thiết chế như Hội LHPN toàn quốc Trung Quốc. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra khoảng cách giữa cam kết chính trị của Đảng về bình đẳng nam nữ với mức độ hiện diện thực chất của phụ nữ trong các vị trí quyền lực cấp cao.

## **1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC**

### **1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giới, bình đẳng giới, thực hiện bình đẳng giới**

Phạm Minh Anh (2012), *Vai trò của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội [2]. Tác giả đã tập trung vào vai trò then chốt của

đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã, phường, thị trấn trong việc cụ thể hóa và thực thi các chính sách BĐG ở Việt Nam, với lý luận cho rằng cấp cơ sở là “nền tảng của hành chính” và nơi quyết định sự thành công hay thất bại của các mục tiêu phát triển xã hội, trong đó có BĐG. Nghiên cứu đã góp phần khẳng định cấp cơ sở và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp xã là mắt xích quyết định trong HTCT để đạt mục tiêu BĐG, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, đổi mới nhận thức về giới, và hoàn thiện cơ chế giám sát, đánh giá việc thực hiện các chủ trương, chính sách BĐG ở cấp cơ sở, phục vụ cho công tác hoạch định chính sách và đào tạo cán bộ.

Nguyễn Hữu Minh (2014), “Bảo đảm quyền bình đẳng giới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 04/8/2014 [114]. Bài viết phân tích những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc bảo đảm quyền BĐG ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển và hội nhập quốc tế. Tác giả cho rằng, BĐG là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển xã hội và là điều kiện để thực hiện công bằng xã hội và quyền con người. Trên cơ sở đánh giá các chính sách và chương trình quốc gia về BĐG, bài viết chỉ ra rằng Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc hoàn thiện khung pháp lý và thúc đẩy quyền của phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện các chính sách BĐG vẫn còn gặp nhiều khó khăn do định kiến giới và sự chưa đồng bộ trong quá trình triển khai chính sách. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ vai trò của HTCT trong việc bảo đảm quyền BĐG ở Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Quỳnh Hoa (2015), *Bình đẳng giới trong tiếp cận đất sản xuất ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội [86]. Trên cơ sở khung phân tích kinh tế học phát triển kết hợp với tiếp cận giới và quyền tài sản, nghiên cứu làm rõ rằng bất BĐG trong tiếp cận đất đai không chỉ thể hiện ở diện tích hay quyền sử dụng đất, mà còn nằm ở mức độ kiểm soát, quyền ra quyết định và khả năng chuyển hóa đất đai thành các lợi ích kinh tế. Một điểm nổi bật của nghiên cứu đó là việc làm rõ cơ chế thể chế và xã hội tạo ra bất bình đẳng, bao gồm quy định pháp luật đất đai trên thực tế, tập quán thừa kế mang tính phụ hệ, cũng như vai trò trung gian của hộ gia đình trong phân bổ quyền sử dụng đất giữa nam và nữ. Luận án cho thấy hạn chế trong tiếp cận đất sản xuất làm suy giảm khả năng tiếp cận tín dụng, đầu

tư sản xuất và tham gia thị trường của phụ nữ, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, thu nhập hộ gia đình và giảm nghèo bền vững.

Nguyễn Thị Vân Hạnh (2015), “Sự tham gia của phụ nữ vào hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 10-2015 [83]. Tác giả tập trung phân tích thực trạng và xu hướng gia tăng sự tham gia của phụ nữ trong các cơ quan quyền lực nhà nước ở Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội của Việt Nam đã tăng qua các nhiệm kỳ và đạt mức cao so với nhiều quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, phụ nữ vẫn gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận các vị trí lãnh đạo và ra quyết định trong HTCT. Từ đó, tác giả nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển cán bộ nữ, nâng cao nhận thức xã hội về BDG và tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tham gia vào các hoạt động chính trị và quản lý nhà nước.

Trần Thị Minh Thi (2016), “Rào cản thể chế văn hóa đối với sự tham gia chính trị của phụ nữ Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, số 2-2016 [130]. Dựa trên các nguồn số liệu về giới trong chính trị những năm gần đây, bài viết đưa ra những phân tích và lập luận nhằm làm rõ thực trạng phụ nữ Việt Nam tham gia các hoạt động chính trị và những rào cản đến sự tham gia và đại diện của họ. Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ phụ nữ trong HTCT đã tăng lên trong những năm gần đây nhưng tỷ lệ nữ trong các vị trí quản lý cao nhất vẫn duy trì ở mức thấp. Số lượng nữ tham gia còn quá ít cho nên tiếng nói của họ không đủ mạnh. Thêm vào đó, đại đa số không ở vị trí chủ chốt hay các mảng công việc ít mang tầm chiến lược cho nên phụ nữ tham chính có tiếng nói, song không thực sự mang tính quyết định. Nghiên cứu chỉ ra năm nhóm yếu tố tác động đến sự tham chính của phụ nữ, đó là: nhóm yếu tố thuộc chính sách và dịch vụ công; nhóm yếu tố thuộc công tác cán bộ; nhóm yếu tố liên quan đến những rào cản từ chuẩn mực văn hóa; nhóm yếu tố liên quan đến những rào cản từ gia đình; và nhóm yếu tố liên quan đến những rào cản từ đặc điểm cá nhân.

Lương Thị Ngọc Oanh (2016), *Tác động của bất bình đẳng giới tới phát triển ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội [120]. Luận án đã tiếp cận vấn đề này theo hướng “đi từ cơ chế đến bằng chứng”, tập trung vào hai nội dung then chốt là giáo dục

và việc làm. Ở cấp vĩ mô, tác giả đưa biến nghiên cứu giới tính vào khung phân tích dựa trên mô hình tăng trưởng Tân cổ điển (Solow) và khai thác dữ liệu cấp tỉnh để lượng hóa tác động: khi GDI thấp (hàm ý bất BDG cao), tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm; ngược lại, cải thiện GDI đi kèm cải thiện HDI, cho thấy BDG không chỉ là mục tiêu xã hội mà còn liên quan trực tiếp đến chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng. Ở cấp hộ gia đình, nghiên cứu làm rõ kênh phân bổ nguồn lực: việc phụ nữ bị hạn chế cơ hội việc làm và thu nhập làm suy yếu quyền thương thuyết, từ đó ảnh hưởng đến các quyết định chi tiêu, đặc biệt là đầu tư cho giáo dục và y tế trẻ em, những yếu tố quyết định tích lũy vốn nhân lực. Luận án cũng nhận diện các biểu hiện mang tính cấu trúc của bất BDG như phân khúc ngành nghề theo giới và chênh lệch lương, đáng chú ý ở khu vực FDI. Đặc biệt, công trình đã kết hợp được bằng chứng vĩ mô và vi mô để luận giải được cơ chế tác động, qua đó gợi mở các ưu tiên chính sách giảm bất BDG nhằm cải thiện tăng trưởng kinh tế và HDI.

Nguyễn Thị Nga (2017), *Triết học nữ quyền - lý thuyết triết học về công bằng xã hội cho phụ nữ*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội [119]. Công trình được chia thành hai chương. Chương 1: lý thuyết về triết học nữ quyền và vấn đề công bằng xã hội cho phụ nữ: khái lược về nữ quyền và lý thuyết triết học nữ quyền; lý giải những khác biệt về giới dẫn đến bất bình đẳng; một số lý thuyết nữ quyền cơ bản như nữ quyền tự do, nữ quyền mácxít, cấp tiến, hiện sinh, hậu hiện đại. Nghiên cứu triết học nữ quyền với tư cách là lý thuyết về công bằng xã hội cho phụ nữ. Chương 2: hướng đến xây dựng cơ sở lý thuyết về công bằng xã hội cho phụ nữ ở Việt Nam hiện nay: sự tiếp thu có chọn lọc các lý thuyết nữ quyền phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội của nước ta. Giới thiệu hai khuynh hướng truyền thống đối lập trong xã hội phong kiến Việt Nam là tôn vinh phụ nữ và “trọng nam khinh nữ”. Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công bằng xã hội cho phụ nữ. Trên cơ sở phân tích thực trạng vấn đề công bằng đối với giới nữ ở nước ta và kinh nghiệm của một số quốc gia trong giải quyết vấn đề BDG, tác giả đưa ra kiến nghị đối với việc thực hiện công bằng xã hội cho phụ nữ Việt Nam hiện nay.

Trần Thị Hồng Lê (2017), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền phụ nữ bằng pháp luật hình sự ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội [103]. Luận án đã xây dựng một khung lý luận tương đối hoàn chỉnh về bảo vệ quyền phụ nữ, xác định quyền phụ nữ là những quyền con người đặc thù giới và các quyền dễ bị tổn thương do chủ thể là nữ giới, từ đó đề xuất khái niệm, đặc điểm và phương thức bảo vệ bằng pháp luật hình sự (tội phạm hóa, phi tội phạm hóa, và thiết kế hệ thống hình phạt phù hợp với tiêu chí quyền phụ nữ). Điểm nổi bật của luận án là đánh giá hệ thống nội dung và hiệu lực áp dụng các quy định bảo vệ quyền phụ nữ trong Bộ luật hình sự 1999, chỉ ra các khoảng trống như xử lý quấy rối tình dục, phá thai vì lý do giới tính, mua bán người, hiếp dâm trong hôn nhân, cũng như các bất cập kỹ thuật lập pháp; từ đó đề xuất định hướng sửa đổi cụ thể cho Bộ luật hình sự 2015 (mở rộng khách thể “quyền con người”, tội phạm hóa tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, bổ sung tình tiết tăng nặng “phạm tội đối với phụ nữ có thai”, hoàn thiện cấu thành tội phạm tình dục).

Nguyễn Lê Thu (2017), *Bình đẳng giới trong lao động gia đình dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [131]. Thông qua khảo sát thực tiễn tại các cộng đồng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, luận án chỉ ra rằng phụ nữ vẫn gánh vác phần lớn lao động gia đình, từ chăm sóc con cái, người già đến sản xuất tự cung tự cấp, trong khi nam giới giữ vai trò quyết định trong các công việc được xã hội thừa nhận là “lao động chính”. Sự bất bình đẳng này bắt nguồn từ tập quán phụ hệ, trình độ dân trí, điều kiện tiếp cận giáo dục - việc làm và hạn chế trong việc thực thi chính sách BDG ở vùng dân tộc thiểu số. Tác giả đã kết nối phân tích lý luận với thực chứng xã hội học, qua đó chỉ ra mối quan hệ giữa BDG trong lao động gia đình với phát triển con người, giảm nghèo bền vững và ổn định xã hội ở vùng miền núi. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống, nhấn mạnh vai trò của thay đổi nhận thức giới, lồng ghép giới trong chính sách dân tộc và nâng cao vị thế của phụ nữ dân tộc thiểu số trong cả không gian gia đình và cộng đồng.

Trần Thị Huyền (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng nam nữ và vận dụng vào thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [99]. Tác giả luận giải

rằng, tư tưởng của Người không chỉ dừng lại ở việc thừa nhận vai trò của phụ nữ mà còn xác lập giải phóng phụ nữ là một mắt xích tất yếu của giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Đóng góp học thuật nổi bật của công trình nằm ở việc phân tích cấu trúc bình đẳng trên đa phương diện: từ xác lập địa vị pháp lý, quyền tham chính, đến bình đẳng trong kinh tế, văn hóa và đặc biệt là trong gia đình - coi đây là hạt nhân để thực hiện bình đẳng ngoài xã hội. Nghiên cứu đã làm sáng tỏ mô hình bình đẳng thực chất, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế như Công ước CEDAW, đồng thời phản biện những rào cản hiện hữu tại Việt Nam như định kiến giới và sự bất cập trong quán triệt tư tưởng vào thực tiễn chính sách. Bằng cách đề xuất các nhóm giải pháp đồng bộ từ nâng cao nhận thức xã hội đến hoàn thiện khung pháp lý, công trình không chỉ làm phong phú thêm kho tàng lý luận về di sản Hồ Chí Minh mà còn cung cấp luận cứ khoa học quan trọng cho việc hoạch định chính sách BDG trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững.

Nguyễn Thị Báo (2019), “Giải pháp thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử* [31]. Bài viết đã đặt trọng tâm vào vai trò Đảng lãnh đạo như nhân tố quyết định để chuyển các mục tiêu BDG và trao quyền cho phụ nữ từ định hướng chính trị thành kết quả thực thi. Tác giả xuất phát từ đánh giá thực trạng: Việt Nam đạt nhiều tiến bộ nhưng vẫn tồn tại các “điểm nghẽn” về thiết chế bảo đảm quyền, sự vận hành chưa đồng bộ của hệ thống, và sức ì của tư tưởng trọng nam, khinh nữ; các biểu hiện được nêu khá cụ thể như tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy, cơ quan dân cử còn thấp so với mục tiêu chiến lược, bất lợi của phụ nữ trong sở hữu quyền sử dụng đất, và tình trạng bạo lực gia đình với nạn nhân chủ yếu là nữ. Bài viết đã góp phần hệ thống hóa một khung quan điểm và giải pháp nhấn mạnh “tính Đảng” trong lãnh đạo BDG. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra đề xuất nhóm giải pháp trọng tâm liên quan trực tiếp đến vai trò lãnh đạo của Đảng và HTCT như: thúc đẩy hoạt động giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp lãnh đạo, xã hội, gia đình và phụ nữ về quyền của phụ nữ; lồng ghép vấn đề giới và BDG, quyền của phụ nữ vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trung, cao cấp trong hệ thống các trường Đảng và cán bộ cấp cơ sở (các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bộ, ban ngành); hoàn thiện chính sách - pháp luật theo hướng nội luật

hóa các chuẩn mực quốc tế (đặc biệt Công ước CEDAW); tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, trách nhiệm của các cơ quan trong HTCT về bảo đảm BDG và trao quyền cho phụ nữ, tạo sự vận hành đồng bộ của các thiết chế từ Trung ương đến cơ sở; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật; đồng thời huy động nguồn lực qua hợp tác quốc tế và thúc đẩy năng lực tự thân của phụ nữ như một cấu phần của trao quyền.

Hà Thị Khiết (2020), “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính trị các cấp ở nước ta trong thời gian tới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 14/10/2020 [101]. Bài viết phân tích thực trạng sự tham gia của phụ nữ trong HTCT ở Việt Nam. Theo tác giả, mặc dù tỷ lệ phụ nữ tham gia các cơ quan dân cử và bộ máy lãnh đạo đã có sự cải thiện trong những năm gần đây, song vẫn còn tồn tại khoảng cách đáng kể so với nam giới, đặc biệt ở các vị trí lãnh đạo chủ chốt. Trên cơ sở phân tích các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác cán bộ nữ, tác giả cho rằng cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ nữ nhằm nâng cao sự tham gia của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý trong HTCT.

Nguyễn Ngọc Hà, Trần Thị Vân (2021), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ trong sự nghiệp đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 04/4/2021 [82]. Bài viết nêu một số luận điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ như nhiệm vụ giải phóng phụ nữ gắn liền với sự nghiệp cách mạng, với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; sự nghiệp giải phóng phụ nữ có phạm vi rất rộng lớn, từ trong gia đình tới xã hội, cả về kinh tế và chính trị, giải phóng phụ nữ về kinh tế là điều kiện có ý nghĩa quyết định để đạt được bình đẳng nam nữ. Hồ Chí Minh đánh giá cao lực lượng chính trị của phụ nữ và rất quan tâm đấu tranh giải phóng phụ nữ về chính trị. Bài viết khẳng định cần tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy vai trò, vị thế của phụ nữ trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Lê Thị Thục, Lê Thị Minh Hà (2021), “Sự phát triển tư tưởng bình đẳng giới nhìn từ các làn sóng nữ quyền”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 3/2021 [138]. Bài viết phân tích bốn làn sóng nữ quyền với nội dung cốt lõi

và phương thức đấu tranh đặc trưng của từng giai đoạn, qua đó làm rõ tiến trình phát triển của tư tưởng BĐG trong lịch sử. Các tác giả khẳng định, tư tưởng đấu tranh vì BĐG đã có những bước tiến rõ rệt, gắn liền với sự vận động của lý thuyết nữ quyền - một hướng tiếp cận thuộc trường phái lý thuyết xung đột trong khoa học xã hội. Theo đó, làn sóng nữ quyền thứ nhất tập trung vào yêu cầu bình đẳng về quyền chính trị và kinh tế, tiêu biểu là quyền bầu cử và quyền sở hữu tài sản; làn sóng thứ hai mở rộng phạm vi đấu tranh sang các lĩnh vực xã hội, văn hóa; làn sóng thứ ba nhấn mạnh sự đa dạng, cá nhân hóa và thay đổi định kiến giới; trong khi làn sóng thứ tư gắn với sự phát triển của mạng xã hội và công nghệ số, góp phần thúc đẩy giải quyết các vấn đề bất BĐG một cách nhanh chóng và rộng khắp. Từ đó, bài viết cho rằng các làn sóng nữ quyền sẽ tiếp tục phát triển, đồng thời nhân loại sẽ không ngừng tìm kiếm những giải pháp ngày càng hiệu quả hơn nhằm bảo đảm BĐG trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trần Thị Thanh Loan (2023), *Bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ xã hội học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội [107]. Luận án đã tiếp cận BĐG trong gia đình như một nền tảng xã hội học và pháp lý, trong đó vợ chồng, giữa các thành viên nam và nữ phải có vai trò, vị trí ngang nhau, được tạo điều kiện phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả phát triển của gia đình. Nghiên cứu đã góp phần làm rõ nội hàm đa chiều của BĐG trong gia đình, cụ thể hóa các chuẩn mực pháp luật thành các yếu tố hành vi và cấu trúc xã hội: phân công lao động, quyền tài sản, quyền ra quyết định, đầu tư bình đẳng giữa các thế hệ và giữa các giới tính trong gia đình, cũng như thực trạng bạo lực gia đình và bất BĐG trong các dân tộc thiểu số. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra mối quan hệ nhân quả giữa BĐG trong gia đình với BĐG xã hội, cho rằng gia đình là nơi đầu tiên hình thành các chuẩn mực giới, và bất bình đẳng trong gia đình chính là gốc rễ của bất bình đẳng ở các lĩnh vực xã hội, kinh tế, chính trị.

Lê Thanh Hiền (2024), *Bảo đảm pháp lý về quyền bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội [85]. Luận án đã xây dựng và làm rõ khái niệm bảo đảm pháp lý về quyền BĐG với tư cách một chỉnh thể bao gồm hệ thống quy phạm pháp luật, cơ chế tổ chức thực thi, hoạt động bảo vệ pháp luật và các biện pháp ngăn ngừa, xử

lý vi phạm. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phân tích có hệ thống thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo đảm pháp lý quyền BĐG ở Việt Nam, chỉ ra những hạn chế như tính chưa đồng bộ của quy định pháp luật, khoảng cách giữa pháp luật và thực thi, cũng như hiệu quả chưa cao của các thiết chế bảo vệ quyền. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi, gắn bảo đảm pháp lý về quyền BĐG với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy BĐG thực chất trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

Hoàng Văn Huy (2024), “Phát huy vai trò của phụ nữ Quân đội nhân dân Việt Nam trong đẩy mạnh thực hiện bình đẳng giới hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 31/12/2024 [98]. Bài viết phân tích vai trò của đội ngũ nữ quân nhân trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về BĐG trong lĩnh vực quốc phòng. Nghiên cứu cho thấy, những năm qua, tỷ lệ cán bộ nữ trong Quân đội từng bước tăng, chất lượng nguồn nhân lực nữ được nâng cao, góp phần thu hẹp khoảng cách giới và khẳng định năng lực của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo, quản lý, chuyên môn. Tuy nhiên, bài viết cũng chỉ ra một số hạn chế như tỷ lệ nữ giữ chức vụ chỉ huy còn thấp, cơ hội quy hoạch, đào tạo chưa thật sự đồng đều. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường đào tạo, quy hoạch và tạo môi trường công tác thuận lợi nhằm phát huy vai trò của phụ nữ, góp phần thực hiện BĐG thực chất trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Thị Linh (2025), “Thực hiện bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 28/8/2025 [105]. Bài viết phân tích thực trạng triển khai chính sách BĐG ở vùng dân tộc thiểu số trong bối cảnh phát triển bền vững và hội nhập. Nghiên cứu cho thấy, mặc dù hệ thống pháp luật và các chương trình mục tiêu quốc gia đã tạo cơ sở quan trọng để nâng cao vị thế phụ nữ, nhưng định kiến giới, tập quán truyền thống và điều kiện KT-XH còn khó khăn vẫn là những rào cản lớn đối với sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong giáo dục, lao động và đời sống CT-XH. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù, tăng cường tuyên truyền, đào tạo và nâng cao năng lực cho phụ nữ dân tộc thiểu số, đồng thời nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện nhằm thu hẹp khoảng cách giới giữa các vùng miền.

### **1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, cấp ủy đảng lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới**

Trần Thị Chiên (2019), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới từ năm 2006 đến năm 2016*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [46]. Tác giả tập trung nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác BDG giai đoạn 2006-2016 cung cấp một phân tích hệ thống và toàn diện về tiến trình chuyển hóa các quan điểm lý luận thành hệ thống chính sách thực tiễn. Tác giả tập trung làm rõ vai trò chủ đạo của Đảng trong việc định hướng và thể chế hóa các nội dung về giới, mà hạt nhân là Luật Bình đẳng giới (2006) và Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, tác giả cũng phân tích tính tất yếu khách quan của BDG trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phân tích sâu khái niệm giới, BDG, bất BDG và các lĩnh vực trọng tâm: chính trị, kinh tế, lao động, việc làm và gia đình. Đồng thời, luận án chỉ ra những rào cản mang tính cơ cấu và định kiến giới còn ăn sâu trong đời sống xã hội Việt Nam. Trên cơ sở đó, luận án hệ thống hóa và luận giải quá trình hình thành, phát triển chủ trương của Đảng về BDG, việc Đảng chỉ đạo xây dựng khung pháp lý, lồng ghép BDG trong chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH; kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về BDG; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật; xây dựng mô hình, hợp tác quốc tế và tăng cường thanh tra, giám sát.

Phan Thuận (2020), “Những hạn chế trong thực thi chính sách bình đẳng giới về chính trị ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử* [133]. Tác giả khẳng định, Đảng và Nhà nước đã xây dựng một cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ với các chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ cán bộ nữ trong cấp ủy, Quốc hội, HĐND và cơ quan lãnh đạo, quản lý, nhưng thực tế tỷ lệ nữ trong các vị trí chủ chốt và trong quy hoạch cán bộ vẫn thấp, hiệu ứng “nam trưởng, nữ phó” còn phổ biến. Nghiên cứu tập trung làm rõ các điểm nghẽn trong quá trình Đảng lãnh đạo và HTCT tổ chức thực thi chính sách BDG, từ đó gợi ý nhóm giải pháp mang tính lãnh đạo: tăng cường cam kết chính trị và trách nhiệm giải trình của cấp ủy, cụ thể hóa chỉ tiêu giới bằng kế hoạch hành động, linh

hoạt các biện pháp thúc đẩy BĐG trong công tác cán bộ, và đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ nữ.

Duy Khôi (2020), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động phụ nữ trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử* [102]. Bài viết tập trung phân tích yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động phụ nữ như một điều kiện then chốt để thúc đẩy BĐG trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Nghiên cứu đã chỉ ra các “điểm mới” của bối cảnh tác động trực tiếp đến công tác phụ nữ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, tập trung tiếp cận dựa trên quyền con người (khắc phục định kiến giới ở nam giới), an ninh con người (chống buôn bán phụ nữ, bạo lực, di cư xuyên biên giới), và đa diện (vận động cả nam giới, phối hợp cấp ủy, chính quyền, Hội, doanh nghiệp để hỗ trợ phụ nữ nữ hóa nông thôn, lao động nữ khu công nghiệp, vùng lõm phát triển, các hiệp định thương mại tự do).

Nguyễn Trung Thành (2020), “Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về bình đẳng giới trong thời kỳ đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 318 (12/2020) [129]. Bài viết tập trung phân tích quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về BĐG trong bối cảnh thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở làm rõ những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm việc khẳng định vai trò, vị trí và năng lực của phụ nữ, yêu cầu nam nữ bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, cũng như coi thực hiện BĐG là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và cả HTCT. Tác giả chỉ ra rằng, BĐG ngày càng được thể chế hóa thông qua các nghị quyết chuyên đề, Luật Bình đẳng giới năm 2006, Chiến lược quốc gia về BĐG và các quy định trong Hiến pháp năm 2013, qua đó tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thúc đẩy BĐG thực chất. Đồng thời, bài viết chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong thực tiễn triển khai, từ đó khẳng định ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về BĐG trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Nguyễn Thị Linh (2021), “Một số kết quả thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 345 (10/2024), tr.21-25

[106]. Bài viết khái quát những thành tựu nổi bật trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về BĐG trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tác giả cho rằng hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, vị thế của phụ nữ được nâng cao, tạo động lực quan trọng để Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, bài viết cũng chỉ ra một số hạn chế trong tổ chức thực hiện và khoảng cách giới vẫn tồn tại ở một số lĩnh vực. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tăng cường các điều kiện bảo đảm nhằm thực hiện BĐG một cách thực chất hơn trong giai đoạn hiện nay.

Tran Thi Huong, Le Thi Thuc (2021), “Tendencies in Political Behavior of Men and Women - A Study on the Behavior of Vietnamese Political Elites toward Their Promotion Opportunities” (“Xu hướng hành vi chính trị của nam và nữ - Nghiên cứu về hành vi ứng xử của giới tinh hoa chính trị Việt Nam đối với cơ hội thăng tiến”, *Revista de Investigaciones Universidad del Quindío*, No. 3/2021 [168]. Bài viết đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo chính trị ở Việt Nam thông qua việc khảo sát thái độ của giới tinh hoa chính trị đối với cơ hội thăng tiến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù đa số các nhà lãnh đạo đều có xu hướng sẵn sàng nắm bắt cơ hội thăng tiến, song mức độ sẵn sàng của phụ nữ thấp hơn so với nam giới. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những ràng buộc về vai trò giới truyền thống, cùng với những hạn chế của hệ thống chính sách, pháp luật chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ phát triển. Điều này dẫn đến việc phụ nữ có xu hướng ít tham vọng chính trị hơn và dễ từ bỏ cơ hội thăng tiến sớm hơn so với nam giới trong cùng thể hệ.

Nguyễn Thị Mai Chi (2021), “Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác phụ nữ và bình đẳng giới thời kỳ đổi mới”, *Trang thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương* [45]. Bài nghiên cứu đã hệ thống hóa tiến trình hình thành và phát triển quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác phụ nữ và BĐG từ Cương lĩnh 1930 đến thời kỳ đổi mới, cho thấy “nam nữ bình quyền” được xác định ngay từ đầu như một nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng, gắn chặt với giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Đặc biệt, bài viết đã chỉ ra sự chuyển dịch từ tiếp cận “phụ vận” sang tiếp cận “bình đẳng giới” mang tính thể chế: giải phóng phụ nữ và bình đẳng nam nữ

được nâng tầm thành mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới, chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội, và chiến lược công tác cán bộ, trong đó xây dựng đội ngũ cán bộ nữ là yêu cầu khách quan. Cùng với đó, tác giả cũng nhấn mạnh cách Đảng lồng ghép BDG vào các mục tiêu phát triển bền vững, chính sách dân số, công tác cán bộ và xây dựng Nhà nước pháp quyền, thể hiện qua các chỉ tiêu định lượng về tỷ lệ cấp ủy viên nữ, đại biểu nữ, cũng như yêu cầu hoàn thiện pháp luật, tăng cường vai trò nòng cốt của Hội LHPN Việt Nam trong vận động phụ nữ, giám sát và phản biện xã hội.

Lê Thị Vân Huyền (2021), “Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 28/8/2021 [100]. Bài viết phân tích thực trạng hệ thống chính sách, pháp luật về BDG ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững. Tác giả khẳng định, Việt Nam đã xây dựng được khuôn khổ pháp lý khá toàn diện về BDG, được thể chế hóa từ Hiến pháp, Luật Bình đẳng giới và các chương trình, chiến lược quốc gia, qua đó tạo cơ sở thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế trong quá trình thực thi, như khoảng cách giới vẫn tồn tại, việc lồng ghép giới trong xây dựng chính sách chưa đồng đều và cơ chế bảo đảm thực hiện còn thiếu hiệu quả. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực tổ chức thực hiện và tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm BDG thực chất trong đời sống xã hội.

Nguyễn Thị Ngọc Phượng (2022), “Bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý ở cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 07/10/2022 [122]. Bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thực hiện chính sách BDG trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan hành chính nhà nước địa phương. Trên cơ sở làm rõ khái niệm, nội dung và quy trình thực hiện chính sách BDG trong lãnh đạo, quản lý, bài viết khảo sát thực trạng tại tỉnh Thái Nguyên, nhất là trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ nữ. Tác giả khẳng định, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình nhằm thúc đẩy BDG và tạo điều kiện để phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý; tuy nhiên, tỷ lệ nữ giữ vị trí lãnh đạo, quản lý vẫn còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và mục tiêu đề ra. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp

nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách BDG trong lãnh đạo, quản lý ở cơ quan hành chính nhà nước địa phương.

Quách Thành Long (2023), “Quan điểm của Đảng và Nhà nước về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử* [108]. Bài viết đã khái quát một cách hệ thống quan điểm của Đảng và Nhà nước về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, từ Hiến pháp 1946 (“Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”) tới các nghị quyết, chỉ thị thời kỳ đổi mới, qua đó cho thấy sự nhất quán trong việc coi quyền chính trị của phụ nữ là bộ phận cấu thành của mục tiêu “nam nữ bình quyền” và là tiêu chí quan trọng đánh giá dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tác giả đã tập trung làm rõ hai trục tư tưởng: (1) Phụ nữ được nhìn nhận như lực lượng chính trị trọng yếu, tham gia quyết định đường lối, chính sách chứ không chỉ là đối tượng thụ hưởng; (2) Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị phải được thiết lập thông qua cơ chế thể chế (chỉ tiêu cán bộ nữ, quy hoạch, đào tạo, đề bạt, hoàn thiện pháp luật về BDG, quyền tham chính) và qua thay đổi nhận thức xã hội, xóa bỏ định kiến giới cản trở phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý.

Phan Thị Hiền, Đinh Ngọc Thạch (2024), “Tư tưởng của Montesquieu về nhà nước pháp quyền - những vấn đề đặt ra cho thực tiễn chính trị tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 2 [84]. Dưới góc độ thực thi BDG, nghiên cứu gợi mở rằng việc vận dụng tư tưởng pháp quyền trong thực tiễn chính trị Việt Nam đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải giữ vai trò lãnh đạo tối cao trong việc thượng tôn pháp luật, tạo ra khung khổ thể chế minh bạch để kiểm soát quyền lực và bảo vệ quyền lợi của các nhóm yếu thế, trong đó có phụ nữ. Việc lồng ghép BDG vào quá trình xây dựng pháp luật và thực thi chính sách chính là biểu hiện của “tinh thần pháp luật” hiện đại, nơi quyền bình đẳng không chỉ dừng lại ở văn bản mà phải được bảo đảm bằng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ của Đảng và Nhà nước. Nghiên cứu khẳng định, sự lãnh đạo Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền là nhân tố quyết định để chuyển hóa các giá trị bình đẳng thành thể chế pháp lý, ngăn ngừa sự tùy tiện và bảo đảm công bằng giới trong mọi lĩnh vực của đời sống CT-XH.

Vũ Thị Thanh Minh (2025), “Tiếp cận bình đẳng giới ở Việt Nam từ quan điểm của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước và giá trị văn hóa truyền thống”, *Tạp chí Khoa học, Giáo dục và Công nghệ*, số 4, tr.11-19

[116]. Tác giả tiếp cận quan điểm và chính sách BĐG ở Việt Nam theo một khung tích hợp, đặt quan điểm của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước trong mối liên hệ với giá trị văn hóa truyền thống như một biến số ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp tài liệu và đối chiếu lịch sử - logic, tác giả đã hệ thống hóa sự phát triển trong tư duy của Đảng từ “nam nữ bình quyền” trong Cương lĩnh 1930 đến yêu cầu “bình đẳng giới thực chất” gắn với phát triển con người và phát triển bền vững trong Văn kiện Đại hội XIII; đồng thời chỉ ra vai trò của các nghị quyết, chỉ thị về công tác phụ nữ (như Nghị quyết 11-NQ/TW, Chỉ thị 21-CT/TW) trong định hình chương trình hành động và tổ chức thực hiện ở các cấp. Ở bình diện thể chế, nghiên cứu làm rõ nền tảng pháp lý gồm Hiến pháp 2013 (Điều 26), Luật Bình đẳng giới 2006, các chiến lược và kế hoạch hành động như Chiến lược quốc gia về BĐG 2021-2030 (Nghị quyết 28/NQ-CP), cùng các chính sách lồng ghép giới trong phát triển vùng dân tộc thiểu số (tiêu biểu là Chương trình mục tiêu quốc gia 1719, Dự án 8).

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Vĩnh Long (2025), *Kỷ yếu Hội thảo cấp Bộ: Phát triển đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý vùng Đồng bằng Sông Cửu Long thời kỳ mới*, tháng 10/2025 [87]. Nội dung kỷ yếu tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý; quan điểm của Đảng về công tác phụ nữ, công tác cán bộ nữ và BĐG; kinh nghiệm quốc tế về thúc đẩy phụ nữ tham chính; đồng thời phân tích thực trạng phát triển đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý ở vùng ĐBSCL hiện nay. Nhiều tham luận đi sâu đánh giá những khó khăn, thách thức trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và bổ nhiệm cán bộ nữ; tác động của định kiến giới, văn hóa vùng miền, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển bền vững đối với đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý ở khu vực ĐBSCL. Trên cơ sở đó, đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực, bản lĩnh chính trị, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong HTCT các cấp.

Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2025), “Bảo đảm bình đẳng giới, thúc đẩy quyền tham gia chính trị của phụ nữ Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 20/02/2025 [139]. Tác giả khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi BĐG và phát huy vai trò phụ nữ là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng HTCT.

Nhiều văn kiện và chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và cán bộ nữ nhấn mạnh yêu cầu tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý và các cơ quan dân cử. Đồng thời, tác giả chỉ ra rằng các chủ trương của Đảng là cơ sở chính trị quan trọng để Nhà nước ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về BDG, như Luật Bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về BDG. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh cần tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và toàn HTCT trong việc tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phụ nữ tham gia hoạt động chính trị và quản lý nhà nước.

Nguyễn Thị Trường Giang (2026), “Phát huy vai trò của báo chí trong truyền thông về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, góp phần nâng cao tỷ lệ nữ tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý”, *Tạp chí Công sản điện tử*, ngày 08/3/2026 [81]. Tác giả tập trung phân tích vai trò của báo chí trong truyền thông chính trị về BDG, góp phần nâng cao nhận thức xã hội, lan tỏa hình ảnh nữ lãnh đạo và thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Tác giả đề cập khá rõ đến vai trò của Đảng và HTCT trong lãnh đạo công tác BDG; đặt vấn đề BDG trong lãnh đạo, quản lý trong mối liên hệ với các chủ trương, chỉ tiêu giới và quá trình hiện thực hóa mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ nữ trong HTCT. Tác giả chỉ ra rằng việc thực hiện các mục tiêu về tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo không chỉ phụ thuộc vào truyền thông mà còn cần sự hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường trách nhiệm giải trình, giám sát và phối hợp giữa các cơ quan trong HTCT.

Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Hữu Minh (2026), “Chủ trương của Đảng về tăng cường sự tham gia của cán bộ nữ trong các cấp ủy - Kết quả và giải pháp”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 10/3/2026 [141]. Trong bài viết này, đã phân tích chủ trương của Đảng về phát huy vai trò cán bộ nữ trong HTCT từ cả góc độ lý luận và thực tiễn. Dựa trên việc hệ thống hóa các văn bản quan trọng như Nghị quyết 11-NQ/TW, Chỉ thị 21-CT/TW, Nghị quyết 26-NQ/TW và Chỉ thị 35-CT/TW, các tác giả khẳng định, Đảng ngày càng quan tâm đến công tác cán bộ nữ, coi đây là nội dung quan trọng của BDG trong lĩnh vực chính trị. Qua khảo sát tại một số địa phương, nghiên cứu ghi nhận nhiều cách làm tích cực như đưa quy hoạch cán bộ nữ vào chiến lược phát triển, chú trọng tạo nguồn, đào tạo, luân chuyển và có chính sách hỗ trợ cán bộ nữ. Tuy nhiên, bài viết cũng chỉ ra một số hạn chế như một số chỉ

tiêu còn mang tính định hướng, chưa có ràng buộc mạnh; phụ nữ vẫn gặp khó khăn khi tiếp cận cơ hội đào tạo, đặc biệt trong giai đoạn nuôi con nhỏ. Từ đó, các tác giả đề xuất cần tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu, đồng thời đẩy mạnh truyền thông nhằm giảm định kiến giới và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phụ nữ tham gia lãnh đạo.

### **1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH CÓ LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT**

#### **1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan**

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, vấn đề BDG và vai trò của đảng cầm quyền, của cấp ủy đảng trong thực hiện BDG đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, đạt được nhiều kết quả quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Những kết quả này là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa, phát triển phù hợp với đặc thù các tỉnh ở ĐBSCL.

*Thứ nhất*, về phương diện lý luận, các công trình nghiên cứu đã góp phần làm rõ khái niệm, nội hàm và các tiêu chí đánh giá BDG; xác lập BDG vừa là quyền con người cơ bản, vừa là mục tiêu phát triển bền vững. Nhiều nghiên cứu quốc tế (OECD, ADB, UN Women, International IDEA...) đã phân tích vai trò của nhà nước và chính đảng trong việc thể chế hóa cam kết giới, lồng ghép giới vào chu trình chính sách và bảo đảm cơ chế giám sát, trách nhiệm giải trình. Đặc biệt, các nghiên cứu về đảng chính trị và BDG đã chỉ ra rằng đảng giữ vai trò “gác công quyền lực”, quyết định cơ hội tham gia lãnh đạo, quản lý của phụ nữ thông qua quy hoạch, đề cử, đào tạo và phân bổ nguồn lực.

Trong nước, các công trình nghiên cứu đã làm rõ quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và BDG; bước đầu phân tích vai trò lãnh đạo của cấp ủy trong triển khai các chiến lược, chương trình quốc gia về BDG.

*Thứ hai*, về phương diện thực tiễn, các công trình nghiên cứu đã phản ánh tương đối toàn diện thực trạng BDG ở nhiều quốc gia và tại Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục, gia đình và đời sống xã hội. Các báo cáo quốc tế chỉ ra những tiến bộ đáng kể trong nâng cao tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, song cũng nhấn mạnh những rào cản về định kiến giới, phân bổ nguồn lực và cơ hội tiếp cận quyền lực. Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về BDG; chỉ ra những chuyển biến tích cực trong nâng cao vị thế phụ nữ, tăng tỷ lệ nữ tham gia cấp

ủy và cơ quan dân cử. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như chênh lệch cơ hội tiếp cận nguồn lực, lồng ghép giới trong xây dựng chính sách chưa đồng đều, chất lượng cán bộ nữ chưa tương xứng với tiềm năng. Đối với vùng ĐBSCL, một số nghiên cứu đề cập đến đặc điểm KT-XH, biến đổi khí hậu, cơ cấu lao động và yếu tố văn hóa - tộc người có ảnh hưởng đến BĐG.

*Thứ ba*, về phương diện định hướng giải pháp, các công trình nghiên cứu đã đề xuất nhiều nhóm giải pháp nhằm thúc đẩy BĐG, tập trung vào: Hoàn thiện thể chế và chính sách; lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách công; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ; tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý; thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá kết quả thực hiện BĐG. Những gợi mở này là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa có chọn lọc, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, vận dụng phù hợp với điều kiện đặc thù của các tỉnh ở ĐBSCL, nơi có nhiều yếu tố KT-XH và văn hóa đặc trưng tác động đến việc thực hiện BĐG.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu có thể thấy rằng, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về BĐG, sự lãnh đạo của Đảng, của các cấp ủy đảng đối với BĐG và thực hiện BĐG dưới nhiều góc độ và phạm vi khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu, dưới góc độ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG. Bởi vậy, đề tài luận án là vấn đề mới, độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố.

### **1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết**

Luận án sẽ tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau đây:

*Một là*, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG.

Luận án tập trung làm rõ những đơn vị kiến thức nền tảng liên quan trực tiếp đến việc xây dựng khung lý thuyết của đề tài. Theo đó, luận án phân tích và làm rõ khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và vai trò của BĐG; làm rõ khái niệm, nội dung, phương thức thực hiện BĐG ở các tỉnh ĐBSCL trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay. Đồng thời, luận án tập trung luận giải khái niệm tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG; phân tích nội dung, phương thức, vai trò của sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BĐG.

*Hai là*, khảo sát và đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng tình ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG trong thời gian qua.

Trên cơ sở khung lý thuyết, luận án tập trung khảo sát và phân tích thực trạng tình ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG trong thời gian qua, trọng tâm là giai đoạn từ năm 2020 đến nay - giai đoạn có nhiều yêu cầu mới đối với phát triển vùng và thực hiện mục tiêu BDG. Luận án đi sâu phân tích quá trình tình ủy lãnh đạo thực hiện BDG trên các phương diện về nội dung và phương thức lãnh đạo; làm rõ kết quả lãnh đạo đối với việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách về BDG; lãnh đạo chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH và các lực lượng liên quan tổ chức thực hiện BDG; công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chính sách về BDG ở địa phương... Trên cơ sở đó, luận án đánh giá khách quan những kết quả đạt được, chỉ rõ những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong sự lãnh đạo của tình ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG; đồng thời rút ra những kinh nghiệm bước đầu có giá trị thực tiễn.

*Ba là*, dự báo các nhân tố tác động và đề xuất phương hướng, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tình ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG thời gian tới.

Luận án tập trung dự báo những nhân tố tác động đến sự lãnh đạo của tình ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG thời gian tới, nhất là tác động của quá trình phát triển kinh tế thị trường, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu, chuyển dịch cơ cấu lao động và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững vùng ĐBSCL trong giai đoạn mới. Trên cơ sở đó, luận án xác định phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của tình ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG phù hợp với yêu cầu xây dựng HTCT ở địa phương và mục tiêu phát triển bền vững vùng ĐBSCL. Đồng thời, luận án đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo của tình ủy đối với thực hiện BDG ở địa phương, góp phần phát huy vai trò của phụ nữ, bảo đảm quyền và cơ hội phát triển cho các giới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ở địa phương trong giai đoạn hiện nay.

## Chương 2

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI HIỆN NAY

#### 2.1. CÁC TỈNH, NHÂN DÂN Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ ĐẢNG BỘ, TỈNH ỦY, BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

##### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long

###### 2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long

Trước tháng 7/2025 ở ĐBSCL có 12 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc Trung ương (thành phố Cần Thơ). Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sáp nhập tỉnh, thành phố, xã, phường, thị trấn, từ tháng 7/2025 ở ĐBSCL có 5 tỉnh, thành phố, gồm: tỉnh Đồng Tháp (sáp nhập tỉnh Tiền Giang với tỉnh Đồng Tháp cũ); tỉnh Vĩnh Long (sáp nhập tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh với tỉnh Vĩnh Long cũ); tỉnh An Giang (sáp nhập tỉnh Kiên Giang với tỉnh An Giang cũ); tỉnh Cà Mau (sáp nhập tỉnh Bạc Liêu với tỉnh Cà Mau cũ); thành phố Cần Thơ mới (tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng nhập vào thành phố Cần Thơ cũ). Như vậy, hiện nay ở ĐBSCL có 4 tỉnh: Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang và Cà Mau.

Diện tích tự nhiên của 4 tỉnh ở ĐBSCL là 30.006,1km<sup>2</sup>; các tỉnh có sự chênh lệch khá lớn về diện tích tự nhiên: tỉnh có diện tích lớn nhất là tỉnh An Giang (9.888,90km<sup>2</sup>), tiếp theo là tỉnh Cà Mau (7.742km<sup>2</sup>), tỉnh Vĩnh Long (6.926,20km<sup>2</sup>), tỉnh có diện tích nhỏ nhất là tỉnh Đồng Tháp (5.939km<sup>2</sup>) [Phụ lục 1].

Các tỉnh ở ĐBSCL đều giáp biển, trong đó, các tỉnh giáp biển Đông, gồm: tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cà Mau (vừa giáp biển Đông, vừa giáp vịnh Thái Lan); tỉnh An Giang giáp vịnh Thái Lan. Các tỉnh có biên giới với Campuchia, gồm: Đồng Tháp, An Giang. Các tỉnh ở ĐBSCL nằm trong đồng bằng lớn nhất ở nước ta. Hệ thống sông ngòi dày đặc với sông Tiền và sông Hậu là hai nhánh của sông Mê Kông khi chảy vào nước ta, nối liền các tỉnh với nhau với thành phố Cần Thơ với Biển Đông và vịnh Thái Lan. Trong 4 tỉnh, có tỉnh An Giang có núi đá vôi ở một số huyện với trữ lượng khá lớn, là

nguồn vật liệu xây dựng nhà cửa, hạ tầng giao thông của các tỉnh vùng này. Các tỉnh đều có diện tích thuộc vùng đồng bằng.

Các tỉnh nằm trong vùng khí hậu cận xích đạo, ôn hòa, mưa nhiều, nắng nóng, với hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Chế độ thủy văn ở các tỉnh ổn định, nhiều mưa, ít có bão. Hằng năm đều có lũ từ sông Mê Kông đổ về cung cấp lượng lớn phù sa màu mỡ cho đất đai của các tỉnh; rửa mặn, thau chua và cung cấp lượng thủy sản rất lớn; lũ ở các tỉnh thường kéo dài từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm. Tuy nhiên, các tỉnh ở ĐBSCL đang đứng trước những thách thức lớn về điều kiện tự nhiên: hậu quả nặng nề của biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, xâm nhập mặn; thiếu hụt nước ngọt, hạn hán, sạt lở...

#### **2.1.1.2. Về kinh tế của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long**

Kinh tế của các tỉnh có đường biên giới với Campuchia, như tỉnh Đồng Tháp và tỉnh An Giang phát triển khá mạnh, chủ yếu là trồng trọt (trồng lúa nước) và nuôi trồng thủy sản, khai thác và phát triển kinh tế cửa khẩu.

Cơ cấu kinh tế của các tỉnh, nhất là trong những thập niên gần đây chuyển dịch mạnh theo hướng tích cực: tăng dần tỷ trọng kinh tế công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong toàn bộ kinh tế của các tỉnh; chuyển dịch mạnh lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong phát triển kinh tế... Ở một số tỉnh như An Giang đã xây dựng và phát triển các trang trại nông nghiệp lớn, như trồng lúa, nuôi trồng thủy sản chất lượng cao hợp tác với nước ngoài theo yêu cầu và tiêu chuẩn của đối tác.

Đánh giá sự phát triển kinh tế của các tỉnh, thành phố ở ĐBSCL, trong đó có các tỉnh, Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” nhấn mạnh:

Kinh tế tăng trưởng khá, với chất lượng được cải thiện, quy mô kinh tế được mở rộng... Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; nhiều dự án công nghiệp trọng điểm về năng lượng đi vào hoạt động... quản lý và khai thác tài nguyên, nhất là tài nguyên nước, bảo vệ môi trường được chú trọng, chủ động hơn trong thích ứng với biến đổi khí hậu [34].

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị cũng chỉ rõ những hạn chế chủ yếu về kinh tế của các tỉnh, thành phố ở ĐBSCL, trong đó, có các tỉnh vùng này:

Tăng trưởng kinh tế vùng đang chậm lại. Công nghiệp, nhất là công nghiệp công nghệ cao phát triển chậm; khu công nghiệp được thành lập so với số được quy hoạch thấp nhất cả nước. Tỷ trọng xuất khẩu có xu hướng giảm, chủ yếu là xuất khẩu các sản phẩm nông - thủy sản giá trị gia tăng thấp. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hạn chế, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực tăng năng suất và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng [34].

### ***2.1.1.3. Về chính trị của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long***

Từ rất sớm, nhân dân ở ĐBSCL nói chung, nhân dân ở các tỉnh vùng này nói riêng đã đoàn kết giúp đỡ nhau, cần cù, sáng tạo trong khai phá vùng đất màu mỡ, hoang hóa này, xây dựng cuộc sống của người dân và gia đình; đoàn kết chặt chẽ vượt qua khó khăn, gian khổ, không sợ hy sinh, kể cả hy sinh tính mạng trong đấu tranh chống áp bức, bóc lột và chống bọn xâm lược. Đặc biệt, từ khi Đảng ra đời, lãnh đạo cách mạng nước ta, nhân dân các tỉnh vùng này một lòng, một dạ đi theo Đảng làm cách mạng chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân các tỉnh vùng này đã tiễn đưa hàng vạn con em mình gia nhập lực lượng vũ trang chống quân thù, mỗi người dân ở các tỉnh là một chiến sĩ trong từng công việc cùng các chiến sĩ quân giải phóng cùng trong trận tuyến chống quân xâm lược. Hàng vạn con, em nhân dân và nhân dân ở các tỉnh vùng này đã hy sinh anh dũng vì độc lập dân tộc và cuộc sống của nhân dân; lập nên những chiến công lẫy lừng ở các địa phương; góp phần to lớn vào thắng lợi lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam; đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ở các tỉnh ĐBSCL tiếp tục vượt qua khó khăn, gian khổ, thất lưng, buộc bụng khắc phục hậu quả rất nặng nề của chiến tranh và bước vào thời kỳ đổi mới. Nhân dân các tỉnh vùng này tiếp tục khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo tìm tòi, thử nghiệm giải pháp đổi mới đem lại hiệu quả; nhiều nơi đã trở thành những điểm sáng trong thời kỳ đổi mới. Hiện tại, an ninh chính trị ở

các tỉnh được duy trì, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Hệ thống chính trị ở các tỉnh được xây dựng, phát triển hoạt động ngày càng hiệu quả hơn, quyết định sự phát triển mọi mặt của các tỉnh.

Vào năm 2025, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sáp nhập cấp tỉnh, cấp xã, các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH ở các tỉnh đã tích cực thực hiện nghiêm chủ trương này đạt kết quả quan trọng. Hệ thống chính quyền địa phương hai cấp được hình thành đi vào hoạt động đạt kết quả bước đầu, phát huy vai trò, tác dụng và tính ưu việt đối với sự phát triển của các tỉnh. Hệ thống chính trị ở các tỉnh có thay đổi khá lớn:

*Đối với các cấp ủy ở các tỉnh ĐBSCL:* Bộ Chính trị đã chỉ định tỉnh ủy, BTVTU; các tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo sáp nhập một số cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy...; các đảng bộ trực thuộc tỉnh ủy được sắp xếp tinh gọn, kết thúc hoạt động của đảng đoàn HĐND tỉnh và đảng đoàn ở các tổ chức CT-XH tỉnh, ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành lập đảng bộ HĐND và đảng bộ UBND và đảng bộ MTTQ Việt Nam tỉnh, các đảng bộ ở các tổ chức CT-XH tỉnh sáp nhập vào đảng bộ MTTQ Việt Nam tỉnh; các đảng bộ xã, phường mới, trực thuộc trực tiếp tỉnh ủy được thành lập và đi vào hoạt động. Hiện tại, ở các tỉnh ĐBSCL có 392 đảng bộ xã, phường, đặc khu, trong đó có 327 đảng bộ xã, 62 đảng bộ phường và 03 đảng bộ đặc khu [Phụ lục 4].

*Đối với chính quyền ở các tỉnh ĐBSCL:* các ban của HĐND, các cơ quan chuyên môn và một số sở của UBND tỉnh được sắp xếp tinh gọn hơn theo hướng dẫn của Trung ương, thành lập chính quyền xã, phường, đặc khu mới.

*Đối với MTTQ và các tổ chức CT-XH ở các tỉnh ĐBSCL:* các tổ chức CT-XH tỉnh như: Liên Đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh, Hội LHPN tỉnh được sáp nhập vào MTTQ tỉnh. Ngoài hoạt động trong MTTQ tỉnh, các tổ chức này còn hoạt động độc lập tương đối trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức với tư cách là thành viên của HTCT tỉnh. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH ở xã, phường, đặc khu cũng được tổ chức tương tự như MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh.

Hiện tại, ở một số địa phương, còn tiềm ẩn một số vấn đề phức tạp, như: nhân dân bức xúc về tình trạng một số cán bộ mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, suy thoái, tiêu cực nghiêm trọng, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi căn

bản. Ở một vài nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống vẫn đề đáng quan tâm là các thế lực thù địch tăng cường xuyên tạc vấn đề dân tộc, tôn giáo hòng phá hoại sự đoàn kết của nhân dân các dân tộc ở một số địa phương, phá hoại đường lối, chính sách đại đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Các cấp ủy, chính quyền địa phương đã ngăn chặn tình trạng này, song vẫn còn mầm mống gây mất ổn định chính trị ở một số địa phương. Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang nổi lên vấn đề cần tập trung giải quyết đạt hiệu quả là yêu cầu cao về chất lượng công việc, song trình độ, năng lực của nhiều cán bộ, công chức cấp xã còn hạn chế...

#### ***2.1.1.4. Về văn hóa - xã hội của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long***

Trên địa bàn các tỉnh ở ĐBSCL có bốn dân tộc sinh sống, gồm dân tộc Kinh, Khmer, Hoa và dân tộc Chăm. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm tuyệt đại đa số; tiếp đến là dân tộc Khmer (hơn 1 triệu người), Hoa, dân tộc Chăm có số dân ít nhất. Ở các tỉnh vùng này có 6 tôn giáo lớn, gồm: Phật giáo, đạo Tin lành, Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo (Công giáo). Ngoài ra, còn có một số tôn giáo khác như đạo Islam... Phần lớn tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia đạt hiệu quả vào các cuộc đấu tranh chống xâm lược trước đây và xây dựng quê hương, địa phương, đất nước hiện nay, do Đảng lãnh đạo.

Văn hóa - xã hội ở các tỉnh ĐBSCL trong những năm qua có nhiều tiến bộ đáng ghi nhận, phát triển rất đa dạng, phong phú, được thể hiện ở những đặc trưng đặc sắc của văn hóa cư dân ở các tỉnh, thành phố ĐBSCL nói chung, văn hóa của cư dân các tỉnh ở vùng này nói riêng. Trong đó, đặc trưng nổi trội, chủ đạo là văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước của dân tộc Kinh, văn hóa “vùng sông nước” được các dân tộc thiểu số tiếp thu sáng tạo phù hợp với đặc điểm, phương thức canh tác của từng dân tộc, nhất là văn hóa của người Khmer với những đặc trưng, đặc sắc riêng, không đối lập với văn hóa toàn vùng, tạo bức tranh đa màu sắc, sinh động của văn hóa ở các tỉnh ĐBSCL, phù hợp với đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam của Đảng ta.

Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân... ở các tỉnh được Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, các cấp ủy, chính quyền luôn coi trọng đầu tư cơ sở vật chất và nhân lực; chất lượng

ngày càng được nâng lên. Đặc biệt, công tác giảm nghèo bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường sinh thái có nhiều tiến bộ; hoạt động văn hóa rất sôi nổi, hiệu quả có những đổi mới quan trọng về nội dung, hình thức, đạt hiệu quả như: các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư”; “Xây dựng nông thôn mới tiêu biểu” và các hoạt động thực hiện các thiết chế văn hóa ở khu dân cư...

Tuy nhiên, văn hóa, xã hội ở các tỉnh vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 nêu trên của Bộ Chính trị, chỉ rõ: “Văn hóa - xã hội còn những bất cập, có nơi vẫn là “vùng trũng” về y tế, giáo dục của cả nước. Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch thấp; đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; giảm nghèo chưa bền vững. Công tác dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp” [34].

#### ***2.1.1.5. Về quốc phòng, an ninh của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long***

Các tỉnh ở ĐBSCL có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng ĐBSCL và của nước ta. Nhiều tỉnh có đường biên giới dài với Campuchia; phần lớn tỉnh có bờ biển dài ở Biển Đông và vịnh Thái Lan; có các đảo, quần đảo, như: Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc, Phú Quốc, Thổ Chu (Tổ Châu), Nam Du, Hải Tặc... là những vọng gác tiền tiêu, “những chiến hạm” không bao giờ chìm, là những vọng gác tiền tiêu xa bờ canh giữ vùng ĐBSCL và đất nước. Các đảo, quần đảo và thềm lục địa rộng lớn ôm trọn vùng ĐBSCL cùng với vùng đất liền của các tỉnh là tuyến đầu chống xâm lược, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng ĐBSCL, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của cả nước. Đặc biệt, hiện nay từ những diễn biến rất phức tạp ở Biển Đông và vịnh Thái Lan, xung đột biên giới giữa Thái Lan và Campuchia, hỗn loạn kinh tế, chính trị, xã hội ở Campuchia, các tỉnh ở ĐBSCL lại càng có vai trò đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng ĐBSCL và cả nước.

#### **2.1.2. Nhân dân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long - đặc điểm, vai trò**

##### ***2.1.2.1. Đặc điểm của nhân dân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long***

Một là, tổng số cư dân của các tỉnh ĐBSCL khá lớn, nhìn chung phân bố đồng đều; tuyệt đại đa số là người Kinh; ngoài ra còn có người dân tộc

thiểu số, như: người Khmer, Hoa và người Chăm; số lượng người Khmer lớn nhất, tiếp đến là người Hoa và người Chăm.

Tổng số dân sinh sống và làm việc ở năm tỉnh ĐBSCL là 15.543.400 người. Sự phân bố dân cư ở các tỉnh không có chênh lệch lớn. Đến nay, dân cư ở các tỉnh: Vĩnh Long: 3.367.400 người; Đồng Tháp: 3.397.200 người; Cà Mau: 2.140.600 người; An Giang: 3.679.200 người. Như vậy, dân số của các tỉnh ĐBSCL tương đối đồng đều, khoảng 3 triệu dân. Trong đó, tỉnh An Giang có dân số lớn nhất (3.679.200 người); tỉnh Cà Mau có dân số ít nhất (2.140.600 người) [Phụ lục 1].

Trong đó, người Kinh chiếm tuyệt đại đa số. Bên cạnh đó, còn có người dân tộc thiểu số như: người Khmer, Hoa và người Chăm. Tổng số người dân tộc thiểu số là trên 1,3 triệu người. Trong đó, người Khmer có số lượng lớn nhất (khoảng trên 1 triệu người) tiếp đến là người Hoa, người Chăm.

Nhân dân các dân tộc ở các tỉnh ĐBSCL (người Kinh, Khmer, Hoa và người Chăm) chung sống thuận hòa, đoàn kết, tương thân, tương ái, tích cực giúp đỡ nhau trong xây dựng cuộc sống, xây dựng quê hương, đất nước, phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương, nhất là khi người dân gặp hoạn nạn...

*Hai là*, từng dân tộc thiểu số sinh sống ở các tỉnh ĐBSCL có những đặc trưng riêng về phương thức sản xuất, tổ chức cộng đồng dân cư, văn hóa, nổi bật và đặc sắc là phương thức sản xuất, tổ chức cộng đồng dân cư, văn hóa, xã hội của người Khmer.

Các dân tộc thiểu số, như: dân tộc Hoa cư trú, sinh sống rải rác ở một số thành phố của các tỉnh ĐBSCL; dân tộc Chăm cư trú, sinh sống tập trung ở một số huyện của tỉnh An Giang, như huyện Phú Tân, thành phố Châu Đốc (cũ)... của tỉnh An Giang. Dân tộc Khmer cư trú và sinh sống tập trung ở tỉnh Vĩnh Long, An Giang, trong đó, họ cư trú, sinh sống tập trung nhiều nhất ở tỉnh Vĩnh Long (ở tỉnh Trà Vinh cũ).

Người Khmer ở các tỉnh ĐBSCL sinh sống chủ yếu ở đất “giồng”, đất ruộng dọc theo các con kênh, rạch nhỏ và một số con đường ở một số nơi của tỉnh Vĩnh Long, An Giang. Ngoài ra, ở tỉnh An Giang người Khmer còn cư trú và sinh sống dọc theo các chân núi ở vùng biên giới giữa tỉnh với Campuchia chạy dài từ thị xã Châu Đốc (cũ) đến tỉnh Kiên Giang (cũ).

Phương thức sản xuất chủ yếu của người Khmer là tự cung, tự cấp, nông nghiệp độc canh, trồng lúa nước; các ngành nghề sản xuất khác phát triển rất chậm, ở một số nơi, hầu như không có các ngành nghề sản xuất, ngoài trồng lúa nước. Nhìn chung, kinh tế của người Khmer phát triển chậm, đời sống của nhiều gia đình gặp khó khăn.

*Ba là*, phần lớn người Kinh theo đạo Phật, một số ít theo các đạo Thiên Chúa và một số đạo khác; người thuộc dân tộc thiểu số theo các đạo của họ; phần lớn tín đồ, chức sắc tôn giáo thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sống hòa đồng, đoàn kết các tôn giáo.

Phần lớn người dân ở các tỉnh ĐBSCL là tín đồ của các tôn giáo trong vùng này, gồm: đạo Phật (Nam Tông, Bắc Tông), Islam, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo. Nhiều người Kinh tuy theo đạo Phật, song chỉ trên danh nghĩa và hầu như không là tín đồ Phật giáo đúng nghĩa. Các tôn giáo ở các tỉnh vùng này hòa đồng, đoàn kết và hầu như không có mâu thuẫn lớn và xung đột giữa các tôn giáo. Các tín đồ tôn giáo coi trọng và thực hiện tốt phương châm “đồng hành cùng dân tộc”, “sống tốt đời, đẹp đạo”, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, cùng chung sức, chung lòng xây dựng địa phương, góp phần xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

*Bốn là*, nhân dân ở các tỉnh có những đức tính tốt đẹp của người dân “vùng sông nước”, kiên cường, bất khuất trong chống xâm lược, cần cù, sáng tạo trong lao động, trọng nghĩa tình, chân thật, thủy chung, quý trọng bạn bè... được hình thành, phát triển từ lâu đời, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Từ rất sớm, nhân dân ở các tỉnh đã quyết chí, cần cù, sáng tạo vượt qua khó khăn, gian khổ khai phá, cải tạo vùng ĐBSCL hoang hóa, rất màu mỡ để mưu sinh. Đồng thời, nhân dân không chịu bị áp bức, bóc lột, không chấp nhận bất công, căm thù bọn xâm lược, không chịu đội trời chung, kiên cường, bất khuất chống bọn xâm lược, bọn áp bức, bóc lột. Trong quan hệ, đối xử với bạn bè, đồng chí, nhân dân ở các tỉnh vùng này, coi trọng nghĩa tình, chân thật, thủy chung, quý trọng “hết mình vì bạn bè, chiến hữu”.

Một đức tính nổi trội của người dân vùng này là phần lớn người dân rất thích tham gia sinh hoạt cộng đồng, nhất là sinh hoạt văn hóa, văn nghệ bằng những hình thức rất đa dạng, phong phú; quý mến và tôn trọng sự bình đẳng về mọi mặt giữa các thành viên trong cộng đồng, nhất là bình đẳng nam nữ... Những đức tính tốt đẹp nêu trên được hình thành, phát triển từ lâu đời, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, củng cố, bổ sung, phát triển tạo nên những đức tính quý giá của người dân “vùng sông nước”.

Những đức tính ấy được phát triển mạnh mẽ và phát huy tác dụng to lớn trong chống xâm lược và xây dựng đất nước trong suốt quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng nước ta từ khi Đảng ra đời đến nay. Đặc biệt, những đức tính tốt đẹp ấy được phát triển mạnh mẽ, bổ sung những tố chất mới, nâng lên tầm cao mới; phát huy tác dụng to lớn trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai của chúng; giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và trong công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo hiện nay.

*Năm là*, trình độ văn hóa và nhận thức của đa số nhân dân ở các tỉnh ĐBSCL đã được nâng lên một bước khá lớn; song trình độ mọi mặt và nhận thức của nhiều người dân, nhất là người dân tộc thiểu số còn hạn chế, đặc biệt là người Khmer, dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng.

Trong thời kỳ đổi mới, giáo dục và đào tạo ở các tỉnh ĐBSCL có bước phát triển khá mạnh mẽ, cùng với khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão, nhất là trong những thập niên gần đây, với sản phẩm khoa học, công nghệ rất hiện đại được ứng dụng đạt hiệu quả vào công tác truyền thông đại chúng. Bên cạnh đó, đời sống của tuyệt đại đa số người dân vùng này được cải thiện và nâng lên rõ rệt; nhân dân, nhất là con em họ có điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao trình độ mọi mặt và trình độ nhận thức. Nhờ đó, trình độ mọi mặt và trình độ nhận thức, nhất là nhận thức chính trị của nhân dân được nâng lên một bước khá lớn, dân chủ trong các tổ chức của HTCT và trong xã hội được rộng mở và thực hiện tốt hơn. Người dân nhận thức rõ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của mình; sự bình đẳng giữa các công dân, các dân tộc và bình đẳng nam nữ... Điều này tác động mạnh mẽ đến chất lượng, hiệu quả phát triển mọi mặt của địa phương.

Tuy nhiên, ở một số nơi, nhất là ở những nơi còn khó khăn về phát triển KT-XH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, một bộ phận người dân chưa có điều kiện học tập, tiếp nhận thông tin nên trình độ mọi mặt, trình độ nhận thức của họ, nhất là nhận thức chính trị còn nhiều hạn chế, bất cập, ảnh hưởng đáng kể đến việc triển khai và kết quả thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH của cấp ủy, chính quyền địa phương. Điều đáng quan tâm hơn là một bộ phận người dân, nhất là một số người Khmer dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng có những hoạt động không đúng với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gây phức tạp nhất định ở địa phương.

Vấn đề dân tộc, văn hóa Khmer ở các tỉnh ĐBSCL đã, đang được các thế lực thù địch tăng cường tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt, nhất là khi tình hình chính trị ở Campuchia diễn biến phức tạp. Bọn chúng đẩy mạnh các hoạt động hòng phá hoại tình hữu nghị giữa nước ta với Campuchia, phá hoại sự đoàn kết giữa Việt Nam với Campuchia, phá hoại sự đoàn kết các dân tộc ở các địa phương... Chúng thường lợi dụng sự kém hiểu biết, nhận thức của một số người dân, nhất là người Campuchia lôi kéo, kích động họ có những việc làm không đúng đắn, vì mục đích đen tối của bọn chúng.

#### ***2.1.2.2. Vai trò của nhân dân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long***

*Một là*, nhân dân các tỉnh ĐBSCL là một bộ phận rất quan trọng của dân tộc Việt Nam, lực lượng khai khẩn, phát triển vùng ĐBSCL, chống xâm lược, viết nên những trang sử hào hùng dựng nước và giữ nước của dân tộc, góp phần vào thắng lợi to lớn của cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sự phát triển của nhân dân ở các tỉnh ĐBSCL gắn liền với quá trình chinh phục thiên nhiên, khai khẩn vùng đất rộng lớn, màu mỡ, sinh lầy, hoang hóa của các thế hệ cư dân vùng này, do phù sa của sông Mê Kông bồi đắp từ hàng nghìn năm nay. Sự phát triển ấy còn gắn liền với các cuộc chống bọn xâm lược nước ta từ phía Tây Nam của Tổ quốc; với công cuộc mở mang bờ cõi cải tạo, xây dựng vùng này trở thành vựa lúa, vựa thủy sản, cây trái lớn nhất cả nước nuôi sống trên nửa số dân cả nước, xuất khẩu tăng thu ngoại tệ cho các địa phương và đất nước.

Như vậy, nhân dân các tỉnh ở ĐBSCL là một bộ phận rất quan trọng của dân tộc Việt Nam, có vai trò rất quan trọng trong khai khẩn, xây dựng, phát triển vùng ĐBSCL, chống xâm lược, cùng dân tộc viết nên những trang sử hào hùng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Đặc biệt, từ khi Đảng ra đời lãnh đạo cách mạng nước ta, nhân dân các tỉnh vùng này góp phần rất quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược và thành tựu xây dựng đất nước.

*Hai là*, trong thời kỳ đổi mới, nhân dân các tỉnh ĐBSCL là lực lượng đặc biệt quan trọng, quyết định trên thực tế đường lối đổi mới của Đảng thành hiện thực; chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương được thực hiện thắng lợi trên địa bàn các tỉnh, góp phần vào thành tựu đổi mới của cả nước.

Để thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng nói chung, đường lối đổi mới nói riêng, đường lối, chủ trương ấy, phải được đưa về các địa phương trong cả nước, trong đó có các tỉnh ở ĐBSCL để vận động, tổ chức nhân dân thực hiện. Trong thời kỳ đổi mới, nhân dân các tỉnh ĐBSCL, một mặt, là lực lượng chủ yếu, to lớn, đặc biệt quan trọng thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, quyết định trên thực tế đường lối ấy thành hiện thực ở địa phương. Mặt khác, nhân dân các tỉnh, còn là lực lượng quyết định thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương góp phần vào sự phát triển, vững mạnh của các tỉnh và thành tựu đổi mới to lớn, có ý nghĩa lịch sử của cả nước.

*Ba là*, nhân dân các tỉnh ĐBSCL là chủ thể, lực lượng quyết định xây dựng, phát triển, lưu truyền văn hóa trong vùng, tạo nên bức tranh văn hóa đẹp, đa sắc màu, thể hiện phong phú, đa dạng “văn hóa miệt vườn”, làm sâu sắc thêm nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Văn hóa ở các tỉnh ĐBSCL đa dạng, phong phú với những đặc trưng đặc sắc, tiến bộ cùng sự phát triển của các tỉnh, do nhân dân là chủ thể, lực lượng chủ đạo, được Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng, quan tâm tạo thuận lợi để phát triển. Nhân dân các tỉnh vùng này đã tạo nên bức tranh đa dạng, đa sắc màu của văn hóa vùng ĐBSCL với những đặc trưng đặc sắc, tiến bộ, thể hiện sâu sắc, đa dạng của “văn hóa miệt vườn”, góp phần quan trọng làm phong phú đặc sắc nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

*Bốn là*, nhân dân ở các tỉnh ĐBSCL là lực lượng quan trọng xây dựng HTCT các cấp trong tỉnh vững mạnh, xây dựng, phát triển các tổ chức xã hội ở địa phương hoạt động đạt hiệu quả, tham gia thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hệ thống chính trị ở các tỉnh ĐBSCL do tỉnh ủy, BTVTU và cấp ủy, đảng ủy xã, phường, đặc khu ở các tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của Đảng. Các tổ chức này là lực lượng quyết định lãnh đạo, tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân trong tỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương. Thực hiện công việc này là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân.

Vấn đề trước tiên, quyết định đạt được điều nêu trên, là các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội tỉnh phải xác định được chủ trương, nghị quyết, nhiệm vụ, giải pháp đúng đắn, khả thi. Nghĩa là, các tổ chức này, đặc biệt là cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp ở từng tỉnh phải được xây dựng vững mạnh, hoạt động hiệu quả. Điều này không thể đạt được nếu không có sự tham gia nhiệt tình, hiệu quả của nhân dân các tỉnh. Như vậy, nhân dân ở các tỉnh ĐBSCL là lực lượng quan trọng xây dựng HTCT các tổ chức xã hội ở địa phương hoạt động đạt hiệu quả, tham gia thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Năm là*, nhân dân ở các tỉnh ĐBSCL là lực lượng đông đảo, hùng hậu ngăn chặn kịp thời bọn xâm lược từ đường biển, biên giới khi bọn chúng đặt bước chân đầu tiên xâm nhập ĐBSCL; tham gia bảo đảm an ninh, trật tự, góp phần quan trọng bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững an ninh quốc gia.

Nhân dân ở các tỉnh ven biển của ĐBSCL là lực lượng đông đảo, với sức mạnh to lớn trong xây dựng thế trận lòng dân, an ninh nhân dân, lực lượng dự bị động viên tại chỗ ngăn chặn bọn xâm lược vùng ĐBSCL từ đường biển. Nhân dân ở các tỉnh biên giới với Campuchia là nòng cốt, chủ lực trong xây dựng thế trận và lực lượng nêu trên trong ngăn chặn bọn xâm lược dám liều lĩnh xâm lược ngay từ khi chúng đặt bước chân đầu tiên xâm lược vùng này, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đặc biệt, nhân dân nơi đây, còn là nòng cốt ngăn chặn bọn phá hoại, loại trừ những vấn đề an ninh phi truyền thống từ

Campuchia vào nước ta; là nòng cốt trong ngoại giao nhân dân, tuyên truyền đối ngoại. Qua đó, vạch mặt bọn phá hoại, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam với nhân dân Campuchia, củng cố, phát triển an ninh, trật tự vùng biên, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, góp phần quyết định bảo đảm an ninh, trật tự ở địa phương và giữ vững an ninh quốc gia.

**2.1.3. Đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long; các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp và các đảng bộ trực thuộc**

#### **2.1.3.1. Các đảng bộ tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay**

##### *\* Khái quát về các đảng bộ tỉnh ở ĐBSCL*

Sau giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, các đảng bộ tỉnh được duy trì về hệ thống tổ chức ở các tỉnh trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược trong một vài năm. Sau đó, các tỉnh ở ĐBSCL được sáp nhập theo chủ trương của Đảng, Nhà nước ta (sáp nhập lần thứ nhất): tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng sáp nhập với thành phố Cần Thơ thành tỉnh Hậu Giang; tỉnh Cà Mau sáp nhập với tỉnh Bạc Liêu thành tỉnh Minh Hải...

Sau thời gian khá dài, các tỉnh ở ĐBSCL lại được chia tách, trở lại gần giống các tỉnh trước khi sáp nhập, gồm 12 tỉnh: An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Hậu Giang, Đồng Tháp và tỉnh Long An. Ở ĐBSCL còn có thành phố Cần Thơ là thành phố trực thuộc Trung ương. Tương ứng với các tỉnh, có 12 đảng bộ tỉnh. Các đảng ở các tỉnh đã lãnh đạo mọi mặt ở địa phương đạt kết quả rất quan trọng. Song, do yêu cầu sự phát triển mạnh mẽ của các tỉnh, các tỉnh ở ĐBSCL được sáp nhập vào năm 2025 (sáp nhập lần thứ hai).

Sau khi sáp nhập tỉnh, hiện tại ở ĐBSCL có 4 tỉnh. Tương ứng, ở 4 tỉnh có 4 đảng bộ tỉnh; có tổng số 392 đảng bộ xã, phường, đặc khu được thành lập ở 392 xã, phường, đặc khu; trong đó, có 327 đảng bộ xã; 62 đảng bộ phường và 3 đảng bộ đặc khu (ở tỉnh An Giang) với 486.113 đảng viên [Phụ lục 1, 5]. Các đảng bộ cấp tỉnh trực thuộc tỉnh ủy ở từng tỉnh, gồm: đảng bộ HĐND tỉnh; đảng bộ UBND tỉnh; đảng bộ các cơ quan tỉnh; đảng bộ quân sự tỉnh; đảng bộ công an tỉnh; đảng bộ bộ đội biên phòng tỉnh; đảng bộ MTTQ Việt Nam tỉnh.

Khi sáp nhập các tỉnh ở ĐBSCL, Bộ Chính trị đã chỉ định tỉnh ủy và BTVTU. Từ tháng 7/2025 các tỉnh ủy, BTVTU đã đi vào hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của tỉnh mới sau sáp nhập. Các đảng bộ trực thuộc tỉnh ủy và đảng bộ tỉnh đã tổ chức thành công đại hội nhiệm kỳ 2025-2030; đã ổn định tổ chức, bắt đầu hoạt động đạt hiệu quả bước đầu.

*\* Các đảng bộ trực thuộc tỉnh ủy ở ĐBSCL hiện nay*

Sau khi thực hiện chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước về sáp nhập tỉnh, thành phố, xã, phường, thị trấn, kết thúc hoạt động của cấp huyện, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sáp nhập các cơ quan cấp tỉnh, ngoài các đảng bộ ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trực thuộc tỉnh ủy, các đảng bộ xã, phường, đặc khu mới ở các tỉnh vùng ĐBSCL cũng trực thuộc tỉnh ủy. Đồng thời, các đảng bộ này là đảng bộ cấp trên cơ sở và cấp dưới trực tiếp của đảng bộ tỉnh. Đây là một cuộc cách mạng về tổ chức tạo thuận lợi lớn cho tỉnh ủy, tổ chức đảng, nhất là đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu ở các tỉnh vùng ĐBSCL hoạt động đạt hiệu quả lớn hơn.

Các đảng ủy xã, phường, đặc khu ở các tỉnh vùng ĐBSCL có tổ chức bộ máy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 298-QĐ/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư “về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu”. Đây là tổ chức đảng, đảng viên có vai trò rất quan trọng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động ở xã, phường, đặc khu, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU, trong đó có thực hiện BDG.

**2.1.3.2. Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long**

*\* Khái niệm tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long*

Theo Quy định của Điều lệ Đảng hiện hành: “Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy)” [78, tr.17].

Theo quy định trên, có thể hiểu: tỉnh ủy ở ĐBSCL là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội.

“Sách tra cứu các mục từ về tổ chức”, đưa ra cách hiểu cụ thể hơn, “Tỉnh ủy: Ban Chấp hành Đảng bộ cấp tỉnh trực thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Các tỉnh ủy do đại hội đại biểu đảng bộ cùng cấp bầu ra với nhiệm kỳ là năm năm” [127, tr.622]. Cách hiểu nêu trên của “Sách tra cứu các mục từ về tổ chức” rõ hơn, song trên thực tế, trong một số trường hợp tỉnh ủy ở một số tỉnh do Bộ Chính trị chỉ định. Trong năm 2025 thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sáp nhập cấp tỉnh, cấp xã... hình thành và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, ở các tỉnh mới do sáp nhập các tỉnh cũ, Bộ Chính trị đã chỉ định tỉnh ủy ở những tỉnh đó. Trước đây, ở một số tỉnh Bộ Chính trị đã thực hiện công việc này.

Từ những điều nêu trên đi đến khái niệm: *Tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh do Đại hội bầu ra, hoặc do Bộ Chính trị chỉ định, nhiệm kỳ của tỉnh ủy là năm năm.*

*\* Chức năng của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long*

Điều 19, Điều lệ Đảng quy định: “Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy)... Lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên” [78, tr.33]. Như vậy, tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh trong nhiệm kỳ đó và nghị quyết, chỉ thị của cấp trên (Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư). Nghĩa là chức năng của tỉnh ủy là lãnh đạo.

Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị “về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương”, chỉ rõ:

Cấp ủy cấp tỉnh có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc HTCT cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương [41].

Quy định số 305-QĐ/TW nêu trên, xác định chức năng của tỉnh ủy gồm: *lãnh đạo; đề xuất, kiến nghị*. Quy định này cũng chỉ rõ đối tượng lãnh đạo; phương pháp lãnh đạo của tỉnh ủy là lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện.

Từ phân tích trên cho thấy, tỉnh ủy ở ĐBSCL có những chức năng sau:

*Một là*, chức năng lãnh đạo.

Từ Quy định nêu trên, thấy rằng đối tượng lãnh đạo của tỉnh ủy, gồm: lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc HTCT tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; lãnh đạo đảng bộ tỉnh thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU. Bên cạnh đó, tỉnh ủy còn có chức năng kiểm tra, giám sát được bao hàm trong chức năng lãnh đạo của tỉnh ủy.

*Hai là*, chức năng đề xuất, kiến nghị.

Theo quy định của Đảng, tỉnh ủy ở ĐBSCL có chức năng đề xuất, kiến nghị. Cụ thể là: tỉnh ủy đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của các cơ quan này đối với tỉnh ở ĐBSCL.

*\* Nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long*

Theo Quy định số 305-QĐ/TW, có thể khái quát nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh ủy ở ĐBSCL, gồm: *Một là*, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh; chủ trương, nghị quyết của Đảng; quyết định chương trình làm việc, kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy... *Hai là*, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của tỉnh ủy và BTVTU... *Ba là*, lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về năm mặt; xây dựng HTCT tỉnh; các tổ chức đảng trực thuộc trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên của Đảng bộ tỉnh. *Bốn là*, lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ của HTCT tỉnh; lãnh đạo công tác bầu cử HĐND các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh. *Năm là*, chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp tại tỉnh, chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập đại hội đảng bộ, hội nghị giữa nhiệm kỳ của đảng bộ tỉnh (nếu có) theo sự chỉ đạo

của Trung ương. *Sáu là*, lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, công tác nội chính...; quyết định những vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của tỉnh ủy; thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện dân chủ ở cơ sở, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trên địa bàn tỉnh. *Bảy là*, lãnh đạo chính quyền tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và chính sách hậu phương quân đội... *Tám là*, xem xét, cho ý kiến về những công việc BTVTU đã giải quyết giữa hai kỳ họp tỉnh ủy, quyết định những vấn đề quan trọng khác do BTVTU trình; thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

### ***2.1.3.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long***

#### ***\* Chức năng của BTVTU ở ĐBSCL***

Ban thường vụ tỉnh ủy ở ĐBSCL là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ họp tỉnh ủy, do tỉnh ủy bầu ra trong cuộc họp đầu tiên của tỉnh ủy sau đại hội đảng bộ tỉnh. Ban thường vụ tỉnh ủy thường do tỉnh ủy bầu, song trong một số trường hợp đặc biệt, ở một số tỉnh, BTVTU do Bộ Chính trị chỉ định cùng với việc chỉ định tỉnh ủy.

Ban thường vụ tỉnh ủy ở ĐBSCL có chức năng tương tự chức năng của tỉnh ủy, gồm: *chức năng lãnh đạo* (chức năng kiểm tra, giám sát được bao hàm trong chức năng lãnh đạo); *chức năng kiến nghị, đề xuất*. Đối tượng lãnh đạo của BTVTU là đối tượng lãnh đạo của tỉnh ủy.

Chức năng của BTVTU có một số khía cạnh khác chức năng của tỉnh ủy, như: sự lãnh đạo của BTVTU thường xuyên và trực tiếp hơn (diễn ra trong thời gian giữa hai kỳ họp tỉnh ủy). Trong khi đó, sự lãnh đạo của tỉnh ủy diễn ra trong thời gian giữa hai kỳ đại hội đảng bộ tỉnh. Chức năng kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy chủ yếu do BTVTU thực hiện; ngoài việc kiến nghị, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của các cơ quan này, đối với tỉnh, BTVTU còn kiến nghị, đề xuất với tỉnh ủy những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với tỉnh.

*\* Nhiệm vụ, quyền hạn của BTVTU ở ĐBSCL*

Trên cơ sở Quy định số 305-QĐ/TW nêu trên, có thể khái quát nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu của BTVTU ở ĐBSCL, gồm: *Một là*, triệu tập hội nghị và chuẩn bị nội dung, chương trình, báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết... *Hai là*, lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát...; sơ kết, tổng kết; quyết định chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức... *Ba là*, lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ; lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng, công tác nội chính... *Bốn là*, lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật... *Năm là*, lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và tổ chức đại hội MTTQ các tổ chức CT- XH tỉnh...; *Sáu là*, tham gia ý kiến với Trung ương về chủ trương, chính sách, nghị quyết... của Đảng, nhất là những vấn đề liên quan đến tỉnh. *Bảy là*, quyết định những vấn đề quan trọng khác do cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị. *Tám là*, ủy quyền cho thường trực tỉnh ủy thực hiện một số công việc; kiểm tra, giám sát việc thực hiện; thực hiện những nhiệm vụ khác do cấp trên giao.

***2.1.3.4. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp và mối quan hệ công tác của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long***

*\* Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy ở ĐBSCL*

Trên cơ sở Quy định số 20-QĐ/TW ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy ở ĐBSCL, gồm: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo và dân vận, ban nội chính.

*\* Đơn vị sự nghiệp của tỉnh ủy ở ĐBSCL*

Theo Quy định số 20-QĐ/TW ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, các tỉnh ủy ở ĐBSCL có các đơn vị sự nghiệp, gồm: trường chính trị tỉnh; cơ quan báo chí và phát thanh, truyền hình của đảng bộ tỉnh.

*\* Mối quan hệ công tác của tỉnh ủy ở ĐBSCL*

Trên cơ sở những quy định về mối quan hệ công tác của tỉnh ủy, thành ủy trong Quy định số 305-QĐ/TW nêu trên của Bộ Chính trị, mối quan hệ công tác của tỉnh ủy ở ĐBSCL, gồm: *Một là*, với Ban Chấp hành Trung ương,

*Bộ Chính trị, Ban Bí thư:* Quy định số 305-QĐ/TW chỉ rõ: “Cấp ủy cấp tỉnh là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư” [41]. Đây là mối quan hệ giữa lãnh đạo và chấp hành. *Hai là, với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng:* Tỉnh ủy tiếp nhận sự hướng dẫn, chịu sự kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo quy định của Đảng. *Ba là, với các cấp ủy và các cơ quan, tổ chức khác trực thuộc Trung ương; với đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng:* tỉnh ủy phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các cấp ủy, tổ chức nêu trên trong thực hiện công tác cán bộ và những nhiệm vụ khác theo quy định của Đảng. Tỉnh ủy phối hợp với đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Đây là mối quan hệ phối hợp công tác. *Bốn là, với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp và các cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy:* các cơ quan, đơn vị này là đối tượng lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy. Đây là mối quan hệ giữa lãnh đạo và chấp hành.

## **2.2. BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

### **2.2.1. Bình đẳng giới - khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và vai trò**

#### **2.2.1.1. Khái niệm “Bình đẳng giới”**

Để đưa ra khái niệm “Bình đẳng giới”, cần làm rõ các khái niệm “Giới”; và khái niệm “Bình đẳng”.

##### *\* Khái niệm “Giới”*

Khái niệm “Giới” mới được sử dụng ở một số nước phát triển cách đây khoảng ba thập niên và được du nhập vào nước ta khoảng 20 năm nay. Khái niệm “Giới” được khởi nguồn từ khái niệm “Phụ nữ trong phát triển”. Khái niệm này được đề cập trong chính sách và chương trình KT-XH của một số nước đang phát triển từ những năm cuối của thập niên 70, đầu thập niên 80 năm của thế kỷ XX [121].

Khái niệm “Giới” được tiếp cận từ các góc độ khác nhau.

Song, rõ hơn, đầy đủ hơn là khái niệm từ góc độ xã hội học và khái niệm do Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng đưa ra.

Từ góc độ xã hội học, Giới là “khái niệm dùng để chỉ những đặc trưng xã hội của nam và nữ” [97, tr.7]. Theo Trần Thị Vân Anh và Lê Ngọc Hùng: “Khái niệm giới (gender) chỉ mối quan hệ xã hội và tương quan giữa địa vị xã hội của nam và nữ trong bối cảnh xã hội cụ thể” [3, tr.21]. Theo nghĩa chung nhất, Đại từ điển tiếng Việt cho rằng, “Giới: lớp người trong xã hội, có chung những đặc điểm nhất định” [144, tr.752].

Luận án đồng tình và sử dụng khái niệm “Giới” của Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng nêu trên.

Khái niệm “Giới” liên quan mật thiết với khái niệm “Giới tính”. “Giới tính” hay là “Giống” thường được hiểu là: “Giống hay còn gọi là giới tính chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ về mặt sinh học” [3, tr.21]. Ví dụ: phụ nữ đều có khả năng sinh con duy trì sự phát triển của con người...

*\* Khái niệm “Bình đẳng”, “Bình đẳng giới”*

“Bình đẳng: ngang nhau về nghĩa vụ và quyền lợi” [144, tr.169]. “Sách tra cứu các mục từ về tổ chức”, cho rằng, “Bình đẳng: quyền của mỗi quốc gia, dân tộc và mỗi con người được đối xử ngang nhau, không phân biệt giữa cộng đồng này, người này với cộng đồng khác, người khác về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., trong đó cơ bản nhất là bình đẳng trước pháp luật” [127, tr.63].

Theo Điều 4, Luật Bình đẳng giới (Luật số 73/2006/QH11, ngày 29/11/2006 của Quốc hội): “1. Giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội. 2. Giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ” [124]. Đồng thời, Luật cũng chỉ rõ: “Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó” [124].

Để đi đến khái niệm “Bình đẳng giới” cần nghiên cứu chỉ dẫn của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của phụ nữ đối với sự phát triển của xã hội,

quốc gia, dân tộc, nhất là đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; đồng thời chỉ rõ, phụ nữ vẫn bị áp bức, bóc lột nặng nề, bị miệt thị, không được hưởng nhiều quyền so với nam giới. Vì vậy, giải phóng phụ nữ, BDG là rất cấp thiết, một nhiệm vụ trọng yếu của Đảng Cộng sản trong lãnh đạo cách mạng vô sản.

C.Mác, Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Một sự bình đẳng thực sự giữa phụ nữ và nam giới chỉ có thể trở thành hiện thực khi đã thủ tiêu được chế độ bóc lột của tư bản đối với cả hai giới và khi công việc nội trợ riêng của gia đình đã trở thành một nền công nghiệp xã hội” [109, tr.341]. V.I.Lênin nhấn mạnh: bình đẳng giới là một nhiệm vụ trọng yếu của Đảng, phải được thể hiện trong cương lĩnh chính trị của Đảng: “Phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới về mọi mặt” [104, tr.283].

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, người phụ nữ trong chế độ thực dân đế quốc, phong kiến bị áp bức, bóc lột nặng nề, bị ngược đãi, bị tước các quyền tự do, dân chủ. Người viết: “dưới chế độ phong kiến và thực dân, phụ nữ bị áp bức tàn tệ. Ngoài xã hội thì phụ nữ bị xem khinh như nô lệ. Ở gia đình thì họ bị kìm hãm trong xiềng xích “tam tòng” [113, tr.523]. Song, Người khẳng định vai trò to lớn của phụ nữ đối với thắng lợi của cách mạng. Người viết: “Xem trong lịch sử cách mệnh chẳng có lần nào, là không có đàn bà con gái tham gia... nên muốn thế giới cách mệnh thành công, thì phải vận động đàn bà, con gái công nông các nước” [111, tr.313]. Đối với cách mạng nước ta, Người nhấn mạnh: “An Nam cách mạng cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công” [111, tr.315].

Quan điểm BDG dưới góc độ pháp lý - “Nam nữ bình quyền” - của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng ta được thể hiện trong Cương lĩnh năm 1930 của Đảng là một trong 10 nhiệm vụ trọng yếu của cách mạng nước ta. Nhiệm vụ này tiếp tục được khẳng định, phát triển trong các văn kiện Đảng, Hiến pháp và những văn bản pháp luật của Nhà nước ta, tiêu biểu là trong Luật Bình đẳng giới (Luật số 73/2006/QH11, ngày 29/11/2006 của Quốc hội).

Từ phân tích và những điều nêu trên, có thể đi đến khái niệm: *Bình đẳng giới là việc nam giới và nữ giới có vị trí, vai trò ngang nhau trong xã hội; được tạo điều kiện và cơ hội như nhau về điều kiện phát triển về năng lực, cơ hội đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, gia đình, đất nước và*

*dân tộc; được thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển của cộng đồng, đất nước.*

Bình đẳng giới đối lập với “bất bình đẳng giới”. Bất bình đẳng giới nghĩa là việc đối xử khác nhau giữa nam giới và nữ giới, dẫn đến cơ hội phát huy các tiềm năng và tiếp cận, hưởng thụ thành quả xã hội của họ khác nhau. Điều này có thể được hiểu một cách khác là: Bất BĐG là sự khác biệt về địa vị xã hội giữa nam và nữ. Sự khác biệt này chủ yếu do những quan niệm sai lầm, 편견 về giới, dẫn đến đối xử không công bằng giữa nam và nữ.

### ***2.2.1.2. Mục tiêu, nguyên tắc bình đẳng giới***

#### ***\* Mục tiêu bình đẳng giới***

Điều 4, Luật Bình đẳng giới xác định mục tiêu BĐG là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển KT-XH và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới BĐG thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

#### ***\* Các nguyên tắc bình đẳng giới***

Điều 6, Luật Bình đẳng giới, khẳng định các nguyên tắc BĐG, gồm:

*Một là, nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.*

Nguyên tắc này chỉ rõ, bình đẳng nam, nữ, có nghĩa là quyền và nghĩa vụ của nam và của nữ được quy định như nhau trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội và trong gia đình, được thể hiện trong pháp luật của Nhà nước. Sự bình đẳng nam nữ phải được thể hiện và ghi nhận trong thực tiễn, từng bước được củng cố, phát triển cùng với sự phát triển của xã hội, tạo cơ sở, nền tảng kinh tế, văn hóa, xã hội bảo đảm cho việc thực hiện bình đẳng hoàn toàn nam nữ, vợ chồng.

*Hai là, nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.*

Điều 5, Luật Bình đẳng giới chỉ rõ: “Phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình”. Trong một số điểm của các quy định khác của Nhà nước, có quy định nam nữ không bị phân biệt đối xử trong các lĩnh vực đời sống xã hội, như trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, lao động...

*Ba là*, biện pháp thúc đẩy BĐG không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

Điều 5, Luật Bình đẳng giới quy định rõ điều này. Biện pháp thúc đẩy BĐG nhằm bảo đảm BĐG thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy BĐG được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích BĐG đã đạt được.

*Bốn là*, chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

Nguyên tắc này xác định phụ nữ có đặc điểm sinh học, giới tính riêng, có thiên chức làm mẹ, duy trì sự phát triển nòi, giống và phải dành phần lớn thời gian thực hiện việc này, nên họ không có nhiều cơ hội và điều kiện tham gia công tác xã hội như nam giới. Vì vậy, chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

*Năm là*, bảo đảm lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng và thực thi pháp luật.

Điều 21, Luật Bình đẳng giới quy định việc lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, gồm: nội dung lồng ghép; cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật...; cơ quan thẩm định văn bản quy phạm pháp luật...

*Sáu là*, thực hiện BĐG là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân.

Nguyên tắc này quy định trách nhiệm của các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các lực lượng, gia đình và từng người dân trong thực hiện BĐG.

### **2.2.1.3. Nội dung, vai trò của bình đẳng giới**

#### **\* Nội dung bình đẳng giới**

Điều 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18 Luật Bình đẳng giới hiện hành, quy định nội dung BĐG trong các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội và gia đình, gồm: BĐG trong lĩnh vực chính trị; kinh tế; lao động; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; y tế; gia đình. Từ phạm vi nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh tập trung và nội

dung BĐG trong các lĩnh vực, như: chính trị; kinh tế; lao động; giáo dục và đào tạo; gia đình.

*Một là, nội dung BĐG trong lĩnh vực chính trị.*

Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức; trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức CT-XH tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

*Hai là, nội dung BĐG trong lĩnh vực kinh tế.*

Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

*Ba là, nội dung BĐG trong lĩnh vực lao động.*

Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác; về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

*Bốn là, nội dung BĐG trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.*

Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng; trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo; trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

*Năm là, nội dung BĐG trong lĩnh vực gia đình.*

Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình; có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình; với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình

phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật; con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển; các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

*\* Vai trò của bình đẳng giới*

*Một là*, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia; là một trong những tiêu chí chủ yếu, dựa vào đó để xem xét, đánh giá sự phát triển xã hội của một nước trên thế giới.

Bình đẳng giới, hay nam nữ bình đẳng, hay việc giải phóng phụ nữ ở một quốc gia có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia; được coi là một tiêu chí rất quan trọng cùng với các tiêu chí khác như: tiêu chí về kinh tế, giáo dục, giảm nghèo, chỉ số hạnh phúc của nhân dân... tạo thành bộ tiêu chí cơ bản để đánh giá chính xác, toàn diện sự phát triển của một quốc gia trên thế giới.

*Hai là*, là mục tiêu của sự phát triển của mỗi quốc gia, biện pháp đem lại hiệu quả về xóa bỏ sự phân biệt đối xử nam nữ, tạo thuận lợi cho phụ nữ phát triển tham gia vào các hoạt động của xã hội, nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển của địa phương, cơ quan, đơn vị và đất nước.

Bình đẳng giới là mục tiêu của sự phát triển của mỗi quốc gia, biện pháp đem lại hiệu quả về xóa bỏ sự phân biệt đối xử nam nữ, trọng nam, khinh nữ; tạo thuận lợi cho mọi người phát triển không phân biệt nam nữ. Đặc biệt, là tạo thuận lợi cho phụ nữ phát triển mọi mặt, tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và từng bước nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển mọi mặt của địa phương, cơ quan, đơn vị và đất nước.

*Ba là*, góp phần quan trọng làm giảm sự chênh lệch nam, nữ trong gia đình, xã hội, ngăn chặn, loại trừ bạo lực gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc thực sự là tế bào của chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

Bình đẳng giới bảo đảm cho nam nữ có cơ hội như nhau trong trực tiếp tham gia phát triển KT-XH, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ mọi mặt của phụ nữ; xây dựng, phát triển sự hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau về mọi mặt giữa nam và nữ; góp phần quan trọng làm giảm sự chênh lệch nam, nữ trong gia đình, xã hội. Qua đó, góp phần ngăn chặn, loại trừ bạo

lực gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc thực sự là tế bào của chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta, tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Bốn là*, góp phần quan trọng bảo đảm công bằng xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Bình đẳng giới, giải phóng phụ nữ là một nội dung - một nửa dân số, nguồn nhân lực to lớn, là một nội dung, mục tiêu rất quan trọng của công bằng xã hội ở nước ta. Qua đó phát huy mạnh mẽ vai trò, sức mạnh của phụ nữ đối với sự phát triển vững mạnh của đất nước.

### **2.2.2. Thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long - khái niệm, nội dung, phương pháp**

#### **2.2.2.1. Khái niệm**

Để đi đến khái niệm nêu trên, cần luận giải rõ khái niệm “Thực hiện”. Đại từ điển tiếng Việt cho rằng, “Thực hiện: làm cho trở thành cái có thật bằng hoạt động cụ thể” [144, tr.1615]. Khái niệm “Thực hiện” và khái niệm “Hiện thực hóa” là hai khái niệm đồng nhất, thường được dùng thay thế cho nhau trong những trường hợp cụ thể.

Trong đời sống xã hội, việc thực hiện một công việc, ý tưởng, chủ trương, nghị quyết, quyết định... phải do các chủ thể thực hiện, có lực lượng tham gia, các điều kiện, phương tiện bảo đảm việc công việc, ý tưởng, chủ trương, nghị quyết, quyết định ấy, được thực hiện thắng lợi. Luật Bình đẳng giới khẳng định: “thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân”. Nghĩa là thực hiện BĐG là trách nhiệm của các tổ chức trong HTCT các cấp, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, gia đình và mọi người dân.

Từ phân tích trên và từ khái niệm “Bình đẳng giới” có thể nêu khái niệm: *Thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp và nhân dân ở từng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, nghĩa vụ và quyền lợi của người dân, nòng cốt là các tổ chức hệ thống chính trị xã, phường, đặc khu, làm cho những nội dung của bình đẳng giới thành hiện thực trong các lĩnh vực đời*

*sống xã hội, như: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, gia đình... dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy.*

*Chủ thể thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL:* các tổ chức trong HTCT các cấp, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đều là chủ thể thực hiện BDG theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong các lĩnh vực, địa bàn hoạt động của mình dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy tỉnh; quản lý nhà nước về thực hiện BDG của chính quyền tỉnh.

*Lực lượng tham gia thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL:* các lực lượng khác trong xã hội và nhân dân ở các tỉnh, theo nghĩa vụ trách nhiệm, công dân là lượng rất quan trọng, đông đảo tham gia thực hiện BDG ở các tỉnh. Bên cạnh đó, các tổ chức trong HTCT ở từng tỉnh ngoài việc là chủ thể thực hiện BDG trong lĩnh vực, địa bàn hoạt động của mình, còn là lực lượng tham gia thực hiện BBG thuộc lĩnh vực, địa bàn hoạt động do tổ chức khác là chủ thể thực hiện BDG trong lĩnh vực, địa bàn hoạt động của họ.

Ngoài ra tham gia thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL còn có các tổ chức, lực lượng, doanh nhân, nhà hảo tâm ở ngoài tỉnh và một số nước, kể cả các tổ chức phi chính phủ (INGO) tham gia thực hiện BDG ở một số mặt thuộc chức năng của tổ chức của họ.

#### ***2.2.2.2. Nội dung thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long***

Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa; chăm sóc, bảo vệ người già, trẻ em, nhất là trẻ em gái” [66, tr.42]. Từ nhấn mạnh này của Đảng và khái niệm, nội dung BDG, khái niệm “thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL” nêu trên, có thể xác định nội dung thực hiện BDG ở các tỉnh vùng này, gồm:

*Một là, thực hiện BDG trong lĩnh vực chính trị.*

Các chủ thể thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL theo chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành các hoạt động xác định chủ trương, giải pháp thực hiện BDG trong các hoạt động cụ thể của tổ chức mình, gồm: tham gia quản lý nhà nước; hoạt động xã hội; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức mình; việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND; vào cơ quan lãnh

đạo của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội - nghề nghiệp; xem xét tiêu chuẩn về chuyên môn, độ tuổi (theo quy định của Đảng, Nhà nước) như nhau giữa nam và nữ khi đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

Các tổ chức, cá nhân là lực lượng tham gia thực hiện BĐG do chủ thể chủ trì, không chỉ tham gia vào thực hiện chủ trương, giải pháp thực hiện BĐG do chủ thể xác định, mà còn tham gia vào việc xác định chủ trương, giải pháp ấy, dưới sự chỉ đạo của chủ thể.

Chủ thể thực hiện BĐG triển khai thực hiện chủ trương, giải pháp thực hiện BĐG đã được xác định trong các tổ chức của mình, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của mình; trong nhân dân ở địa phương thuộc địa bàn, quy mô hoạt động của tổ chức mình thông qua các hình thức, phương pháp cụ thể và trên cơ sở những quy định của Luật Bình đẳng giới.

*Hai là, thực hiện BĐG trong lĩnh vực kinh tế.*

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BĐG, nhất là Luật Bình đẳng giới; về công bằng xã hội, các chủ thể thực hiện BĐG (nhất là các cơ quan chính quyền các cấp có thẩm quyền về thành lập doanh nghiệp ở địa phương) xây dựng, ban hành các chủ trương, quy định về thành lập doanh nghiệp, về hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp không phân biệt nam nữ; không phân biệt nam nữ trong tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

Các tổ chức, cá nhân là lực lượng tham gia thực hiện BĐG do chủ thể chủ trì, tham gia vào việc xây dựng và thực hiện những công việc nêu trên của chủ thể thực hiện BĐG. Đồng thời, các tổ chức này cùng với chủ thể thực hiện BĐG phối hợp triển khai thực hiện các chủ trương, quy định nêu trên trong cán bộ, công chức, nhân dân trong phạm vi hoạt động của mình.

*Ba là, thực hiện BĐG trong lĩnh vực lao động.*

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, các tổ chức là chủ thể thực hiện BĐG là các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ, nhân lực, có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng và sử dụng lao động, điều động nguồn nhân lực, cần trên cơ sở chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về: cán bộ, công chức, công tác cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Bộ Luật Lao động (Luật số 45-2019/QH14, ngày 10/11/2019, Bộ Luật Lao động); Luật Bình

đẳng giới... để cụ thể hóa và thực hiện bảo đảm bình đẳng nam, nữ về tiêu chuẩn; độ tuổi (theo quy định) khi tuyển dụng công chức, viên chức, người lao động; không phân biệt nam, nữ tại nơi làm việc, về việc làm; tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác; về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh. Các tổ chức là chủ thể thực hiện BDG, nhất là chính quyền các cấp, có chủ trương, giải pháp thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em gái; ngăn chặn đạt hiệu quả nạn bạo hành phụ nữ, bạo lực gia đình, ngăn chặn phụ nữ chữa các bệnh xã hội, tích cực phòng chống tệ nạn xã hội trong phụ nữ.

Các tổ chức, cá nhân là lực lượng tham gia thực hiện BDG do các cơ quan này làm chủ thể thực hiện BDG cùng chủ thể triển khai những công việc nêu trên trong cơ quan, đơn vị và nhân dân địa phương.

*Bốn là*, thực hiện BDG trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh, xã, phường, đặc khu ở ĐBSCL; các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; các trường thuộc hệ giáo dục quốc dân; các trường, giáo dục, đào tạo nghề, cao đẳng, đại học... trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình cần quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo và Luật Bình đẳng giới. Trên cơ sở đó, từng cơ quan, tổ tiên này tiến hành xác định chủ trương, giải pháp thực hiện BDG trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo phù hợp chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, địa bàn hoạt động và quyền hạn của mình để thực hiện. Trong đó, UBND tỉnh, xã, phường, đặc khu bảo đảm thực hiện tốt sự bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng của học sinh, sinh viên nam, nữ; bình đẳng trong việc chọn ngành nghề học tập, đào tạo. Các thuộc hệ giáo dục quốc dân; các trường, giáo dục, đào tạo nghề, cao đẳng, đại học bảo đảm thực hiện tốt sự bình đẳng nam, nữ học sinh, sinh viên trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Trong đó coi trọng thực hiện tốt việc nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới 36 tháng tuổi, được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

Các tổ chức, cá nhân là lực lượng tham gia thực hiện BDG do các cơ quan nêu trên làm chủ thể thực hiện BDG trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, cùng

chủ thể triển khai những công việc nêu trên trên trong cơ quan, đơn vị và nhân dân địa phương.

*Năm là*, thực hiện BĐG trong lĩnh vực gia đình.

Ủy ban nhân dân tỉnh, xã, phường, đặc khu, MTTQ, các tổ chức CT-XH là chủ thể trong thực hiện BĐG lĩnh vực gia đình, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng về hôn nhân và gia đình; chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề này, nhất là Luật Hôn nhân và gia đình (Luật số 52/2014/QH13, ngày 19/06/2014), Luật Hôn nhân và gia đình); Luật Bình đẳng giới... Trên cơ sở đó, từng cơ quan, tổ chức tiến hành xác định chủ trương, giải pháp thực hiện BĐG trong lĩnh vực gia đình phù hợp chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, địa bàn hoạt động và quyền hạn của mình để tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức ở cơ quan, đơn vị và nhân dân địa phương thực hiện. Trong đó, UBND tỉnh, xã, phường, đặc khu cần chú ý đến việc vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình; sự ngang nhau về quyền, nghĩa vụ trong sở hữu tài sản chung của vợ, chồng; sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ, chồng; quyết định các nguồn lực trong gia đình; bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình phù hợp và theo đúng pháp luật; con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển; các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình...

### ***2.2.2.3. Phương pháp thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long***

*Một là*, chủ thể thực hiện BĐG ở các tỉnh ĐBSCL xác định chủ trương, nghị quyết, quyết định... xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện BĐG ở cơ quan, đơn vị, nhân dân địa phương trong phạm vi, địa bàn hoạt động của mình.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ thể thực hiện BĐG ở các tỉnh ĐBSCL quán triệt chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, quyết định của cấp ủy, chính quyền tỉnh về BBDG, xây dựng, ban hành chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện BĐG của mình. Trong đó, tập trung vào những nội dung liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, địa bàn hoạt động của mình.

*Hai là*, chủ thể thực hiện BĐG tiến hành phổ biến, quán triệt trong cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị mình, đoàn viên, hội viên nhân dân địa phương về chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về BĐG, chủ trương, chương trình, kế hoạch của mình về thực hiện BĐG.

Các cơ quan, đơn vị tiến hành công việc nêu trên trong cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị để thực hiện; các tổ chức trong HTCT theo chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành công việc nêu trên trong đoàn viên, hội viên của mình và nhân dân trong phạm vi làm việc của mình.

*Ba là*, chủ thể thực hiện BĐG ở các tỉnh ĐBSCL triển khai tổ chức thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện BĐG đã xây dựng, ban hành trong cơ quan, đơn vị và nhân dân thuộc địa bàn hoạt động của mình.

Chủ thể thực hiện BĐG ở các tỉnh ĐBSCL triển khai tổ chức thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện BĐG đã xây dựng, ban hành, trước hết trong các bộ phận, cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị mình; phối hợp với các tổ chức, lực lượng tham gia thực hiện BĐG của mình trong thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch đã ban hành trong cơ quan, đơn vị và nhân dân thuộc địa bàn hoạt động của mình.

*Bốn là*, phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các tổ chức như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội LHPN trong cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện BĐG đã ban hành.

Chủ thể thực hiện BĐG ở các tỉnh ĐBSCL coi trọng phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các tổ chức nêu trên trong thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện BĐG của mình, đặc biệt là Hội LHPN trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

*Năm là*, sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng; đưa nội dung thực hiện BĐG vào nội dung các cuộc sinh hoạt, hoạt động văn hóa, văn nghệ...

Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng của địa phương; lồng ghép nội dung thực hiện BĐG và nội dung các cuộc sinh hoạt cơ quan, đơn vị, đoàn thể, hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt câu lạc bộ ở cơ quan, đơn vị, địa phương; hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về BĐG...

*Sáu là*, kết hợp các hoạt động thực hiện BĐG với việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ở địa phương, nhất là phát triển KT-XH, thực hiện công bằng xã hội.

Kết hợp chặt chẽ các hoạt động thực hiện BĐG của chủ thể thực hiện BĐG với việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ở địa phương, nhất là phát triển KT-XH, thực hiện công bằng xã hội.

*Bây là, tiến hành kiểm tra, giám sát về thực hiện BĐG; sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm.*

Chủ thể thực hiện BĐG ở các tỉnh ĐBSCL tiến hành kiểm tra, giám sát các bộ phận, cán bộ, công chức của mình về thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện BĐG đã ban hành, tiến hành sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm...

### **2.3. TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, VAI TRÒ**

#### **2.3.1. Khái niệm**

Tỉnh ủy ở ĐBSCL là tổ chức chính trị; là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh. Hoạt động của tỉnh ủy là hoạt động lãnh đạo, sự lãnh đạo của tỉnh ủy là lãnh đạo chính trị.

Theo “350 thuật ngữ xây dựng Đảng”:

Lãnh đạo chính trị: chức năng của tổ chức chính trị được ghi trong cương lĩnh, điều lệ của tổ chức đó, hoặc do hiến pháp, pháp luật của nhà nước mà tổ chức chính trị thành lập và hoạt động, đó là việc đề ra đường lối, các quyết định chính trị, tổ chức thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát để đường lối, quyết sách chính trị được thực hiện thắng lợi, từng bước thực hiện thắng lợi mục tiêu chính trị cao cả nhất của tổ chức chính trị đó [140, tr.305].

Trong tác phẩm nổi tiếng của mình - “Sửa đổi lối làm việc” - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luận giải sâu sắc đầy đủ về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng:

*Lãnh đạo đúng nghĩa là*

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.
2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.
3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được [112, tr.325].

Từ chỉ dẫn và luận giải nêu trên, thấy rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những nội hàm chủ yếu của khái niệm “sự lãnh đạo của Đảng”; Đảng lãnh đạo, Đảng phải làm những việc gì; đây chính là nội dung lãnh đạo. Thứ tự thực hiện ba điểm nêu trên chính là quy trình lãnh đạo của Đảng. Đây là một bộ phận rất quan trọng của cách lãnh đạo của Đảng (phương thức lãnh đạo của Đảng). Đặc biệt, trong ba điểm nêu trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều chỉ rõ, Đảng phải dựa chắc vào nhân dân, được nhân dân đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ thì hoạt động lãnh đạo của Đảng mới đạt hiệu quả.

Sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL cũng tương tự như sự lãnh đạo của Đảng: tỉnh ủy phải đề ra các quyết định; tổ chức thực hiện quyết định và tiến hành kiểm tra, giám sát. Đồng thời, tỉnh ủy cũng phải dựa chắc vào nhân dân địa phương, được nhân dân đồng tình, ủng hộ và tích cực tham gia thực hiện các quyết định của tỉnh ủy, thì quyết định ấy, mới được thực hiện thắng lợi.

Từ luận giải nêu trên và khái niệm “Thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh ĐBSCL” có thể nêu khái niệm: *Tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới là hoạt động của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về quán triệt chủ trương, quan điểm, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; xây dựng, ban hành quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về bình đẳng giới; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát để quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy được thực hiện thắng lợi.*

\* *Chủ thể lãnh đạo thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL: tỉnh ủy, BTVTU.*

\* *Lực lượng tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG: cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp ở các tỉnh; nòng cốt là các cấp ủy, chính quyền các cấp và các tổ chức, cán bộ hoạt động trong lĩnh vực dân số, kế hoạch hóa gia đình, công bằng xã hội; hội LHPN và nhân dân ở các tỉnh.*

Các tổ chức nêu trên vừa là lực lượng tham gia thực hiện BDG ở các tỉnh, vừa là đối tượng lãnh đạo của tỉnh ủy trong thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, nhân dân ở các tỉnh là lực lượng đông đảo tham gia vào sự lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy; các tổ chức, lực lượng hoạt động ở các tỉnh và ngoài tỉnh cũng là lực lượng tham gia vào sự lãnh đạo thực hiện BDG

của tỉnh ủy. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy là lực lượng rất quan trọng tham gia vào sự lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy.

*\* Đối tượng lãnh đạo thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL:* các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, nhân dân của tỉnh, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, lực lượng khác có liên quan. Trong đó, tỉnh ủy, BTVTU tập trung lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc, đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị liên quan trực tiếp đến thực hiện BDG, như: đảng ủy UBND tỉnh; đảng ủy MTTQ Việt Nam tỉnh; ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy; MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh; đảng ủy, chính quyền xã, phường, đặc khu...

Như vậy, các tổ chức, lực lượng nêu trên vừa là lực lượng tham gia vào sự lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy ở ĐBSCL, vừa là đối tượng lãnh đạo thực hiện ĐBG của tỉnh ủy.

*\* Mục đích lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy ở ĐBSCL*

Tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG nhằm hiện thực hóa chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

### **2.3.2. Nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới**

Có thể hiểu: *Nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG là những công việc tỉnh ủy, BTVTU phải làm để quan điểm, chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BDG được thực hiện thắng lợi trên địa bàn tỉnh.*

Như vậy, nội dung lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy ở ĐBSCL liên quan trực tiếp và chịu sự chi phối, quy định của quan điểm, chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BDG. Để xác định nội dung lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSCL đúng đắn, tỉnh ủy, BTVTU phải quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BDG, cụ thể hóa phù hợp với tình, xác định những công việc phải thực hiện tốt.

Có thể xác định nội dung lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSCL, gồm:

*Một là*, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt quan điểm, chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng, ban hành các quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Tỉnh ủy, BTVTU quán triệt đầy đủ, nhận thức sâu sắc chủ trương, quan điểm, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; chính sách, pháp luật của Nhà nước về BDG, nhất là Luật Bình đẳng giới; xuất phát từ tình hình, đặc điểm cụ thể của tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và các cơ quan, tổ chức liên quan trực tiếp đến thực hiện BDG tiến hành xây dựng, ban hành các quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh.

Nội dung của quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG cần quán triệt và thể hiện rõ nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BDG trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, gia đình với những nội dung đã được xác định nêu trên (mục nội dung thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL); nhiệm vụ, giải pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả những hành vi bất BDG trên địa bàn tỉnh, như: định kiến giới; các hành vi miệt thị phụ nữ, trọng nam, khinh nữ, vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Bảo vệ phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là các hành vi bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em nữ...

Ban thường vụ tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG trong cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp, cán bộ, đảng viên trong đảng bộ tỉnh bằng các hình thức, phương pháp thích hợp, đem lại hiệu quả. Ban thường vụ tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh trong các ủy, tổ chức đảng trực thuộc, tổ chức đảng xã, phường, đặc khu; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, thông qua chương trình hành động của cấp ủy, tổ chức đảng về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG.

Ban thường vụ tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BDG trong chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu; MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ

chức xã hội của tỉnh và nhân dân trong tỉnh để triển khai thực hiện. Trong đó, coi trọng tiến hành công việc này trong chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, xã, phường, đặc khu, cán bộ chủ chốt của HTCT tỉnh.

Lựa chọn và sử dụng hình thức, phương pháp tổ chức quán triệt quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG hợp lý, phù hợp với từng tổ chức, đối tượng đem lại hiệu quả.

*Hai là*, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ thảo luận và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch hành động thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG đã được xây dựng, thông qua trong quán triệt quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG.

Trên cơ sở nhiệm vụ chính trị của tổ chức đảng, cấp ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nội dung của quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG gắn với những nội dung liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ chính trị, lĩnh vực hoạt động của tổ chức đảng.

Cấp ủy phân công cấp ủy viên phụ trách thực hiện từng nội dung cụ thể trong chương trình, kế hoạch hành động thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG; phân công ủy viên BTVTU phụ trách thực hiện những nội dung lớn, trọng tâm trong chương trình, kế hoạch hành động thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG.

*Ba là*, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy, BTVTU coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh xây dựng, ban hành quyết định của HĐND tỉnh về cụ thể hóa quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG; quán triệt quyết của HĐND tỉnh. HĐND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án...

thực hiện quyết định của HĐND tỉnh về thực hiện BĐG để tổ chức thực hiện trong các tổ chức của HTCT và nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc UBND tỉnh thực hiện quyết định của HĐND tỉnh và chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện quyết định của HĐND tỉnh về thực hiện BĐG. Đồng thời, HĐND tỉnh tiến hành kiểm tra, giám sát UBND tỉnh về thực hiện quyết định của HĐND tỉnh và chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện quyết định của HĐND. Chú ý lựa chọn hình thức, phương pháp kiểm tra, giám sát phù hợp, đem lại hiệu quả; coi trọng công tác giám sát. Qua đó, phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến về thực hiện BĐG, để cổ vũ động viên kịp thời, nhân rộng điển hình tiên tiến; phát hiện những sai sót khuyết điểm của tập thể, cá nhân để chấn chỉnh; xử lý kịp thời, nghiêm minh những tập thể, cá nhân sai phạm đến mức phải xử lý để việc thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG đạt hiệu quả hơn.

Phát huy vai trò quản lý nhà nước về thực hiện BĐG của UBND tỉnh và UBND cấp xã, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả và xử lý nghiêm minh những hành vi bất BĐG.

*Bốn là*, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG; lãnh đạo sự phối hợp các tổ chức này với chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu trong thực hiện công việc này.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, địa bàn, phạm vi và đặc điểm hoạt động của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo từng tổ chức thực hiện, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG. Tỉnh ủy, BTVTU coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo phát huy ưu thế của từng tổ chức CT-XH trong thực hiện từng nội dung của BĐG đạt hiệu quả.

Ban thường vụ tỉnh ủy chủ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo sự phối hợp giữa MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội trong tỉnh trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG; lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế, quy định về sự phối hợp giữa các tổ chức này trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG; lãnh đạo sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về thực hiện quy

chế, quy định phối hợp và chỉnh sửa, bổ sung để quy chế, quy định hoàn chỉnh hơn.

Đồng thời, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo sự phối hợp giữa MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội với chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG; có quy định về sự phối hợp, định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về thực hiện quy định phối hợp.

*Năm là*, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đạt hiệu quả việc sơ kết, tổng kết thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG, đúc rút kinh nghiệm.

Tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc sơ kết, tổng kết việc thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG; đổi mới, nâng cao chất lượng công việc này; chỉ ra chính xác, đầy đủ ưu điểm, khuyết điểm; xác định đúng nguyên nhân và giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm. Đặc biệt, rút ra những kinh nghiệm bổ ích.

Ban thường vụ tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tiến hành công việc nêu trên. Cần duy trì thành nề nếp việc lãnh đạo, chỉ đạo việc định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG và đúc rút kinh nghiệm.

### **2.3.3. Phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới**

Có thể định nghĩa: *Phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG là tổng thể các hình thức, phương pháp, quy chế, quy định, quy trình, phong cách làm việc mà tỉnh ủy sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy, nhằm thực hiện thắng lợi nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện BDG, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BDG.*

Từ các văn kiện của Đảng và khái niệm nêu trên, có thể xác định phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG, gồm:

*Một là*, tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG bằng các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG đã được xây dựng và ban hành, tỉnh ủy, BTVTU, các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU tiến hành các hoạt động lãnh đạo của mình đối với thực hiện BĐG; thực hiện nội dung của quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG. Tỉnh ủy, BTVTU, các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU không được dùng ý kiến cá nhân, chủ quan của mình để lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT tỉnh và nhân dân địa phương về thực hiện BĐG. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc.

Đối với những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình tỉnh ủy, BTVTU thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo bàn bạc, thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số, không kết luận chủ quan, nóng vội. Đối với những vấn đề chưa được sự đồng thuận cao, cần tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, tổng kết thực tiễn để kết luận.

*Hai là*, tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG.

Đây là một phương thức lãnh đạo cụ thể trong phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với thực hiện BĐG, tác động trực tiếp vào tư tưởng, nhận thức của đối tượng lãnh đạo tạo nhận thức thống nhất, sâu sắc về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG. Trên cơ sở đó, tạo sự thống nhất về hành động thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG. Tỉnh ủy, BTVTU tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, tuyên truyền quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG trong cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; coi trọng chuẩn bị và tổ chức tốt các hội nghị quán triệt quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG; lựa chọn các hình thức, phương pháp phù hợp với từng đối tượng để phổ biến, quán triệt quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG.

Thành ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG trong MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội và nhân dân tỉnh; tuyên truyền, thuyết phục, vận động các

tổ chức này thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG. Coi trọng vận động, thuyết phục cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội thực hiện.

*Ba là*, tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG bằng công tác tổ chức, cán bộ của tỉnh ủy, BTVTU về xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của HTCT có chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện thắng lợi quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG.

Đây là phương thức lãnh đạo rất quan trọng của tỉnh ủy, BTVTU trong hoạt động lãnh đạo nói chung, lãnh đạo thực hiện BĐG nói riêng. Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định về công tác tổ chức, cán bộ của HTCT. Trước hết, là việc quán triệt, thực hiện các quyết định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong HTCT theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, khắc phục những khó khăn, bất cập, ổn định tổ chức bộ máy, cán bộ để hoạt động đạt hiệu quả.

Tỉnh ủy, BTVTU coi trọng xây dựng, ban hành các quyết định xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành của tỉnh, có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện đạt hiệu quả BĐG. Tỉnh ủy, BTVTU tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các khâu của công tác cán bộ; ngăn chặn, đẩy lùi những tiêu cực, suy thoái trong đội ngũ cán bộ.

*Bốn là*, tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG thông qua tổ chức đảng, đảng viên và bằng hành động gương mẫu của đảng viên của đảng bộ tỉnh trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BĐG.

Thành ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, nâng cao chất lượng các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là các tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong các tổ chức của HTCT, các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến việc thực hiện BĐG, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện thắng lợi quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BĐG.

Các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh là lực lượng nòng cốt, chủ lực thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BĐG; quyết định thực hiện thắng lợi quyết định, chỉ thị, kết luận này. Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo xây dựng các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh có chất lượng tốt; tạo thuận lợi cho các tổ chức đảng và đội ngũ

đảng viên hoạt động đạt hiệu quả. Thông qua các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, tỉnh ủy, BTVTU sẽ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG đạt hiệu quả.

*Năm là*, tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG bằng công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với cấp ủy, các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG.

Đây là một phương thức lãnh đạo rất quan trọng của tỉnh ủy đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong HTCT và các lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy, BTVTU, một mặt tiến hành kiểm tra, giám sát các tổ chức, đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG; mặt khác, coi trọng kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc và những đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG. Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU triển khai đạt hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng của chính quyền tỉnh tiến hành thanh tra các hoạt động thực hiện BDG; kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy với công tác thanh tra của chính quyền tỉnh và với hoạt động giám sát của MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp trong tỉnh về thực hiện BDG.

#### **2.3.4. Vai trò của sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới**

*Một là*, là yếu tố đặc biệt quan trọng bảo đảm cho chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BDG được thực hiện thắng lợi ở các tỉnh ĐBSCL; góp phần quan trọng vào sự lãnh đạo của Đảng và thành tựu thực hiện BDG trong cả nước.

Từ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh ủy ở ĐBSCL, tỉnh ủy lãnh đạo trực tiếp, toàn diện các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh; lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh; trong đó, có lãnh đạo thực hiện BDG.

Trong điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội; Đảng chịu trách nhiệm trước hết và cao nhất đối với sự phát triển, vững mạnh của đất nước, cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân; đối với vận mệnh của đất nước, dân tộc. Trong phạm vi một tỉnh ở ĐBSCL, điều này cũng đúng đối với đảng bộ tỉnh, đặc biệt là tỉnh ủy. Tỉnh ủy chịu trách nhiệm trước hết và cao nhất trước Đảng, Nhà nước và nhân dân trong tỉnh về sự phát triển, vững mạnh mọi mặt của tỉnh, cuộc sống vật chất và tinh của nhân dân trong tỉnh; đối với an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và cuộc sống bình yên của nhân dân tỉnh. Sự lãnh đạo của tỉnh ủy bảo đảm cho điều này được thực hiện thắng lợi.

Đối với việc lãnh đạo thực hiện BĐG, sự lãnh đạo của tỉnh ủy là yếu tố đặc biệt quan trọng bảo đảm cho việc thực hiện BĐG ở các tỉnh đúng đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp điều kiện cụ thể của từng tỉnh, đạt hiệu quả. Qua đó, góp phần quan trọng vào sự lãnh đạo của Đảng và thành tựu thực hiện BĐG trong cả nước trong thời kỳ đổi mới.

*Hai là*, là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện BĐG trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh ở ĐBSCL các nhiệm kỳ.

Đại hội đại biểu đảng bộ ở các tỉnh ĐBSCL các nhiệm kỳ đều thông qua nghị quyết của đại hội, trong đó có chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BĐG trên địa bàn tỉnh trong nhiệm kỳ đó. Tỉnh ủy tổ chức thực hiện chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đó, quyết định thực hiện thắng lợi chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BĐG do nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh xác định. Đặc biệt, gần đây các đảng bộ tỉnh ở ĐBSCL đã tổ chức thành công đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 ban hành nghị quyết đại hội, trong đó có chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện BĐG.

Tỉnh ủy ở các tỉnh ĐBSCL sẽ lãnh đạo cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp ấy, và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh. Chỉ tỉnh ủy mới có tư cách chính trị, pháp lý, đủ năng lực, uy tín lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi công việc này và là nhân

tổ quyết định thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện BDG trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh ở ĐBSCL nhiệm kỳ 2025-2030. Qua đó, góp phần vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy trong nhiệm kỳ.

*Ba là*, bảo đảm huy động mọi nguồn lực thực hiện đạt hiệu quả BDG; phát huy mạnh mẽ các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và nhân dân thực hiện BDG.

Tham gia thực hiện BDG ở các tỉnh ĐBSCL là trách nhiệm và nhiệm vụ rất quan trọng của các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội và nhân dân ở các tỉnh. Bên cạnh đó, tham gia vào công việc này còn có các tổ chức, lực lượng và cá nhân làm việc ở trong tỉnh và ngoài tỉnh. Để các tổ chức, lực lượng, nhân dân, các cá nhân tham gia vào công việc này trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả không thể thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy đối với việc tham gia của các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội và nhân dân ở các tỉnh; các tổ chức, lực lượng và cá nhân làm việc ở trong tỉnh và ngoài tỉnh vào thực hiện BDG bảo đảm huy động mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh để thực hiện đạt hiệu quả BDG. Đồng thời, sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy về công việc này sẽ cổ vũ, động viên mạnh mẽ các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và nhân dân thực hiện BDG. Qua đó, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc ở các tỉnh.

*Bốn là*, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện công bằng xã hội ở địa phương và trong cả nước.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định nhiệm vụ, giải pháp về quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, trong đó nhấn mạnh thực hiện BDG là một bộ phận rất quan trọng. Văn kiện, chỉ rõ: “Thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa; chăm sóc, bảo vệ người già và trẻ em, nhất là trẻ em gái” [66, tr.42].

Bình đẳng giới là một bộ phận rất quan trọng của công bằng xã hội. Thực hiện BDG là một bộ phận trọng yếu của thực hiện công bằng

xã hội ở các nước nói chung, ở nước ta nói riêng. Về thực chất, thực hiện BĐG là thực hiện công bằng xã hội đối với nam, nữ. Đây là thực hiện công bằng xã hội đối với hai lực lượng lớn nhất ở các tỉnh ĐBSCL (nam, nữ), lực lượng quyết định sự phát triển, vững mạnh về mọi mặt của các tỉnh ở vùng này, thể hiện trên tất cả các lĩnh vực, như: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, gia đình. Như vậy, tỉnh ủy ở các tỉnh ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG trên địa bàn tỉnh, đạt hiệu quả, sẽ góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện công bằng xã hội ở địa phương và trong cả nước.

## **Tiểu kết chương 2**

Bình đẳng giới là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển con người và phát triển bền vững của đất nước. Việc thực hiện BĐG không chỉ góp phần bảo đảm quyền con người, phát huy tiềm năng của cả nam và nữ, mà còn tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế, ổn định xã hội và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn mới. Trong quá trình đó, tỉnh ủy và BTVTU giữ vai trò đặc biệt quan trọng của đảng bộ tỉnh, trực tiếp lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đó có nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện BĐG trên địa bàn.

Thực tiễn cho thấy, lãnh đạo thực hiện BĐG của tỉnh ủy ở các tỉnh ĐBSCL có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các địa phương này còn nhiều khó khăn về điều kiện KT-XH, chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và những vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình phát triển. Việc tỉnh ủy lãnh đạo đúng đắn, đồng bộ và hiệu quả sẽ góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ, mở rộng cơ hội tham gia của phụ nữ trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, đồng thời tạo điều kiện phát huy đầy đủ nguồn lực con người phục vụ phát triển bền vững của địa phương và cả nước.

Để tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BĐG cần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về vấn đề này. Trong đó, cần xác định rõ nội dung và phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BĐG. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để đánh giá đúng thực trạng, rút ra kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BĐG trong thời gian tới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội.

**Chương 3**  
**TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO**  
**THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN**  
**VÀ KINH NGHIỆM**

**3.1. THỰC TRẠNG TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
**LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI**

**3.1.1. Ưu điểm**

**\* Về nội dung lãnh đạo**

*Một là, tỉnh ủy, BTVTU đã quan tâm lãnh đạo ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương về BĐG, quán triệt trong toàn HTCT, qua đó từng bước tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động trên địa bàn tỉnh.*

Trên cơ sở bám sát Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Kết luận số 55-KL/TW ngày 18/01/2013 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; chính sách, pháp luật của Nhà nước về BĐG, nhất là Luật Bình đẳng giới năm 2006..., các tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSCL đã chú trọng lãnh đạo việc cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về BĐG thành các văn bản lãnh đạo phù hợp với đặc điểm KT-XH, văn hóa, dân cư của từng tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU (20/11/2013) về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác bình đẳng giới; Kế hoạch số 52-KH/TU ngày 28/5/2018 về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau ban hành Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 06/5/2008 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp ban hành Chương trình hành động số 116-CTr/TU ngày 04/7/2007 thực hiện Nghị

quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 09/5/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. Tỉnh ủy Vĩnh Long đã ban hành Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 01/11/2007 về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Kế hoạch số 04-KH/TU ngày 11/7/2025 về thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị, trong đó quy định trong nhiệm kỳ 2025-2030 phấn đấu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ cấp ủy...

Nội dung các quyết định, chỉ thị, chương trình hành động, kế hoạch của tỉnh ủy, BTVTU không chỉ thể hiện rõ quan điểm, mục tiêu chung về thúc đẩy BĐG, mà còn xác định tương đối rõ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu, đối tượng ưu tiên và lộ trình thực hiện trong từng giai đoạn. Qua đó, tạo cơ sở chính trị quan trọng để các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH trong tỉnh triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ.

Nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU về BĐG ngày càng gắn với các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội, như: công tác cán bộ, lao động, việc làm, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, gia đình, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, cũng như việc bảo đảm quyền và cơ hội tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Điều này cho thấy các tỉnh ủy không tiếp cận BĐG một cách phiến diện hay hình thức, mà từng bước lồng ghép nội dung BĐG vào các chủ trương lớn về phát triển KT-XH, xây dựng HTCT và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, chú trọng ngăn chặn các hành vi bất BĐG như định kiến giới; các hành vi miệt thị phụ nữ, trọng nam, khinh nữ, vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Bảo vệ phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là các hành vi bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em nữ...

Bên cạnh đó, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSCL đã đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản này trong toàn HTCT và nhân dân. Thông qua các hội nghị quán triệt, sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, các lớp bồi dưỡng, tập huấn, cũng như lồng ghép trong chương trình công tác của chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-

XH, nội dung BDG từng bước được phổ biến sâu rộng, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Quá trình quán triệt và triển khai thực hiện các quyết định, chỉ thị về BDG được tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo theo hướng phát huy vai trò của các lực lượng tham gia trong HTCT. Các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp giữ vai trò nòng cốt trong việc cụ thể hóa chủ trương thành chương trình, kế hoạch hành động; các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực dân số, kế hoạch hóa gia đình, công bằng xã hội tham gia tham mưu, tổ chức thực hiện; Hội LHPN các cấp phát huy vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ; MTTQ và các tổ chức CT-XH phối hợp giám sát, phản biện xã hội; nhân dân tham gia thực hiện và thụ hưởng các chính sách về BDG. Sự tham gia tương đối đồng bộ của các chủ thể này đã góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU về BDG trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, việc tỉnh ủy, BTVTU trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác ban hành và quán triệt các văn bản về BDG còn góp phần củng cố vai trò, vị trí của công tác BDG trong chương trình, kế hoạch công tác chung của cấp ủy cấp tỉnh. Bình đẳng giới không bị xem là nhiệm vụ riêng của một ngành hay một tổ chức, mà từng bước được nhận thức là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội ở các tỉnh ĐBSCL.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 84,9% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSCL đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt quan điểm, chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng, ban hành các quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện [phụ lục 14].

*Hai là, tỉnh ủy, BTVTU đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức thực hiện các chủ trương về BDG trong toàn đảng bộ, góp phần nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong thực hiện chủ trương của Đảng về BDG.*

Trong thời gian qua, nhất là sau sáp nhập đơn vị hành chính, các tỉnh ở ĐBSCL với quy mô, đặc điểm và trình độ phát triển khác nhau đã đặt ra yêu cầu mới đối với vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU trong tổ chức thực hiện

các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG. Trong bối cảnh đó, một ưu điểm nổi bật về nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU là đã từng bước bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, đồng thời phát huy tính chủ động của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn đảng bộ tỉnh.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 83,9% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG [phụ lục 14]. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của tỉnh ủy, BTVTU, các cấp ủy, tổ chức đảng trong đảng bộ tỉnh ở ĐBSCL đã tổ chức thảo luận, xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của từng tổ chức đảng. Việc tổ chức thảo luận tập thể trong cấp ủy, tổ chức đảng đã góp phần làm rõ nội dung, mục tiêu, yêu cầu của từng quyết định, chỉ thị; đồng thời tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên đối với nhiệm vụ thực hiện BĐG.

Trên cơ sở đó, các cấp ủy đảng trực thuộc đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa chỉ đạo thực hiện; nhận thức và xác định đúng vai trò, khả năng đóng góp của cán bộ nữ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngành, địa phương, nhất là lãnh đạo và làm nòng cốt trong các phong trào hành động cách mạng, từ đó công tác cán bộ nữ đã có bước chuyển biến tích cực [29, tr.6].

Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy gắn việc triển khai thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG với nhiệm vụ chính trị cụ thể của từng tổ chức đảng. Thay vì triển khai dàn trải, hình thức, các nội dung về BĐG được lựa chọn, lồng ghép vào những lĩnh vực trực tiếp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua đó, nội dung BĐG từng bước được cụ thể hóa trong công tác cán bộ, quản lý nhà nước, phát triển KT-XH, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng gia đình, phòng, chống các hành vi vi phạm quyền BĐG, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo và tính thiết thực trong tổ chức thực hiện.

Cùng với đó, tỉnh ủy, BTVTU đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc phân công trách nhiệm cụ thể trong tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động về BĐG. Các cấp ủy đã phân công cấp ủy viên phụ trách từng nội

dung, nhiệm vụ cụ thể; các ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên các cấp dành thời gian nắm, chỉ đạo và đi cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các ngành, địa phương [135, tr.4]. Cách làm này không chỉ bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của tỉnh ủy, BTVTU đối với công tác BDG, mà còn góp phần nâng cao trách nhiệm cá nhân của từng cấp ủy viên, nhất là người đứng đầu, trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thông qua cơ chế phân công, phân nhiệm rõ ràng, việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG đã từng bước đi vào nề nếp, tránh tình trạng chồng chéo, buông lỏng hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng để tỉnh ủy, BTVTU theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp, bổ sung giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo đối với thực hiện BDG.

*Ba là, tỉnh ủy, BTVTU đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về BDG, góp phần bảo đảm các chủ trương, chính sách về BDG từng bước được triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh.*

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, công tác ban hành và triển khai thực hiện các biện pháp thúc đẩy BDG được tổ chức một cách đồng bộ, thiết thực và gắn kết chặt chẽ với các chiến lược phát triển KT-XH của các tỉnh ở ĐBSCL. Trên cơ sở đó, chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu đã ban hành nhiều kế hoạch, quyết định và chương trình hành động nhằm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 và các chính sách liên quan đến công tác BDG. Mục đích nhằm “tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và công tác BDG; lồng ghép vấn đề BDG trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển KT-XH của từng ngành, từng địa phương” [142, tr.1]. Qua đó tạo sự thống nhất cao trong triển khai công tác BDG từ tỉnh đến cơ sở.

Đặc biệt, lãnh đạo tỉnh đã trực tiếp đối thoại với cán bộ, hội viên, phụ nữ trên địa bàn. Tại An Giang, qua hai năm triển khai (2023-2024), chương trình đã thu hút sự quan tâm, tham gia tích cực của đông đảo hội viên, phụ nữ ở cơ sở với hơn 30 câu hỏi, ý kiến và kiến nghị đã được nêu ra [27, tr.3].

Thông qua hoạt động đối thoại, nhiều đề xuất, kiến nghị chính đáng đã được lãnh đạo tỉnh ghi nhận và chỉ đạo các ngành chức năng tiếp thu, giải quyết. Đây là kênh thông tin quan trọng giúp tăng cường sự tương tác hai chiều giữa chính quyền và người dân, góp phần phát huy dân chủ ở cơ sở và thực hiện hiệu quả mục tiêu BĐG, đảm bảo sự tham gia thực chất và có tiếng nói của phụ nữ trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 83,2% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG trên địa bàn tỉnh [phụ lục 14]. Trên cơ sở định hướng lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU, HĐND tỉnh đã phát huy vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương trong việc xây dựng, ban hành các nghị quyết nhằm cụ thể hóa các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG. Các nghị quyết của HĐND tỉnh không chỉ bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, mà còn bám sát đặc điểm KT-XH, dân cư và văn hóa của các tỉnh ở ĐBSCL, góp phần đưa nội dung BĐG vào khuôn khổ pháp lý và chính sách cụ thể ở địa phương.

Đồng thời, HĐND tỉnh đã chú trọng quán triệt, phổ biến nội dung các quyết định về BĐG đến các đại biểu HĐND, các cơ quan chuyên môn và chính quyền các cấp. Qua đó, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể trong việc tổ chức thực hiện, bảo đảm sự thống nhất giữa ý chí chính trị của tỉnh ủy, BTVTU với hoạt động của cơ quan dân cử và chính quyền địa phương.

Dưới sự chỉ đạo của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể nhằm triển khai các quyết định của HĐND tỉnh về thực hiện BĐG. Các chương trình, kế hoạch, đề án này được xây dựng theo hướng lồng ghép nội dung BĐG vào các lĩnh vực quản lý nhà nước chủ yếu như phát triển KT-XH, lao động, việc làm, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội, xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Nhờ đó, việc thực hiện BĐG không tách rời nhiệm vụ phát triển chung của địa phương mà trở thành một nội dung quan trọng trong quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

Diễn hình như: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 533-KH/UBND ngày 23/8/2018 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai công tác phụ nữ trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 về việc ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/2/2022 thực hiện Chương trình tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 14/4/2021 triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 13/5/2025 triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 12/8/2023 thực hiện Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030” (Đề án 01) trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 03/3/2026 về thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2026... Những văn bản này cho thấy các tỉnh đều triển khai tương đối kịp thời, nhưng Đồng Tháp và An Giang có xu hướng gắn nội dung BĐG với phát triển kinh tế và tạo việc làm, trong khi Cà Mau và Vĩnh Long chú trọng hơn đến công tác hỗ trợ phụ nữ, phát triển sinh kế và an sinh xã hội.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu đã từng bước nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, các tổ chức CT-XH và cộng đồng dân cư. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các tỉnh ở ĐBSCL - nơi có địa bàn rộng, dân cư phân tán, trình độ phát triển không đồng đều giữa các khu vực đô thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Thông qua sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, BTVTU, vai trò quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện BĐG từng bước được phát huy, góp phần bảo đảm các chính sách, chương trình về BĐG được triển khai đến cơ sở.

Bên cạnh đó, tỉnh ủy, BTVTU đã coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐND tỉnh và các chương trình, kế hoạch, đề án do UBND tỉnh xây dựng

về BDG. Hoạt động kiểm tra, giám sát được tiến hành với nội dung, hình thức và phương pháp ngày càng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; chú trọng giám sát việc thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh và các cơ quan trực thuộc trong tổ chức thực hiện các quyết định, chính sách về BDG.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, HĐND tỉnh đã kịp thời phát hiện những nhân tố mới, những mô hình, cách làm hiệu quả trong thực hiện BDG để biểu dương, động viên và nhân rộng trong phạm vi toàn tỉnh. Đồng thời, những hạn chế, thiếu sót của các tập thể, cá nhân trong quá trình tổ chức thực hiện cũng được chỉ ra, kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục; đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng, các cơ quan có thẩm quyền đã xem xét, xử lý theo quy định. Điều này góp phần nâng cao tính nghiêm minh của pháp luật, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước về BDG.

Đồng thời, vai trò quản lý nhà nước của UBND tỉnh và UBND cấp xã trong thực hiện BDG được phát huy tương đối rõ nét, góp phần bảo đảm các chủ trương, chính sách về BDG được triển khai đồng bộ, thống nhất trong thực tiễn. Công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm về BDG ngày càng được thực hiện kịp thời, nghiêm minh, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực này. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý với các tổ chức liên quan từng bước được tăng cường, góp phần hạn chế tình trạng bất BDG trong đời sống xã hội. Nhờ đó, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về BDG của cán bộ và nhân dân có chuyển biến tích cực.

Thực tế thời gian qua cho thấy, nhiều phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa vươn lên làm kinh tế giỏi, làm chủ doanh nghiệp [29, tr.6]. Cấp ủy đảng các cấp quan tâm công tác dạy nghề, giới thiệu việc làm cho phụ nữ. Điển hình như ở tỉnh An Giang, từ năm 2020-2025, đã tổ chức 298 lớp dạy nghề với 7.340 học viên tham gia; phối hợp các đơn vị liên quan, doanh nghiệp, cơ sở có nhu cầu sử dụng lao động tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho lao động nữ làm việc tại Nhật Bản, Hàn Quốc... sau học nghề có 5.787/7.340 học viên có việc làm ổn định (tỷ lệ 78,8%) [25, tr.7].

Năm 2024, ngân sách tỉnh Cà Mau cấp kinh phí thực hiện hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ và công tác BDG là 387 triệu đồng [44]. Quan tâm phát huy hoạt động của Hội Nữ doanh nhân, Câu lạc bộ Doanh nghiệp nữ cấp tỉnh trong

dẫn dắt, hỗ trợ phụ nữ phát triển sinh kế, khởi nghiệp. Do đó, ngày càng có nhiều nữ doanh nhân, nữ chủ doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh thành đạt, góp phần quan trọng phát triển số lượng doanh nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu có giá trị cao, phát huy tốt trách nhiệm doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với xã hội [89, tr.2]. Cà Mau đã mở gần 10.000 lớp tập huấn, dạy nghề cho hơn 352.000 phụ nữ; nâng cao năng lực cho 3.576 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh; tư vấn giới thiệu việc làm trong và ngoài tỉnh cho hơn 20.950 lao động; hỗ trợ phụ nữ tiếp cận tài chính qua Ngân hàng CSXH tổng dư nợ trên 2.577 tỷ đồng, giúp trên 70.200 hộ có phụ nữ phát triển đời sống [89, tr.9].

Tính đến tháng 12/2025, tỉnh Vĩnh Long đã có gần 1.650 mô hình kinh tế tập thể, trong đó gần 100 hợp tác xã do phụ nữ làm chủ [95], huy động hàng chục tỷ đồng hỗ trợ phụ nữ khởi sự kinh doanh đã góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, khẳng định vai trò chủ thể sáng tạo trong phát triển kinh tế xanh, kinh tế số và khởi nghiệp bền vững.

Những kết quả này cho thấy, tuy cách thức triển khai khác nhau, nhưng các tỉnh ủy đều phát huy vai trò quản lý nhà nước của UBND tỉnh và UBND cấp xã trong tạo điều kiện để phụ nữ tham gia phát triển kinh tế và nâng cao vị thế xã hội. Hoạt động quản lý không chỉ dừng lại ở việc ban hành và tổ chức thực hiện mà còn chú trọng đến hiệu quả thực thi, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cơ quan, tổ chức và người dân, từng bước xây dựng môi trường xã hội công bằng, tiến bộ và phát triển bền vững.

*Bốn là, tỉnh ủy, BTVTU đã lãnh đạo phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân trong thực hiện BDG, đồng thời chú trọng phối hợp với chính quyền các cấp, bảo đảm các chủ trương về BDG được triển khai thống nhất, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.*

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, địa bàn, phạm vi và đặc điểm hoạt động của từng tổ chức, tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU đã lãnh đạo, chỉ đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH và các tổ chức xã hội cụ thể hóa các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG thành các chương trình, kế hoạch và nội dung hoạt động phù hợp. Việc lãnh đạo theo hướng “phân vai rõ, đúng chức năng” đã giúp các tổ chức phát huy được tính chủ động, sáng tạo, đồng thời bảo đảm sự thống nhất về mục tiêu và định hướng chung trong toàn tỉnh.

Đối với MTTQ, tỉnh ủy, BTVTU đã lãnh đạo phát huy vai trò nòng cốt trong việc tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện BDG, gắn nội dung BDG với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Thông qua hệ thống Mặt trận từ tỉnh đến cơ sở, các chủ trương, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về BDG được chuyển tải đến cộng đồng dân cư một cách linh hoạt, phù hợp với phong tục, tập quán và trình độ nhận thức của nhân dân các tỉnh ở ĐBSCL.

Đối với các tổ chức CT-XH, tỉnh ủy, BTVTU đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo phát huy ưu thế của từng tổ chức trong thực hiện các nội dung cụ thể của BDG. Các tổ chức như Hội LHPN, Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Hội Nông dân... đã lồng ghép nội dung BDG vào hoạt động tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ hội viên, đoàn viên; chú trọng nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ, thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội; đồng thời vận động nam giới, thanh niên thay đổi nhận thức, hành vi, góp phần xây dựng các mối quan hệ bình đẳng trong gia đình và cộng đồng. Thông qua hoạt động của các tổ chức CT-XH, nội dung BDG được truyền tải bằng nhiều hình thức gần gũi, dễ tiếp cận, góp phần từng bước thay đổi nhận thức và hành vi của người dân.

Dưới sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSCL, các cơ quan, đơn vị tham mưu như Hội LHPN, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các tỉnh... đã tăng cường các hoạt động hỗ trợ thiết thực như hỗ trợ phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, cũng như phát triển các mô hình phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, nâng cao vị thế của phụ nữ trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, quản lý nhà nước, giáo dục và chuyển đổi số.

Thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” (Đề án 939), Hội LHPN tỉnh An Giang đã triển khai thực hiện các hoạt động cụ thể như: Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện Đề án; các cuộc thi khởi nghiệp; Ngày hội “Phụ nữ An Giang khởi nghiệp”; Tọa đàm với chủ đề “Phụ nữ khởi nghiệp và chuyển đổi xanh”; thành lập Hợp tác xã sản xuất và chế biến đường Thốt Nốt an toàn với 22 thành viên tham gia (trong đó 12 phụ nữ dân tộc Khmer và 03 phụ nữ tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) với vốn điều lệ 132 triệu đồng [25, tr.3]. Thành lập mới 11 “Tổ tư vấn pháp luật

cộng đồng” với 150 thành viên góp phần thực hiện công tác phổ biến, hướng dẫn, tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ và người dân [25, tr.2]. Điều này cho thấy, Tỉnh ủy An Giang không chỉ chú trọng lãnh đạo hỗ trợ sinh kế mà còn quan tâm tương đối rõ đến nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật và bảo vệ quyền của phụ nữ.

Trong khi đó, ở Vĩnh Long, dấu ấn nổi bật là việc triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”, giai đoạn 2021-2025. Theo đó, có 6/9 chỉ tiêu hoàn thành vượt mức, trong đó các tổ truyền thông cộng đồng đã tổ chức truyền thông các nội dung như: Xóa bỏ định kiến, khuôn mẫu giới, BĐG, phòng chống bạo lực gia đình trên cơ sở giới. Đồng thời, 24 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng cũng đã được thành lập và củng cố tại các xã [110]. Ngoài ra, các cấp hội trực thuộc Hội LHPN tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức 18 lớp tập huấn nâng cao năng lực thực hiện lồng ghép giới, thu hút 842 người tham gia, đa phần là nam giới [110].

Chi tính riêng tháng 9/2025, Hội LHPN tỉnh Cà Mau đã tổ chức 8 lớp tập huấn kỹ năng tuyên truyền phòng, chống bạo lực gia đình và BĐG tại các xã [118]...

Bên cạnh việc lãnh đạo từng tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, tỉnh ủy, BTVTU đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo sự phối hợp giữa MTTQ, các tổ chức CT-XH và các tổ chức xã hội trong thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế, quy định phối hợp giữa các tổ chức được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo cơ sở pháp lý và cơ chế phối hợp tương đối rõ ràng trong quá trình triển khai. Thông qua sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, các quy chế, quy định phối hợp từng bước được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện, phù hợp hơn với thực tiễn từng giai đoạn.

Đặc biệt, BTVTU đã lãnh đạo, chỉ đạo sự phối hợp chặt chẽ giữa MTTQ, các tổ chức CT-XH, các tổ chức xã hội với chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu trong thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG. Thông qua các quy định về phối hợp, cơ chế trao đổi thông tin, phối hợp tổ chức hoạt động, các chủ thể từng bước hình thành mối quan hệ phối hợp tương đối đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

Ngoài ra, các tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền địa phương phối hợp với cơ quan liên ngành như: Sở Tư pháp, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ), Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ triển khai đồng bộ các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục - đào tạo, y tế... để tạo chuyển biến tích cực về vị thế của phụ nữ và tiếp cận bình đẳng cơ hội việc làm.

Hội LHPN các cấp tỉnh Vĩnh Long chủ động tham mưu với cấp ủy, phối hợp với chính quyền và các tổ chức CT-XH thực hiện hiệu quả nhiệm vụ “Tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động xã hội thực hiện BĐG” [29, tr.4].

Hàng năm, Hội LHPN tỉnh An Giang phối hợp Sở Tư pháp tổ chức 24 điểm truyền thông nâng cao nhận thức về pháp luật cho hội viên, phụ nữ [23, tr.1]. Hội LHPN tỉnh An Giang phối hợp Sở Tư pháp tổ chức Cuộc thi “Kỹ năng tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật và tham gia giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan đến phụ nữ” năm 2025 theo hình thức trực tuyến thu hút 4.040 lượt dự thi. Kết quả, Ban tổ chức đã trao 35 giải cá nhân và 01 giải tập thể cho đơn vị có số lượng thí sinh tham gia dự thi nhiều và hiệu quả nhất [26, tr.2]...

Nhằm khuyến khích, động viên tinh thần học tập của học sinh nữ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tạo điều kiện các em bước vào năm học mới tiếp tục phấn đấu học giỏi để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; trong 5 năm qua, thực hiện Chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương” do Trung ương Hội LHPN Việt Nam phát động, phối hợp với Hội LHPN các tỉnh được Trung ương Hội giao hỗ trợ thực hiện Chương trình tại địa bàn tỉnh An Giang và vận động các nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia hưởng ứng ủng hộ Chương trình. Kết quả, đã trao 330 suất học bổng cho trẻ mồ côi và học sinh có hoàn cảnh khó khăn [23, tr.8].

Việc định kỳ sơ kết, tổng kết hoạt động phối hợp giữa các tổ chức và chính quyền đã giúp kịp thời đánh giá kết quả, chỉ ra những mặt làm được, những hạn chế, bất cập; đồng thời đúc rút kinh nghiệm, điều chỉnh phương thức phối hợp cho phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn của từng địa phương trong tỉnh. Qua đó, vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, các tổ chức xã hội và nhân dân trong thực hiện BĐG ngày càng được khẳng định, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với công tác này.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 82,4% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG; lãnh đạo sự phối hợp các tổ chức này với chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu trong thực hiện công việc này [phụ lục 14].

*Năm là, tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo thực hiện sơ kết, tổng kết các chủ trương về BDG, qua đó góp phần đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm và bổ sung giải pháp phù hợp với thực tiễn địa phương.*

Trong quá trình tổ chức sơ kết, tổng kết, các tỉnh ủy đã chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng công tác đánh giá. Việc đánh giá không dừng lại ở việc tổng hợp số liệu, báo cáo thành tích, mà chú trọng phân tích sâu những vấn đề thực tiễn đặt ra; chỉ ra chính xác, đầy đủ các ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện; xác định đúng nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế; từ đó đề xuất giải pháp cụ thể nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm. Điều này góp phần nâng cao tính thực chất, khách quan và khoa học của công tác sơ kết, tổng kết. Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 83,4% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đạt hiệu quả việc sơ kết, tổng kết thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG, đúc rút kinh nghiệm [phụ lục 14].

Đặc biệt, thông qua sơ kết, tổng kết, tỉnh ủy đã chú trọng rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị đối với công tác lãnh đạo thực hiện BDG trong điều kiện đặc thù của các tỉnh ở ĐBSCL. Những kinh nghiệm về việc lồng ghép nội dung BDG vào các chương trình phát triển KT-XH; về phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH; về tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; về xử lý các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn... được đúc rút và phổ biến trong toàn đảng bộ tỉnh, tạo cơ sở để nâng cao hiệu quả lãnh đạo trong giai đoạn tiếp theo.

Ban thường vụ tỉnh ủy không chỉ trực tiếp lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết ở cấp tỉnh, mà còn lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc công việc này. Các cấp ủy cơ sở được yêu cầu tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG

gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị mình; báo cáo đầy đủ, trung thực kết quả thực hiện; đề xuất kiến nghị, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

Đến nay toàn tỉnh Vĩnh Long có 109 cơ sở Hội có mô hình “1+1” (1 chi hội khá kèm 1 chi hội yếu; 1 hội viên vận động 1 phụ nữ tham gia tổ chức Hội; 1 đảng viên nữ bồi dưỡng, giới thiệu phát triển đảng 1 chi hội trưởng/tổ trưởng/tổ phó, 1 hội viên là cán bộ, công chức, viên chức/Ủy viên Ban Chấp hành; 1 chi hội mạnh kết nghĩa, giúp đỡ 1 chi hội yếu hoặc 1 hội viên có điều kiện hỗ trợ 1 hội viên có hoàn cảnh khó khăn...) và 111 cơ sở có mô hình “3 có, 3 biết” (3 “có” là: Có hội viên tiên phong, có hoạt động hàng tháng, có nguồn lực tổ chức hoạt động; 3 “biết” là: Biết mặt hội viên, biết hoàn cảnh hội viên và biết nhu cầu hội viên, phụ nữ) [29, tr.3].

Toàn tỉnh Vĩnh Long có 499.914/578.241 hộ đạt tiêu chí 5 không, 3 sạch, đạt 86,4%, góp phần quan trọng vào kết quả xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và lan tỏa hình ảnh người phụ nữ trách nhiệm, sáng tạo trong cộng đồng [94, tr.6]. Đồng thời, tỉnh Vĩnh Long duy trì phát hiện, bồi dưỡng, tôn vinh tài năng nữ thông qua Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Nguyễn Thị Định, Danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu, Giải thưởng Phụ nữ Đồng Khởi mới...

Cà Mau thành lập và nhân rộng mô hình “Câu lạc bộ Thủ lĩnh của sự thay đổi”, “Địa chỉ tin cậy cộng đồng”, “Tổ truyền thông cộng đồng” tại nhiều địa phương, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, mô hình “Câu lạc bộ Nữ phòng, chống tội phạm” được Bộ Công an công nhận, nhân rộng trên phạm vi toàn quốc; đến nay mô hình đã nhân rộng tại 24 xã, phường trên địa bàn tỉnh, với 71 tổ, có 1.285 thành viên [89, tr.10].

Thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới”, tỉnh Cà Mau đã cụ thể thành những phong trào thi đua “Xây dựng người phụ nữ Cà Mau thời đại mới” gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng kế hoạch cụ thể, phát động trong cán bộ, hội viên phụ nữ thực hiện thông qua nhiều hình thức. Kết quả có 5.013 tập thể, cá nhân tiêu biểu được biểu dương, điển hình, khen thưởng [89, tr.4]. Thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” được triển khai gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch góp phần vun đắp giá trị

tốt đẹp gia đình Việt Nam”; triển khai thí điểm nội dung “Xây dựng gia đình 5 có, 3 sạch” ở những xã xây dựng nông thôn mới nâng cao và đô thị văn minh; phát động hàng năm, mỗi Chi hội nhận giúp ít nhất 01 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí, mỗi cơ sở Hội đăng ký với cấp ủy thực hiện hiệu quả ít nhất 01 công trình/phần việc tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; phát động phong trào “Phụ nữ nói không với rác thải nhựa, túi nilon”; phong trào “Mỗi phụ nữ một cây xanh - Mỗi cơ sở Hội một công trình cây xanh”. Tổng kết 15 năm thực hiện Cuộc vận động, có 70 tập thể, cá nhân tiêu biểu có mô hình thực hành tốt [89, tr.4-5].

Từ năm 2020-2025, tỉnh Cà Mau có 41 tập thể, 165 cá nhân được khen thưởng, điển hình tiên tiến tại Đại hội thi đua yêu nước, Hội nghị điển hình tiên tiến của tỉnh và Trung ương Hội [89, tr.6].

Đồng Tháp chú trọng nhân rộng mô hình tín dụng, tiết kiệm, tạo thói quen trong quản lý, sử dụng tài chính cho phụ nữ khu vực biên giới; duy trì 8 mô hình phát triển kinh tế cho 80 hộ phụ nữ ở biên giới như nuôi gà, vịt (xã Thông Bình); nuôi dê (xã Bình Phú, Tân Hội); buôn bán nhỏ (xã Tân Hộ Cơ, Bình Phú, Thông Bình, Tân Hội, Thường Phước 1); tổ hợp tác đan ghé, may công nghiệp (xã Thường Lạc) [80]...

Bên cạnh đó, các tỉnh ủy còn tập trung lãnh đạo ngăn chặn kịp thời, hiệu quả những hành vi vi phạm BĐG, định kiến giới trên địa bàn tỉnh. Công tác phòng, chống bạo lực gia đình, xâm hại phụ nữ, trẻ em nhận được sự quan tâm của các ngành, các cấp, chính quyền địa phương; nhiều tổ, mô hình, câu lạc bộ được thành lập, các “địa chỉ tin cậy cộng đồng” từng bước phát huy hiệu quả thiết thực [23, tr.9].

Đặc biệt, tỉnh ủy chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống và xử lý các hành vi bạo lực gia đình, xâm hại phụ nữ và trẻ em gái - những vấn đề còn tiềm ẩn ở một số địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa ở các tỉnh ĐBSCL. Thông qua sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, tổ chức CT-XH và cộng đồng dân cư, nhiều vụ việc được phát hiện, xử lý kịp thời; đồng thời tăng cường các biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ nạn nhân, góp phần bảo đảm môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em. Điển hình như: Tỉnh An Giang xây dựng các tổ, mô hình, câu lạc bộ như: Câu lạc bộ hướng dẫn cha mẹ chăm sóc và phát triển trẻ thơ từ 0-8 tuổi; Câu lạc bộ “Hỗ trợ trẻ em phát triển toàn

diện”, “Tiền hôn nhân”, “Kỹ năng sống”, phòng, chống bạo lực học đường; Tổ Phụ nữ an toàn vệ sinh thực phẩm; Tổ Phụ nữ với pháp luật; Tổ phụ nữ xây dựng “Gia đình 5 có, 3 sạch”...

Ở Cà Mau, dấu ấn của công tác sơ kết, tổng kết thể hiện rõ ở việc nhân rộng các mô hình phòng, chống bạo lực, bảo vệ phụ nữ và trẻ em, cũng như biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình. Cà Mau duy trì 1.938 Địa chỉ tin cậy cộng đồng, 27 nhà tạm lánh, góp phần phòng, chống bạo lực và thúc đẩy BDG. Công tác nhân đạo, an sinh xã hội được triển khai sâu rộng, vận động trên 42 tỷ đồng chăm lo cho hơn 43.200 phụ nữ, trẻ em yếu thế, cùng nhiều hoạt động “đền ơn đáp nghĩa” với kinh phí gần 1 tỷ đồng [89, tr.8].

Tỉnh Đồng Tháp chú trọng hoạt động của các mô hình truyền thông, tư vấn hỗ trợ phụ nữ và trẻ em như: Câu lạc bộ “Xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em”; tổ/nhóm “Chăm sóc và phát triển trẻ thơ”, “Phụ nữ với pháp luật”, “Phụ nữ Tứ đức”, “Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng” [92, tr.3]...

Điều đó cho thấy, công tác sơ kết, tổng kết thực hiện các chủ trương về BDG đã được tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo tương đối nghiêm túc, bài bản, nhưng mỗi tỉnh có trọng tâm khác nhau. Chính sự khác nhau đó cho thấy công tác sơ kết, tổng kết không diễn ra theo một khuôn mẫu cứng nhắc, mà từng bước gắn với đặc điểm KT-XH, dân cư và những vấn đề nổi lên của từng địa phương.

Việc duy trì thành nền nếp công tác sơ kết, tổng kết đã góp phần hình thành cơ chế tự kiểm tra, tự điều chỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện BDG. Thông qua đánh giá định kỳ, các hạn chế được phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời; những mô hình, cách làm hay được nhân rộng; những vấn đề mới phát sinh trong bối cảnh phát triển KT-XH và biến đổi khí hậu ở ĐBSCL được nhận diện và có giải pháp ứng phó phù hợp.

#### **\* Về phương thức lãnh đạo**

*Một là, thông qua các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG đã ban hành, tỉnh ủy ở ĐBSCL chú trọng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao thảo luận tập thể, quyết định theo đa số và quan tâm xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.*

Trên cơ sở các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSCL về thực hiện BDG đã được ban hành, hoạt động lãnh đạo của tỉnh ủy,

BTVTU và đội ngũ tinh ủy viên, ủy viên BTVTU được triển khai theo hướng bảo đảm tính nguyên tắc, chặt chẽ và thống nhất cao. Việc tổ chức thực hiện bám sát nội dung các văn bản đã góp phần cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành hành động thực tiễn, đồng thời tạo khuôn khổ chính trị rõ ràng cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong HTCT của tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện. Đặc biệt, việc quán triệt nguyên tắc không sử dụng ý kiến cá nhân, chủ quan trong lãnh đạo, chỉ đạo đã góp phần hạn chế tình trạng tùy tiện, bảo đảm tính khách quan, khoa học và kỷ luật trong hoạt động lãnh đạo, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện BDG trên địa bàn.

Thực tế cho thấy, qua Đại hội Đảng và bầu cử đại biểu HĐND các cấp, cũng như việc quy hoạch đào tạo cán bộ, các cấp ủy đảng đã nêu rõ yêu cầu cơ cấu đảm bảo tỷ lệ nữ, mạnh dạn xem xét bổ sung, đề bạt cán bộ nữ giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở các cấp; mặt khác, công tác quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực cán bộ nữ kế thừa luôn được Đảng quan tâm nhằm tạo điều kiện để phụ nữ hoạt động, phát huy tốt vai trò phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực hoạt động xã hội [29, tr.7].

Mọi chủ trương, quyết định liên quan đến thực hiện BDG đều được thảo luận dân chủ trong tập thể cấp ủy, BTVTU; được quyết định theo đa số và tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn đảng bộ tỉnh. Trong quá trình thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG, thực tiễn địa phương có thể nảy sinh những vấn đề mới, phức tạp, nhất là trong điều kiện các tỉnh ở ĐBSCL chịu nhiều tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế, biến đổi khí hậu, di cư lao động và sự thay đổi trong quan hệ xã hội. Trước những vấn đề đó, tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo việc bàn bạc, thảo luận dân chủ trong tập thể; phân tích kỹ lưỡng tình hình, tham khảo ý kiến các cơ quan chuyên môn, tổ chức liên quan trước khi đưa ra quyết định. Các quyết định được ban hành trên cơ sở cân nhắc toàn diện, không chủ quan, nóng vội, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và đúng định hướng chính trị.

Đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc chưa đạt được sự đồng thuận cao, tỉnh ủy đã chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, tổng kết thực tiễn để có thêm căn cứ trước khi kết luận. Cách làm này thể hiện tinh thần thận trọng, khoa học, cầu thị trong lãnh đạo; đồng thời nâng cao chất lượng

các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG. Việc coi trọng tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận từ thực tiễn giúp tỉnh ủy từng bước hoàn thiện nội dung và phương thức lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác BĐG trong bối cảnh mới.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 83,8% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BĐG bằng các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG trên địa bàn tỉnh [phụ lục 14].

*Hai là, tỉnh ủy đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, qua đó làm cho các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội và nhân dân nhận thức đầy đủ, đồng thuận và tích cực thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG trên địa bàn tỉnh.*

Trên cơ sở các quyết định, chỉ thị, kết luận đã được ban hành, tỉnh ủy, BTVTU coi trọng việc chuẩn bị và tổ chức tốt các hội nghị quán triệt trong cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong HTCT. Nội dung quán triệt không chỉ dừng lại ở việc phổ biến văn bản, mà còn phân tích rõ mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của việc thực hiện BĐG; đặc biệt là các nội dung liên quan đến phụ nữ và trẻ em về Luật Bình đẳng giới; Bộ Luật Lao động; Luật Bảo hiểm xã hội; Luật Bảo hiểm y tế; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Trẻ em; Luật Phòng, chống mua bán người; Luật Phòng, chống HIV/AIDS; Luật Phòng, chống ma túy; Luật Người cao tuổi; Luật Đất đai; pháp luật về an toàn giao thông; kiến thức, kỹ năng an toàn cho phụ nữ, trẻ em, về chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ thơ cho bà mẹ, người chăm sóc trẻ dưới 36 tháng tuổi; phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình và truyền thông về giáo dục cha mẹ nuôi dạy con tốt... Qua đó, góp phần hình thành sự thống nhất về nhận thức trong toàn đảng bộ tỉnh.

Đáng chú ý, tỉnh ủy, BTVTU đã chú trọng lựa chọn hình thức, phương pháp tuyên truyền, quán triệt phù hợp với từng đối tượng. Đối với cán bộ, đảng viên, việc quán triệt được thực hiện thông qua sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, các lớp bồi dưỡng chính trị, tập huấn chuyên đề. Đối với các tổ chức trong HTCT và nhân dân, nội dung BĐG được lồng ghép vào các chương trình truyền thông, các phong trào thi đua, hoạt động văn hóa - xã hội,

sinh hoạt cộng đồng. Cách tiếp cận linh hoạt, đa dạng này góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền, làm cho chủ trương của tỉnh ủy về BĐG từng bước thấm sâu vào đời sống xã hội.

Ở An Giang, việc duy trì và củng cố 401 tổ, nhóm, câu lạc bộ với 13.011 thành viên (trong đó: 2.913 thành viên là người dân tộc Khmer, 625 thành viên dân tộc Chăm; 02 dân tộc Hoa, thành viên theo tôn giáo) hiện nay các tổ, nhóm, câu lạc bộ vẫn duy trì hoạt động tốt [27, tr.7] không chỉ góp phần nâng cao nhận thức về giới, từng bước thay đổi tư duy và hành vi theo hướng tiến bộ, mà còn tạo điều kiện cho phụ nữ dân tộc thiểu số và có đạo phát huy vai trò, tiếng nói của mình trong cộng đồng, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và phát triển bền vững. So với các tỉnh khác, An Giang thể hiện rõ phương thức tuyên truyền thông qua tổ chức cơ sở và mạng lưới cộng đồng, phù hợp với đặc điểm dân cư đa dân tộc, đa tôn giáo.

Ở Đồng Tháp, phương thức tuyên truyền được triển khai khá đa dạng, gắn với hoạt động văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng. Năm 2025, Thư viện tỉnh Đồng Tháp tổ chức trưng bày, triển lãm tài liệu với chủ đề “Bình đẳng giới và an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái trong kỷ nguyên số”, thu hút trên 1.000 lượt bạn đọc; tổ chức các ngày hội đọc sách tại trường học với hơn 2.300 học sinh tham gia; tọa đàm, nói chuyện chuyên đề về văn hóa đọc; hội thi gia đình đọc sách dành cho người khuyết tật; xe thư viện lưu động lồng ghép tuyên truyền quyền trẻ em, kỹ năng phòng, chống bạo lực [79].

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Đồng Tháp, chỉ tính riêng năm 2025, Hội LHPN tỉnh đã tổ chức 216 buổi sinh hoạt chuyên đề, 16 buổi tọa đàm và 1.658 buổi truyền thông cộng đồng với 48.623 lượt tham dự. Ngoài ra, hoạt động tuyên truyền còn được lồng ghép nội dung BĐG trong sinh hoạt chi, tổ hội với trên 3.500 cuộc sinh hoạt định kỳ, đồng thời tăng cường tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh, panô, áp phích và các nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook, fanpage, website...) do Hội quản lý, đạt hàng nghìn lượt tiếp cận và theo dõi [92, tr.2].

Toàn tỉnh Đồng Tháp đã thiết kế, treo hơn 5.200 băng rôn, pano, áp phích, khẩu hiệu tại các trục đường chính, khu dân cư, trụ sở cơ quan, trường học; tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ “Gia đình phát triển bền vững” với sự

tham gia của hàng chục nghìn lượt người; đăng tải hàng trăm tin, bài, chuyên trang tuyên truyền về BDG, phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống truyền thanh cơ sở [79].

Đặc biệt, các hình thức truyền thông như tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng, trên đài phát thanh - truyền hình, hệ thống thông tin cơ sở, cổng thông tin điện tử, trang mạng xã hội, pano, băng rôn và tờ rơi nhằm phổ biến các chính sách, pháp luật liên quan đến BDG và quyền của phụ nữ được triển khai tương đối đa dạng. Giai đoạn 2020-2025, Hội LHPN tỉnh An Giang tổ chức 1.041 điểm truyền thông với 31.230 lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ tham dự; các cấp Hội tổ chức 8.120 cuộc truyền thông với 210.274 hội viên, phụ nữ tham dự [26, tr.4]. Tỉnh An Giang đã thành lập và đưa vào vận hành Cổng thông tin điện tử Hội LHPN tỉnh vào năm 2021 (tiếp nhận hàng chục nghìn lượt truy cập mỗi tháng, hơn 150.000 lượt truy cập mỗi năm) và Fanpage Facebook “Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang” vào năm 2024 (thu hút hơn 60.000 lượt xem, 1.200 lượt tương tác và hơn 50 lượt theo dõi mới) [25, tr.8]. Đồng thời, Hội LHPN các cấp thành lập các trang Facebook, Fanpage, Zalo... để tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các thông tin, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với hội viên, phụ nữ và nhân dân.

Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2025, Hội LHPN tỉnh An Giang đã tiếp nhận 05 đơn và tư vấn trực tiếp 02 trường hợp hôn nhân gia đình, tư vấn gián tiếp 3 trường hợp qua trang Fanpage Hội LHPN tỉnh (01 trường hợp bạo hành gia đình và 02 trường hợp có nhu cầu vay vốn), Hội LHPN cơ sở tham gia tư vấn 22 trường hợp và phối hợp cùng địa phương tham gia hòa giải 38 vụ liên quan đến dân sự, đất đai và hôn nhân gia đình [26, tr.3].

Mặt khác, công tác tuyên truyền không chỉ dừng lại ở việc phổ biến kiến thức pháp luật mà còn gắn với các hoạt động thực tiễn như hội thảo, tọa đàm, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ và cộng đồng về BDG, phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới, chăm sóc sức khỏe sinh sản, và bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em gái [1]. Đây là những nội dung được các ngành chức năng phối hợp triển khai nhằm lan tỏa sâu rộng giá trị BDG trong cộng đồng.

Năm 2024, tỉnh An Giang tổ chức Hội thi tuyên truyền giáo dục cha mẹ trong chăm sóc, bảo vệ trẻ em và phòng, chống bạo lực gia đình đã nhận được 3.425 lượt tham gia thi. Đối tượng tham gia đa dạng, gồm cán bộ, công chức,

viên chức, hội viên, phụ nữ và người dân đang sinh sống, học tập và làm việc trên địa bàn tỉnh An Giang [88, tr.1].

Tháng 5/2025, tỉnh Cà Mau tham gia Hội nghị tổng kết Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I (2021-2025)”. Dự án đã giải ngân hơn 5,6 tỷ đồng cho giai đoạn 2022-2024; thành lập 65 tổ truyền thông cộng đồng, tổ chức hơn 780 cuộc truyền thông với hơn 12.400 lượt người tham gia, tập trung vào các vấn đề BĐG, phòng chống bạo lực gia đình và xâm hại trẻ em [96].

Các hoạt động như: Phiên tòa giả định; Hội thi “Phòng chống bạo lực gia đình”; Hội thi “Tìm hiểu kiến thức pháp luật về Bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới”; Thi hái hoa dân chủ tìm hiểu kiến thức pháp luật lồng ghép sinh hoạt chi/tổ hội; truyền thông phòng, chống mua bán người... được triển khai thường xuyên, hiệu quả. Hội nghị nói chuyện chuyên đề về phòng chống xâm hại trẻ em; về “Luật trẻ em - Quyền và bổn phận của trẻ em”; “Ngày Hội vẽ tranh” với chủ đề Phòng chống đuối nước; Chương trình kết nối yêu thương, “Chương trình hoạt động hè - Ươm mầm tương lai”, “Ước mơ hồng tiếp bước đến trường”, “Trại hè”...

Tỉnh An Giang chú trọng Tổ chức về nguồn giáo dục truyền thống viếng Nhà thờ Cố Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam - Nguyễn Thị Thập; về nguồn viếng và dâng hoa tại tượng đài khu tưởng niệm cô Võ Thị Sáu; tổ chức hành trình về địa chỉ đỏ tại khu căn cứ Trung ương cục Miền Nam.

Ngoài đa dạng hình thức tuyên truyền, các tỉnh ủy ở ĐBSCL chú trọng lãnh đạo quan tâm đến xây dựng tài liệu tuyên truyền phù hợp với đặc thù của phụ nữ dân tộc. Các hình thức tuyên truyền được các cấp Hội thực hiện thường xuyên như: Lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chi/tổ Hội Phụ nữ, các mô hình sinh hoạt Câu lạc bộ, Tổ, nhóm...; tọa đàm, đối thoại; truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; trên các phương tiện thông tin đại chúng... Tại tỉnh An Giang đã tổ chức 3.184 cuộc thu hút 121.535 lượt người tham dự, qua đó, cấp 169.688 tờ rơi về các loại tệ nạn xã hội và phòng, chống HIV/AIDS, 365 cuốn sổ tay về “Xây dựng gia đình hạnh phúc”, 245 cuốn về phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em; 214 cuốn về 12 chủ đề liên quan đến kỹ năng sống của vị thành niên, thanh niên;

1.500 số tay liên quan đến sức khỏe sinh sản, giới, bạo lực gia đình; 1.467 số tay về Quyền trẻ em và kỹ năng sống cho trẻ em [22, tr.2].

Đặc biệt, tỉnh ủy, BTVTU quan tâm vận động, thuyết phục đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội trong việc thực hiện BĐG. Việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm và vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ này có ý nghĩa quyết định trong việc tạo sức lan tỏa trong cộng đồng. Khi cán bộ chủ chốt nhận thức đầy đủ và tích cực thực hiện, họ sẽ trở thành lực lượng nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện ở cơ sở.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 82,9% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BĐG bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG [phụ lục 14].

*Ba là, tỉnh ủy tập trung lãnh đạo thông qua công tác tổ chức và cán bộ, chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu triển khai thắng lợi các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG trên địa bàn tỉnh.*

Trước hết, tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định về công tác tổ chức, cán bộ của HTCT. Việc quán triệt và thực hiện nghiêm các quyết định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong HTCT theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp được triển khai đồng bộ, góp phần khắc phục những chông chéo, bất cập; ổn định tổ chức bộ máy và cán bộ; bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả. Trong quá trình đó, nội dung thực hiện BĐG được lồng ghép vào nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG trên địa bàn tỉnh.

Phụ nữ ngày càng ý thức tốt quyền và trách nhiệm công dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng HTCT. Tại tỉnh Cà Mau, đội ngũ giáo viên nữ chiếm gần 76% so với tổng số giáo viên trong toàn tỉnh. Đội ngũ cán bộ nữ ngành y tế chiếm 70% toàn ngành [89, tr.2]. Trình độ cán bộ nữ ngày càng được nâng lên,

đội ngũ cán bộ nữ tham gia vào các vị trí lãnh đạo, quản lý ngày càng nhiều hơn, gia tăng cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Nhiều phong trào thi đua, cuộc vận động trên địa bàn các tỉnh ở ĐBSCL có sự tham gia tích cực của phụ nữ với tinh thần trách nhiệm cao, tích cực thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

Ở Vĩnh Long, kết quả lãnh đạo thông qua công tác tổ chức, cán bộ thể hiện rõ ở việc nâng dần tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy, HĐND và bộ máy chính quyền. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy, HĐND các cấp ở tỉnh Vĩnh Long đạt khoảng 25%; đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý ngày càng trưởng thành, được Đảng, chính quyền và nhân dân tin tưởng [94, tr.1]. Hiện nay, tỉnh Vĩnh Long có 1.705.612 phụ nữ, chiếm 50,47% dân số tỉnh, trong đó nữ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trên 33.000 người [29, tr.6]. Trong nhiệm kỳ 2020-2025, tỷ lệ nữ tiếp tục có sự thay đổi rõ rệt ở từng cấp: Cấp tỉnh đạt 16,32% (8/49 người), cấp xã là 23,78% (381/1.602 người) [87, tr.160]. Đáng chú ý, tỷ lệ nữ cấp ủy cấp xã đã vượt ngưỡng 20%, phản ánh nỗ lực mở rộng không gian lãnh đạo chính trị cho phụ nữ tại cơ sở [87, tr.160]. Như vậy, so với các địa phương khác, Vĩnh Long thể hiện rõ hơn ở việc lượng hóa chỉ tiêu và theo dõi kết quả trong công tác cán bộ nữ.

Cùng với việc kiện toàn tổ chức bộ máy, tỉnh ủy, BTVTU đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là đối với cán bộ nữ, trẻ người dân tộc Khmer, Chăm, Hoa... Các tỉnh ủy đã lãnh đạo công tác quy hoạch cán bộ gắn với đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ. Trong nhiệm kỳ 2025-2030, Tỉnh ủy Cà Mau đã xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ nữ tham gia cấp ủy các cấp với tỷ lệ từ 25 đến gần 40% [44].

Trên cơ sở quy hoạch nguồn cán bộ nữ, đã lựa chọn, cử cán bộ trẻ, cán bộ dự nguồn đưa đi bồi dưỡng, đào tạo cho phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị gắn với quy hoạch, bố trí sử dụng cán bộ nữ sau đào tạo; phát huy dân chủ trong công tác quy hoạch, đào tạo, đề bạt cán bộ nữ; quan tâm củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức Hội phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở. Tỷ lệ cán bộ nữ hàng năm đưa đi bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị đều tăng. Công tác tạo nguồn cán bộ kế thừa ngày càng được chú trọng. Nhờ vậy, tỷ lệ phụ nữ tham gia giữ các vị trí lãnh đạo, quản

lý từng bước được nâng lên, vai trò và vị thế của cán bộ nữ ngày càng được khẳng định.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, giai đoạn 2020-2025, các ngành, các cấp trong tỉnh Vĩnh Long đã cử cán bộ nữ đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và lý luận chính trị tổng số 4.734 lượt cán bộ; đào tạo sau đại học 379 cán bộ nữ [29, tr.6]. Số học viên nữ tham gia các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị ngày càng tăng qua mỗi năm và tỷ lệ trung bình khoảng hơn 40% số lượng học viên hàng năm. Đặc biệt, học viên nữ thường tham gia học tập với tinh thần nghiêm túc, chịu khó, kết quả học tập và rèn luyện cao, trong tổng số học viên được khen thưởng thì tỷ lệ học viên nữ chiếm hơn 50%. Giai đoạn 2020-2025 đã phối hợp với Hội LHPN Việt Nam tỉnh tổ chức 04 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác hội cho cán bộ Hội LHPN Việt Nam cấp cơ sở với sự tham dự của 618 học viên [87, tr.152-153].

Nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cơ bản, giúp cán bộ nữ tự tin, thực hiện tốt hơn chức trách, nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ mới; từ năm 2021-2024, tỉnh An Giang đã phối hợp với một số đơn vị liên quan tổ chức 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho hơn 540 cán bộ nữ lãnh đạo các cấp tham gia [23, tr.5]. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2025, Hội LHPN tỉnh An Giang đã tổ chức 21 lớp tập huấn cho cán bộ Hội các cấp với hơn 1.040 học viên tham dự [26, tr.4].

So với các tỉnh khác, Cà Mau thể hiện rõ ở việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp trong triển khai các chương trình về BDG. Đến nay, 100% cán bộ Hội LHPN các cấp của tỉnh Cà Mau đều đạt chuẩn chức danh theo quy định, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới [89, tr.10].

Bên cạnh đó, các tỉnh ủy ở ĐBSCL cũng chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong đội ngũ cán bộ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm các chủ trương về BDG được triển khai nghiêm túc, tránh hình thức, đối phó.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 81,9% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BDG bằng công tác tổ chức, cán bộ của tỉnh ủy, BTVTU về xây

dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của HTCT có chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện thắng lợi quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG [phụ lục 14]. Nhất là trong bối cảnh yêu cầu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT, việc gắn công tác tổ chức, cán bộ với mục tiêu thực hiện BDG thể hiện tầm nhìn toàn diện và trách nhiệm của các tỉnh ủy ở ĐBSCL.

*Bốn là, tỉnh ủy quan tâm phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong thực hiện BDG, góp phần nâng cao tính tiên phong, gương mẫu trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện.*

Các tỉnh ủy ở ĐBSCL đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và nâng cao chất lượng các tổ chức đảng trong toàn HTCT của tỉnh; chú trọng củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, chi bộ, nhất là ở những lĩnh vực, địa bàn có liên quan trực tiếp đến thực hiện BDG. Đối với các tổ chức đảng trong các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức CT-XH, tỉnh ủy đã lãnh đạo tăng cường quán triệt nhiệm vụ thực hiện BDG gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Qua đó, bảo đảm các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG được cụ thể hóa trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của từng tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ đảng viên có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, ý thức trách nhiệm cao và năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc nâng cao chất lượng đảng viên được gắn với yêu cầu thực hiện BDG, nhất là đối với những đảng viên công tác trong các lĩnh vực như lao động, thương binh và xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, tư pháp, công tác phụ nữ, công tác gia đình, dân số... Đây là những lĩnh vực có tác động trực tiếp đến việc triển khai các chính sách và giải pháp về BDG trên địa bàn tỉnh.

Ở Vĩnh Long, kết quả lãnh đạo thông qua đội ngũ đảng viên thể hiện khá rõ qua việc phát triển đảng viên nữ và tăng cường vai trò của đảng viên trong các tổ chức hội. Giai đoạn 2020-2025 giới thiệu kết nạp được 1.945 đảng viên nữ. Toàn tỉnh hiện có 53.145 đảng viên nữ, chiếm 35% số đảng viên trong toàn tỉnh; trong đó có 1.602/2.485 Chi hội trưởng là đảng viên, đạt tỷ lệ 64,4% [29, tr.3]. Việc duy trì tỷ lệ cao chi hội trưởng là đảng viên cho

thấy sự gắn kết giữa tổ chức đảng với tổ chức hội, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền và tổ chức thực hiện BĐG ở cơ sở. So với các tỉnh khác, Vĩnh Long thể hiện rõ ở việc kết hợp giữa phát triển đảng viên nữ với củng cố hệ thống tổ chức hội.

Ở An Giang, số lượng đảng viên nữ được kết nạp chiếm tỷ lệ cao trong tổng số đảng viên mới. Từ năm 2020 đến nay, toàn tỉnh An Giang kết nạp 6.693 đảng viên mới, trong đó 3.143 đảng viên nữ (chiếm khoảng 47%). Điều này cho thấy sự quan tâm của cấp ủy trong việc mở rộng cơ hội tham gia lãnh đạo, quản lý cho phụ nữ.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Cà Mau, Hội LHPN tỉnh chủ động tham mưu cho cấp ủy về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội và phát hiện, giới thiệu 499 chi hội trưởng, hội viên ưu tú để Đảng bồi dưỡng kết nạp, qua đó Đảng xem xét kết nạp 205 đảng viên nữ [89, tr.9].

Đồng thời, các tỉnh ủy ở ĐBSCL chú trọng đề cao trách nhiệm nêu gương của đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong thực hiện BĐG. Vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên không chỉ thể hiện ở việc chấp hành nghiêm các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, mà còn ở việc tích cực tuyên truyền, vận động, giải thích để quần chúng nhân dân hiểu và đồng thuận thực hiện.

Tỉnh ủy, BTVTU luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên hoạt động hiệu quả. Điều này thể hiện ở việc phân công nhiệm vụ rõ ràng, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện; tăng cường bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đảng viên; bảo đảm cơ chế phối hợp giữa tổ chức đảng với chính quyền và các tổ chức CT-XH trong triển khai nhiệm vụ.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 83,3% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BĐG thông qua tổ chức đảng, đảng viên và bằng hành động gương mẫu của đảng viên của đảng bộ tỉnh trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BĐG [phụ lục 14].

*Năm là, tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo thực hiện BĐG thông qua công tác kiểm tra, giám sát có trọng tâm, bảo đảm các cấp ủy, tổ chức đảng và cán*

*bộ, đảng viên chấp hành nghiêm chủ trương, qua đó nâng cao kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.*

Thực tế cho thấy, các tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSCL đã đưa nội dung thực hiện BDG vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm; xác định rõ nội dung, đối tượng, phạm vi, thời gian kiểm tra, giám sát theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, với phương châm “giám sát phải mở rộng”, “kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm” không chồng chéo kiểm tra, giám sát về nội dung, đối tượng [135, tr.3].

Một mặt, tỉnh ủy, BTVTU tiến hành kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong đảng bộ tỉnh về việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận liên quan đến BDG. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện; mức độ lồng ghép nội dung BDG trong chương trình công tác; trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện. Qua đó, kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém để chấn chỉnh; đồng thời biểu dương những tập thể, cá nhân thực hiện tốt.

Mặt khác, tỉnh ủy, BTVTU đặc biệt coi trọng kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy trực thuộc và những đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý trong việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG. Việc tập trung vào đối tượng này thể hiện rõ yêu cầu đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý; bảo đảm sự gương mẫu trong chấp hành chủ trương của Đảng. Thông qua đó, góp phần ngăn ngừa tình trạng buông lỏng lãnh đạo, thiếu trách nhiệm hoặc thực hiện mang tính hình thức.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 82,6% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL đã thực hiện tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BDG bằng công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với cấp ủy, các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG [phụ lục 14]. Tỉnh ủy, BTVTU triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo đúng quy định của Điều lệ Đảng; phát huy vai trò của ủy ban kiểm tra các cấp trong tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát liên quan đến lĩnh vực BDG. Đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng của chính quyền tỉnh tăng cường công tác thanh tra đối với các hoạt động thực hiện BDG; nhất là việc triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan đến quyền và lợi

ích của phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế. Việc kết hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra của chính quyền đã tạo cơ chế kiểm soát tương đối toàn diện, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách về BDG.

Bên cạnh đó, tỉnh ủy, BTVTU cũng chú trọng lãnh đạo, phối hợp chặt chẽ với hoạt động giám sát của MTTQ và các tổ chức CT-XH các cấp trong tỉnh đối với việc thực hiện BDG. Thông qua giám sát xã hội, nhiều vấn đề phát sinh trong thực tiễn được phản ánh kịp thời; ý kiến, kiến nghị của nhân dân được tổng hợp và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý. Sự kết hợp giữa kiểm tra của Đảng, thanh tra của Nhà nước và giám sát của nhân dân góp phần tạo nên cơ chế kiểm soát quyền lực tương đối đồng bộ, hạn chế những biểu hiện tiêu cực, vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **3.1.2. Hạn chế**

#### **\* Về nội dung lãnh đạo**

*Một là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các quyết định, chỉ thị, kết luận đôi khi chưa kịp thời, nội dung một số văn bản chưa thật sát với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của địa phương; việc quán triệt và tổ chức thực hiện ở một số nơi còn hình thức, hiệu quả chưa rõ.*

Thực tế ở các tỉnh ĐBSCL cho thấy, việc thể chế hóa các chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về BDG, các văn bản hướng dẫn của Trung ương về công tác phụ nữ còn chậm, thiếu đồng bộ, việc lồng ghép giới trong hoạch định chính sách ở một số địa phương còn chưa được quan tâm đúng mức [29, tr.8]. Ở một số địa phương, nội dung các văn bản lãnh đạo vẫn còn thiên về khái quát, nặng tính lặp lại chủ trương chung của Trung ương, chưa cụ thể hóa đầy đủ thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sát hợp với điều kiện KT-XH, trình độ dân trí, đặc điểm dân cư, tôn giáo, dân tộc và đặc thù sinh kế của vùng sông nước, nông nghiệp, thủy sản. Một số văn bản chưa lồng ghép một cách đồng bộ vào các chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, an sinh xã hội; chưa chú trọng đầy đủ đến những nhóm phụ nữ dễ bị tổn thương như phụ nữ nghèo, phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số. Nhất là các vấn đề xã hội như: bạo lực gia đình, ly hôn, xâm hại trẻ em, bạo lực, thất nghiệp, tệ nạn xã hội, tín dụng đen... diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng nên đối tượng dễ bị tổn thương và chịu ảnh hưởng vẫn là phụ nữ và trẻ em [26, tr.7].

Công tác quán triệt các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG của tỉnh ủy, BTVTU tuy đã được tổ chức tương đối đầy đủ, song ở một số cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở, việc triển khai còn nặng về phổ biến văn bản, chưa chú trọng thảo luận sâu, liên hệ thực tiễn địa phương, đơn vị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức về BĐG vẫn dừng ở mức độ tuyên truyền chung, chưa thực sự coi đây là yêu cầu phát triển bền vững, gắn với nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực mình phụ trách. Tình trạng “khoán trắng” cho cơ quan chuyên trách hoặc Hội LHPN ở một số nơi vẫn còn tồn tại, làm giảm tính đồng bộ và trách nhiệm chung của cả HTCT.

Việc xây dựng chương trình hành động của một số cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc nhằm thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU còn chậm, nội dung chưa cụ thể hóa thành các chỉ tiêu định lượng, chưa gắn với kế hoạch phát triển KT-XH hằng năm và trung hạn của địa phương. Một số chương trình hành động còn trùng lặp, thiếu phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp; cơ chế kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết chưa thật sự thường xuyên, dẫn đến khó đánh giá hiệu quả thực chất của công tác lãnh đạo. Vẫn còn khoảng cách giữa những quy định, những điều khoản của pháp luật, những văn bản quy phạm pháp luật và việc thực hiện trên thực tế, đã làm hạn chế khả năng thực hiện mục tiêu BĐG [22, tr.6].

Trong chính quyền các cấp, MTTQ và các tổ chức CT-XH, việc quán triệt và triển khai thực hiện chủ trương của tỉnh ủy, BTVTU về BĐG có nơi còn mang tính phong trào, thiếu chiều sâu. Hoạt động tuyên truyền chưa đa dạng về hình thức, chưa khai thác hiệu quả các phương tiện truyền thông mới; nội dung tuyên truyền đôi khi còn dàn trải, chưa chú trọng thay đổi nhận thức, hành vi trong cộng đồng, nhất là ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc lựa chọn hình thức, phương pháp quán triệt chưa thật sự linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng; còn thiếu các diễn đàn trao đổi, đối thoại chính sách để lắng nghe ý kiến từ cơ sở.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 2,6% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt quan điểm, chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng, ban hành các quyết định, chỉ

thị, kết luận của mình về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện [phụ lục 14].

*Hai là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG ở một số nơi còn thiếu quyết liệt, chưa thường xuyên, dẫn đến hiệu quả triển khai chưa đồng đều và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.*

Trên thực tế, sau khi tỉnh ủy, BTVTU tổ chức quán triệt và thông qua các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG, các cấp ủy, tổ chức đảng đã xây dựng chương trình, kế hoạch hành động để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, ở một số nơi, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo mới dừng lại ở việc hoàn thiện văn bản và tổ chức hội nghị triển khai, thiếu sự theo dõi, đôn đốc thường xuyên trong quá trình thực hiện. Việc tổ chức, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác phụ nữ ở một số cấp ủy có triển khai thực hiện hiệu quả chưa cao [29, tr.8]. Nội dung thảo luận trong cấp ủy về các giải pháp cụ thể còn có biểu hiện chung chung, chưa đi sâu làm rõ những vấn đề giới nổi lên trên địa bàn như chênh lệch cơ hội việc làm giữa nam và nữ, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy cơ sở còn thấp, hay những tác động giới của quá trình di cư lao động...

Hạn chế này thể hiện khá rõ trong cơ cấu cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là ở cấp cơ sở. Tỷ lệ nữ giữ chức danh bí thư, chủ tịch còn thấp so với yêu cầu thực hiện BDG. Tại Vĩnh Long tỷ lệ Bí thư là nữ 25%, Chủ tịch là nữ 13%; Cà Mau là 11% và 8%; An Giang là 12,9% và 9,9%) và Đồng Tháp là 21% và 14,7%. Tỷ lệ cấp trưởng các Sở, Ban, Ngành là nữ: Vĩnh Long 31,25%; Cà Mau 9%; Đồng Tháp 30%; An Giang không có nữ là cấp trưởng tại các Sở [87, tr.298].

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 2,8% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG [phụ lục 14]. Mặc dù đã có sự phân công cấp ủy viên phụ trách từng nội dung, phân công ủy viên BTVTU phụ trách các nội dung lớn, trọng tâm, nhưng ở một số nơi, việc thực hiện còn mang tính hình thức, thiếu cơ chế đánh giá định kỳ gắn với trách nhiệm cá nhân. Công tác cụ thể hóa nghị quyết

và chỉ đạo cấp trên có nơi còn chậm; tính chủ động, sáng tạo chưa đồng đều, một số nội dung chưa sát thực tiễn [94, tr.15]. Việc báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện ở một số địa phương chưa bảo đảm tính kịp thời và đầy đủ; chưa phản ánh rõ mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về BĐG, đặc biệt là trong các lĩnh vực chính trị, lao động, việc làm và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ.

Ở xã, phường, đặc khu, nhất là tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, việc tổ chức thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG còn có biểu hiện thiếu tính chủ động. Nội dung BĐG chưa được duy trì thường xuyên trong sinh hoạt chi bộ, trong kiểm điểm, đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên. Một số cán bộ, đảng viên chưa thực sự coi BĐG là yêu cầu xuyên suốt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, mà vẫn xem đây là nội dung chuyên đề riêng, chủ yếu do cơ quan chuyên trách hoặc tổ chức hội đảm nhiệm. Điều này làm giảm tính lan tỏa và tính hệ thống trong triển khai thực hiện.

*Ba là, sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với chính quyền tỉnh và chính quyền xã, phường, đặc khu trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về BĐG có thời điểm, có nơi còn thiếu tính đồng bộ, chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm.*

Theo chức năng, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh cụ thể hóa các quyết định, chỉ thị, kết luận của mình thành nghị quyết, quyết định để tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, ở một số địa phương, nội dung cụ thể hóa còn thiên về tái khẳng định chủ trương chung, chưa làm rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với đặc điểm KT-XH của từng tỉnh trong vùng. Một số nghị quyết của HĐND tỉnh về BĐG chưa xác định rõ lộ trình thực hiện, chưa gắn chặt với kế hoạch phát triển KT-XH hằng năm và trung hạn, dẫn đến tính khả thi và khả năng kiểm soát kết quả còn hạn chế. Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 3,1% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG trên địa bàn tỉnh [phụ lục 14].

Trong mối quan hệ giữa HĐND và UBND tỉnh, việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện nghị quyết về BĐG ở một số nơi còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành. Có tình trạng

chương trình, kế hoạch được ban hành nhưng nội dung còn dàn trải, chưa xác định rõ khâu đột phá, chưa phân định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan chủ trì, phối hợp. Ở xã, phường, việc triển khai các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh còn thiếu thống nhất, phụ thuộc nhiều vào điều kiện, năng lực từng địa bàn, làm cho kết quả thực hiện không đồng đều.

Công tác kiểm tra, giám sát của HĐND tỉnh đối với UBND tỉnh trong thực hiện nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án về BDG ở một số nơi chưa thật sự thường xuyên và đi vào chiều sâu. Nội dung giám sát còn nặng về nghe báo cáo, chưa chú trọng khảo sát thực tế, chưa phân tích đầy đủ mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về BDG trong từng lĩnh vực cụ thể như chính trị, lao động, việc làm, giáo dục, gia đình. Việc lựa chọn hình thức, phương pháp giám sát có nơi còn thiếu linh hoạt, chưa phát huy hiệu quả giám sát chuyên đề.

Công tác chỉ đạo, điều hành trong quản lý nhà nước về thực hiện BDG của UBND tỉnh và UBND cấp xã đôi khi chưa thật sự quyết liệt, thiếu tính thường xuyên; việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các quy định về BDG còn chậm, chưa sát với thực tiễn. Hoạt động kiểm tra, giám sát, phát hiện vi phạm có nơi còn mang tính hình thức, chưa kịp thời, dẫn đến hiệu quả ngăn chặn các hành vi bất BDG chưa cao. Việc xử lý vi phạm trong một số trường hợp chưa đủ sức răn đe, còn tình trạng nể nang, né tránh, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Những hạn chế này phần nào làm giảm tác động của chính sách BDG, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu xây dựng môi trường xã hội công bằng, tiến bộ trong bối cảnh hiện nay.

*Bốn là, sự lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội và nhân dân trong thực hiện BDG ở một số nơi chưa chặt chẽ; phối hợp với chính quyền các cấp chưa đồng bộ, vai trò giám sát, phản biện xã hội chưa được phát huy đầy đủ.*

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 3,1% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG; lãnh đạo sự phối hợp các tổ chức này với chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu trong thực hiện công việc này [phụ lục 14]. Thực tế ở một số địa phương cho thấy, sự lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức

xã hội và nhân dân trong thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG vẫn là những định hướng chung, chưa xác định rõ nội dung trọng tâm gắn với thể mạnh của từng tổ chức. Vai trò của Hội LHPN, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động... trong thực hiện từng nội dung cụ thể của BDG chưa được phân định thật rõ ràng, dẫn đến có nội dung trùng lặp, có nội dung lại thiếu sự tham gia của các tổ chức.

Sự lãnh đạo của BTVTU đối với việc xây dựng và thực hiện quy chế, quy định phối hợp giữa MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội trong thực hiện BDG ở một số địa phương còn chưa cụ thể. Công tác phối hợp giữa các ngành, đoàn thể trong một số hoạt động đôi lúc chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ [26, tr.7]. Một số quy chế phối hợp được ban hành nhưng nội dung còn mang tính nguyên tắc, thiếu cơ chế ràng buộc trách nhiệm, thiếu quy định rõ về chế độ thông tin, báo cáo, kiểm tra, giám sát.

Việc huy động nhân dân tham gia thực hiện và giám sát các nội dung liên quan đến BDG còn hạn chế. Một số nơi chưa xây dựng được cơ chế để người dân, nhất là phụ nữ và các nhóm yếu thế, tham gia đóng góp ý kiến, phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách. Điều đó làm cho sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện BDG chưa thật sự trở thành động lực bền vững.

*Năm là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG có thời điểm còn chậm, nội dung đánh giá chưa thật sự sâu sắc, việc đúc rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp chưa kịp thời.*

Ở một số địa phương, công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG còn mang tính định kỳ, hình thức. Việc chỉ ra khuyết điểm, hạn chế trong thực hiện BDG ở một số địa phương chưa thật sự thẳng thắn, cụ thể; chưa làm rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân được phân công phụ trách. Nội dung đánh giá còn nặng về liệt kê hoạt động đã triển khai, thiếu phân tích tác động thực chất của chính sách đối với phụ nữ và nam giới, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong điều kiện đặc thù của các tỉnh ở ĐBSCL.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 2,9% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đạt hiệu quả việc sơ kết, tổng kết thực hiện quyết định, chỉ thị, kết

luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG, đúc rút kinh nghiệm [phụ lục 14]. Trong lãnh đạo, chỉ đạo phát động thực hiện phong trào thi đua, các cuộc vận động và các khâu đột phá từng lúc chưa đồng bộ, chưa bao phủ; việc xây dựng các mô hình mới, nhân rộng các mô hình có hiệu quả đôi lúc chất lượng chưa cao. Công tác chỉ đạo sơ tổng kết, đánh giá các mô hình hoạt động hiệu quả để nhân rộng chưa kịp thời [90, tr.4]. Công tác vận động nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động thực hiện mục tiêu BĐG còn hạn chế [25, tr.9].

Bên cạnh đó, việc BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tiến hành sơ kết, tổng kết có lúc chưa thật sự chặt chẽ; chưa hình thành nền nếp thường xuyên, liên tục. Ở một số cấp cơ sở, việc tổng kết còn chậm so với yêu cầu; nội dung báo cáo chưa bảo đảm tính phân tích, chưa gắn với việc đề xuất giải pháp cụ thể, khả thi cho giai đoạn tiếp theo. Điều này làm cho quá trình điều chỉnh, bổ sung chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện BĐG chưa kịp thời, thiếu tính linh hoạt trước những biến động của thực tiễn.

**\* Về phương thức lãnh đạo**

*Một là, tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG bằng các quyết định, chỉ thị, kết luận ở một số thời điểm chưa đạt kết quả như mong muốn; đôi khi thiếu linh hoạt trong xử lý tình huống mới, ảnh hưởng đến tính kịp thời và hiệu quả lãnh đạo.*

Trong thực tiễn, trên cơ sở các quyết định, chỉ thị, kết luận về BĐG đã được xây dựng và ban hành, tỉnh ủy, BTVTU, các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU tiến hành hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo đối với cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức trong HTCT và nhân dân địa phương. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc triển khai còn mang tính máy móc, thiếu linh hoạt trong xử lý các vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Nguyên tắc không sử dụng ý kiến cá nhân, chủ quan tuy được quán triệt nghiêm túc nhưng đôi khi dẫn đến tâm lý e ngại, thiếu chủ động trong tham mưu, đề xuất giải pháp mới. Bên cạnh đó, sự phụ thuộc vào các văn bản đã ban hành khiến việc điều chỉnh, bổ sung nội dung lãnh đạo chưa kịp thời khi bối cảnh thực tiễn có biến đổi. Điều này phần nào ảnh hưởng đến tính năng động và hiệu quả của hoạt động lãnh đạo thực hiện BĐG trên địa bàn tỉnh.

Đối với những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện, yêu cầu đặt ra là phải được thảo luận dân chủ trong tập thể cấp ủy, quyết định theo đa số và bảo đảm đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng. Tuy nhiên, ở một số trường hợp, việc nắm bắt tình hình và đề xuất điều chỉnh còn chậm; cơ chế tổng hợp thông tin, khảo sát thực tiễn chưa kịp thời, làm cho việc bổ sung, hoàn thiện nội dung lãnh đạo chưa đáp ứng nhanh yêu cầu thực tiễn.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 2,9% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BDG bằng các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BDG trên địa bàn tỉnh [phụ lục 14].

*Hai là, công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động về BDG có lúc còn thiếu chiều sâu, nội dung và hình thức chưa phù hợp với từng đối tượng, nên chuyển biến về nhận thức và hành động ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa thật sự rõ nét.*

Thực tế tại một số địa phương cho thấy, việc quán triệt các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG còn nặng về phổ biến nội dung văn bản, thiếu phân tích, liên hệ thực tiễn địa phương; chưa làm rõ ý nghĩa, yêu cầu và trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân trong thực hiện. Việc lồng ghép nội dung BDG trong sinh hoạt chi bộ, trong các lớp bồi dưỡng chính trị, trong hoạt động chuyên môn của cơ quan, đơn vị chưa được duy trì thường xuyên.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BDG chưa đa dạng về nội dung, hình thức tuyên truyền, chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động khác nên chưa phủ rộng và hiệu quả chưa cao đối với vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo [23, tr.10]. Hình thức tuyên truyền, vận động ở một số nơi còn đơn điệu. Hoạt động tuyên truyền tập trung nhiều vào thời điểm cao điểm, chưa duy trì thường xuyên [79].

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BDG còn khó khăn như: chưa đa dạng về nội dung, hình thức tuyên truyền, chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động khác nên chưa phủ rộng và hiệu quả chưa cao đối với vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo [25, tr.9]... Công tác tuyên truyền vận động phụ nữ dân tộc chưa đi vào chiều

sâu; một số nơi công tác tập hợp và huy động phụ nữ dân tộc tham gia sinh hoạt tỷ lệ còn thấp [22, tr.7].

Sự phối hợp trong công tác tuyên truyền giữa các tổ chức ở một số nơi chưa thật sự chặt chẽ; vai trò nòng cốt của MTTQ và các đoàn thể trong vận động, thuyết phục cán bộ, đoàn viên, hội viên chưa được phát huy đầy đủ. Công tác vận động cán bộ chủ chốt của các tổ chức tham gia thực hiện BĐG có lúc còn hình thức, chưa gắn trách nhiệm cụ thể với kết quả thực hiện.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 2,9% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BĐG bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG [phụ lục 14].

*Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện BĐG thông qua công tác tổ chức, cán bộ ở một số nơi chưa thật sự đồng bộ; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ nữ ở một số lĩnh vực còn hạn chế.*

Trước hết, trong quá trình quán triệt và thực hiện các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong HTCT theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, có nơi còn lúng túng trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; việc phân công nhiệm vụ liên quan đến BĐG chưa rõ ràng, còn chồng chéo hoặc dàn trải. Thiếu cán bộ làm công tác BĐG, đặc biệt ở cơ sở. Kiến thức về giới, BĐG và kỹ năng lồng ghép BĐG của đội ngũ cán bộ Hội nói chung và cán bộ Hội được giao phụ trách công tác BĐG nói riêng còn hạn chế [22, tr.6].

Hiện nay một số ngành, địa phương tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, cơ quan lãnh đạo các cấp nhìn chung còn thấp chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ, nguồn cán bộ nữ ở một số lĩnh vực còn thiếu [29, tr.8]. Vẫn còn tình trạng lao động nữ tập trung nhiều ở khu vực phi chính thức, việc làm thiếu ổn định, thu nhập thấp; nhưng việc lãnh đạo xây dựng giải pháp hỗ trợ chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng cho lao động nữ ở một số địa phương chưa thật sự quyết liệt và đồng bộ. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ chưa đáp

ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỷ lệ nữ trí thức còn khiêm tốn [29, tr.8].

Công tác quy hoạch cán bộ nữ ở một số cấp, ngành chưa bảo đảm tính chủ động, lâu dài; nguồn cán bộ nữ trong quy hoạch cho các chức danh lãnh đạo, quản lý còn mỏng, thiếu tính kế thừa. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đối với cán bộ nữ trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý có quan tâm nhưng chưa kịp thời [29, tr.8]. Chương trình BĐG mới tập trung nhiều vào tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức và các hoạt động hỗ trợ phụ nữ hơn là các chính sách, chỉ tiêu bắt buộc trong công tác tuyển chọn, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ nữ vào các vị trí lãnh đạo [115].

Việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ dân tộc dù được quan tâm chỉ đạo nhưng nhìn chung tỷ lệ, cơ cấu có nơi chưa đạt yêu cầu [29, tr.8]. Sự thiếu đồng bộ giữa các khâu trong công tác cán bộ, từ quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đến bổ nhiệm, luân chuyển, làm cho việc phát huy vai trò của cán bộ nữ trong thực hiện BĐG chưa đạt kết quả như mong muốn.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 3,1% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BĐG bằng công tác tổ chức, cán bộ của tỉnh ủy, BTVTU về xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của HTCT có chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện thắng lợi quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện BĐG [phụ lục 14]. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương về xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu BĐG ở một số nơi chưa thật sự thường xuyên; việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý những biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong đội ngũ cán bộ có liên quan đến thực hiện chính sách BĐG đôi khi chưa kịp thời. Điều này ảnh hưởng đến niềm tin và động lực phấn đấu của cán bộ nữ.

*Bốn là, việc lãnh đạo thực hiện BĐG thông qua tổ chức đảng và nêu gương của đảng viên có nơi chưa rõ nét; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, ảnh hưởng đến sức lan tỏa trong xã hội.*

Công tác xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên gắn với yêu cầu thực hiện BĐG ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức. Nội dung BĐG chưa được lồng ghép thường xuyên, có chiều sâu trong sinh hoạt chi bộ, trong đánh giá chất lượng tổ chức đảng và

đảng viên hằng năm. Việc cụ thể hóa trách nhiệm của tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị có chức năng liên quan trực tiếp đến BDG còn thiếu rõ ràng, dẫn đến hiệu quả tổ chức thực hiện chưa cao.

Công tác phát triển đảng viên nữ vẫn còn một số hạn chế, khó khăn nhất định như: phụ nữ trẻ trên địa bàn tỉnh đi làm ăn xa, tuổi cao nên không phấn đấu vào Đảng; một số làm nghề tự do ở nơi khác, ít tham gia hoạt động tại nơi cư trú; một số phụ nữ do nhận thức hạn chế nên có tâm lý “ngại” vào Đảng hoặc có nhận thức tốt, đóng góp tích cực trong công tác Hội cũng như các hoạt động xã hội khác, nhưng lại không đạt tiêu chuẩn về trình độ học vấn. Mặt khác, cũng có nhiều chị em có nhu cầu được học bổ túc nâng cao trình độ, năng lực nhưng kinh tế gia đình còn khó khăn nên chưa có điều kiện tham gia. Đây cũng là một rào cản trong công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên là hội viên phụ nữ [29, tr.4]. Ở một số thôn, đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, phụ nữ không có nhiều cơ hội phát triển, khẳng định bản thân, nên việc tạo nguồn còn hạn chế, từ đó dẫn đến tỷ lệ đảng viên nữ ở nhiều cơ sở chưa cao [29, tr.4].

Ý thức nêu gương của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong thực hiện BDG còn hạn chế. Ở một số nơi, vẫn còn biểu hiện định kiến giới trong phân công lao động, trong đánh giá, sử dụng cán bộ nữ; chưa thật sự chủ động đấu tranh với các hành vi vi phạm chính sách, pháp luật về BDG. Tính tiên phong, gương mẫu trong xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, không có bạo lực ở một số đảng viên chưa được thể hiện rõ, làm giảm sức thuyết phục trong vận động quần chúng.

Bên cạnh đó, việc tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức đảng và đảng viên phát huy vai trò trong thực hiện BDG ở một số địa phương còn hạn chế. Cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên đối với việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG chưa thật sự cụ thể. Chưa có nhiều tiêu chí rõ ràng để gắn kết quả thực hiện BDG với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá cán bộ, đảng viên.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 3,0% ý kiến cho rằng, tình ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BDG thông qua tổ chức đảng, đảng viên và bằng hành

động gương mẫu của đảng viên của đảng bộ tỉnh trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG [phụ lục 14].

*Năm là, tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện BDG thông qua công tác kiểm tra, giám sát ở một số thời điểm chưa thường xuyên, chưa thật sự sâu sát cơ sở; một số nội dung kiểm tra còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm.*

Hiện nay, ở một số địa phương, việc xây dựng và triển khai chương trình kiểm tra, giám sát chuyên đề về BDG chưa được quan tâm đúng mức; nội dung kiểm tra còn lồng ghép trong nhiều chuyên đề khác nên thiếu chiều sâu. Việc kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG ở một số nơi còn nặng về xem xét hồ sơ, báo cáo, chưa tăng cường khảo sát thực tế tại cơ sở. Do đó, những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện, nhất là ở xã, phường, chưa được phát hiện kịp thời. Tham mưu, phản biện, giám sát chính sách về phụ nữ và BDG tuy được quan tâm nhưng chưa sâu, chất lượng chưa đồng đều; việc tổng hợp, phản ánh ý kiến phụ nữ đôi lúc chưa kịp thời [89, tr.12].

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 3,2% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy ở ĐBSCL thực hiện chưa tốt phương thức lãnh đạo thực hiện BDG bằng công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với cấp ủy, các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về BDG [phụ lục 14]. Việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng ở một số địa phương còn thiếu tính chủ động; chưa xác định rõ những nội dung trọng tâm cần tập trung như công tác quy hoạch, sử dụng cán bộ nữ, lồng ghép giới trong chương trình phát triển KT-XH, hay xử lý vi phạm liên quan đến bạo lực gia đình, xâm hại phụ nữ và trẻ em. Sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy với công tác thanh tra của chính quyền tỉnh và hoạt động giám sát của MTTQ, các tổ chức CT-XH ở một số nơi chưa thật sự chặt chẽ. Thông tin giữa các cơ quan chưa được trao đổi kịp thời, việc theo dõi kết quả khắc phục sau kiểm tra, giám sát chưa được duy trì thường xuyên, làm giảm hiệu quả tổng hợp trong phát hiện và xử lý hạn chế.

## 3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

### 3.2.1. Nguyên nhân

#### 3.2.1.1. Nguyên nhân của *wu điếm*

*Một là*, hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về BDG ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc cho các tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo tổ chức thực hiện.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị và văn bản pháp luật quan trọng về BDG, về công tác phụ nữ và phát triển nguồn nhân lực nữ, thể hiện rõ quan điểm nhất quán coi BDG vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển bền vững. Hệ thống văn bản này đã xác lập khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ, tạo điều kiện để các tỉnh ủy căn cứ vào đó cụ thể hóa thành nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động và kế hoạch thực hiện phù hợp với đặc điểm KT-XH của từng địa phương. Nhờ có nền tảng chính trị, pháp lý rõ ràng, thống nhất và có tính định hướng cao, hoạt động lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện BDG có cơ sở vững chắc, hạn chế tình trạng lúng túng trong xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, qua đó nâng cao tính chủ động, đồng bộ và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

*Hai là*, điều kiện chính trị ổn định, KT-XH từng bước phát triển, đời sống văn hóa - xã hội và trình độ dân trí của nhân dân các tỉnh ở ĐBSCL ngày càng được nâng lên, tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai thực hiện BDG.

Sự ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở các địa phương trong vùng là tiền đề quan trọng bảo đảm cho các chủ trương, chính sách về BDG được triển khai liên tục, thống nhất. Cùng với đó, quá trình phát triển kinh tế, mở rộng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức sống và tiếp cận thông tin của người dân đã góp phần làm chuyển biến nhận thức xã hội về vai trò của phụ nữ và về quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Những thay đổi này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền, vận động mà còn làm tăng nhu cầu và sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong bối cảnh đó, sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện BDG nhận được sự đồng thuận xã hội

cao hơn, tạo nền tảng thực tiễn quan trọng để các chủ trương lãnh đạo được triển khai hiệu quả.

*Ba là*, tỉnh ủy viên và phần lớn cán bộ trực tiếp làm công tác lãnh đạo, quản lý và cán bộ tham mưu về công tác BDG đã nhận thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm của mình đối với thắng lợi của việc tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện BDG, tích cực học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thực tiễn cho thấy, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ tham mưu ở các tỉnh trong vùng ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về ý nghĩa của BDG đối với phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, cũng như đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, cập nhật kiến thức quản lý nhà nước và công tác đảng, đội ngũ cán bộ này từng bước nâng cao năng lực tham mưu xây dựng chính sách, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát các chương trình về BDG. Sự chuyển biến tích cực về nhận thức và năng lực của đội ngũ này đã góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng ban hành chủ trương, tính khả thi của các chương trình hành động và hiệu quả tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

*Bốn là*, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, BTVTU đối với việc phát huy vai trò của các tổ chức trong HTCT và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện BDG ngày càng được nâng cao.

Bình đẳng giới là nhiệm vụ liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đòi hỏi phải có sự tham gia đồng bộ của cả HTCT. Trong thời gian qua, các tỉnh ủy ở ĐBSCL đã nhận thức ngày càng đầy đủ hơn về vị trí, vai trò của việc huy động sức mạnh tổng hợp của các tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể CT-XH và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực hiện BDG. Trên cơ sở đó, trong lãnh đạo, chỉ đạo, tỉnh ủy, BTVTU đã quan tâm định hướng rõ trách nhiệm của từng tổ chức, từng lực lượng, coi đây là điều kiện quan trọng để bảo đảm các quyết định, chỉ thị, kết luận về BDG được triển khai đồng bộ và có hiệu quả. Sự quan tâm của cấp ủy đối với công tác BDG không chỉ thể hiện ở việc ban hành chủ trương, mà còn ở việc chỉ đạo phát huy vai trò của các tổ chức trong HTCT, nhất là Hội LHPN, trong tham mưu, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em. Đồng thời, tỉnh ủy cũng chú trọng yêu cầu cán bộ, đảng

viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong thực hiện các chủ trương về BDG, qua đó tạo sự lan tỏa trong xã hội và củng cố sự đồng thuận của nhân dân.

*Năm là*, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong HTCT ngày càng được hoàn thiện, nâng cao khả năng định hướng, điều hành và tổ chức thực hiện các chủ trương về BDG.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện BDG, các tỉnh ủy ở ĐBSCL đã nhận thức rõ rằng đây là nhiệm vụ liên ngành, liên lĩnh vực, nếu không có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong HTCT thì khó đạt được hiệu quả. Vì vậy, tỉnh ủy, BTVTU đã chú trọng chỉ đạo xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH trong xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương về BDG. Sự quan tâm lãnh đạo của tỉnh ủy đối với việc củng cố cơ chế phối hợp đã giúp nâng cao tính thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, hạn chế tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Đồng thời, việc xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, từng tổ chức trong HTCT cũng tạo điều kiện để các chương trình, kế hoạch về BDG được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Nhờ đó, hiệu lực lãnh đạo của tỉnh ủy được tăng cường, khả năng điều hành của chính quyền được nâng cao, sự tham gia của MTTQ và các đoàn thể CT-XH được phát huy, góp phần quan trọng vào việc duy trì và phát huy những kết quả tích cực trong thực hiện BDG trên địa bàn các tỉnh ở ĐBSCL.

### ***3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế***

*Một là*, ở một số địa phương, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện BDG của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có mặt chưa theo kịp yêu cầu phát triển KT-XH, xây dựng HTCT và phát huy nguồn lực con người trong bối cảnh mới.

Do chưa nhận thức đầy đủ tính chất vừa cấp thiết, vừa lâu dài của công tác BDG nên ở một số nơi, việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa được đặt đúng tầm với yêu cầu nhiệm vụ chính trị; còn có biểu hiện xem đây chủ yếu là lĩnh vực của cơ quan chuyên môn hoặc của Hội Phụ nữ. Trong thực tiễn, ở một số địa phương, việc quán triệt chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về BDG chưa được triển khai thường xuyên, liên tục; việc cụ thể hóa thành nghị

quyết chuyên đề, chương trình hành động hoặc kế hoạch dài hạn đôi khi còn chậm hoặc mang tính lồng ghép chung trong các chương trình phát triển xã hội, chưa thể hiện rõ trọng tâm. Một số cấp ủy còn coi BDG chủ yếu là nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn hoặc của tổ chức hội phụ nữ, chưa đặt đúng vị trí là nhiệm vụ chính trị gắn với phát triển nguồn nhân lực và tiến bộ xã hội. Bên cạnh đó, phương thức lãnh đạo ở một số nơi chưa thật sự gắn chặt giữa ban hành chủ trương với kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện, dẫn đến khoảng cách giữa chủ trương và thực tiễn triển khai.

*Hai là*, việc lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu, tổ chức thực hiện công tác BDG ở một số địa phương còn có mặt chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ở một số địa phương, do chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác liên quan đến BDG nên việc nâng cao kiến thức chuyên sâu, kỹ năng tham mưu, dự báo và lồng ghép giới trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách chưa được triển khai thường xuyên, thiếu tính hệ thống. Bên cạnh đó, việc lãnh đạo công tác quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ còn thiếu đồng bộ, chưa gắn chặt với yêu cầu nhiệm vụ, dẫn đến tình trạng kiêm nhiệm, thiếu ổn định và chưa bảo đảm tính kế thừa. Việc luân chuyển, thay đổi vị trí công tác ở một số nơi chưa được gắn kết với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trước đó, làm hạn chế chất lượng tham mưu và hiệu quả tổ chức thực hiện chủ trương của tỉnh ủy về BDG trên thực tiễn.

*Ba là*, việc thể chế hóa trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong HTCT ở một số địa phương chưa đầy đủ, đồng bộ, làm giảm hiệu quả huy động sức mạnh tổng hợp trong thực hiện BDG.

Bình đẳng giới là lĩnh vực mang tính liên ngành cao, liên quan đến nhiều cơ quan trong HTCT, đòi hỏi phải có cơ chế phối hợp chặt chẽ, rõ trách nhiệm và được thể chế hóa đồng bộ. Tuy nhiên, ở một số địa phương, việc nghiên cứu, tham mưu và ban hành quy chế phối hợp trong thực hiện các chủ trương, quyết định về BDG chưa được quan tâm đúng mức; năng lực cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành cơ chế phối hợp phù hợp với điều kiện thực tiễn còn hạn chế. Một số cấp ủy chưa chủ động trong việc phân công, kiểm tra, đôn đốc và điều hòa hoạt động giữa các cơ quan liên quan, dẫn đến thiếu cơ sở ràng buộc trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Điều đó làm cho quá

trình phối hợp giữa các ngành thiếu tính ổn định, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả HTCT, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy.

*Bốn là*, nhận thức và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng đối với việc phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể CT-XH và sự tham gia của nhân dân trong thực hiện BDG có lúc chưa đầy đủ; cơ chế hướng dẫn, hỗ trợ từ cấp trên đối với địa phương trong tổ chức thực hiện còn chưa thật sự kịp thời và đồng bộ.

Trong một số trường hợp, cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ vai trò của MTTQ, các đoàn thể và các tổ chức xã hội trong tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện chủ trương, chính sách về BDG, nên việc lãnh đạo xây dựng chương trình phối hợp và tạo điều kiện hoạt động chưa được quan tâm đúng mức. Năng lực tổ chức, vận động quần chúng của một bộ phận cán bộ làm công tác đoàn thể còn hạn chế, chưa chủ động tham mưu cho cấp ủy những giải pháp phù hợp với đặc điểm từng địa bàn. Bên cạnh đó, việc hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ chuyên môn, cung cấp nguồn lực và chia sẻ kinh nghiệm từ các cơ quan cấp trên đối với địa phương có thời điểm chưa thường xuyên, làm cho một số khó khăn trong quá trình triển khai chậm được tháo gỡ. Ngoài ra, một bộ phận phụ nữ còn tư tưởng an phận, chưa tích cực phấn đấu, rèn luyện trưởng thành [29, tr.8] đã tác động đến hiệu quả lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy ở ĐBSCL.

*Năm là*, những tác động của mặt trái kinh tế thị trường, định kiến giới còn tồn tại trong xã hội, cùng với những khó khăn của các tỉnh ở ĐBSCL đã ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu BDG.

Các tỉnh ở ĐBSCL là những địa phương chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và di cư lao động, làm phát sinh nhiều vấn đề xã hội mới liên quan đến việc làm, thu nhập, giáo dục và tiếp cận dịch vụ xã hội của phụ nữ. Trong khi đó, ở một số địa bàn, tư tưởng truyền thống về vai trò giới vẫn còn ảnh hưởng nhất định, làm hạn chế cơ hội tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và quản lý xã hội. Bên cạnh đó, sức ép của cơ chế thị trường và cạnh tranh kinh tế cũng làm gia tăng khoảng cách về cơ hội phát triển giữa các nhóm dân cư, trong đó phụ nữ ở khu vực nông thôn, vùng khó khăn chịu nhiều bất lợi hơn. Những yếu tố khách quan

này đã tạo ra những rào cản đối với việc triển khai các chủ trương về BĐG, qua đó tác động đến hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy trên địa bàn.

### **3.2.2. Kinh nghiệm**

*Một là*, tỉnh ủy, BTVTU xác định rõ thực hiện BĐG là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn chặt với mục tiêu phát triển KT-XH, xây dựng HTCT và phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

Thực tiễn ở các tỉnh ĐBSCL cho thấy, khi tỉnh ủy, BTVTU đưa nội dung BĐG trong chương trình công tác toàn khóa, trong nghị quyết phát triển KT-XH và trong các chương trình mục tiêu về phát triển con người, thì nhiệm vụ này được triển khai đồng bộ hơn từ cấp tỉnh đến cơ sở. Việc ban hành nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, kết luận, chương trình hành động về BĐG gắn với phân công rõ trách nhiệm cho từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị đã góp phần cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành nhiệm vụ chính trị thường xuyên của địa phương. Qua thực tiễn có thể thấy, khi công tác BĐG được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển KT-XH và xây dựng HTCT, nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành được nâng lên, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đây là kinh nghiệm quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện BĐG có trọng tâm, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương.

*Hai là*, tỉnh ủy, BTVTU chú trọng lãnh đạo công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thực hiện BĐG.

Thực tiễn cho thấy, khi tỉnh ủy, BTVTU quan tâm lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ tham mưu có nhận thức đúng về BĐG, có năng lực phân tích, dự báo và cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn, thì hiệu quả triển khai được nâng lên rõ rệt. Ở những địa phương mà tỉnh ủy, BTVTU quan tâm lãnh đạo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ gắn với yêu cầu thực hiện BĐG, thì chất lượng tham mưu, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách về BĐG được nâng lên rõ rệt. Đồng thời, việc tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện chủ trương về phát triển đội ngũ cán bộ nữ, bảo đảm tỷ lệ, cơ cấu hợp lý trong các vị trí lãnh đạo, quản lý, đã góp phần nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong

HTCT, qua đó tác động tích cực đến chất lượng thực hiện BDG trên địa bàn. Bên cạnh đó, sự quan tâm của cấp ủy trong việc kiểm tra, giám sát công tác cán bộ gắn với yêu cầu thực hiện BDG đã góp phần bảo đảm tính nhất quán giữa chủ trương và tổ chức thực hiện, hạn chế tình trạng hình thức hoặc thiếu đồng bộ.

*Ba là*, tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các tổ chức của HTCT trong thực hiện BDG.

Bình đẳng giới là lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, hiệu quả triển khai gắn chặt với mức độ phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan. Thực tiễn cho thấy, khi tỉnh ủy, BTVTU chỉ đạo xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng giữa Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ, các tổ chức CT-XH, nhất là Hội LHPN, đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp, cơ chế trao đổi thông tin, chế độ báo cáo và kiểm tra, thì việc tổ chức thực hiện thường thống nhất, tránh tình trạng chông chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Việc duy trì chế độ giao ban, trao đổi thông tin, theo dõi kết quả và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh góp phần nâng cao tính chủ động của các cơ quan tham gia, bảo đảm các chương trình về BDG được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

*Bốn là*, quan tâm lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò tham gia của các tổ chức trong HTCT cùng nhân dân trong thực hiện BDG.

Bình đẳng giới gắn liền với quá trình thay đổi nhận thức, tập quán và hành vi xã hội, do đó kết quả thực hiện phụ thuộc lớn vào mức độ đồng thuận của cộng đồng. Thực tiễn cho thấy, khi tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền, chỉ đạo lồng ghép nội dung BDG trong giáo dục, truyền thông, sinh hoạt chính trị và các phong trào xã hội, đồng thời phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên và sự tham gia tích cực của MTTQ, các đoàn thể CT-XH, thì các chủ trương được tiếp nhận tích cực hơn và triển khai thuận lợi hơn. Việc kết hợp giữa giáo dục nhận thức, tổ chức phong trào và phát huy vai trò chủ thể của nhân dân đã tạo nên sự lan tỏa rộng khắp trong xã hội.

*Năm là, duy trì nền nếp công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện BĐG, coi đây là khâu quan trọng trong nâng cao hiệu lực lãnh đạo.*

Thực tiễn cho thấy, ở những địa phương mà tỉnh ủy, BTVTU thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát chuyên đề, đánh giá định kỳ và tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chương trình về BĐG, thì việc triển khai có chiều sâu và bền vững hơn. Thông qua hoạt động này, BTVTU phát hiện kịp thời những khó khăn, hạn chế, những biểu hiện hình thức hoặc thiếu đồng bộ để điều chỉnh chủ trương, giải pháp phù hợp. Đồng thời, quá trình tổng kết thực tiễn còn giúp hệ thống hóa kinh nghiệm, nhân rộng mô hình hiệu quả, bổ sung cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện phương thức lãnh đạo. Thực tiễn cho thấy, hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy không chỉ thể hiện ở việc ban hành chủ trương mà còn ở khả năng theo dõi, đánh giá và điều chỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện.

### Tiểu kết chương 3

Trong những năm qua, tỉnh ủy ở ĐBSCL luôn quan tâm lãnh đạo thực hiện BDG và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm, cả về nội dung và phương thức lãnh đạo, thể hiện ở mức độ cụ thể hóa chủ trương có nơi chưa thật sự kịp thời; việc tổ chức thực hiện ở cơ sở chưa đồng đều; công tác phối hợp giữa các tổ chức trong một số lĩnh vực chưa thật sự chặt chẽ; năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện của một bộ phận cán bộ còn bất cập; công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả ở một số thời điểm chưa thường xuyên. Những hạn chế này chịu tác động bởi cả nguyên nhân chủ quan thuộc về nhận thức, năng lực và phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng, cũng như nguyên nhân khách quan từ điều kiện KT-XH, đặc thù của các tỉnh ở ĐBSCL và những yếu tố xã hội còn tồn tại định kiến giới.

Trên cơ sở phân tích toàn diện thực trạng, luận án đã làm rõ các nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế trong lãnh đạo thực hiện BDG của tỉnh ủy ở ĐBSCL. Trong đó, các nguyên nhân của hạn chế là do một số cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ, chưa coi trọng đúng mức vai trò của BDG trong phát triển KT-XH và xây dựng HTCT; nhận thức về vai trò đội ngũ cán bộ còn hạn chế, thiếu các giải pháp đồng bộ trong đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí và sử dụng; việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao; sự quan tâm lãnh đạo đối với việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân có lúc chưa đầy đủ; đồng thời, những tác động của định kiến giới, mặt trái kinh tế thị trường và khó khăn đặc thù của vùng tiếp tục ảnh hưởng đến kết quả thực hiện BDG. Qua đó, luận án rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Trong đó, kinh nghiệm có tính đặc thù về tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BDG là: Tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các tổ chức của HTCT trong thực hiện BDG.

## Chương 4

### PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI THỜI GIAN TỚI

#### 4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI THỜI GIAN TỚI

##### 4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới thời gian tới

##### *4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi tác động đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới thời gian tới*

*Một là*, hệ thống thể chế đồng bộ và quyết tâm chính trị cao của Đảng sau Đại hội XIV tạo xung lực mạnh mẽ cho công tác lãnh đạo BDG của tỉnh ủy.

Sự thành công của Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã kiện toàn đội ngũ cấp ủy mới ngang tầm nhiệm vụ, khẳng định quyết tâm chính trị của toàn HTCT trước yêu cầu của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Văn kiện Đại hội XIV xác định mục tiêu bứt phá với quan điểm xuyên suốt là “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, là động lực và là nguồn lực phát triển” [66, tr.38-39], trong đó phát huy nhân tố con người được coi là khâu đột phá chiến lược. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2025 với những sửa đổi quan trọng đã hiến định hóa mạnh mẽ hơn các quyền con người và quyền BDG, tạo cơ sở pháp lý tối cao, vững chắc cho hoạt động lãnh đạo của Đảng. Cùng với Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2025-2035 theo tư duy tiếp cận quyền và phát triển bao trùm, các tỉnh ủy ở ĐBSCL có đầy đủ cơ sở khoa học để đổi mới tư duy lãnh đạo. Đồng thời, việc kiện toàn đội ngũ cấp ủy mới ngang tầm nhiệm vụ, với những tư duy đột phá và tầm nhìn chiến lược, dự báo sẽ tạo nên một bước ngoặt trong việc chuyển hóa các cam kết chính trị thành những hành động cụ thể tại địa phương. Đặc biệt, sự đồng bộ trong hệ thống chính quyền địa phương hai cấp sau đại hội không chỉ giúp thông suốt các cơ chế điều hành mà còn tạo ra sự thống nhất cao độ từ khâu ban hành nghị quyết đến tổ chức thực hiện thực tế. Trong bối cảnh kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, các Tỉnh ủy tại vùng sông

nước sẽ có cơ sở vững chắc để đổi mới phương thức lãnh đạo, đưa chỉ số BDG trở thành một tiêu chuẩn bắt buộc trong đánh giá năng lực cầm quyền và hiệu quả quản lý. Đội ngũ cán bộ mới, được tôi luyện qua thực tiễn và thấm nhuần tinh thần Văn kiện Đại hội XIV, sẽ là những người trực tiếp tháo gỡ các nút thắt về định kiến giới, đồng thời khơi dậy tiềm năng to lớn của phụ nữ trong các chương trình phát triển KT-XH đặc thù của vùng. Sự thống nhất về nhận thức và hành động trong HTCT từ Trung ương đến địa phương là tiền đề, cơ sở chính trị quan trọng để các tỉnh ủy cụ thể hóa thành các quyết sách đột phá, nhằm nâng cao thực chất vị thế của phụ nữ vùng ĐBSCL trong tình hình mới.

*Hai là*, những thành tựu của công cuộc đổi mới và sự khởi sắc của hạ tầng KT-XH vùng ĐBSCL đang mở ra không gian và dư địa phát triển mới cho phụ nữ.

Việc Chính phủ ưu tiên nguồn lực triển khai Quy hoạch vùng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các dự án hạ tầng giao thông chiến lược (cao tốc trục dọc, trục ngang), hệ thống logistics và năng lượng tái tạo đang phá vỡ thế chia cắt, biệt lập của vùng. Sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp truyền thống sang công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao đã tạo ra hàng triệu việc làm mới phi nông nghiệp, đặc biệt phù hợp với năng lực của lao động nữ. Khi kinh tế phát triển, phụ nữ có cơ hội thuận lợi hơn trong tiếp cận nguồn tài chính, thị trường và tri thức, từ đó xóa bỏ sự phụ thuộc kinh tế - vốn là rào cản gốc rễ của bất BDG. Bối cảnh này sẽ là điều kiện thuận lợi quan trọng để các tỉnh ủy lãnh đạo việc lồng ghép giới vào các chương trình phát triển kinh tế địa phương, chỉ đạo hiệu quả các chính sách an sinh và đào tạo nghề; lãnh đạo việc chuyển đổi mô hình sinh kế cho phụ nữ theo hướng hiện đại. Khi phụ nữ tiếp cận được nguồn tài chính và tri thức mới, các cấp ủy đảng sẽ có tiền đề thực tiễn để biến tiềm năng của nữ giới thành động lực tăng trưởng mới, thay đổi căn bản định kiến giới tại các vùng nông thôn sông nước. Đây chính là tiền đề để các cấp ủy đảng biến tiềm năng của phụ nữ thành động lực tăng trưởng mới, nâng cao vị thế thực quyền của phụ nữ trong cả gia đình và xã hội.

*Ba là*, sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ nữ và sự thay đổi tích cực trong nhận thức xã hội sau 40 năm đổi mới.

Kế thừa thành tựu của các nhiệm kỳ trước, đặc biệt là kết quả thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và Chỉ thị số 21-CT/TW, nhận thức của xã hội và của chính đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở ĐBSCL về BĐG đã có những chuyển biến căn bản. Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” tuy chưa hết hẳn nhưng đã giảm đi đáng kể. Đội ngũ cán bộ nữ tại các tỉnh trong vùng đã có bước trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng; nhiều đồng chí giữ cương vị chủ chốt, thể hiện bản lĩnh và năng lực lãnh đạo xuất sắc, trở thành những tấm gương truyền cảm hứng. Sự lớn mạnh của Hội LHPN các cấp với phương thức hoạt động ngày càng đổi mới, thiết thực đã trở thành chỗ dựa tin cậy cho cấp ủy trong công tác vận động phụ nữ. Nguồn nội lực này chính là yếu tố thuận lợi căn bản nhất, tạo đà cho các tỉnh ủy tiếp tục đẩy mạnh công tác cán bộ nữ, tin tưởng giao trọng trách cho phụ nữ, thực hiện thắng lợi mục tiêu BĐG thực chất trong giai đoạn mới với niềm tin và quyết tâm chính trị cao hơn.

*Bốn là*, xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng và việc thực thi các cam kết toàn cầu đang tạo ra tác động tổng hợp, vừa là yêu cầu cấp thiết, vừa là đòn bẩy quan trọng thúc đẩy BĐG tại địa phương.

Đối với ĐBSCL - vùng trọng điểm xuất khẩu nông, thủy sản, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đi kèm với những chế tài nghiêm ngặt về các chuẩn mực lao động và phát triển bền vững đặt ra yêu cầu cao đối với công tác lãnh đạo. Thực tế này buộc các tỉnh ủy phải đổi mới tư duy, chỉ đạo hoàn thiện môi trường chính sách, pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt là các quy định về quyền của lao động nữ nhằm tránh các rào cản thương mại và duy trì lợi thế cạnh tranh quốc gia. Bên cạnh đó, việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc là nhiệm vụ chính trị quan trọng, đòi hỏi các tỉnh ủy phải lãnh đạo việc hoàn thiện môi trường chính sách tại địa phương cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Đồng thời, sự quan tâm, hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế đối với ĐBSCL trong ứng phó biến đổi khí hậu là điều kiện thuận lợi để địa phương tiếp cận nguồn lực tài chính và kỹ thuật, trong đó việc gắn kết chặt chẽ mục tiêu BĐG được xem là điều kiện tiên quyết. Đây là cơ hội để các tỉnh ủy tranh thủ nguồn lực ngoại sinh nhằm triển khai các mô hình sinh kế thích ứng, nâng cao năng lực và vị thế của phụ nữ, đưa phụ nữ trở thành nhân tố tích cực trong phát triển bền vững.

*Năm là*, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công cuộc chuyển đổi số quốc gia đang tạo ra các công cụ đột phá để thúc đẩy BDG.

Sự bùng nổ của công nghệ số, Internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo đang làm phẳng thế giới, giúp phụ nữ ở các vùng sâu, vùng xa của ĐBSCL có thể tiếp cận tri thức nhân loại và thị trường toàn cầu chỉ qua một chiếc điện thoại thông minh. Công nghệ số sẽ trở thành công cụ đắc lực hỗ trợ các tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo giám sát thực hiện BDG dựa trên dữ liệu thực, giảm thiểu định kiến chủ quan trong công tác cán bộ. Sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế gắn với mục tiêu giới sẽ giúp địa phương tiếp cận nguồn lực tài chính xanh, đưa phụ nữ trở thành nhân tố tích cực trong phát triển bền vững. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước (Chính quyền số) giúp minh bạch hóa các cơ hội tiếp cận dịch vụ công, giảm thiểu sự can thiệp của con người và định kiến giới trong tuyển dụng, bổ nhiệm hay giải quyết thủ tục hành chính. Đây là công cụ đắc lực hỗ trợ các tỉnh ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát thực hiện BDG dựa trên dữ liệu. Thông qua các nền tảng số, công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng đến với phụ nữ trở nên nhanh chóng, sinh động và hiệu quả hơn. Đồng thời, kinh tế số mở ra cơ hội khởi nghiệp bình đẳng, nơi mà sức mạnh cơ bắp không còn là lợi thế, thay vào đó là sự tỉ mỉ, sáng tạo và khả năng kết nối - những thế mạnh vốn có của phụ nữ, giúp họ khẳng định vị thế nhanh chóng.

#### ***4.1.1.2. Những yếu tố khó khăn, thách thức tác động đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới thời gian tới***

*Một là*, sự chưa tương xứng giữa nguồn lực thực thi thực tế của tỉnh ủy ở ĐBSCL với mục tiêu chiến lược và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Dự báo trong giai đoạn tới, áp lực đối với các tỉnh ủy ở ĐBSCL sẽ ngày càng gia tăng khi mục tiêu về BDG không còn dừng lại ở các chỉ số bề nổi mà chuyển sang thực chất và chuyên sâu hơn theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng. Tuy nhiên, nguồn kinh phí dành riêng cho các chương trình mục tiêu quốc gia về BDG tại các tỉnh trong vùng dự báo vẫn đứng trước nguy cơ hạn hẹp, chủ yếu phải lồng ghép vào các chương trình phát triển KT-XH khác, dẫn đến tình trạng phân tán và thiếu tính định hướng chuyên biệt. Thách thức lớn nhất là nguồn lực tài chính và nhân lực làm công tác giới tại địa phương

chưa tương xứng với quy mô tháo gỡ các vấn đề vướng mắc đặc thù vùng sông nước như trình độ học vấn, định kiến giới trong lao động nông nghiệp và biến động dân cư. Thực trạng này đặt ra vấn đề nan giải cho các tỉnh ủy ở ĐBSCL trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phân bổ ngân sách và xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành nhằm đảm bảo các nghị quyết về BDG thực sự đi vào đời sống chứ không chỉ dừng lại ở văn bản. Nếu không có sự đột phá về cơ chế huy động vốn ngoài ngân sách và thiết lập các quỹ hỗ trợ phát triển tài năng nữ chuyên biệt, việc hiện thực hóa các chỉ tiêu về cán bộ nữ trong HTCT tại ĐBSCL sẽ tiếp tục gặp nhiều trở ngại, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Sự thiếu hụt nguồn lực không chỉ làm chậm tiến độ đạt được các mục tiêu phát triển bền vững mà còn gián tiếp ảnh hưởng đến chất lượng lãnh đạo, năng lực cầm quyền của đảng bộ tỉnh khi chưa khơi thông được nguồn lực quan trọng từ giới nữ. Do đó, việc dự báo và chủ động tháo gỡ điểm nghẽn về nguồn lực chính là chìa khóa để các quyết sách về giới của tỉnh ủy mang lại giá trị gia tăng thực chất cho khu vực trong kỷ nguyên mới.

*Hai là*, tình trạng di cư lao động tự do và sự biến đổi cơ cấu dân số, gia đình tạo ra những lỗ hổng trong công tác quản lý và bất ổn xã hội.

Do áp lực kinh tế và tác động của biến đổi khí hậu, làn sóng di cư lao động từ ĐBSCL lên các đô thị lớn miền Đông Nam Bộ đang diễn ra mạnh mẽ, trong đó một tỷ lệ lớn là phụ nữ trẻ, có sức khỏe và trình độ. Điều này dẫn đến tình trạng chảy máu chất xám và thiếu hụt nguồn nhân lực nữ trẻ tại chỗ để quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Tại nhiều vùng nông thôn, chỉ còn lại người già, trẻ em và phụ nữ lớn tuổi, tạo nên một cấu trúc xã hội thiếu bền vững. Hệ lụy là các thiết chế gia đình truyền thống bị lỏng lẻo, vai trò giáo dục con cái gặp khó khăn. Thách thức đối với tỉnh ủy là công tác phát triển đảng viên nữ, tạo nguồn cán bộ nữ trẻ gặp vô vàn khó khăn do thiếu nguồn. Bên cạnh đó, việc quản lý, bảo vệ quyền lợi cho lao động nữ di cư và giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh tại địa phương (như chăm sóc người già, trẻ em bị bỏ lại) đòi hỏi tư duy lãnh đạo và chính sách hoàn toàn mới.

*Ba là*, những rào cản từ định kiến giới, phong tục tập quán lạc hậu và tâm lý an phận của một bộ phận phụ nữ vẫn còn tồn tại dai dẳng.

Mặc dù xã hội đã phát triển, nhưng tàn dư văn hóa phong kiến và tư tưởng hẹp hòi, lạc hậu, quan niệm phụ nữ chỉ lo việc nội trợ vẫn còn tồn tại

dai dẳng trong nhận thức của nhiều người dân và thậm chí cả một bộ phận cán bộ, đảng viên, lãnh đạo ở ĐBSCL. Định kiến này tạo ra những rào cản vô hình, gây trở ngại cho phụ nữ tham gia vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Nhiều cấp ủy viên vẫn còn tư tưởng khắt khe khi đánh giá cán bộ nữ, đòi hỏi sự toàn diện cao hơn so với nam giới. Mặt khác, thách thức còn đến từ chính bản thân người phụ nữ. Do điều kiện kinh tế khó khăn và áp lực gia đình, một bộ phận phụ nữ miền Tây còn mang tâm lý tự ti, an phận, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên, ngại tham gia chính trị, ngại học tập nâng cao trình độ. Việc thay đổi nhận thức là một quá trình lâu dài và khó khăn nhất. Đây là lực cản vô hình lớn nhất đối với sự lãnh đạo của tỉnh ủy, đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ trong công tác tư tưởng và văn hóa.

*Bốn là*, chất lượng nguồn nhân lực nữ còn thấp so với mặt bằng chung cả nước, chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Đồng bằng sông Cửu Long lâu nay vẫn được xem là khu vực còn nhiều khó khăn, hạn chế về giáo dục và đào tạo của cả nước. Tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo nghề còn thấp, chủ yếu là lao động phổ thông, làm việc trong các ngành sử dụng nhiều lao động thủ công (dệt may, da giày, chế biến thủy sản) với thu nhập bấp bênh và nguy cơ bị thay thế bởi tự động hóa cao. Trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng quản lý hiện đại của đội ngũ cán bộ nữ, nhất là ở cấp cơ sở, còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, yêu cầu của kỷ nguyên vươn mình và nền quản trị số đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải có tư duy chiến lược và kỹ năng xử lý thông tin sắc bén. Sự chênh lệch giữa yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao và năng lực thực tế của đội ngũ cán bộ nữ hiện có đang tạo ra áp lực lớn cho công tác quy hoạch, bổ nhiệm của tỉnh ủy. Nếu không có chiến lược đào tạo đột phá, nguy cơ phụ nữ bị tụt hậu và bị gạt ra bên lề của sự phát triển là hiện hữu, làm giảm hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

*Năm là*, những diễn biến phức tạp của các vấn đề xã hội và an ninh phi truyền thống tác động tiêu cực đến môi trường sống an toàn của phụ nữ và trẻ em gái.

Mặt trái của kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập cũng mang theo những tệ nạn xã hội mới xâm nhập vào đời sống vùng sông nước. Tình trạng buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới, môi giới hôn nhân với người nước

ngoài trái pháp luật vì mục đích kinh tế vẫn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bạo lực gia đình, xâm hại tình dục trẻ em gái, bạo lực trên không gian mạng đang có chiều hướng gia tăng với thủ đoạn tinh vi hơn. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc làm gia tăng nhóm phụ nữ yếu thế, phụ nữ nghèo thành thị và phụ nữ di cư tự do. Những vấn đề này đặt ra thách thức lớn đối với năng lực lãnh đạo, quản lý xã hội của tỉnh ủy và chính quyền các cấp. Đòi hỏi phải có các giải pháp ứng phó nhanh nhạy, quyết liệt để bảo vệ nhân phẩm, quyền lợi và sự an toàn cho phụ nữ. Nếu không giải quyết tốt các vấn đề an ninh con người này, mục tiêu BDG sẽ khó đạt được, ảnh hưởng đến sự ổn định CT-XH của địa phương.

*Sáu là*, việc triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp gắn với chủ trương tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đang đặt ra những thách thức mới đối với vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của các tỉnh ủy khu vực ĐBSCL về công tác BDG.

Điều này dễ dẫn đến nguy cơ quá tải và ách tắc cục bộ trong xử lý công việc. Đặc biệt, trong bối cảnh địa bàn rộng, chia cắt, sự chỉ đạo xuyên suốt của các tỉnh ủy đối với công tác phụ nữ tại cơ sở dễ bị gián đoạn, thiếu tính sâu sát. Nguy cơ các chỉ tiêu về BDG bị xem nhẹ, thiếu trọng tâm hoặc triển khai mang tính hình thức là hiện hữu, khi HTCT phải tập trung ưu tiên giải quyết các nhiệm vụ phát triển KT-XH cấp bách. Bên cạnh đó, quá trình nhất thể hóa các chức danh làm gia tăng tính cạnh tranh trong công tác cán bộ. Việc tinh giản biên chế đặt ra thách thức lớn đối với tỷ lệ cán bộ nữ, khi định kiến giới và trách nhiệm gia đình vẫn là rào cản trong luân chuyển, điều động. Nếu cấp ủy thiếu quyết tâm chính trị cao, tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý có nguy cơ sụt giảm, không đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Cuối cùng, khi phân cấp mạnh cho cơ sở mà năng lực lồng ghép giới còn hạn chế, nếu thiếu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ, việc thực thi chính sách cho lao động nữ dễ bị xem nhẹ.

#### **4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới thời gian tới**

Trong bối cảnh đất nước ta đang đứng trước “vận hội mới mang tính lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [66, tr.81], vì một nước Việt Nam “hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc,

vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” [66, tr.44]. Tại khu vực ĐBSCL, yêu cầu phát triển bền vững đang đặt ra những thách thức chưa từng có do tác động kép của biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo tại Văn kiện Đại hội XIV: “con người là nền tảng,... con người thành nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển” [66, tr.82]. Trên cơ sở đó, phương hướng chung nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy trong vùng đối với công tác BDG thời gian tới là phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối và trực tiếp của Đảng; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ từ tư duy nhận thức sang tư duy hành động, từ bình đẳng pháp lý sang bình đẳng thực chất.

Phương hướng này đòi hỏi các tỉnh ủy phải quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quy định mới của Hiến pháp năm 2025 về quyền con người và các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, coi BDG là một chỉ số không thể thiếu trong thước đo văn minh chính trị và hiệu quả quản trị địa phương. Sự lãnh đạo của tỉnh ủy không chỉ dừng lại ở việc ban hành nghị quyết mà phải đi sâu vào lãnh đạo việc hoàn thiện thể chế, chính sách đặc thù của vùng, nhất là các chính sách hỗ trợ phụ nữ thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế và tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Phải gắn kết chặt chẽ các mục tiêu BDG với các mục tiêu phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh; xem công tác cán bộ nữ là một bộ phận cấu thành quan trọng, không thể tách rời trong chiến lược cán bộ của Đảng bộ tỉnh.

Đặc biệt, phương hướng tới năm 2030, tầm nhìn 2045 là phải xây dựng được đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý ở ĐBSCL có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tư duy đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, ngang tầm nhiệm vụ. Cần tập trung lãnh đạo việc lồng ghép giới vào trong toàn bộ quy trình hoạch định chính sách công, xây dựng pháp luật và phân bổ ngân sách địa phương. Sự lãnh đạo của tỉnh ủy phải hướng tới việc huy động sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và toàn xã hội, trong đó phát huy vai trò nòng cốt của Hội LHPN và sự tham gia tích cực của nam giới. Phân đấu đến năm 2030, thu hẹp cơ bản khoảng cách giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, việc làm; bảo đảm tiếng nói và sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các quyết sách phát triển vùng. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh xóa bỏ

các định kiến giới, các hủ tục lạc hậu và các hành vi bạo lực trên cơ sở giới, xây dựng môi trường xã hội an toàn, văn minh, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa sông nước, nơi mà phụ nữ và nam giới đều có cơ hội ngang nhau để phát triển và thụ hưởng thành quả của sự nghiệp đổi mới. Đây là định hướng xuyên suốt, là mệnh lệnh từ trái tim và lý trí của những người cộng sản trong hành trình kiến tạo hạnh phúc cho nhân dân vùng đất Chín Rồng.

**\* Các phương hướng cụ thể**

*Thứ nhất*, tăng cường lãnh đạo thực hiện BDG gắn với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và thống nhất nhận thức trong kỷ nguyên mới. Phương hướng này bám sát tư duy của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIV về việc lấy con người là trung tâm, chủ thể và nguồn lực quan trọng nhất. Tỉnh ủy, BTVTU tại ĐBSCL cần định hướng đổi mới mạnh mẽ tư duy, xem BDG không chỉ là vấn đề xã hội mà là một chỉ số phát triển kinh tế bền vững. Cần cụ thể hóa quan điểm của Hiến pháp năm 2025 về quyền con người vào các chương trình hành động địa phương, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư tưởng: giải phóng tiềm năng của phụ nữ là chìa khóa để vùng sông nước bứt phá. Tỉnh ủy lãnh đạo việc rà soát quy chế, chú trọng truyền thông về vị thế phụ nữ trong bối cảnh ĐBSCL chuyển dịch sang mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhằm xóa bỏ triệt để các định kiến giới cản trở sự đóng góp của phụ nữ vào “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

*Thứ hai*, đột phá trong công tác cán bộ nữ và phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Vận dụng đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực trong Văn kiện Đại hội XIV, phương hướng này xác định công tác cán bộ nữ là khâu then chốt của công tác xây dựng Đảng. Tỉnh ủy cần ban hành các nghị quyết chuyên đề hoặc đề án riêng về phát triển nguồn nhân lực nữ với các chỉ tiêu định lượng cụ thể, cao hơn mức trung bình chung. Cần đổi mới mạnh mẽ khâu quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ nữ theo hướng “động” và “mở”, tạo cơ hội cho phụ nữ trẻ, phụ nữ dân tộc, nữ trí thức. Lãnh đạo việc thực hiện nguyên tắc BDG trong tuyển dụng và đánh giá cán bộ, kiên quyết xóa bỏ rào cản định kiến giới. Cần có cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút nhân tài nữ về công tác tại địa phương; chú trọng đào tạo kỹ năng lãnh

đạo, quản lý trong kỷ nguyên số cho cán bộ nữ. Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy, HĐND, UBND các cấp ở các tỉnh ĐBSCL đạt và vượt chỉ tiêu quy định của Trung ương, khắc phục triệt để tình trạng hẫng hụt cán bộ nữ chủ chốt.

*Thứ ba*, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành lồng ghép giới trong chiến lược thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển vùng bao trùm. Phương hướng này cụ thể hóa quan điểm của Đại hội XIV về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và công bằng xã hội. Tỉnh ủy lãnh đạo việc thiết lập cơ chế phối hợp “ngang - dọc” thông suốt, buộc các dự án thích ứng biến đổi khí hậu tại ĐBSCL phải thực hiện đánh giá tác động giới nghiêm ngặt. Việc phân bổ ngân sách địa phương phải ưu tiên cho các mô hình sinh kế bền vững cho phụ nữ nông thôn, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số tại các điểm nóng về xâm nhập mặn. Phải coi BDG là một thành tố hữu cơ trong Quy hoạch vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn 2050, đảm bảo phụ nữ được thụ hưởng công bằng các thành quả từ đầu tư hạ tầng giao thông và thủy lợi chiến lược.

*Thứ tư*, hiện đại hóa và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BDG; đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, giám sát công tác BDG. Bám sát định hướng về chuyển đổi số quốc gia trong Văn kiện Đại hội XIV, phương hướng này yêu cầu Tỉnh ủy lãnh đạo việc xây dựng “chính quyền số về giới” tại địa phương. Phương hướng này yêu cầu tỉnh ủy lãnh đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BDG từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Cần tăng cường sự phối hợp liên ngành giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể trong việc giải quyết các vấn đề giới liên quan đến nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, cần lãnh đạo việc xây dựng hệ thống cơ sở thông tin, số liệu về BDG tách biệt giới tính để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành bảo đảm tính khoa học, khách quan và sát thực tiễn. Tỉnh ủy cần chỉ đạo UBND tỉnh và các ngành chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BDG, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm, nhất là bạo lực giới và phân biệt đối xử trong lao động. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp từ các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và cộng đồng để thực hiện các mục tiêu quốc gia về BDG, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

*Thứ năm*, phát huy vai trò nòng cốt của MTTQ và các tổ chức CT-XH, đặc biệt là Hội LHPN trong tham gia xây dựng Đảng, giám sát và phản biện xã hội về BDG.

Phương hướng này nhằm huy động sức mạnh của cả HTCT và toàn dân. Tỉnh ủy cần tạo cơ chế thuận lợi để Hội LHPN các cấp thực hiện tốt chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ. Cần lãnh đạo, định hướng để Hội Phụ nữ chủ động tham mưu, đề xuất chính sách, tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về BDG và công tác cán bộ nữ. Khuyến khích các hoạt động đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với các tầng lớp phụ nữ để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc. Đồng thời, cần đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể theo hướng thiết thực, hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở; đa dạng hóa các hình thức tập hợp phụ nữ, nhất là phụ nữ di cư, phụ nữ trong các khu công nghiệp. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo đồng thuận xã hội cao trong việc thực hiện mục tiêu BDG.

## **4.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI THỜI GIAN TỚI**

### **4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới ở đồng bằng sông Cửu Long đối với việc thực hiện bình đẳng giới**

Việc đặt giải pháp nâng cao nhận thức và trách nhiệm lãnh đạo lên hàng đầu xuất phát từ nguyên lý: Nhận thức quyết định hành động. Trong HTCT Việt Nam, Đảng lãnh đạo toàn diện, do đó sự chuyển biến trong tư duy của cấp ủy là “chìa khóa” để vận hành toàn bộ bộ máy chính quyền và đoàn thể. Thực hiện BDG không chỉ là một mục tiêu phát triển nhân văn mà còn là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự văn minh, tiến bộ của một địa phương. Đối với vùng ĐBSCL, nơi mang đậm đặc thù văn hóa sông nước và định kiến giới còn tồn tại dai dẳng, sự lãnh đạo của tỉnh ủy đóng vai trò là kim chỉ nam cho mọi hành động. Hiến pháp năm 2025 khẳng định: “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới” [123, tr.7]. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, nếu thiếu đi sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của tỉnh ủy, cấp ủy,

tổ chức đảng cấp dưới và sự quản lý quyết liệt của chính quyền, các quy định pháp luật về giới dễ rơi vào tình trạng hình thức. Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu:

“Xây dựng xã hội lành mạnh, kỷ cương, văn minh, an toàn và phát triển. Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, toàn diện, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiên bộ, công bằng xã hội” [66, tr.108].

Trong đó, quản trị xã hội về giới là một nội dung không thể tách rời. Việc đề xuất giải pháp này xuất phát từ thực tế năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác giới tại địa phương còn hạn chế, nhận thức của một bộ phận người đứng đầu chưa thực sự xem BDG là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Sự lãnh đạo của tỉnh ủy chính là định hướng, tạo ra sự thống nhất trong hành động từ tỉnh đến cơ sở. Chỉ khi tỉnh ủy và người đứng đầu nhận thức đầy đủ, đúng tầm của BDG như một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, họ mới có thể quyết liệt trong việc ban hành quy chế, ưu tiên nguồn lực và chỉ đạo lồng ghép giới vào mọi kế hoạch phát triển KT-XH. Khi tư duy lãnh đạo được đổi mới, sự thống nhất trong hành động từ tỉnh đến cơ sở sẽ được thiết lập, tạo tiền đề để nâng cao vị thế thực quyền của phụ nữ ĐBSCL, góp phần xây dựng HTCT địa phương trong sạch, vững mạnh theo đúng tinh thần Đại hội XIV.

*\* Để triển khai giải pháp này cần tập trung vào nội dung sau:*

*Một là, nâng cao nhận thức và tư duy chính trị về BDG trong kỷ nguyên mới. Cấp ủy đảng các cấp tại ĐBSCL phải quán triệt rằng BDG là nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng và HTCT. Báo cáo chính trị Đại hội XIV đã xác định rõ: “Đất nước ta đã thực sự bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [66, tr.11]. Trong kỷ nguyên này, không thể có sự phát triển bứt phá nếu một nửa nguồn lực nhân lực (phụ nữ) bị hạn chế bởi định kiến. Cần tổ chức các lớp bồi dưỡng lý luận kết hợp với cập nhật các quan điểm mới của Đảng về phát triển con người toàn diện. Nội dung giáo dục phải làm rõ mối quan hệ giữa BDG với việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, từ đó tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên. Việc nâng cao nhận thức không chỉ dừng lại ở các khẩu hiệu mà phải biến thành nhận thức tự giác của mỗi cấp ủy viên, xem việc hỗ trợ phụ nữ phát triển là trách nhiệm đạo đức và chính trị của người đảng viên.*

*Hai là*, đổi mới phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện BĐG và xây dựng cơ chế đặc thù tại khu vực ĐBSCL.

Trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập, việc hoàn thiện hệ thống thể chế và quy định cụ thể tại địa phương về BĐG là yêu cầu cấp thiết để khơi thông nguồn lực nữ giới. Các tỉnh ủy ở ĐBSCL cần tăng cường vai trò lãnh đạo trong việc rà soát, sửa đổi các nghị quyết và quy định không còn phù hợp, gây cản trở cơ hội phát triển của phụ nữ. Tinh thần của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng là “tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ bảo đảm thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ” [67, tr.385]. Theo đó, thể chế về giới tại vùng sông nước phải tập trung vào việc cụ thể hóa các chỉ tiêu về tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo chủ chốt một cách định lượng và có lộ trình nghiêm ngặt. Theo đó, các cấp ủy cần ban hành những quy chế sát sườn, ưu tiên tạo quỹ đạo thăng tiến cho phụ nữ có năng lực vượt trội. Bên cạnh công tác cán bộ, hệ thống thể chế địa phương cần xây dựng các cơ chế đặc thù hỗ trợ lao động nữ trong khu vực kinh tế nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đặc trưng của vùng, giúp họ tiếp cận vốn và công nghệ để thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc hoàn thiện thể chế phải đảm bảo tính đồng bộ, liên thông giữa các quy định của Đảng với chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác giới. Đây là tiền đề để xây dựng một môi trường chính trị công bằng, nơi phụ nữ được tôn trọng và phát huy tối đa tiềm năng, góp phần vào mục tiêu: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” [66, tr.76]. Sự quyết liệt trong thể chế hóa sẽ biến các cam kết về giới thành những kết quả thực tế và bền vững.

*Ba là*, quy định rõ trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược quốc gia về BĐG. Chính quyền không chỉ là bên thực thi mà phải là chủ thể quản lý nhà nước hiệu quả về giới. Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền phải lồng ghép các mục tiêu BĐG vào quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương. Đặc biệt, cần chú trọng phân bổ ngân sách thực chất cho các chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ. Công tác quản lý nhà nước về

giới phải được hiện đại hóa thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về giới để phục vụ công tác dự báo và lập kế hoạch chính xác, kịp thời.

*Bốn là*, nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong giám sát, phản biện xã hội về BDG.

Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục cụ thể hóa quan điểm của Đại hội XIV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI về việc: “phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội” [48, tr.15]. Để thực hiện giải pháp này, cần tập trung vào các định hướng trọng tâm sau:

Hoàn thiện cơ chế phối hợp: Cấp ủy đảng các cấp phải chủ động xây dựng và vận hành hiệu quả cơ chế để Hội LHPN và các đoàn thể tham gia trực tiếp, thực chất vào quy trình xây dựng, thẩm định các chủ trương, quyết sách phát triển KT-XH tại địa phương. Đảm bảo mọi nghị quyết, chương trình hành động đều được đánh giá, thẩm định dưới góc độ giới trước khi ban hành.

Đổi mới nội dung, phương thức giám sát: Hoạt động giám sát và phản biện phải đi vào chiều sâu, tập trung vào những vấn đề sát sườn, có tác động trực tiếp đến quyền lợi của phụ nữ vùng ĐBSCL như: giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao thu nhập, phòng chống bạo lực gia đình và thu hẹp khoảng cách trong tiếp cận giáo dục, đào tạo.

Xây dựng cơ chế đối thoại dân chủ: Duy trì và định chế hóa các diễn đàn đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với đại diện các tầng lớp phụ nữ. Đây phải được coi là kênh thông tin quan trọng để lãnh đạo tỉnh lắng nghe, tiếp thu và kịp thời chỉ đạo giải quyết các kiến nghị chính đáng, đảm bảo chính sách về giới luôn kết tinh từ thực tiễn và hơi thở cuộc sống. Đồng thời, việc giám sát phải tập trung vào các vấn đề bức xúc của phụ nữ như việc làm, thu nhập, bạo lực gia đình và cơ hội học tập. Cần xây dựng diễn đàn đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo tỉnh với đại diện phụ nữ các tầng lớp để lắng nghe và giải quyết kịp thời các kiến nghị. Điều này giúp các chính sách về giới không bị tách rời thực tiễn cuộc sống của người dân ĐBSCL.

*\* Để thực hiện giải pháp này cần triển khai các biện pháp, cách thức sau:*

*Một là*, cá thể hóa trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền trong việc thực hiện chỉ tiêu về giới. Đây là biện pháp then chốt để chuyển từ nhận thức sang hành động. Người đứng đầu phải gương mẫu, đi

đầu trong việc thực hiện các quy định về giới tại chính cơ quan, đơn vị mình phụ trách. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV, cần thực hiện nghiêm chủ trương “có vào, có ra, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ [66, tr.34]. Nếu địa phương, đơn vị nào không đạt các mục tiêu về cán bộ nữ trong quy hoạch và bổ nhiệm mà không có lý do khách quan, chính đáng, người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước Thường trực Tỉnh ủy. Cách thức này buộc lãnh đạo các cấp phải chủ động phát hiện, bồi dưỡng nhân tài nữ, không thể phó mặc trách nhiệm cho các tổ chức chuyên trách hay các đoàn thể. Trách nhiệm của người đứng đầu còn thể hiện ở việc tạo ra văn hóa công sở bình đẳng, nơi phụ nữ không bị đánh giá dựa trên cảm tính hay định kiến. Cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, điều này bao hàm cả việc tôn trọng đồng nghiệp nữ và ưu tiên giải quyết các quyền lợi cho phụ nữ tại địa phương. Sự quyết tâm của người đứng đầu sẽ giúp các chính sách về giới được thực thi một cách nghiêm túc và thực chất nhất.

*Hai là*, xây dựng và triển khai bộ tiêu chí đánh giá xã, phường thân thiện với BĐG tại vùng ĐBSCL. Biện pháp này nhằm tạo ra sự thi đua giữa các địa phương. Các tiêu chí bao gồm tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, mức chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ, và chất lượng dịch vụ y tế cho phụ nữ. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long đã kêu gọi “toàn thể cán bộ, đảng viên... phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, khắc phục khó khăn” [50, tr.16]. Việc áp dụng bộ tiêu chí sẽ giúp các địa phương nhìn thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu của mình trong công tác giới. Cách thức triển khai phải đảm bảo dân chủ, có sự tham gia đánh giá của người dân và các chuyên gia độc lập để đảm bảo tính khách quan.

Biện pháp này nhằm tạo ra phong trào thi đua sôi nổi và thiết thực giữa các địa phương trong vùng. Các tiêu chí cần được xây dựng cụ thể, bao gồm: tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo quản lý, mức chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ trong lao động nông nghiệp, chất lượng dịch vụ y tế cho phụ nữ và tỷ lệ trẻ em gái được đến trường đúng độ tuổi. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long đã kêu gọi “toàn thể cán bộ, đảng viên... phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, khắc phục khó khăn” [50, tr.16]. Việc áp dụng bộ tiêu chí sẽ giúp các địa phương nhìn thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu của

mình trong công tác giới để có hướng khắc phục. Cách thức triển khai phải đảm bảo dân chủ, công khai, có sự tham gia đánh giá trực tiếp của người dân địa phương và các chuyên gia độc lập để đảm bảo tính khách quan cao nhất. Tỉnh ủy cần đưa việc xếp hạng xã, phường thân thiện với giới vào tiêu chí xét thi đua hàng năm của các xã, phường. Điều này khuyến khích sự sáng tạo của cơ sở trong việc tìm ra các mô hình hỗ trợ phụ nữ hiệu quả, gắn liền với văn hóa sông nước vùng ĐBSCL. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, do đó tiếng nói của người phụ nữ tại xóm, ấp về mức độ hài lòng đối với chính quyền chính là điểm số quan trọng nhất trong bộ tiêu chí này.

*Ba là*, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số trong công tác quản lý về BDG. Chương trình hành động XIV yêu cầu “Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng” [66, tr.143]. Tỉnh ủy cần chỉ đạo chính quyền khẩn trương xây dựng hệ thống báo cáo điện tử về giới, giúp cập nhật số liệu về việc làm, thu nhập và tỷ lệ cán bộ nữ theo thời gian thực từ cấp xã lên tỉnh. Điều này giúp lãnh đạo tỉnh có cái nhìn tổng thể, trực quan và đưa ra các quyết sách điều chỉnh chính xác, kịp thời đối với từng địa bàn. Cách thức này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí hành chính mà còn nâng cao tính chính xác, minh bạch trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Cán bộ làm công tác giới tại ĐBSCL cũng phải được đào tạo kỹ năng số để làm việc hiệu quả hơn trong bối cảnh kỷ nguyên mới. Chuyển đổi số giúp kết nối phụ nữ nông thôn với thị trường và kiến thức khoa học dễ dàng hơn qua môi trường mạng. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển... thành tựu khoa học và công nghệ và việc này phải được áp dụng ngay vào công tác giới. Sự minh bạch của dữ liệu số sẽ ngăn chặn các hành vi báo cáo không trung thực số liệu để chạy theo thành tích ảo, đảm bảo mọi chính sách giới đều dựa trên bằng chứng khoa học và nhu cầu thực tế của phụ nữ vùng ĐBSCL.

*Bốn là*, thiết lập cơ chế tài chính đặc thù và ưu tiên nguồn lực cho các dự án kinh tế do phụ nữ làm chủ. Biện pháp này đánh vào khía cạnh quyền lực kinh tế của phụ nữ ĐBSCL. Tỉnh ủy lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng các gói tín dụng ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật và tìm kiếm thị trường cho

các sản phẩm ocoo của phụ nữ. Văn kiện Đại hội XIV (Phụ lục 4 về kinh tế - xã hội) nhấn mạnh mục tiêu: “tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ” đạt mức cao [66, tr.344]. Do đó, cần ưu tiên đào tạo nghề cho phụ nữ nông thôn ở ĐBSCL để họ có đủ năng lực tự chủ về tài chính và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cách thức triển khai thông qua việc phối hợp nhịp nhàng giữa ngân hàng chính sách, cộng đồng doanh nghiệp và Hội Phụ nữ sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân và kinh tế do phụ nữ làm chủ cần được bảo hộ, khuyến khích phát triển bền vững. Tỉnh ủy cần chỉ đạo các địa phương trích một phần ngân sách địa phương để thành lập các quỹ khởi nghiệp cho phụ nữ, đặc biệt là các mô hình du lịch sinh thái và nông nghiệp sạch. Sự tự chủ về tài chính sẽ giúp phụ nữ có tiếng nói trọng lượng hơn trong gia đình và xã hội, hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*Năm là*, tổ chức các diễn đàn đối thoại chính trị và truyền thông đa phương tiện về hình ảnh người phụ nữ ĐBSCL năng động, sáng tạo. Biện pháp này nhằm xóa bỏ các định kiến giới lâu đời. Cần sử dụng các kênh truyền thông hiện đại như mạng xã hội để lan tỏa những tấm gương cán bộ nữ tiêu biểu. Báo cáo chính trị Đại hội XIV nhắc nhở về việc “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại” [66, tr.21]. Việc tôn vinh giá trị của phụ nữ trong thời đại mới chính là biểu hiện sinh động của sức mạnh nội sinh dân tộc. Cách thức tổ chức các cuộc thi, giải thưởng tôn vinh phụ nữ định kỳ sẽ tạo hiệu ứng xã hội tích cực, làm cho mỗi gia đình và cộng đồng nhận thức rõ lợi ích to lớn của việc chung tay thực hiện BDG. Truyền thông phải làm cho nam giới hiểu rằng “nam, nữ bình đẳng về mọi mặt” không phải là sự tranh giành quyền lực mà là sự cùng nhau kiến tạo hạnh phúc. Cần phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân về các chính sách giới mới nhất. Những câu chuyện truyền cảm hứng sẽ giúp khơi dậy khát vọng vươn mình của phụ nữ ĐBSCL, đóng góp quan trọng vào việc chung tay thực hiện BDG vì sự phát triển bền vững của quê hương.

#### **4.2.2. Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi các chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương**

Trong giai đoạn hiện nay, việc thực hiện BDG không còn bó hẹp trong các hoạt động phong trào mà đã trở thành một yêu cầu chiến lược trong quản trị và phát triển địa phương. Đề xuất đổi mới nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy xuất phát từ đòi hỏi khách quan của thực tiễn vùng ĐBSCL - nơi đang chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đòi hỏi phải phát huy tối đa nguồn lực của cả hai giới. Hiến pháp năm 2025 đã khẳng định: “Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội” [123, tr.7]. Tuy nhiên, để hiện thực hóa quyền này, sự lãnh đạo của Đảng phải đi vào thực chất thông qua việc lồng ghép giới vào mọi quyết sách phát triển. Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng định hướng rõ: “Tăng cường xây dựng và phát triển đồng bộ, chất lượng cao hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng KT-XH, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu” và “...chuyển từ mô hình quản lý hành chính sang mô hình kiến tạo phát triển, phục vụ Nhân dân, thúc đẩy quản trị quốc gia, quản trị địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra” [51, tr.27]. Như vậy, đổi mới nội dung lãnh đạo chính là chuyển từ chỉ đạo chung chung sang lãnh đạo bằng các cơ chế lồng ghép cụ thể, đảm bảo các chính sách KT-XH của tỉnh không vô tình tạo ra khoảng cách giới. Tại khu vực ĐBSCL, việc lồng ghép giới giúp nhận diện rõ hơn những tác động khác biệt của thiên tai, xâm nhập mặn đối với nam giới và nữ giới, từ đó các chương trình an sinh xã hội và chuyển đổi sinh kế sẽ sát thực và hiệu quả hơn. Điều này hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn của kỷ nguyên mới, nơi mỗi địa phương phải tự chủ, tự cường bằng cách khai thác hiệu quả nhất mọi tiềm năng con người. Nếu không đổi mới nội dung lãnh đạo và thực hiện lồng ghép giới một cách khoa học, chúng ta sẽ bỏ lỡ cơ hội bứt phá và không thể xây dựng một xã hội thực sự văn minh, hạnh phúc theo mục tiêu mà Đại hội XIV của Đảng đã đề ra.

*\* Để triển khai giải pháp này cần tập trung vào nội dung sau:*

*Một là*, xác định rõ các mục tiêu BDG mang tính đặc thù trong các nghị quyết chuyên đề về phát triển KT-XH của tỉnh ủy. Cụ thể, tỉnh ủy cần đưa các chỉ số về giới vào các nghị quyết về nông nghiệp, du lịch và hạ tầng - những thế mạnh của ĐBSCL. Báo cáo chính trị Đại hội XIV đã xác định nhiệm vụ: “đổi mới mạnh mẽ tư duy; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quyết sách chiến lược” [51, tr.52]. Tư duy mới ở đây chính là nhìn nhận giới như một biến số kinh tế. Nội dung lãnh đạo phải tập trung vào việc đảm bảo phụ nữ được tiếp cận công bằng với các nguồn lực sản xuất, công nghệ và thị trường. Đặc biệt, cần có những chỉ đạo cụ thể về việc tăng tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo nghề phù hợp với kinh tế số. Báo cáo chính trị Đại hội XIV nêu rõ mục tiêu: “tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%” [51, tr.21]. Tỉnh ủy phải chỉ đạo chính quyền cụ thể hóa con số này cho nam và nữ một cách thực chất. Việc xác định mục tiêu rõ ràng từ đầu sẽ giúp các sở, ban, ngành có căn cứ để triển khai và không bị lúng túng trong quá trình thực hiện. Điều này cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với chính quyền trở nên dễ dàng và định lượng được kết quả cụ thể.

*Hai là*, lãnh đạo việc xây dựng quy trình bắt buộc về đánh giá tác động giới trong quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương. Đây là khâu then chốt để đảm bảo chính sách công bằng. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh việc: “Tiến hành sửa đổi, ban hành cơ bản toàn diện, đồng bộ hệ thống các quy định về công tác cán bộ” [61, tr.6]. Về phía chính quyền, việc đánh giá tác động giới phải trở thành một nội dung không thể thiếu trong hồ sơ trình ban hành chính sách. Tỉnh ủy cần chỉ đạo Đảng đoàn HĐND và Ban cán sự đảng UBND tỉnh quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc phân tích số liệu tách biệt giới. Nếu một chương trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà chỉ có nam giới tiếp cận được do quy định về quyền sử dụng đất, thì chính sách đó cần phải được điều chỉnh ngay từ khâu dự thảo. Biện pháp này đảm bảo tính khoa học và thực tiễn của công tác lãnh đạo. Qua đó, các văn bản của tỉnh sẽ mang tính nhân văn sâu sắc, giải quyết tận gốc những rào cản vô hình đối với phụ nữ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

*Ba là*, đổi mới phương thức lồng ghép giới vào công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ nữ một cách bài bản, lâu dài. Nội dung lãnh đạo về cán bộ phải chuyển từ cơ cấu sang năng lực và cơ hội. Tỉnh ủy cần chỉ đạo xây dựng các đề án phát triển cán bộ nữ lãnh đạo cho từng ngành, từng lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kỹ thuật, quản lý kinh tế vốn thường ít nữ. Đào tạo phải gắn với quy hoạch, tránh tình trạng đào tạo xong không bố trí hoặc bố trí không đúng sở trường. Cần có cơ chế hỗ trợ đặc thù cho cán bộ nữ đi học tập, nâng cao trình độ, nhất là những người đang nuôi con nhỏ. Khi nội dung lãnh đạo về cán bộ được đổi mới theo hướng hỗ trợ thực chất, đội ngũ cán bộ nữ tại ĐBSCL sẽ trưởng thành nhanh chóng, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của địa phương.

*Bốn là*, lãnh đạo việc đa dạng hóa nguồn lực và cơ chế tài chính cho các hoạt động BĐG lồng ghép. Tỉnh ủy cần chỉ đạo chính quyền không chỉ dựa vào ngân sách nhà nước mà phải huy động các nguồn lực xã hội hóa, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau đã khẳng định việc: “đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” [48, tr.1]. Trong BĐG, đổi mới sáng tạo chính là việc tạo ra các quỹ hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, các gói tín dụng vi mô gắn với đào tạo kỹ năng kinh doanh số. Nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy phải hướng tới việc xây dựng các mô hình hợp tác công - tư trong cung cấp dịch vụ xã hội như nhà trẻ, cơ sở chăm sóc người già để giảm bớt gánh nặng việc nhà cho phụ nữ, giúp họ có nhiều thời gian hơn cho công việc và phát triển bản thân.

*Năm là*, tăng cường lãnh đạo việc xây dựng môi trường văn hóa chính trị lành mạnh, không định kiến giới trong các cơ quan đảng và nhà nước. Đây là nội dung lãnh đạo mang tính nền tảng. Nghị quyết Đại hội XIV kêu gọi: “Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy cao độ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất ý chí và hành động...” [59, tr.4]. Sự đoàn kết này chỉ bền vững khi mỗi cá nhân, dù là nam hay nữ, đều cảm thấy được tôn trọng và có cơ hội thăng tiến dựa trên năng lực. Tỉnh ủy cần lãnh đạo việc xây dựng các quy định về ứng xử công vụ, phòng chống quấy rối nơi làm việc và thúc đẩy văn hóa chia

sẽ trách nhiệm gia đình. Việc đổi mới này giúp thay đổi nhận thức, quan điểm về giới trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ đó lan tỏa ra toàn xã hội. Khi môi trường văn hóa công vụ tốt, phụ nữ sẽ tự tin hơn trong việc khẳng định mình và cống hiến cho sự nghiệp chung.

*\* Để thực hiện giải pháp này cần triển khai các biện pháp, cách thức sau:*

*Một là*, ban hành Quy định về trách nhiệm của các ban đảng và cơ quan chính quyền trong việc thực hiện lồng ghép giới. Biện pháp này nhằm cụ thể hóa nội dung lãnh đạo thành các quy trình hành chính. Tỉnh ủy cần ban hành một văn bản hướng dẫn chi tiết về việc lồng ghép giới vào quy trình xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm của tỉnh. Cách thức thực hiện là yêu cầu mỗi tờ trình về chủ trương đầu tư hay phát triển kinh tế phải có mục “phân tích tác động giới”. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy có trách nhiệm định hướng dư luận, đôn đốc việc thực hiện ở cơ sở; Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi chỉ tiêu cán bộ nữ. Sự phối hợp chặt chẽ này sẽ tạo ra một bộ máy vận hành thông suốt vì mục tiêu BĐG.

*Hai là*, tổ chức các đợt tập huấn chuyên sâu về kỹ năng lồng ghép giới cho cán bộ chủ chốt và chuyên viên tham mưu. Biện pháp này nhằm nâng cao năng lực thực thi. Tuy nhiên, đối tượng tập huấn cần mở rộng ra cả cán bộ nam giới làm công tác hoạch định chính sách. Cách thức thực hiện là mời các chuyên gia đầu ngành về giới và kinh tế tham gia giảng dạy, lấy các dự án thực tế của địa phương làm bài tập tình huống. Việc nâng cao kỹ năng thực tế sẽ giúp cán bộ không còn thấy lồng ghép giới là việc khó hay hình thức mà là một công cụ hữu ích để nâng cao chất lượng chính sách công.

*Ba là*, lãnh đạo xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số về giới và phát triển của tỉnh để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Đây là biện pháp mang tính đột phá, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm thay đổi phương thức lãnh đạo từ truyền thống sang dựa trên dữ liệu số. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc số hóa các thông tin về giới không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà là yêu cầu chính trị để nâng cao năng lực cầm quyền. Văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định rõ quyết tâm: “Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng” [66, tr.143]. Thấm nhuần tư tưởng đó, Tỉnh ủy cần xác định lãnh đạo xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số về giới là

một bộ phận không thể tách rời của hệ sinh thái số toàn tỉnh. Cụ thể, Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp xây dựng hệ thống dữ liệu toàn diện về lao động, việc làm, giáo dục, y tế và đời sống văn hóa, trong đó toàn bộ thông tin phải được phân tách theo giới tính đến tận cấp xã.

Cách thức thực hiện cốt lõi là tích hợp trực tiếp dữ liệu giới vào Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh. Thay vì báo cáo trên văn bản giấy với những con số tĩnh, hệ thống này sẽ cung cấp các biểu đồ trực quan, cập nhật theo thời gian thực. Thông qua các bảng điều khiển số, thường trực Tỉnh ủy và lãnh đạo các cấp có thể nhận diện ngay những điểm nghẽn, những vấn đề hạn chế hay sự chênh lệch về cơ hội phát triển giữa nam và nữ trong từng ngành, từng địa phương. Ví dụ, nếu tỷ lệ lao động nữ thất nghiệp ở một huyện tăng cao đột biến, hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo để lãnh đạo có chỉ đạo xử lý kịp thời. Điều này giúp công tác lãnh đạo trở nên chính xác, khách quan và khoa học hơn. Việc “nói có sách, mách có chứng” bằng dữ liệu số sẽ loại bỏ tư duy chủ quan, cảm tính trong công tác cán bộ nữ và hoạch định chính sách xã hội, từ đó tạo tiền đề vững chắc cho việc thực hiện công bằng xã hội trong kỷ nguyên số. Đây chính là bước đi cụ thể để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng xã hội văn minh, hiện đại mà Đại hội XIV đã đề ra.

*Bốn là*, lãnh đạo thiết lập cơ chế phản biện độc lập về giới đối với các đề án phát triển lớn của địa phương.

Biện pháp này nhằm đảm bảo tính dân chủ, khách quan và tính bền vững của các chính sách phát triển KT-XH tại địa phương. Thực tiễn cho thấy, nhiều đề án phát triển dù có ý nghĩa kinh tế lớn nhưng nếu thiếu cái nhìn đa chiều về giới sẽ dễ dẫn đến hệ lụy là gạt bỏ phụ nữ hoặc các nhóm yếu thế ra khỏi tiến trình thụ hưởng thành quả phát triển. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu: “Xây dựng xã hội lành mạnh, kỷ cương, văn minh, an toàn và phát triển. Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, toàn diện, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội” [66, tr.108]. Để thực hiện mục tiêu này, cơ chế phản biện độc lập về giới là công cụ kiểm soát quyền lực và tối ưu hóa chính sách hiệu quả nhất. Tỉnh ủy cần cụ thể hóa quyết tâm chính trị thành quy trình bắt buộc: trước khi Thường trực Tỉnh ủy thông qua các đề án, chiến lược phát triển lớn, phải có báo cáo phản biện chuyên sâu về giới.

Về cách thức tổ chức, Tỉnh ủy sẽ lãnh đạo đặt hàng cho Hội LHPN tỉnh hoặc các viện nghiên cứu, chuyên gia độc lập thực hiện các báo cáo đánh giá tác động giới. Các báo cáo này không chỉ dừng lại ở những con số thống kê mà phải phân tích sâu những tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với giới, chẳng hạn như việc thu hồi đất nông nghiệp sẽ ảnh hưởng thế nào đến sinh kế của phụ nữ nông thôn, hay việc xây dựng khu công nghiệp đã tính đến hạ tầng nhà trẻ, trường học cho con em lao động nữ hay chưa. Sự phản biện này giúp lãnh đạo tỉnh có cái nhìn thấu đáo, từ đó điều chỉnh chính sách kịp thời, tránh lãng phí nguồn lực và ngăn chặn các xung đột xã hội tiềm tàng. Cơ chế này cũng chính là sự cụ thể hóa tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Qua đó, mỗi chính sách ban hành đều mang hơi thở cuộc sống, thực sự vì con người, góp phần xây dựng một chính quyền kiến tạo, phục vụ Nhân dân theo đúng định hướng quản trị quốc gia hiện đại mà Đảng ta đang hướng tới.

*Năm là*, định kỳ tổ chức ngày hội BDG để tôn vinh và lan tỏa các sáng kiến lồng ghép giới hiệu quả.

Biện pháp này hướng tới việc tạo hiệu ứng truyền thông mạnh mẽ, cổ vũ tinh thần sáng tạo và biến BDG từ những văn bản khô khan trở thành hơi thở của đời sống văn hóa địa phương. Xây dựng văn hóa bình đẳng là nền tảng cốt lõi để duy trì các thành quả phát triển bền vững. Đại hội XIV xác định rõ: “Đất nước ta đã thực sự bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [66, tr.44]. Trong kỷ nguyên ấy, không một cá nhân hay giới nào bị bỏ lại phía sau; sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc chỉ có được khi mọi tiềm năng của cả nam và nữ đều được khơi dậy và trân trọng. Cách thức thực hiện là tổ chức các sự kiện định kỳ quy mô cấp tỉnh, tạo không gian để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chia sẻ những mô hình lồng ghép giới hay, những cách làm đột phá. Tỉnh ủy lãnh đạo việc tổ chức các cuộc thi viết, thi clip về các điển hình tiên tiến, đặc biệt chú trọng tôn vinh những “Nam lãnh đạo ủng hộ bình đẳng giới” - những người đóng vai trò thay đổi nhận thức từ bên trong hệ thống.

Bên cạnh đó, cần vinh danh các doanh nghiệp thực hiện tốt quyền lợi cho lao động nữ, coi đây là một tiêu chí quan trọng để đánh giá trách nhiệm xã hội và uy tín của doanh nghiệp trên địa bàn. Việc tôn vinh này mang ý

nghĩa kép: vừa tạo niềm tự hào, động lực tinh thần cho những người đang cống hiến, vừa tạo ra các “điểm sáng” thực tế để các đơn vị khác soi vào học tập, rút kinh nghiệm. Khi những mô hình tốt được lan tỏa, BĐG sẽ không còn là áp lực thực hiện chỉ tiêu mà trở thành nhu cầu tự thân, một nét văn hóa đẹp trong cách ứng xử giữa người với người. Đây chính là cách thức vận động quần chúng hiệu quả nhất, biến các chủ trương của Đảng thành hành động tự giác của đại đa số Nhân dân. Những hoạt động này sẽ góp phần xây dựng một cộng đồng đoàn kết, nhân ái, tạo động lực phát triển mạnh mẽ cho vùng ĐBSCL, thực hiện thắng lợi khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

#### **4.2.3. Lãnh đạo đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh về bình đẳng giới**

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, không phân biệt giới tính, là điều kiện tiên quyết để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước. Tuy nhiên, tại khu vực ĐBSCL, các rào cản về định kiến giới và tình trạng bạo lực trên cơ sở giới vẫn đang là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển bền vững của phụ nữ. Hiến pháp năm 2025 quy định rõ: “Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới” [123, tr.7]. Việc tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo đẩy mạnh truyền thông và giáo dục không chỉ đơn thuần là phổ biến thông tin mà là quá trình thay đổi nhận thức từ gốc rễ, giúp mỗi cán bộ, đảng viên và người dân hiểu rằng BĐG là thước đo của sự văn minh. Sự thống nhất này chỉ đạt được khi các chủ trương của Đảng được chuyên hóa thành nhận thức tự giác thông qua hệ thống giáo dục chính quy, đặc biệt là tại các trường chính trị - nơi đào tạo đội ngũ cán bộ cho HTCT địa phương. Bên cạnh đó, lãnh đạo phòng ngừa và ứng phó bạo lực giới là giải pháp bảo vệ quyền con người thiết yếu, đảm bảo an ninh, an toàn xã hội tại cơ sở. Nếu không có sự đột phá trong truyền thông và giáo dục, các chính sách về giới sẽ mãi dừng lại trên văn bản mà không đi vào thực tiễn đời sống. Do đó, việc lãnh đạo thực hiện lồng ghép giới vào hệ thống bài giảng chính thức và xây dựng cơ chế phòng ngừa bạo lực là yêu cầu khách quan để thực hiện thắng lợi mục tiêu: vì một nước Việt Nam “hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên

chủ nghĩa xã hội” [66, tr.44]. Cần quan tâm đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh về BÐG; đưa nội dung về BÐG vào hệ thống bài giảng chính thức trong các cấp học, đặc biệt là ở trường chính trị tỉnh và các trung tâm chính trị cấp xã; phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, làm cho BÐG trở thành một nét văn hóa đặc trưng của người dân vùng sông nước ĐBSCL trong thời kỳ mới.

*\* Để thực hiện giải pháp này cần triển khai các biện pháp, cách thức sau:*

*Một là, thiết lập mạng lưới truyền thông viên về giới rộng khắp từ tỉnh đến từng ấp, khóm tại các địa phương ĐBSCL. Biện pháp này nhằm đưa chủ trương của Đảng đến tận địa bàn dân cư thôn, ấp, tổ dân phố; giúp người dân tiếp cận thông tin một cách trực tiếp và gần gũi nhất. Trong kỷ nguyên mới, công tác truyền thông không chỉ dừng lại ở văn bản mà phải thông qua những con người cụ thể, có uy tín để cảm hóa và thay đổi hành vi. Văn kiện Đại hội XIV đã nhấn mạnh yêu cầu cốt lõi là: “không ngừng đổi mới tư duy, nhất là tư duy chiến lược” [66, tr.22]. Thấm nhuần tinh thần đó, Tỉnh ủy cần chỉ đạo hình thành mạng lưới truyền thông viên đa dạng, bao gồm cán bộ Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, những người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng và các chức sắc tôn giáo tại địa phương. Đây chính là lực lượng nòng cốt thực hiện phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng" để phổ biến tinh thần của Đảng về phát triển con người toàn diện.*

Cách thức triển khai thực tế là tổ chức các đợt tập huấn định kỳ về kỹ năng tuyên truyền miệng, kết hợp với hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh để truyền tải các thông điệp về BÐG qua mạng xã hội. Các truyền thông viên sẽ đóng vai trò là “cánh tay nối dài” của Đảng, giải thích cặn kẽ các chính sách hỗ trợ phụ nữ của tỉnh, giúp bà con hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình. Đặc biệt, tại vùng nông thôn sông nước ĐBSCL, việc tận dụng hệ thống loa truyền thanh cơ sở để phát thanh các câu chuyện truyền cảm hứng vào các khung giờ sinh hoạt phù hợp sẽ giúp thông tin “thấm dần, thấm lâu”. Khi nhận thức được thay đổi một cách tự nhiên từ gốc rễ, sự thống nhất giữa ý chí của Đảng và lòng dân sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, đưa các quyết sách về BÐG thực sự đi vào cuộc sống, không còn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn. Từ đó, lòng ghép nội dung BÐG vào các tiêu chí xây dựng

nông thôn mới, đô thị văn minh và các quy ước, hương ước tại cộng đồng dân cư ĐBSCL. Tỉnh ủy cần chỉ đạo việc rà soát và đưa các chỉ tiêu về BDG, không có bạo lực gia đình thành điều kiện bắt buộc để xét công nhận các danh hiệu văn hóa. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau đã khẳng định quyết tâm xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh và phát triển toàn diện [48, tr.1]. Sự phát triển toàn diện phải bao gồm cả việc cải thiện các chỉ số về giới tại cơ sở. Cần khuyến khích các mô hình “Gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” thông qua các phong trào thi đua tại ấp, khóm. Việc đưa giới vào quy ước cộng đồng giúp tận dụng sức mạnh của dư luận xã hội và các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp để điều chỉnh hành vi, từng bước đẩy lùi các tư tưởng trọng nam khinh nữ vốn vẫn còn ảnh hưởng trong một bộ phận dân cư vùng sông nước.

*Hai là, xây dựng và vận hành hệ thống học tập điện tử về BDG dành riêng cho cán bộ, công chức và đảng viên trong tỉnh. Biện pháp này nhằm hiện thực hóa chủ trương hiện đại hóa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Đảng thông qua nền tảng số. Để dẫn dắt xã hội, trước hết đội ngũ cán bộ, đảng viên phải là những người tiên phong, am hiểu sâu sắc về giới và công bằng xã hội. Việc xây dựng hệ thống học tập điện tử chính là minh chứng cụ thể cho bước đột phá này. Hệ thống sẽ được thiết kế với các khóa học ngắn gọn, sinh động bằng video, infographics và các tình huống thực tế, được tích hợp trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trường chính trị.*

Cách thức thực hiện bắt buộc là mỗi cán bộ, đảng viên phải hoàn thành các bài học và bài trắc nghiệm kiến thức giới định kỳ. Kết quả học tập này được coi là một trong những tiêu chí cứng để đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên và công chức cuối năm. Phương pháp học tập trực tuyến không chỉ giúp tiết kiệm chi phí tổ chức hội nghị tập trung mà còn đảm bảo tính cập nhật liên tục các văn bản mới nhất từ Trung ương. Đồng thời, đây cũng là cách để hình thành kho dữ liệu số phong phú, phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy lâu dài. Khi mỗi đảng viên đều có tư duy chuẩn mực về giới, họ sẽ là những tấm gương sáng trong gia đình và cơ quan, từ đó lan tỏa mạnh mẽ tinh thần xây dựng một đất nước “hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh,

phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” [66, tr.44] như mục tiêu chung mà Đại hội XIV đã đề ra.

*Ba là, tổ chức các chiến dịch truyền thông cao điểm* vào các dịp lễ lớn và *tháng hành động vì BĐG* và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Biện pháp này tạo ra sức mạnh cộng hưởng và thu hút sự chú ý của toàn xã hội. Cách thức triển khai là phối hợp giữa các cơ quan truyền thông báo chí địa phương với các sở, ban, ngành để tổ chức các cuộc thi trực tuyến, các lễ mít tinh, diễu hành và các diễn đàn đối thoại trực tiếp về giới. Các chiến dịch cao điểm giúp biến các nội dung chính sách vốn mang tính hành chính thành những phong trào hành động sôi nổi trong nhân dân. Tỉnh ủy cần lãnh đạo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan báo chí địa phương với các sở, ban, ngành để tổ chức các cuộc thi trực tuyến, các lễ mít tinh và diễn đàn đối thoại trực tiếp. Điều này giúp nhân dân cảm nhận được sự quan tâm sâu sắc của Đảng đối với vấn đề công bằng xã hội. Cần trích dẫn các mục tiêu từ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long về việc huy động sức mạnh các tầng lớp nhân dân [50, tr.16] để cổ vũ phong trào. Về cách thức triển khai, các chiến dịch này phải chú trọng huy động sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, đúng như định hướng của Đảng về sự đồng lòng, nhất trí. Điểm mấu chốt là phải lôi kéo được sự tham gia đông đảo của nam giới và trẻ em trai. Chúng ta cần xóa bỏ quan niệm lạc hậu cho rằng BĐG “là việc của phụ nữ”. Thay vào đó, nam giới phải được xác định là những đối tác chiến lược, những người đồng hành quan trọng trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc và xã hội văn minh. Các thông điệp truyền thông cần khơi dậy lòng tự hào về truyền thống dân tộc và khát vọng vươn mình của đất nước trong kỷ nguyên mới. Khi mọi thành viên trong xã hội, từ trẻ đến già, từ nam đến nữ đều cùng nhìn về một hướng, khí thế của Nghị quyết Đại hội XIV sẽ được lan tỏa mạnh mẽ, tạo ra động lực tinh thần to lớn để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương.

*Bốn là, đầu tư nâng cấp và chuyên nghiệp hóa hoạt động của “Trung tâm hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực”* cấp tỉnh và cấp xã. Biện pháp này tập trung vào việc bảo vệ quyền con người một cách thực chất nhất, đảm bảo mọi công dân đều được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh. Đây là việc làm cụ thể để hiện thực hóa giá trị “nhân văn, hạnh phúc” mà Đảng ta hằng

theo đuổi. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu: “Xây dựng xã hội lành mạnh, kỷ cương, văn minh, an toàn và phát triển. Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, toàn diện, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội” [66, tr.108]. Theo đó, các Trung tâm hỗ trợ không được hoạt động hình thức mà phải được đầu tư bài bản về cơ sở vật chất và con người.

Cách thức thực hiện là Tỉnh ủy chỉ đạo bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực xã hội hóa để trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng, đặc biệt là nhân lực có trình độ chuyên môn cao về tâm lý và pháp luật. Cần lựa chọn những cán bộ nữ có tâm huyết, bản lĩnh và am hiểu sâu sắc về giới để trực tiếp điều hành và hỗ trợ. Trung tâm không chỉ đơn thuần là nơi tạm lánh cho các nạn nhân bạo lực, mà phải nâng tầm trở thành đầu mối hỗ trợ pháp lý, đào tạo nghề và tư vấn tâm lý chuyên sâu. Mục tiêu cuối cùng là giúp phụ nữ bị bạo lực xóa bỏ mặc cảm, tự tin vươn lên làm chủ cuộc đời và tái hòa nhập cộng đồng một cách bền vững. Khi phụ nữ được bảo vệ và phát triển, họ sẽ đóng góp ngược lại cho sự phồn vinh của địa phương, khẳng định tính ưu việt của chế độ và sự đúng đắn trong quyết sách của Đảng về công tác quản lý phát triển xã hội bao trùm.

*Năm là*, định kỳ tổ chức “Hội nghị biểu dương các điển hình tiên tiến trong truyền thông và giáo dục bình đẳng giới” cấp tỉnh và khu vực ĐBSCL. Biện pháp này nhằm tạo động lực thi đua, nhân rộng những cách làm sáng tạo và tôn vinh những giá trị tốt đẹp trong cộng đồng. Trong công tác xây dựng Đảng và phát triển xã hội, việc nêu gương luôn có sức lan tỏa mạnh mẽ hơn bất kỳ lời kêu gọi nào. Văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định rõ đất nước ta đang đứng trước vận hội mới: “Đất nước ta đã thực sự bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [66, tr.44]. Trong kỷ nguyên vươn mình ấy, những cá nhân, tập thể có đóng góp xuất sắc trong việc xóa bỏ rào cản giới chính là những “ngọn cờ đầu” truyền cảm hứng cho toàn xã hội.

Cách thức triển khai là tổ chức các buổi lễ vinh danh quy mô, trang trọng, xét chọn kỹ lưỡng những nhà giáo, nhà báo và truyền thông viên cơ sở có thành tích nổi bật. Cần lồng ghép các buổi biểu dương này vào các dịp kỷ niệm lớn như Ngày thành lập Đảng để tăng thêm phần ý nghĩa chính trị.

Các điển hình được vinh danh không chỉ nhận bằng khen mà phải được tạo điều kiện để chia sẻ kinh nghiệm, trở thành những hạt nhân nòng cốt tại cơ sở. Việc tôn vinh này biến công tác BDG từ một nhiệm vụ hành chính thuần túy trở thành một cuộc cách mạng về tư tưởng và văn hóa. Khi mỗi điển hình tiên tiến là một “đốm lửa” sáng, chúng sẽ cùng nhau thắp sáng niềm tin, tạo nên khí thế sôi nổi trong nhân dân, góp phần xây dựng vùng ĐBSCL nói riêng và đất nước nói chung ngày càng thịnh vượng, nhân văn, đáp ứng kỳ vọng về một kỷ nguyên phát triển rực rỡ của dân tộc Việt Nam.

#### **4.2.4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và hiện đại hóa công tác lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với sự phát triển của đội ngũ cán bộ nữ tại địa phương**

Việc đề xuất giải pháp này xuất phát từ yêu cầu cấp thiết về việc hoàn thiện thể chế và phát huy nguồn lực con người trong kỷ nguyên mới. Hiến pháp năm 2025 đã khẳng định nền tảng pháp lý cao nhất: “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới” [123, tr.7]. Tuy nhiên, để hiện thực hóa quyền này, khâu then chốt chính là quá trình xây dựng pháp luật và năng lực của đội ngũ cán bộ thực thi. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh đất nước đang bước vào “kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [66, tr.11], đòi hỏi mọi chính sách phải mang tính bao trùm, đột phá, dẫn dắt, mở đường cho nhân tố mới phát triển. Tại khu vực ĐBSCL, việc lãnh đạo thực hiện lồng ghép giới trong văn bản quy phạm pháp luật chưa thực sự sâu sắc, dẫn đến một số chính sách chưa bao quát hết đặc thù của phụ nữ vùng sông nước. Đồng thời, tỉ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý dù có cải thiện nhưng chưa tương xứng với tiềm năng. Việc nâng cao năng lực cho cán bộ pháp chế giúp đảm bảo “mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp” [123, tr.31], tạo ra khung khổ pháp lý công bằng. Bên cạnh đó, tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào HTCT là thực hiện mục tiêu “phát triển đất nước đến năm 2030 khi Đảng ta tròn 100 năm thành lập” [66, tr.44-45]. Khi phụ nữ có mặt trong các vị trí quyết định, các chính sách về an sinh xã hội, giáo dục và y tế sẽ được nhìn nhận toàn diện hơn, góp phần xây dựng một nước Việt Nam “hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc” [66, tr.44].

*\* Để thực hiện giải pháp này cần triển khai các biện pháp, cách thức sau:*

Một là, hoàn thiện thể chế, quy trình lồng ghép giới gắn với đào tạo chuyên sâu đội ngũ cán bộ tham mưu. Trong tiến trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, việc tạo dựng một hành lang pháp lý đồng bộ và sắc bén là yêu cầu tiên quyết để hiện thực hóa các mục tiêu về BDG tại khu vực ĐBSCL. Biện pháp này không chỉ dừng lại ở các văn bản mang tính định hướng mà phải đi sâu vào việc thiết lập một quy trình vận hành khoa học, chặt chẽ trong bộ máy giúp việc của Tỉnh ủy. Trước hết, các cấp ủy đảng cần nhận thức rõ ràng, thể chế hóa các quan điểm của Đảng về cán bộ nữ chính là chìa khóa để phá bỏ những rào cản vô hình đang cản trở sự phát triển của phụ nữ trong HTCT. Tỉnh ủy phải trực tiếp chỉ đạo các cơ quan tham mưu, nhất là Ban Tổ chức, Ban Pháp chế và Văn phòng Tỉnh ủy, tiến hành rà soát tổng thể, đánh giá lại tính tương thích của các quy định hiện hành đối với yêu cầu thực tiễn. Việc đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương phải được coi là một cuộc cách mạng về tư duy quản trị, nơi mà mỗi chính sách ban hành đều phải mang trong mình “hơi thở” của BDG. Quy trình soạn thảo văn bản không được phép thực hiện một cách hình thức hay chiếu lệ; ngược lại, phải thiết lập các bộ chỉ số đánh giá tác động giới định lượng, cụ thể, đảm bảo rằng quyền và lợi ích của phụ nữ không bị bỏ quên trong bất kỳ kế hoạch phát triển KT-XH nào.

Đi đôi với hoàn thiện thể chế là việc nâng cao năng lực thực thi thông qua đào tạo chuyên sâu. Đội ngũ cán bộ tham mưu phải là những người tiên phong, có “nhãn quan giới” sắc bén để nhận diện và tháo gỡ các “điểm nghẽn” ngay từ khi chính sách còn trên bản thảo. Các lớp tập huấn kỹ năng lồng ghép giới hiện đại cần được thiết kế bài bản, kết hợp giữa lý luận chính trị và kỹ năng thực hành hành chính công hiện đại. Cán bộ không chỉ học lý thuyết mà phải được trực tiếp giải quyết các tình huống giả định, thực hành phương pháp phân tích giới trong các dự án đầu tư, quy hoạch vùng và chính sách an sinh xã hội đặc thù của vùng sông nước. Việc xây dựng một đội ngũ cán bộ pháp chế “vừa hồng vừa chuyên”, am tường về giới sẽ tạo ra một bộ lọc chính sách hiệu quả, ngăn chặn sự thiên lệch ngay từ gốc rễ. Khi quy trình tham mưu đã trở nên chuyên nghiệp và minh bạch, lòng tin của nhân dân vào sự công bằng của HTCT sẽ được củng cố vững chắc. Đây chính là bước đột

phá căn bản, là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng nhất nhằm thực hiện tinh thần cốt lõi mà Đảng đã định hướng:

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội [66, tr.76].

Một hệ thống thể chế vững mạnh sẽ là điểm tựa vững chắc nhất để cán bộ nữ tự tin dẫn thân nỗ lực và cống hiến.

*Hai là*, đổi mới mạnh mẽ công tác quy hoạch, bố trí cán bộ nữ vào các vị trí chủ chốt của HTCT.

Công tác cán bộ là “vấn đề then chốt của then chốt”, và việc đổi mới công tác quy hoạch cán bộ nữ chính là khâu đột phá để tạo ra sự chuyển biến về chất trong cơ cấu lãnh đạo tại các tỉnh ở ĐBSCL. Tỉnh ủy cần quán triệt sâu sắc rằng, bình đẳng trong công tác cán bộ không phải là sự ưu tiên mang tính hình thức, mà là yêu cầu khách quan để phát huy tối đa nguồn lực trí tuệ của xã hội. Phải kiên quyết khắc phục triệt để tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong việc chuẩn bị nhân sự nữ. Cấp ủy các cấp phải có cái nhìn chiến lược, dài hạn, không thể để đến sát kỳ đại hội mới “vội vàng” tìm kiếm cán bộ nữ để lấp đầy chỉ tiêu cơ cấu. Thay vào đó, quy hoạch phải được thực hiện theo phương châm “động” và “mở”, đảm bảo tính kế thừa xuyên suốt. Tỉnh ủy cần cụ thể hóa lộ trình thông qua các quy định cứng về tỷ lệ nữ trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và nhất là các chức danh chủ chốt như Bí thư, Chủ tịch các cấp trong nhiệm kỳ 2025-2030. Đây chính là trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tạo dựng không gian phát triển cho phụ nữ.

Đặc biệt, cần có sự dũng cảm và bản lĩnh chính trị của tập thể Thường trực Tỉnh ủy trong việc mạnh dạn bố trí, sắp xếp cán bộ nữ vào các vị trí lãnh đạo then chốt về kinh tế, nội chính, quản lý đô thị - những lĩnh vực vốn dĩ trước đây thường được mặc định dành cho nam giới. Việc đưa cán bộ nữ vào các địa bàn khó khăn, lĩnh vực trọng yếu, phức tạp sẽ là thước đo chính xác nhất cho bản lĩnh và năng lực lãnh đạo, quản lý của họ. Các cơ quan chức năng cần chủ động phát hiện những nhân tố nữ có tư duy đột phá, có thành

tích xuất sắc tại cơ sở để đưa vào quy hoạch cấp cao hơn, thậm chí thực hiện bổ nhiệm vượt cấp đối với những trường hợp thực sự nổi trội. Quá trình lựa chọn, đề bạt phải được tiến hành trên nguyên tắc dân chủ, công khai, khách quan và công tâm tuyệt đối, lấy kết quả công việc làm thước đo chính yếu. Khi cán bộ nữ được đặt vào đúng vị trí “hạt nhân lãnh đạo”, họ sẽ tỏa sáng bằng trí tuệ và sự tận tâm, từ đó truyền cảm hứng và thay đổi định kiến của xã hội. Đầu tư cho cán bộ nữ chính là đầu tư cho tương lai bền vững của Đảng bộ và sự phồn vinh của nhân dân ở ĐBSCL.

*Ba là, xây dựng môi trường văn hóa công sở văn minh và cơ chế đặc thù hỗ trợ cán bộ nữ phát triển toàn diện.*

Đề đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý vùng ĐBSCL có thể phát huy hết tài năng, việc kiến tạo một môi trường làm việc văn minh, liêm chính và đậm đà tính nhân văn là yêu cầu cấp thiết. Tỉnh ủy phải coi việc xây dựng văn hóa Đảng và văn hóa công sở là nhiệm vụ trọng tâm để bài trừ tận gốc tư tưởng trọng nam khinh nữ, vốn vẫn còn len lỏi trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Một môi trường công sở tích cực phải là nơi mà mọi cán bộ, không phân biệt giới tính, đều được tôn trọng và đánh giá dựa trên phẩm chất đạo đức và năng lực thực tế. Tỉnh ủy cần lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thiết lập những quy chuẩn ứng xử chuyên nghiệp, loại bỏ các hành vi lệch chuẩn, định kiến hoặc phân biệt đối xử đối với cán bộ nữ. Đồng thời, cần nhận thức rằng phụ nữ luôn phải gánh vác thiên chức gia đình nặng nề hơn nam giới, do đó, các cơ chế đặc thù không phải là sự ưu tiên mà là sự công bằng xã hội cần thiết để tạo sự cân bằng về điểm xuất phát.

Tỉnh ủy cần chỉ đạo nghiên cứu và ban hành các chính sách hỗ trợ thiết thực, mang đậm tính đặc thù của vùng sông nước. Đó có thể là việc hỗ trợ kinh phí đi lại cho cán bộ nữ công tác tại các xã đảo, đặc khu, vùng sâu, vùng xa; bố trí nhà ở công vụ đảm bảo an ninh; hoặc xây dựng hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo chất lượng cao gần công sở để cán bộ nữ yên tâm làm việc. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản trị tiên tiến, kỹ năng lãnh đạo hiện đại cũng cần được tổ chức với khung thời gian linh hoạt, phù hợp với điều kiện sinh hoạt của phụ nữ có con nhỏ. Khi những rào cản về tâm lý tự ti và nỗi lo toan gia đình được tháo gỡ bằng sự quan tâm chân thành của cấp ủy, cán bộ nữ sẽ có thêm động lực mạnh mẽ để bứt phá. Sự thấu hiểu và hỗ trợ từ phía Đảng

bộ không chỉ giúp họ hoàn thành tốt việc nước mà còn giữ trọn vẹn hạnh phúc gia đình. Một đội ngũ lãnh đạo nữ vừa giỏi việc công, vừa đảm việc nhà sẽ là hình mẫu tiêu biểu cho sức mạnh của phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới. Việc chăm lo cho sự phát triển của phụ nữ một cách thực chất sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhất để họ phát huy vai trò chủ thể, sẵn sàng trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc. Đây chính là nền tảng văn hóa vững chắc để xây dựng một HTCT vùng ĐBSCL phát triển hài hòa, nhân văn.

*Bốn là*, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý cán bộ gắn với phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, việc hiện đại hóa công tác quản lý cán bộ nữ bằng công nghệ số không còn là lựa chọn mà là yêu cầu bắt buộc để nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo. Tỉnh ủy ở ĐBSCL cần chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số tập trung, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã về hồ sơ cán bộ nữ. Hệ thống này phải được thiết kế thông minh, cho phép quản trị lộ trình phát triển của từng nhân tố từ khâu phát hiện, đào tạo, quy hoạch đến luân chuyển và bổ nhiệm. Việc ứng dụng công nghệ số sẽ giúp các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ có cái nhìn tổng thể, chính xác và kịp thời, loại bỏ sự cảm tính hoặc cục bộ địa phương trong đánh giá cán bộ. Mọi thông tin về quá trình rèn luyện, các thành tích cũng như những hạn chế của cán bộ nữ đều được minh bạch hóa trên hệ thống, tạo cơ sở khoa học để cấp ủy ra quyết định đúng đắn. Đây là giải pháp quan trọng để quản trị đội ngũ dựa trên dữ liệu, đảm bảo tính công bằng và mở ra cơ hội thăng tiến thực chất cho những người có năng lực.

Song hành với quản trị số là việc phát huy tối đa vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức CT-XH. Tỉnh ủy cần tạo cơ chế thuận lợi để các đoàn thể và quần chúng nhân dân tham gia vào quá trình giám sát thực hiện chính sách cán bộ nữ. Phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” phải được áp dụng triệt để trong mọi khâu của công tác cán bộ. Việc lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và cả những phản hồi từ nhân dân về đạo đức, lối sống của cán bộ nữ sẽ giúp Đảng bộ điều chỉnh chính sách kịp thời, bảo vệ những cán bộ làm việc vì dân và đào thải những thành phần cơ hội. Sự kết hợp giữa sức mạnh công nghệ và sức mạnh giám sát của nhân dân sẽ đảm bảo đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo vùng

ĐBSCL thực sự là những người tiêu biểu về đức và tài. Khi mọi quy trình đều minh bạch và có sự tham gia của xã hội, chúng ta sẽ tạo ra một vận hội mới, một khí thế mới cho sự phát triển của phụ nữ. Sự nỗ lực đồng bộ này sẽ góp phần quan trọng vào sự nghiệp “biến khát vọng thành hiện thực, đưa đất nước tiến mạnh, tiến vững chắc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội” [66, tr.43]. Một hệ thống quản trị hiện đại và sự đồng thuận của nhân dân sẽ là bệ phóng đưa đội ngũ cán bộ nữ vươn tới những tầm cao mới, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển phồn vinh của đất nước.

#### **4.2.5. Tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long trong việc xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về bình đẳng giới đồng bộ và hiệu quả**

Việc kiện toàn và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý cùng đội ngũ cán bộ là yêu cầu cấp thiết để hoàn thiện thể chế và phát huy nguồn lực con người trong kỷ nguyên mới. Hiến pháp năm 2025 khẳng định: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân” [123, tr.2]. Quyền BDG là một bộ phận không thể tách rời của quyền con người, do đó, bộ máy quản lý phải đủ mạnh để “thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” [123, tr.2]. Văn kiện Đại hội XIV đã xác định rõ tầm nhìn: “Triển khai hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy hệ thống chisnhtrij theo mô hình mới bảo đảm vận hành thông suốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển đất nước nhanh và bền vững” [66, tr.144]. Trong kỷ nguyên này, sự phát triển không thể thiếu vai trò của phụ nữ và công tác BDG. Tuy nhiên, thực tiễn tại ĐBSCL cho thấy bộ máy làm công tác này đôi khi còn lỏng ghép, kiêm nhiệm, dẫn đến hiệu quả chưa cao, các chính sách chưa bao quát hết đặc thù của phụ nữ vùng sông nước. Do đó, cần tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với việc kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước và: “xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp thật sự có đức, có tài, không ngừng tự đổi mới, ngang tầm nhiệm vụ” [66, tr.144]. Tỉnh ủy cần đóng vai trò hạt nhân để “tăng cường xây dựng và phát triển đồng bộ, chất lượng cao hệ thống kết cấu hạ tầng... hạ tầng kinh tế - xã hội” [51, tr.27], trong đó bộ máy quản lý BDG là hạ tầng xã hội thiết yếu. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh cũng đã xác định mục tiêu: “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang

tầm nhiệm vụ” [50, tr.3]. Do đó, việc nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác giới từ tinh đến cơ sở chính là cách để phát huy cao độ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo tiền đề vững chắc cho sự thăng tiến của phụ nữ và phát triển xã hội bền vững.

*\* Để thực hiện giải pháp này cần triển khai các biện pháp, cách thức sau:*

*Một là, ban hành nghị quyết chuyên đề của tỉnh ủy về kiện toàn bộ máy tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác BĐG.*

Đây là biện pháp quan trọng nhằm thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển xã hội bao trùm, Tỉnh ủy cần đóng vai trò chỉ đạo sát sao việc rà soát lại toàn bộ hệ thống các Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ và các cơ quan chuyên môn liên quan. Văn kiện Đại hội XIV đã xác định rõ yêu cầu: “đẩy mạnh thực hiện và tiếp tục hoàn thiện mô hình tổng thể và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị” [66, tr.282]. Thấm nhuần tinh thần đó, việc kiện toàn bộ máy làm công tác BĐG tại vùng ĐBSCL không chỉ là sự thay đổi về mặt cơ học mà là sự nâng tầm về chất lượng quản trị. Tỉnh ủy cần lãnh đạo việc xây dựng một sơ đồ tổ chức xuyên suốt, xác định rõ “đầu mối” chịu trách nhiệm chính, tránh tình trạng “nhiều người làm nhưng không ai chịu trách nhiệm” khi có vấn đề phát sinh. Theo đó, nghị quyết cần quy định rõ trách nhiệm của các cấp ủy trong việc bố trí cán bộ và “tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định” [123, tr.24] đối với các chính sách giới. Việc ban hành văn bản lãnh đạo phải đảm bảo tính kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, cập nhật các tiêu chuẩn quốc tế về giới vào điều kiện cụ thể của tỉnh. Tỉnh ủy cần yêu cầu các cơ quan “ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó” [123, tr.26], tạo hành lang pháp lý vững chắc cho đội ngũ cán bộ làm công tác giới hoạt động.

Cách thức triển khai thực tế là phải gắn việc kiện toàn bộ máy với lộ trình cải cách hành chính và chuyển đổi số của tỉnh. Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy quản lý nhà nước với các tổ chức CT-XH, đặc biệt là Hội LHPN các cấp. Việc sắp xếp này phải bảo đảm tính khoa học, phù hợp với đặc thù của vùng sông nước và nhu cầu thực tiễn của phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số. Bộ máy sau khi kiện toàn phải đủ mạnh để tham mưu cho cấp ủy những quyết sách tầm

chiến lược, đồng thời đủ linh hoạt để xử lý các vấn đề thực tế tại cơ sở. Khi tổ chức được sắp xếp tinh gọn, chuyên sâu, các nguồn lực dành cho BDG sẽ được tập trung đúng mục đích, tạo ra sức mạnh tổng hợp để hiện thực hóa khát vọng vươn mình của địa phương trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

*Hai là*, xây dựng và thực hiện quy hoạch, đào tạo bài bản đội ngũ cán bộ làm công tác BDG chuyên trách theo hướng chuyên nghiệp hóa.

Con người luôn là nhân tố quyết định mọi sự thành bại của sự nghiệp cách mạng. Để công tác BDG không còn mang tính hình thức, Tỉnh ủy phải coi việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác này là một nhiệm vụ chiến lược trong công tác cán bộ của Đảng bộ. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ công tác cán bộ; bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị” [66, tr.405]. Theo đó, Tỉnh ủy cần lãnh đạo việc rà soát, đánh giá đúng thực trạng năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác giới từ tỉnh đến cơ sở để xây dựng kế hoạch quy hoạch, đào tạo dài hạn. Phải kiên quyết xóa bỏ tư duy coi công tác giới là nhiệm vụ phụ, từ đó mạnh dạn bố trí những cán bộ có tâm huyết, có bản lĩnh chính trị và am hiểu sâu sắc về luật pháp, tâm lý học giới vào các vị trí chuyên trách.

Quy trình đào tạo cần được đổi mới mạnh mẽ về nội dung, tập trung vào các kỹ năng hiện đại như: kỹ năng phân tích giới trong lập kế hoạch, kỹ năng ứng dụng công nghệ số trong quản lý dữ liệu giới và kỹ năng vận động chính sách. Tỉnh ủy chỉ đạo các trường chính trị địa phương phối hợp với các viện nghiên cứu chuyên sâu để xây dựng các chương trình bồi dưỡng đặc thù cho cán bộ vùng ĐBSCL. Đồng thời, công tác sử dụng cán bộ phải thực hiện nghiêm phương châm “có vào, có ra, có lên, có xuống”, kịp thời thay thế những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, tư duy cũ kỹ. Khi đội ngũ cán bộ làm công tác BDG được chuẩn hóa về trình độ và chuyên nghiệp hóa về kỹ năng, họ sẽ thiết kế nên các chương trình hành động hiệu quả, thúc đẩy sự thăng tiến của phụ nữ và đảm bảo công bằng xã hội một cách thực chất. Bên cạnh, tỉnh ủy cũng cần có chính sách “khen thưởng, thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công” [123, tr.13] trong phong trào BDG tại cơ sở.

*Ba là*, thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ dưới sự giám sát trực tiếp của cấp ủy Đảng để phát huy sức mạnh tổng hợp.

Công tác BDG vốn mang tính liên ngành, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội. Do đó, nếu chỉ riêng bộ máy quản lý nhà nước về giới hoạt động đơn lẻ thì khó có thể tạo ra sự thay đổi đột phá. Tỉnh ủy cần lãnh đạo xây dựng một cơ chế phối hợp vận hành nhịp nhàng giữa các sở, ban, ngành và MTTQ. Văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định rõ tầm quan trọng của việc huy động sức mạnh tổng lực: “tăng cường và phát huy sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [66, tr.22]. Thể chế hóa tinh thần này, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập các tổ công tác liên ngành về BDG, định kỳ họp đánh giá kết quả và tháo gỡ khó khăn, không để tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” trong thực hiện các chỉ tiêu về giới.

Cách thức thực hiện cốt lõi là gắn trách nhiệm thực hiện mục tiêu BDG vào nhiệm vụ chính trị của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Tỉnh ủy tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên để đảm bảo các nghị quyết về giới được thực thi đồng bộ. Cơ chế phối hợp phải đảm bảo tính thống nhất nhưng có sự phân công rõ ràng, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Đặc biệt, cần phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức thành viên MTTQ để các chính sách giới thực sự vì lợi ích của nhân dân. Sự giám sát trực tiếp của Đảng sẽ kịp thời phát hiện và xử lý những biểu hiện lơ là, thiếu trách nhiệm, từ đó tạo ra môi trường chính trị lành mạnh, nơi BDG trở thành tiêu chuẩn chung cho mọi hành động của HTCT tỉnh. Đồng thời, định kỳ rà soát, tinh lọc và xử lý nghiêm những cán bộ trong bộ máy quản lý có tư duy định kiến hoặc thiếu trách nhiệm đối với BDG. Đây là một trong những cách thức xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh. Tỉnh ủy chỉ đạo “kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu” [123, tr.3]. Những cán bộ làm công tác giới nhưng lại có hành vi “xâm phạm danh dự, nhân phẩm” [123, tr.6] phụ nữ phải bị loại bỏ ngay khỏi bộ máy. Biện pháp này giúp tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng và đảm bảo bộ máy luôn là “nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội” [123, tr.15]. Việc xử lý nghiêm cũng là để “bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người” [123, tr.26] theo đúng tinh thần pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà văn kiện Đại hội XIV đã đề ra.

*Bốn là*, đầu tư nguồn lực tài chính và hạ tầng công nghệ số hiện đại để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BDG.

Trong kỷ nguyên số, không thể quản lý xã hội hiện đại bằng những công cụ thủ công lạc hậu. Việc nâng cao năng lực bộ máy phải đi đôi với việc hiện đại hóa công cụ làm việc. Tỉnh ủy cần chỉ đạo việc ưu tiên bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư cho công tác BDG. Văn kiện Đại hội XIV đã xác định mục tiêu đột phá: “Tập trung triển khai đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” [67, tr.386]. Áp dụng vào thực tiễn địa phương, Tỉnh ủy lãnh đạo việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số liên thông về cán bộ nữ và tình hình giới tại địa phương. Đây là cơ sở khoa học để lãnh đạo tỉnh đưa ra các quyết sách chính xác, kịp thời, không dựa trên cảm tính.

Việc đầu tư hạ tầng số phải hướng tới mục tiêu phục vụ nhân dân và hỗ trợ cán bộ cơ sở. Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai các phần mềm quản lý, theo dõi biến động về lao động, việc làm và an sinh xã hội của phụ nữ trên địa bàn tỉnh. Ngân sách dành cho BDG phải được quản lý công khai, minh bạch và ưu tiên cho các chương trình mang tính lan tỏa cao như đào tạo nghề cho phụ nữ nông thôn, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và xây dựng hạ tầng phúc lợi tại các khu công nghiệp. Khi được trang bị công nghệ hiện đại và nguồn lực tài chính ổn định, bộ máy quản lý giới sẽ nâng cao được năng lực dự báo và phản ứng chính sách, giúp các chủ trương của Đảng thực sự bắt nguồn từ thực tiễn, mang lại lợi ích thiết thực cho mọi tầng lớp phụ nữ, đóng góp vào sự phồn vinh chung của đất nước.

*Năm là*, xây dựng môi trường văn hóa công sở bình đẳng và xử lý nghiêm các biểu hiện định kiến giới trong bộ máy quản lý.

Mọi sự kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực sẽ trở nên vô nghĩa nếu môi trường làm việc vẫn tồn tại những định kiến lạc hậu về giới. Tỉnh ủy phải là trung tâm lãnh đạo việc xây dựng văn hóa công sở văn minh, kỷ cương, nơi sự đóng góp của nam giới và nữ giới đều được trân trọng như nhau. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh: “kiên quyết đấu tranh phòng, chống có hiệu quả những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, cục bộ...” [66, tr.389]. Trong công tác giới, sự “quan liêu” chính là việc phớt lờ các nhu cầu chính đáng của phụ nữ; sự “định kiến” chính là rào cản ngăn cản cán bộ nữ phát triển. Tỉnh ủy cần ban hành các chuẩn mực đạo đức

công vụ về BĐG, coi đây là thước đo phẩm chất của người cán bộ, đảng viên trong thời đại mới.

Biện pháp quyết liệt nhất là định kỳ rà soát, tinh lọc bộ máy, xử lý nghiêm những cá nhân có tư duy trọng nam khinh nữ hoặc gây cản trở, trù dập cán bộ nữ. Tỉnh ủy tăng cường công tác kiểm tra Đảng để bảo vệ những giá trị công bằng, bác bỏ mọi hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm phụ nữ trong môi trường công tác. Việc xây dựng môi trường văn hóa bình đẳng không chỉ giúp thu hút người tài mà còn tạo động lực để cán bộ nữ tự tin cống hiến hết mình. Một bộ máy trong sạch, văn minh, đề cao giá trị con người theo đúng tinh thần pháp quyền xã hội chủ nghĩa sẽ là nền tảng vững chắc để Đảng bộ tỉnh thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược, đưa địa phương cùng cả nước bước vào kỷ nguyên vươn mình rực rỡ của dân tộc.

#### **4.2.6. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới**

Đề xuất giải pháp này xuất phát từ yêu cầu khách quan của công cuộc hội nhập quốc tế sâu rộng và thực tiễn phát triển của vùng ĐBSCL trong kỷ nguyên mới. Hiến pháp năm 2025 khẳng định nước ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình và “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”. Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc tăng cường lãnh đạo chủ động hợp tác quốc tế trong thực hiện các mục tiêu BĐG không chỉ là nhiệm vụ quốc gia mà còn là sự cam kết với các chuẩn mực toàn cầu. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh cần “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại” [66, tr.21] để tạo đột phá phát triển. Hiện nay, nguồn lực địa phương dành cho công tác giới còn hạn chế, trong khi các tổ chức quốc tế và Trung ương sở hữu nguồn vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm quản trị xã hội tiên tiến. Việc chủ động hợp tác giúp chúng ta tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và áp dụng các mô hình hỗ trợ phụ nữ hiệu quả vào đặc thù vùng sông nước. Tăng cường hợp tác quốc tế còn giúp đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, từ đó tranh thủ được các khoản viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ chuyên môn để giải quyết các vấn đề nổi cộm như biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sinh kế phụ nữ miền Tây. Bên cạnh đó, việc tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và các cá nhân, tổ chức giúp địa phương

tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong phát triển về giới. Điều này đảm bảo thực hiện mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đồng thời nâng cao vị thế của tỉnh trong mắt bạn bè quốc tế qua việc thực hiện tốt các điều ước quốc tế về quyền con người và BĐG.

\* Để thực hiện giải pháp này cần triển khai các biện pháp, cách thức sau:

*Một là*, quán triệt và cụ thể hóa đường lối đối ngoại của Đảng về BĐG thành các chương trình hành động, hội nghị đối thoại quốc tế tại địa phương.

Đây là biện pháp mang tính nguyên tắc nhằm đảm bảo mọi hoạt động hợp tác quốc tế về giới tại tỉnh đều đi đúng quỹ đạo, định hướng chính trị của Đảng. Tỉnh ủy cần đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo trong việc “nội luật hóa” các cam kết quốc tế và đường lối đối ngoại vào thực tiễn địa phương ĐBSCL. Văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định rõ tâm thế của đất nước: “biển khát vọng thành hiện thực, đưa đất nước tiến mạnh, tiến vững chắc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội” [66, tr.43]. Trong kỷ nguyên vươn mình ấy, hợp tác quốc tế về BĐG không chỉ là để tranh thủ nguồn lực mà còn là để khẳng định giá trị văn minh, nhân văn của chế độ ta với bạn bè thế giới. Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức các hội nghị đối ngoại chuyên đề, diễn đàn đầu tư về giới với sự tham gia của các đại sứ quán và tổ chức quốc tế để giới thiệu tiềm năng và nhu cầu hỗ trợ đặc thù của vùng sông nước.

Cách thức thực hiện là phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao để mời các đối tác chiến lược về thăm và làm việc, qua đó bày tỏ thông điệp mạnh mẽ về sự cam kết của tỉnh trong việc bảo vệ quyền con người và thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ. Các diễn đàn này phải là nơi để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi tiếng nói của phụ nữ địa phương được lắng nghe bởi cộng đồng quốc tế. Việc ký kết các văn bản ghi nhớ phải dựa trên nguyên tắc độc lập, tự chủ, đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc trên hết. Biện pháp này giúp chuyển tư thế từ thụ động chờ đợi sang chủ động mời gọi hợp tác, biến ngoại lực thành động lực mạnh mẽ để nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực cán bộ nữ tại địa phương một cách bền vững, góp phần xây dựng một hình ảnh Việt Nam tự tin và trách nhiệm trên trường quốc tế.

*Hai là*, thành lập Ban Chỉ đạo hợp tác quốc tế về BĐG cấp tỉnh và chủ động xây dựng danh mục các dự án ưu tiên vận động tài trợ.

Để công tác hợp tác quốc tế về giới có sự thống nhất và chiều sâu, tỉnh ủy cần thiết lập một cơ chế lãnh đạo tập trung, đủ mạnh. Việc thành lập Ban Chỉ đạo do Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp phụ trách là biện pháp thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong đối ngoại. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ điều phối sức mạnh tổng hợp của các sở, ngành, tránh tình trạng hoạt động phân tán, thiếu hiệu quả. Văn kiện Đại hội XIV yêu cầu: “Khi thống nhất cao về tư tưởng, quyết liệt trong hành động, nghiêm minh trong kỷ luật, Nhân dân thật sự là trung tâm, nhất định chúng ta sẽ biến khát vọng thành hiện thực... trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [66, tr.43]. Áp dụng tinh thần này, Ban Chỉ đạo phải chủ động xây dựng “danh mục dự án ưu tiên” bám sát thực tiễn vùng ĐBSCL như: hạ tầng nước sạch nông thôn lồng ghép giới, hạ tầng y tế mầm non và đào tạo kỹ năng số cho phụ nữ nông thôn.

Cách thức vận hành của Ban Chỉ đạo phải đảm bảo tính khoa học, công khai và minh bạch. Tỉnh ủy lãnh đạo việc tranh thủ các chương trình mục tiêu quốc gia của Trung ương kết hợp với nguồn lực từ các tổ chức quốc tế để đầu tư cho công tác BDG tại cơ sở. Việc quản lý các nguồn tài chính này phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc hiệu quả và công bằng, đảm bảo mọi khoản hỗ trợ đều đến đúng đối tượng phụ nữ nghèo, phụ nữ yếu thế. Ban Chỉ đạo cũng cần đề xuất các cơ chế đặc thù trình cấp trên để tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho các dự án quốc tế về giới. Khi có một bộ máy điều hành đủ tầm và một danh mục dự án rõ ràng, địa phương sẽ tạo được niềm tin bền vững với các đối tác, thu hút nguồn lực lớn để chăm lo cho đời sống nhân dân, thực hiện đúng mục tiêu mọi người đều có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

*Ba là*, nâng cao năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và tư duy chuyển đổi số đối ngoại cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác BDG.

Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, nhất là trong lĩnh vực đối ngoại đòi hỏi sự nhạy bén và trình độ chuyên môn cao. Tỉnh ủy cần chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tham mưu về hợp tác quốc tế và BDG. Văn kiện Đại hội XIV xác định rõ mục tiêu hiện đại hóa công tác Đảng: “tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hạ tầng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo... triển khai hiệu quả các phần mềm, ứng dụng dùng chung trong Đảng và mạng truyền số liệu

chuyên dùng đồng bộ, an toàn, hiện đại” [66, tr.419]. Theo đó, Tỉnh ủy lãnh đạo việc xây dựng Cổng thông tin điện tử đối ngoại về BĐG đa ngôn ngữ, không chỉ để quảng bá hình ảnh địa phương mà còn để kết nối và vận động nguồn lực toàn cầu. Đội ngũ cán bộ phải được trang bị kỹ năng sử dụng các công nghệ mới để quản lý dự án và tương tác với bạn bè quốc tế.

Nội dung bồi dưỡng phải cập nhật các tiêu chuẩn giới hiện đại nhưng vẫn giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc. Cần có chính sách ưu tiên phát triển các nhân tài nữ trong lĩnh vực đối ngoại, cử cán bộ đi học tập kinh nghiệm tại các quốc gia có chỉ số BĐG hàng đầu. Đội ngũ cán bộ phải thấm nhuần tinh thần trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và liên hệ chặt chẽ với nhân dân. Khi tiếp nhận các công nghệ hay quy trình quản lý từ nước ngoài, cán bộ phải có sự chọn lọc, điều chỉnh phù hợp với phong tục tập quán tốt đẹp của người miền Tây, tránh việc áp dụng máy móc. Việc nâng cao năng lực cho đội ngũ này không chỉ là nâng tầm chuyên môn mà còn là xây dựng “sức mạnh mềm” của tỉnh trong hội nhập quốc tế, đảm bảo mỗi cán bộ đối ngoại đều là một sứ giả văn hóa, góp phần thúc đẩy BĐG trong kỷ nguyên mới.

*Bốn là*, thiết lập cơ chế lấy ý kiến tư vấn từ chuyên gia quốc tế và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiệu quả các dự án hỗ trợ.

Để các nguồn lực quốc tế được sử dụng đúng mục đích và mang lại hiệu quả thực chất, Tỉnh ủy cần lãnh đạo xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ và tham vấn khoa học. Việc mời các chuyên gia từ các tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc tham gia tư vấn định kỳ sẽ giúp địa phương tiếp cận với kho tàng kiến thức của nhân loại, đảm bảo các dự án lồng ghép giới có tính khả thi và bền vững cao. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu: “Xây dựng xã hội lành mạnh, kỷ cương, văn minh, an toàn và phát triển. Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, toàn diện, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội” [66, tr.107].

Theo đó, công tác giám sát phải được thực hiện với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Thiết lập cơ chế lấy ý kiến tư vấn từ các chuyên gia quốc tế định kỳ trong việc thẩm định các dự án lồng ghép giới trọng điểm của tỉnh. Cách thức này nhằm thực hiện quyền “tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ” [123, tr.14] thông qua việc tiếp cận kho tàng kiến thức của nhân loại. Tỉnh ủy chỉ đạo chính

quyền mời các chuyên gia từ các tổ chức thuộc Liên Hợp quốc như cơ quan Liên Hợp Quốc về BDG và trao quyền cho phụ nữ, Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc tham gia phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của nhân dân đối với các chính sách về giới tại địa phương. Việc tham vấn giúp chúng ta có góc nhìn khách quan, khoa học để phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và của chế độ chính trị để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước các rủi ro xã hội nảy sinh từ tình trạng bất bình đẳng.

Tỉnh ủy chỉ đạo chính quyền phối hợp với các cơ quan kiểm toán để thực hiện kiểm tra định kỳ việc sử dụng tài chính, tài sản công tại các chương trình BDG. Mọi sai phạm gây thất thoát, lãng phí nguồn lực quốc tế phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để khẳng định sự liêm chính của bộ máy. Đồng thời, cấp ủy lãnh đạo việc thực hiện chế độ báo cáo công khai trước nhân dân về hiệu quả mang lại từ các dự án hợp tác quốc tế. Qua giám sát, lãnh đạo tỉnh có thể kịp thời phát hiện những vướng mắc để điều chỉnh chính sách, đồng thời phát hiện các nhân tố phụ nữ điển hình từ các dự án để đưa vào quy hoạch cán bộ. Sự minh bạch trong giám sát và cầu thị trong tham vấn chuyên gia sẽ tạo ra môi trường hợp tác lành mạnh, giúp địa phương tiếp thu tinh hoa thế giới nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc, thúc đẩy BDG một cách thực chất và kỷ cương.

*Năm là*, xây dựng mạng lưới kết nối giữa tỉnh với kiều bào và các tổ chức xã hội để huy động sức mạnh đại đoàn kết trong thực hiện BDG.

Hợp tác quốc tế về giới không chỉ là quan hệ giữa các chính phủ mà còn là sự gắn kết với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức xã hội thiện nguyện. Tỉnh ủy cần quán triệt sâu sắc tinh thần đại đoàn kết dân tộc, coi kiều bào là một bộ phận không thể tách rời và là nguồn lực quan trọng để phát triển quê hương. Văn kiện Đại hội XIV khẳng định khát vọng chung: xây dựng đất nước “vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” [66, tr.7]. Để thực hiện mục tiêu này, Tỉnh ủy lãnh đạo việc mời gọi các chuyên gia, doanh nhân là nữ kiều bào về tư vấn kỹ thuật và đầu tư cho các quỹ khởi nghiệp, quỹ an sinh xã hội dành cho phụ nữ nghèo tại địa phương.

Cách thức triển khai là tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội, các cá nhân trong và ngoài nước hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ phụ nữ yếu thế theo đúng quy định pháp luật. Tỉnh ủy chỉ đạo việc công khai, minh bạch trong tiếp nhận và phản hồi ý kiến đóng góp từ các mạng lưới kết nối này. Đây chính là biểu hiện của việc đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ ở cấp độ tỉnh, giúp huy động mọi tiềm năng trí tuệ và tài chính cho mục tiêu giới. Việc giữ mối quan hệ gắn bó với kiều bào không chỉ giúp thu hút ngoại lực mà còn bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước trong lòng mỗi người con xa xứ. Khi sức mạnh của khối đại đoàn kết được khơi dậy và phát huy, công tác BDG tại ĐBSCL sẽ có thêm những nguồn lực dồi dào, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đưa vùng đất Chín Rồng vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

#### **4.2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với việc thực hiện bình đẳng giới**

Tăng cường kiểm tra, giám sát về công tác BDG là yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và kỷ luật Đảng trong kỷ nguyên mới. Hiến pháp năm 2025 khẳng định: “Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý” và “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật”. Trong bối cảnh đất nước bước vào “kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, công tác BDG không thể chỉ dừng lại ở các văn bản lý thuyết mà phải được hiện thực hóa bằng kết quả thực tế. Hiện nay, tại một số địa phương thuộc ĐBSCL, việc thực hiện chỉ tiêu về cán bộ nữ và bảo vệ trẻ em gái vẫn còn những “điểm nghẽn” chưa được giải quyết triệt để. Thực tiễn cho thấy, ở đâu công tác kiểm tra, giám sát bị buông lỏng, ở đó quyền lợi của phụ nữ dễ bị xâm phạm và các chỉ tiêu chiến lược dễ bị xem nhẹ. Việc tập trung vào những địa bàn trọng điểm hoặc có tỷ lệ nữ lãnh đạo thấp chính là cách thức thực hiện phương châm: “giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”. Điều này giúp tỉnh ủy nhận diện chính xác các rào cản, từ đó kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong công tác cán bộ nữ. Đây còn là biện pháp để củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, tạo môi trường lành mạnh để

phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Qua đó, góp phần hiện thực hóa mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” mà Nghị quyết Đại hội XIV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

*\* Để thực hiện giải pháp này cần triển khai các biện pháp, cách thức sau:*

*Một là, xây dựng và hoàn thiện quy chế phối hợp kiểm tra, giám sát chuyên đề về BDG giữa cấp ủy với các cơ quan dân cử và tổ chức CT-XH.*

Đây là biện pháp mang tính hệ thống, nhằm tạo ra cơ chế giám sát đa tầng, đa diện, bảo đảm các chủ trương của Đảng về giới được thấm thấu và thực thi nghiêm túc từ tỉnh đến cơ sở. Trong công tác xây dựng Đảng, kiểm tra, giám sát không chỉ là chức năng lãnh đạo mà còn là phương thức quan trọng để giữ vững kỷ cương, kỷ luật. Việc phối hợp giữa cấp ủy và các cơ quan như HĐND, Ủy ban MTTQ tỉnh sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, tránh tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” hoặc kiểm tra dàn trải, chông chéo gây lãng phí nguồn lực. Tỉnh ủy cần chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra các cấp chủ trì, phối hợp với các đoàn thể xây dựng khung quy chế rõ ràng, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc giám sát thực thi luật pháp về BDG. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu: “Xây dựng xã hội lành mạnh, kỷ cương, văn minh, an toàn và phát triển. Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, toàn diện, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội” [66, tr.107].

Triển khai thực tế biện pháp này đòi hỏi sự định kỳ và chuyên sâu. Các đợt giám sát chuyên đề phải tập trung vào những “khâu yếu, việc khó” hoặc các lĩnh vực nhạy cảm giới như: công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ; việc phân bổ ngân sách địa phương cho các chương trình phát triển phụ nữ và trẻ em; việc thực hiện các chế độ an sinh xã hội tại vùng sâu, vùng xa. Cấp ủy phải tạo không gian cho các tổ chức thành viên của MTTQ thực hiện quyền phản biện xã hội, lắng nghe những tiếng nói chân thực, khách quan từ tầng lớp phụ nữ lao động và cán bộ nữ cơ sở. Thông qua kết quả phối hợp, Tỉnh ủy không chỉ dừng lại ở việc phát hiện sai phạm mà còn đóng vai trò hướng dẫn, giúp cấp ủy cấp dưới tháo gỡ những “điểm nghẽn” về nguồn cán bộ hoặc cơ chế đặc thù. Việc thiết lập một quy chế phối hợp chặt chẽ như vậy chính là cách thức hữu hiệu để kiểm soát quyền lực, ngăn chặn tư tưởng

cục bộ, trọng nam khinh nữ trong công tác cán bộ, đồng thời khẳng định giá trị công bằng xã hội ngay từ nền tảng gốc rễ của HTCT.

*Hai là*, xác định danh mục các đơn vị, địa bàn trọng điểm dựa trên hệ thống chỉ số về giới để tập trung nguồn lực kiểm tra, hỗ trợ và xử lý vi phạm.

Để nâng cao tính thực chất, công tác kiểm tra không được thực hiện cào bằng mà phải có trọng tâm, trọng điểm theo phương châm “giải quyết dứt điểm từ cơ sở”. Tỉnh ủy cần chỉ đạo các cơ quan tham mưu ứng dụng các bộ công cụ đo lường, phân tích dữ liệu thực tế để nhận diện chính xác các đơn vị “vùng lõm” - nơi có chỉ số BĐG thấp, tỷ lệ nữ lãnh đạo không đạt chỉ tiêu Nghị quyết, hoặc thường xuyên phát sinh các vấn đề phức tạp về xâm hại quyền lợi phụ nữ và trẻ em. Việc xác định danh mục đơn vị trọng điểm cho phép Đảng bộ tập trung trí tuệ và nguồn lực, tránh tình trạng “cưỡi ngựa xem hoa”. Văn kiện Đại hội XIV đã chỉ rõ mục tiêu thượng tôn pháp luật: “thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân” [67, tr.285]. Tinh thần này phải được cụ thể hóa bằng việc làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu tại những địa phương chậm trễ trong việc thực hiện mục tiêu giới hoặc buông lỏng lãnh đạo, quản lý để xảy ra các hành vi lệch chuẩn xã hội.

Đặc biệt đối với địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế khó khăn tại ĐBSCL, nơi định kiến giới còn nặng nề, công tác kiểm tra phải gắn liền với vai trò đồng hành, hỗ trợ. Các đoàn kiểm tra liên ngành không chỉ đi kiểm tra văn bản mà phải trực tiếp xuống địa bàn, nắm bắt thực trạng đời sống của phụ nữ để tham mưu cho Tỉnh ủy những chính sách bảo trợ, thúc đẩy phụ nữ thoát khỏi rào cản văn hóa lạc hậu. Công tác xử lý vi phạm phải được tiến hành nghiêm minh, nhất là với các hành vi hành hạ, ngược đãi hoặc lạm dụng trẻ em gái, không có ngoại lệ, không có vùng cấm. Việc tập trung nguồn lực vào những nơi yếu kém nhất sẽ tạo ra sự chuyển biến đồng bộ trong hệ thống an sinh xã hội, đảm bảo không một ai bị bỏ lại phía sau. Đây là hành động quyết liệt bảo vệ nguồn tài sản quý báu nhất là con người, thể hiện tính nhân văn, kỷ cương của Đảng trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, nơi mọi quyền con người được bảo vệ bởi một hệ thống pháp lý nghiêm minh.

*Ba là*, đổi mới nội dung giám sát theo hướng tập trung vào trách nhiệm chính trị của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền trong thực hiện chỉ tiêu giới.

Trong phương thức lãnh đạo của Đảng, vai trò của người đứng đầu mang tính quyết định đến sự thành bại của nhiệm vụ chính trị. Do đó, đổi mới nội dung giám sát phải bắt đầu từ việc gắn chặt kết quả BDG với đánh giá năng lực, uy tín của lãnh đạo cấp ủy và chính quyền các cấp. Tỉnh ủy cần chuyển đổi từ cách giám sát báo cáo thuần túy sang giám sát thực thi trách nhiệm cá nhân. Cần chỉ đạo: “Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ” [66, tr.58] đối với việc thực thi các mục tiêu chiến lược về giới. Điều này đồng nghĩa với việc người đứng đầu phải giải trình trực tiếp trước BTVTU về nguyên nhân các chỉ tiêu về cán bộ nữ tại địa phương không đạt, hoặc các chính sách hỗ trợ phụ nữ tại đơn vị chỉ mang tính hình thức, không hiệu quả. Sự giải trình này phải dựa trên những con số thực và những biến chuyển thực chất tại địa phương.

Bên cạnh trách nhiệm chuyên môn, nội dung giám sát phải đi sâu vào đạo đức, lối sống, phong cách làm việc và ứng xử của cán bộ lãnh đạo nam giới đối với các đồng nghiệp nữ. Tỉnh ủy cần kiên quyết đấu tranh chống lại các biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, hoặc những tư duy định kiến giới tinh vi vốn là rào cản ngăn bước phụ nữ phát huy năng lực. Kết quả giám sát này phải được coi là căn cứ thực tiễn quan trọng nhất trong việc lấy phiếu tín nhiệm, quy hoạch và xem xét bổ nhiệm lại cán bộ. Một HTCT liêm chính, tận tụy phục vụ nhân dân phải được dẫn dắt bởi những người lãnh đạo gương mẫu, biết tôn trọng quyền bình đẳng và tạo điều kiện cho mọi cá nhân cống hiến. Hành động giám sát quyết liệt này sẽ giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào sự công tâm của cấp ủy đảng, xây dựng môi trường công vụ văn minh, chuyên nghiệp. Khi người đứng đầu thực sự coi BDG là nhiệm vụ tự thân, khi đó các chính sách của Đảng mới thực sự đi vào đời sống, tạo động lực để cán bộ nữ tự tin phát huy trí tuệ trong công cuộc xây dựng quê hương.

*Bốn là*, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và chuyển đổi số để nâng cao tính khách quan, kịp thời trong công tác kiểm tra, giám sát BDG.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hiện đại hóa công tác kiểm tra, giám sát bằng công nghệ số là yêu cầu tất yếu để bảo đảm tính chính xác, thời sự và khoa học. Tỉnh ủy cần lãnh đạo việc: “tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hạ tầng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo... triển khai hiệu quả các phần mềm, ứng dụng dùng chung trong Đảng và mạng truyền số liệu chuyên dùng đồng bộ, an toàn, hiện đại” [66, tr.419]. Thông qua việc xây dựng hệ thống dữ liệu số liên thông về chỉ số giới, các cơ quan kiểm tra có thể nhận diện ngay lập tức những đơn vị tụt hậu về chỉ tiêu giới hoặc những nơi phát sinh các vụ bạo lực, xâm hại phụ nữ mà không cần chờ đến kỳ báo cáo. Điều này giúp Đảng bộ chuyển từ trạng thái “đi sau giải quyết hậu quả” sang “đi trước đón đầu, cảnh báo sớm” các nguy cơ, điểm nóng về BDG.

Hệ thống quản trị số cũng cho phép minh bạch hóa quá trình tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của nhân dân về vi phạm quyền phụ nữ. Việc thiết lập các nền tảng trực tuyến giúp phụ nữ, trẻ em ở vùng sâu, vùng xa dễ dàng tiếp cận với sự hỗ trợ pháp lý và bảo vệ của Đảng, Nhà nước một cách nhanh nhất. Tỉnh ủy coi đây là giải pháp then chốt để loại bỏ tình trạng can thiệp trái pháp luật hoặc sự bao che, nê nang trong xử lý sai phạm tại cơ sở. Việc giám sát dựa trên “dữ liệu thực” sẽ triệt tiêu “bệnh thành tích” và sự chủ quan, cảm tính trong đánh giá cán bộ. Đây không chỉ là kỹ thuật quản lý mà là tư duy lãnh đạo hiện đại, giúp bộ máy đảng bộ tỉnh vận hành tinh gọn, hiệu quả, sát với thực tiễn. Khi mọi dữ liệu về giới được công khai, minh bạch hóa trong nội bộ hệ thống, tính tự giác và trách nhiệm của cán bộ sẽ được nâng cao, phục vụ đắc lực cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy trong tình hình mới, bảo đảm tính kỷ cương và hiện đại của Đảng bộ.

*Năm là*, tăng cường công tác hậu kiểm, sơ kết, tổng kết và biểu dương điển hình tiên tiến để bảo đảm tính nghiêm minh, tạo động lực thi đua trong HTCT.

Kiểm tra mà thiếu hậu kiểm sẽ dẫn đến tình trạng “nhờn luật”, còn giám sát mà thiếu khen thưởng sẽ không tạo được sức lan tỏa. Biện pháp này nhằm bảo đảm các kết luận sau giám sát phải được thực thi triệt để, đồng thời tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trong thực hiện mục tiêu giới. Văn kiện Đại hội XIV khẳng định khát vọng xây dựng một đất nước: “hòa bình, độc lập,

dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” [66, tr.44]. Để đạt được khát vọng đó, Tỉnh ủy yêu cầu mọi cấp ủy, tổ chức đảng phải coi việc khắc phục các hạn chế sau kiểm tra là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Nếu đơn vị nào để sai phạm tái diễn hoặc không có chuyển biến sau khi đã được chỉ ra, cần áp dụng các hình thức kỷ luật nghiêm khắc, thậm chí xem xét trách nhiệm và miễn nhiệm người đứng đầu ngay lập tức để giữ nghiêm kỷ luật Đảng.

Song hành với kỷ luật, công tác sơ kết, biểu dương khen thưởng hằng năm phải được tổ chức trang trọng, thực chất. Việc vinh danh các địa phương có bước tiến đột phá về BDG hoặc những cán bộ nữ điển hình tiên tiến trên các phương tiện thông tin đại chúng chính là hình thức giáo dục, lan tỏa giá trị tốt đẹp của chế độ. Những tấm gương “người thật, việc thật” sẽ là nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho thế hệ trẻ, khơi dậy tinh thần yêu nước và khát vọng cống hiến cho quê hương. Công tác hậu kiểm giúp khẳng định Đảng luôn lắng nghe, chịu sự giám sát của nhân dân và có trách nhiệm giải trình trước nhân dân về những cam kết chính trị của mình. Đây chính là khâu then chốt, là mắt xích cuối cùng nhưng vô cùng quan trọng để các nghị quyết của Đảng về giới thực sự mang lại cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc thực chất cho mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng, góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của vùng ĐBSCL.

#### **Tiểu kết chương 4**

Trong thời gian tới, sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG chịu sự tác động đan xen của nhiều yếu tố thuận lợi và khó khăn, thách thức. Về thuận lợi, quyết tâm chính trị cao của Trung ương thể hiện qua Văn kiện Đại hội XIV về kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và các quy định mới của Hiến pháp năm 2025 về quyền con người đã tạo hành lang pháp lý và nền tảng tư tưởng vững chắc. Sự nâng cấp của hạ tầng KT-XH vùng cùng với làn sóng chuyển đổi số cũng mở ra những cơ hội mới để phụ nữ vươn lên khẳng định vị thế. Tuy nhiên, về khó khăn và thách thức, công tác này đang đối mặt với những rào cản lớn từ tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đe dọa sinh kế, tình trạng di cư lao động làm hẫng hụt nguồn nhân lực nữ tại chỗ, và những định kiến giới còn tồn tại dai dẳng trong văn hóa xã hội. Bên cạnh đó, năng lực lồng ghép giới trong hoạch định chính sách của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu của nền quản trị hiện đại.

Trên cơ sở đó, luận án xác định phương hướng về đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế về BDG và đưa vào thực tiễn địa phương; lồng ghép BDG một cách thực chất trong chiến lược phát triển KT-XH gắn với đặc thù vùng; tạo đột phá trong công tác cán bộ nữ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua cải cách hành chính và chuyển đổi số; đồng thời phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH, nhất là Hội LHPN, trong giám sát và phản biện xã hội. Đồng thời, luận án đề xuất hệ thống 7 giải pháp mang tính đồng bộ, khả thi, trong đó giải pháp có tính đột phá nhằm tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BDG: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện các chủ trương, chính sách về BDG và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

## KẾT LUẬN

Sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm thực hiện thắng lợi chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BĐG trên địa bàn tỉnh. Với chức năng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện các tổ chức trong HTCT và các lĩnh vực đời sống xã hội ở địa phương, tỉnh ủy là nhân tố quyết định trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về BĐG được xác định trong nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh qua các nhiệm kỳ. Đồng thời, sự lãnh đạo của tỉnh ủy còn bảo đảm huy động và phát huy hiệu quả sự tham gia của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và nhân dân trong thực hiện BĐG, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương. Thông qua đó, tỉnh ủy không chỉ thúc đẩy việc thực hiện BĐG trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL mà còn góp phần quan trọng vào việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiến bộ, công bằng xã hội trong cả nước.

Tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG là hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU về quán triệt chủ trương, quan điểm, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BĐG; xây dựng, ban hành quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU về BĐG; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát để quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU được thực hiện thắng lợi.

Trong những năm qua, bên cạnh những kết quả đạt được, sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BĐG vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Từ thực trạng tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo thực hiện BĐG, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau: *Một là*, tỉnh ủy, BTVTU xác định rõ thực hiện BĐG là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn chặt với mục tiêu phát triển KT-XH, xây dựng HTCT và phát triển nguồn nhân lực của địa phương. *Hai là*, tỉnh ủy, BTVTU chú trọng lãnh đạo công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thực hiện BĐG. *Ba là*, tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các tổ chức của HTCT trong thực hiện BĐG. *Bốn là*, quan tâm lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò tham gia của các tổ chức trong HTCT cùng

nhân dân trong thực hiện BĐG. *Năm là*, duy trì nền nếp công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện BĐG, coi đây là khâu quan trọng trong nâng cao hiệu lực lãnh đạo.

Để tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với thực hiện BĐG trong thời gian tới, cần triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, luận án đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau: *Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới ở ĐBSCL đối với việc thực hiện BĐG. *Hai là*, tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng và thực thi các chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH địa phương. *Ba là*, lãnh đạo đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh về BĐG. *Bốn là*, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hiện đại hóa công tác lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với sự phát triển của đội ngũ cán bộ nữ tại địa phương. *Năm là*, tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSCL trong việc xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về BĐG đồng bộ và hiệu quả. *Sáu là*, đẩy mạnh hội nhập quốc tế và phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong thực hiện các mục tiêu BĐG. *Bảy là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với việc thực hiện BĐG./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ  
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Trịnh Thúy Liễu (2026), “Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy An Giang trong công tác bình đẳng giới hiện nay”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động*, p-ISSN 3093-3129, kỳ 1, tháng 01/2026, tr.3-9.
2. Trịnh Thúy Liễu (2026), “Tỉnh ủy Cà Mau tăng cường sự lãnh đạo trong thực hiện bình đẳng giới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ISSN e-2815-5831, đăng ngày 28/01/2026.
3. Trịnh Thúy Liễu (2026), “Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Vĩnh Long trong công tác bình đẳng giới hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông điện tử*, ISSN: 2734-9764, đăng ngày 25/02/2026.
4. Nguyễn Thanh Tuấn, Trịnh Thúy Liễu (2026), “Một số điểm mới về phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường trong Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng”, *Tạp chí Thông tin khoa học chính trị*, ISSN 2354-1474, tr.7-12.
5. Nguyễn Thanh Tuấn, Trịnh Thúy Liễu (2025), “Bảo đảm quyền khởi nghiệp của công chức, viên chức trẻ nghỉ việc khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy nhà nước”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động*, p-ISSN 3093-3129, kỳ 1, tháng 9/2025, tr.48-52.
6. Trịnh Thúy Liễu (2024), “Bác bỏ những luận điệu xuyên tạc sự kiện Nguyễn Tấn Thành ra đi tìm đường cứu nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, đăng ngày 08/10/2024.
7. Đoàn Phú Hưng, Trịnh Thúy Liễu (Đồng chủ biên) (2024), *270 câu hỏi trắc nghiệm về thân thể và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
8. Trịnh Thúy Liễu (2025), tham gia biên soạn sách: *Hệ thống 80 câu hỏi tìm hiểu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tiếng Việt:

1. An Giang: Đa dạng các hoạt động truyền thông thúc đẩy công tác bình đẳng giới, <https://laodongxahoi.tcnnld.vn>, ngày 30/12/2024.
2. Phạm Minh Anh (2012), *Vai trò của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng (1996), *Phụ nữ, giới và phát triển*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
4. Ban Bí thư (1994), *Chỉ thị số 37-CT/TW về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*, ngày 16/5/1994, Hà Nội.
5. Ban Bí thư (2018), *Chỉ thị số 21-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới*, ngày 20/01/2018, Hà Nội.
6. Ban Bí thư (2013), *Kết luận số 55-KL/TW về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, ngày 18/01/2013, Hà Nội.
7. Ban Bí thư (2025), *Quy định số 329-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*, ngày 13/6/2025, Hà Nội.
8. Ban Bí thư (2015), *Thông báo số 196-TB/TW về Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới”*, ngày 16/3/2015, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Hướng dẫn số 08-HD/TW thực hiện một số nội dung Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, ngày 10/6/2025, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Kết luận số 127-KL/TW về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị*, ngày 28/02/2025, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Kết luận số 163-KL/TW về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành*

*chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ngày 06/6/2025, Hà Nội.*

12. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Kết luận số 167-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025, ngày 13/6/2025, Hà Nội.*
13. Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết số 18-NQ/TW một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, ngày 25/10/2017, Hà Nội.*
14. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, ngày 9/11/2022, Hà Nội.*
15. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 60-NQ/TW Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, ngày 12/4/2025, Hà Nội.*
16. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Nghị quyết số 05-NQ/TW Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, ngày 07/4/2026, Hà Nội.*
17. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng, ngày 08/4/2026, Hà Nội.*
18. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Quy định số 21-QĐ/TW về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, ngày 11/4/2026, Hà Nội.*
19. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Quy định số 20-QĐ/TW thi hành Điều lệ Đảng, ngày 08/4/2026, Hà Nội.*
20. Ban Chấp hành Trung ương (2024), *Quyết định số 204-QĐ/TW phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, ngày 29/11/2024, Hà Nội.*
21. Ban Chỉ đạo Bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Vĩnh Long (2025), *Báo cáo số 04/BCĐ về kết quả công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, ngày 24/01/2025, Vĩnh Long.*
22. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang (2025), *Báo cáo số 468/BC-BTV sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt*

*động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” giai đoạn 2018-2021 theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ, ngày 17/5/2021, An Giang.*

23. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang (2025), *Báo cáo số 553/BC-BTV sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trong hệ thống Hội*, ngày 29/4/2025, An Giang.
24. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang (2025), *Báo cáo số 568/BC-BTV kết quả thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 2021-2025*, ngày 20/5/2025, An Giang.
25. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang (2025), *Báo cáo số 581/BC-BTV sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trong hệ thống Hội*, ngày 03/6/2025, An Giang.
26. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang (2025), *Báo cáo số 587/BC-BTV về kết quả thực hiện công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới 6 tháng đầu năm 2025*, ngày 13/6/2025, An Giang.
27. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang (2025), *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025” theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ, tháng 5/2020*, An Giang.
28. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang (2025), *Kế hoạch số 505/KH-BTV triển khai hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới năm 2025*, ngày 09/5/2025, An Giang.
29. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Vĩnh Long (2025), *Báo cáo các nội dung theo Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 05/09/2025 của Ban Thường vụ về phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học cấp bộ “Phát triển đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong thời kỳ mới”*, ngày 18/9/2025, Vĩnh Long.
30. Ban Tổ chức Tỉnh ủy An Giang (2025), *Báo cáo số 736-BC/BTCTU về kết quả công tác xây dựng Đảng từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*, ngày 08/01/2025, An Giang.

31. Nguyễn Thị Báo (2019), “Giải pháp thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*.
32. Bộ Chính trị (2025), *Chỉ thị số 45-CT/TW về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, ngày 14/4/2025, Hà Nội.
33. Bộ Chính trị (2007), *Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, ngày 27/4/2007, Hà Nội.
34. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 13-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, ngày 02/4/2022, Hà Nội.
35. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*, ngày 22/10/2018, Hà Nội.
36. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, ngày 22/12/2024, Hà Nội.
37. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới*, ngày 24/01/2025, Hà Nội.
38. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, ngày 30/4/2025, Hà Nội.
39. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân*, ngày 04/5/2025, Hà Nội.
40. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
41. Bộ Chính trị (2025), *Quy định số 305-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*, ngày 13/6/2025, Hà Nội.
42. Bộ Chính trị (2025), *Quy định số 365-QĐ/TW về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*, ngày 30/8/2025, Hà Nội.

43. Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Sách trắng về quyền con người với chủ đề “Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam”*.
44. Cà Mau phát huy vai trò cán bộ nữ tham gia cấp ủy, chính quyền, <https://nhandan.vn>, ngày 7/11/2024.
45. Nguyễn Thị Mai Chi (2021), “Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác phụ nữ và bình đẳng giới thời kỳ đổi mới”, *Trang thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương*.
46. Trần Thị Chiên (2019), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới từ năm 2006 đến năm 2016*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
47. Chính phủ (2021), *Nghị quyết số 28/NQ-CP ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030*, ngày 03/3/2021, Hà Nội.
48. Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2025), *Báo cáo chính trị (Tóm tắt) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Cà Mau.
49. Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2025), *Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Cà Mau.
50. Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2025), *Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 03/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Vĩnh Long.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030*, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011-2025) và đề xuất, định hướng bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng*, Hà Nội.

54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam*, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Phụ lục 4: Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030*, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Phụ lục 5: Về tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIV*, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập II, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, NXB Sự thật, Hà Nội.

69. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành khóa XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
76. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
79. *Đồng Tháp đẩy mạnh tuyên truyền Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2025*.
80. *Đồng Tháp huy động hơn 20 tỷ đồng tiếp sức phụ nữ nơi biên cương*, <https://bnews.vn>, ngày 23/5/2025.
81. Nguyễn Thị Trường Giang (2026), “Phát huy vai trò của báo chí trong truyền thông về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, góp phần nâng cao tỷ lệ nữ tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 08/3/2026.
82. Nguyễn Ngọc Hà, Trần Thị Vân (2021), “Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ trong sự nghiệp đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 04/4/2021.

83. Nguyễn Thị Vân Hạnh (2015), “Sự tham gia của phụ nữ vào hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 10-2015.
84. Phan Thị Hiền, Đinh Ngọc Thạch (2024), “ Tư tưởng của Montesquieu về nhà nước pháp quyền - những vấn đề đặt ra cho thực tiễn chính trị tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 2.
85. Lê Thanh Hiền (2024), *Bảo đảm pháp lý về quyền bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
86. Nguyễn Quỳnh Hoa (2015), *Bình đẳng giới trong tiếp cận đất sản xuất ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
87. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Vĩnh Long (2025), *Kỷ yếu Hội thảo cấp Bộ: Phát triển đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý vùng Đồng bằng Sông Cửu Long thời kỳ mới*, tháng 10/2025.
88. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang (2024), *Báo cáo kết quả Hội thi tuyên truyền giáo dục cha mẹ trong chăm sóc, bảo vệ trẻ em và phòng, chống bạo lực gia đình năm 2024*, ngày 06/12/2024, An Giang.
89. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021-2025 trình Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, tháng 12/2025, Cà Mau.
90. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau (2025), *Báo cáo kiểm điểm vai trò lãnh đạo, điều hành của Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021-2025*, tháng 12/2025, Cà Mau.
91. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau (2026), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, tháng 01/2026, Cà Mau.
92. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 70/BC-BTV về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới năm 2025*, ngày 08/12/2025, Đồng Tháp.
93. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Đồng Tháp (2026), *Nghị quyết số 01/NQ-BCH, Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, ngày 06/01/2026, Hà Nội.

94. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Vĩnh Long (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh trình tại Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh Vĩnh Long lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, tháng 11/2025, Vĩnh Long.
95. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Vĩnh Long (2025), *Vĩnh Long: Thúc đẩy Bình đẳng giới vì sự phát triển toàn diện của phụ nữ*, <https://www.vwu.vn>, ngày 1/12/2025.
96. *Hội nghị tổng kết Dự án 8: Thúc đẩy bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*, <https://baocamau.vn>, ngày 20/5/2025.
97. Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Đình Tấn, Nguyễn Quý Thành (2000), *Xã hội học về giới và phát triển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
98. Hoàng Văn Huy (2024), “Phát huy vai trò của phụ nữ Quân đội nhân dân Việt Nam trong đẩy mạnh thực hiện bình đẳng giới hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 31/12/2024.
99. Trần Thị Huyền (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng nam nữ và vận dụng vào thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
100. Lê Thị Vân Huyền (2021), “Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 28/8/2021.
101. Hà Thị Khiết (2020), “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính trị các cấp ở nước ta trong thời gian tới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 14/10/2020.
102. Duy Khôi (2020), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động phụ nữ trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*.
103. Trần Thị Hồng Lê (2017), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền phụ nữ bằng pháp luật hình sự ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
104. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Nguyễn Thị Linh (2025), “Thực hiện bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 28/8/2025.

106. Nguyễn Thị Linh (2021), “Một số kết quả thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 345 (10/2024), tr.21-25.
107. Trần Thị Thanh Loan (2023), *Bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ xã hội học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
108. Quách Thành Long (2023), “Quan điểm của Đảng và Nhà nước về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*.
109. C.Mác và Ph.Ănggen (1999), *Toàn tập*, tập 36, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Trúc Mai (2025), Tổng kết Dự án 8 về thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ quyền lợi phụ nữ, trẻ em, <https://baovinhlong.com.vn>, ngày 13/6/2025.
111. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
113. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
114. Nguyễn Hữu Minh (2014), “Bảo đảm quyền bình đẳng giới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 04/8/2014.
115. Ngọc Minh (2025), Hội LHPN Vĩnh Long tập huấn về bình đẳng giới cho cán bộ cơ sở, <https://phunuvietnam.vn>, ngày 27/11/2025.
116. Vũ Thị Thanh Minh (2025), “Tiếp cận bình đẳng giới ở Việt Nam từ quan điểm của đảng, pháp luật, chính sách của nhà nước và giá trị văn hóa truyền thống”, *Tạp chí Khoa học, Giáo dục và Công nghệ*, số 4, tr.11-19.
117. Phùng Thị An Na (2024), “Chính sách, pháp luật về bình đẳng giới đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ hiện nay”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, ngày 7/3/2024.
118. *Nâng cao kỹ năng tuyên truyền bình đẳng giới*, <https://baocamau.vn>, ngày 25/10/2025.
119. Nguyễn Thị Nga (2017), *Triết học nữ quyền - lý thuyết triết học về công bằng xã hội cho phụ nữ*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
120. Lương Thị Ngọc Oanh (2016), *Tác động của bất bình đẳng giới tới phát triển ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.

121. Nguyễn Thị Phương (2017), “Từ “Phụ nữ trong phát triển” đến “Giới và phát triển” với vấn đề tham gia chính trị của phụ nữ Việt Nam”, *Tạp chí Công sản điện tử*, ngày 07/3/2017.
122. Nguyễn Thị Ngọc Phượng (2022), “Bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý ở cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 07/10/2022.
123. Quốc hội (2025), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2025*, Hà Nội.
124. Quốc hội (2006), *Luật số 73/2006/QH11, Luật Bình đẳng giới*, ngày 29/11/2006, Hà Nội.
125. Quốc hội (2014), *Luật số 52/2014/QH13, Luật Hôn nhân và Gia đình*, ngày 19/6/2014, Hà Nội.
126. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*, ngày 12/6/2025, Hà Nội.
127. *Sách tra cứu các mục từ về tổ chức*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
128. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Vĩnh Long (2020), *Báo cáo số 85/BC-SLTĐBXH về tổng kết thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020*, ngày 20/4/2020, Vĩnh Long.
129. Nguyễn Trung Thành (2020), “Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về bình đẳng giới trong thời kỳ đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 318 (12/2020).
130. Trần Thị Minh Thi (2016), “Rào cản thể chế văn hóa đối với sự tham gia chính trị của phụ nữ Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, số 2-2016.
131. Nguyễn Lê Thu (2017), *Bình đẳng giới trong lao động gia đình dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
132. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1898/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025”*, ngày 18/11/2017, Hà Nội.
133. Phan Thuận (2020), “Những hạn chế trong thực thi chính sách bình đẳng giới về chính trị ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*.

134. Tỉnh ủy An Giang (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, tháng 8/2025, An Giang.
135. Tỉnh ủy Cà Mau (2025), *Báo cáo số 01-BC/TU báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, ngày 17/10/2025, Cà Mau.
136. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ I*, Đồng Tháp.
137. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2025), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Đồng Tháp.
138. Lê Thị Thục, Lê Thị Minh Hà (2021), “Sự phát triển tư tưởng bình đẳng giới nhìn từ các làn sóng nữ quyền”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 3/2021.
139. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2025), “Bảo đảm bình đẳng giới, thúc đẩy quyền tham gia chính trị của phụ nữ Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 20/02/2025.
140. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên) (2018), *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
141. Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Hữu Minh (2026), “Chủ trương của Đảng về tăng cường sự tham gia của cán bộ nữ trong các cấp ủy - Kết quả và giải pháp”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 10/3/2026.
142. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2025), *Kế hoạch số 382/KH-UBND thực hiện công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới tỉnh An Giang năm 2025*, ngày 8/4/2025, An Giang.
143. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2026), *Kế hoạch số 224/KH-UBND về thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2026*, ngày 03/3/3036, Hà Nội.
144. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

**Tài liệu tiếng nước ngoài:**

145. ASEAN Secretariat, UN Women (2024), *ASEAN Gender Outlook 2024 - Achieving the SDGs for All and Leaving No Woman or Girl Behind*, ASEAN Report.
146. Tập Cận Bình (2025), *Xi Jinping's Discourses on Work for Women and Children*, Viện Lịch sử Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc biên soạn.
147. Cabinet Office Japan (2022), *Current Status and Challenges of Gender Equality in Japan*, Japanese Government White Paper.
148. Stephanie Chaban và cộng sự (2020), *Regional Organizations, Gender Equality and the Political Empowerment of Women*, In *Regional Organizations Handbook*.
149. Du, J. (2022), *"The development of women's cause in China: From a policy and legal perspective"*, Springer, Singapore.
150. Harriet Evans (2021), *"Patchy Patriarchy" and the Shifting Fortunes of the CCP's Promise of Gender Equality since 1921*, *The China Quarterly*, Volume 248, Supplement S1: The CCP at 100: The Party's New Long March, November 2021, pp.95-115.
151. Howell, J. (2025), *"Women's Political Participation in China: From Mao to Xi"*, *Asian Survey*, 65(2), 234-255.
152. International Institute for Democracy and Electoral Assistance (2016), *A framework for developing gender policies for political parties*, International IDEA, Stockholm.
153. Šejla Karamehić (2021), *Political Parties and Gender Equality: A Guide to Inside-Out Transformation*, UN Women & UNDP, ISBN 978-9926-8460-3-9.
154. Lu, H., Chen, F., & Hu, W. (2025), *"Empowering rural women through internal migration: Evidence from longitudinal data in China"*, *Women's Studies International Forum*, vol.112.
155. Maitrayee Mukhopadhyay, Shamim Meer (2008), *Gender, rights and development: A global sourcebook*, Royal Tropical Institute, Amsterdam.

156. Yoko Niimi (2009), *Gender Equality and Inclusive Growth in Developing Asia*, Asian Development Bank Economics, Working Paper Series No.186.
157. Pippa Norris và cộng sự (2012), *Gender Equality in Elected Office in Asia Pacific: Six Actions to Expand Women's Empowerment*, The Asia Pacific Regional Centre - United Nations Development Programme (UNDP), Bangkok.
158. OECD (2025), *Gender Equality in a Changing World: Taking Stock and Moving Forward*, OECD Publishing, Paris.
159. Pitchaya Sirivunnabood, Suan Liao (2021), *Women's Economic Empowerment in Asia*, No.2021-8 (December), Asian Development Bank Report.
160. State Council Information Office (2025), *China's Achievements in Women's Well-Rounded Development*, State Council Information Office White Paper.
161. State Council Information Office (2019), *Equality, Development and Sharing: Progress of Women's Cause in 70 Years Since New China's Founding*, State Council Information Office White Paper.
162. Glenda Strachan, Arosha S.Adikaram (2023), *Women's Work in South Asia: Reflections on the Past Decade*, South Asian Journal of Human Resources Management Volume 10, Issue 2, December 2023, pp.244-255.
163. Sugiyama, H., Palmieri, G., & Lazzari, G. (2025), "Gender Equality and Its Significance for Scientific Research and Innovation Organisations", *Tạp chí Social Inclusion*, tập 13, số 1, tr.1-15.
164. Xie, J. (2024), "Research on Gender Equality Education Policy in China", *Transactions on Social Science, Education and Humanities Research*, vol.10, 164-169.
165. Jessica Yang (2022), *The Making of "Woman": The Evolution of Chinese State Feminism(s) Under Three Chinese Leaders*, *Stanford Journal of Feminist, Gender, and Sexuality Studies*, vol.1, no.1.

166. Jiekuan Zhang, Yan Zhang (2021), *Tourism and Gender Equality: An Asian Perspective*, *Annals of Tourism Research*, Volume 85, November 2020.
167. Zhang, L. (2021), *Nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với sự nghiệp phụ nữ*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hoa Trung, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.
168. Tran Thi Huong, Le Thi Thuc (2021), “Tendencies in Political Behavior of Men and Women - A Study on the Behavior of Vietnamese Political Elites toward Their Promotion Opportunities”, *Revista de Investigaciones Universidad del Quindío*, No. 3/2021.
169. Su, F. (2006), *Gender inequality in Chinese politics: An empirical analysis of provincial elites*, *Politics & Gender*, 2(2), 143-163.

**PHỤ LỤC****Phụ lục 1****DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CÁC TỈNH  
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

<b>STT</b>	<b>Tên các tỉnh ở ĐBSCL</b>	<b>Diện tích (km<sup>2</sup>)</b>	<b>Dân số (người)</b>	<b>Quy mô kinh tế (tỷ đồng)</b>
1	Vĩnh Long	6.296,20	3.367.400	254.480
2	Đồng Tháp	5.939	3.397.200	260.036
3	An Giang	9.888,90	3.679.200	271.346
4	Cà Mau	7.942	2.140.600	153.160

*Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp dựa trên báo cáo của các tỉnh ở ĐBSCL.*

**Phụ lục 2**  
**THỐNG KÊ TỈNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**  
**CÁC TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2020-2025**

(Tính đến tháng 7 năm 2023)

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CẤP ỦY VIÊN	UVTU	GIỚI TÍNH NỮ	ĐỘ TUỔI				TRÌNH ĐỘ					DÂN TỘC	
					Dưới 40	41 đến 45	46 đến 50	Trên 50	VH	Chuyên môn			Lý luận chính trị		
										ĐH	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Cao cấp		Cử nhân
1	An Giang	45	15	9	4	8	11	22	55	45	22	3	34	11	2
2	Bến Tre	49	14	10	5	10	15	19	49	32	16	1	30	19	0
3	Bạc Liêu	47	14	8	3	13	12	18	47	26	19	2	29	18	1
4	Cà Mau	51	16	5	4	11	17	20	51	25	25	1	33	18	1
5	Đồng Tháp	51	15	6	2	11	5	33	51	20	27	4	36	15	0
6	Hậu Giang	50	16	9	4	12	14	20	50	30	18	2	34	16	1
7	Kiên Giang	51	14	12	6	13	15	22	51	20	28	3	40	11	4
8	Long An	52	13	5	4	11	12	5	52	28	22	2	45	17	0
9	Sóc Trăng	51	15	6	5	9	15	25	51	28	21	2	32	20	6
10	Tiền Giang	47	13	7	3	4	10	30	47	22	24	1	47	0	0

11	Trà Vinh	49	11	8	5	9	16	25	49	26	23	3	35	14	7
12	Vĩnh Long	49	15	7	2	5	16	26	49	20	26	3	38	11	1
	<b>Cộng</b>	<b>592</b>	<b>171</b>	<b>92</b>	<b>47</b>	<b>116</b>	<b>158</b>	<b>265</b>	<b>575</b>	<b>322</b>	<b>271</b>	<b>27</b>	<b>433</b>	<b>170</b>	<b>23</b>

*Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long*

**Phụ lục 3****THỐNG KÊ TỈNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY  
CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2025-2030**

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>TỔNG SỐ CẤP ỦY VIÊN</b>	<b>ỦY VIÊN BTV</b>
1	Đồng Tháp	53	16
2	Vĩnh Long	83	24
3	An Giang	66	16
4	Cà Mau	56	19
	<b>Cộng</b>	<b>258</b>	<b>75</b>

*Nguồn: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ các tỉnh: Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.*

**Phụ lục 4**  
**THỐNG KÊ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ Ở CÁC TỈNH**  
**ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

TT	Tỉnh	Đơn vị hành chính cấp xã			
		Tổng số	Xã	Phường	Đặc khu
1	Đồng Tháp	102	82	20	00
2	Vĩnh Long	124	105	19	00
3	An Giang	102	85	14	03
4	Cà Mau	64	55	09	00
<b>Tổng số</b>		<b>392</b>	<b>327</b>	<b>62</b>	<b>03</b>

*Nguồn: Các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau năm 2025.*

**Phụ lục 5****THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN ĐẢNG BỘ  
CÁC TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2025-2030**

<b>STT</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN CƠ SỞ</b>	<b>TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG</b>	<b>ĐẢNG VIÊN</b>
1	Đồng Tháp	106	1006	120.752
2	Vĩnh Long	128	847	152.064
3	An Giang	107	930	131.000
4	Cà Mau	68	1.222	82.297
	<b>Cộng</b>	<b>409</b>	<b>4.005</b>	<b>486.113</b>

*Nguồn: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ các tỉnh: Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.*

**Phụ lục 6****TỔNG HỢP SỐ LIỆU THEO KẾ HOẠCH SỐ 32-KH/TU CỦA TỈNH ỦY  
VĨNH LONG VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ**

<b>Số liệu liên quan nền cán bộ nữ</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Trong đó nữ</b>
<b>Số liệu cấp ủy, NK 2020-2025</b>	<b>1,971</b>	<b>435</b>
+ Cấp tỉnh	49	8
+ Cấp huyện	320	46
+ Cấp xã	1,602	381
<b>Số Ban Thường vụ, NK 2020-2025</b>	<b>658</b>	<b>69</b>
+ Cấp tỉnh	14	2
+ Cấp huyện	112	20
+ Cấp xã	532	47
<b>Số liệu phát triển đảng viên</b>		
Tỉnh Vĩnh Long cũ	45,187	15,872
Tỉnh Vĩnh Long mới	152,064	53,145

*Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Vĩnh Long*

**Phụ lục 7****TỶ LỆ NỮ TRÚNG ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TẠI TỈNH VĨNH LONG  
QUA CÁC NHIỆM KỲ**

<b>Nhiệm kỳ</b>	<b>Tổng số đại biểu</b>	<b>Số nữ trúng cử</b>	<b>Tỷ lệ nữ (%)</b>	<b>Ghi chú</b>
2011-2016	6	1	16,66%	
2016-2021	6	3	50,00%	Trong đó có 01 nữ do Trung ương giới thiệu về ứng cử
2021-2026	5	2	40,00%	

*Nguồn: [128 và 21].*

**Phụ lục 8****TỶ LỆ NỮ TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH VĨNH LONG  
QUA CÁC NHIỆM KỲ**

<b>Cấp</b>	<b>Nhiệm kỳ</b>	<b>Tổng số đại biểu</b>	<b>Số trúng cử nữ</b>	<b>Tỷ lệ nữ (%)</b>	<b>Ghi chú</b>
HĐND cấp tỉnh	2011-2016	50	15	30,00%	
	2016-2021	50	14	28,00%	Giảm 2% so với nhiệm kỳ trước
	2021-2026	50	14	28,00%	Duy trì tỷ lệ như nhiệm kỳ trước
HĐND cấp huyện	2021-2026	259	50	19,31%	
HĐND cấp xã	2021-2026	2.713	597	22,01%	

*Nguồn: [128 và 21].*

**Phụ lục 9**  
**TỶ LỆ NỮ GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT**  
**TẠI TỈNH VĨNH LONG 2024**

<b>STT</b>	<b>Cấp/Đơn vị</b>	<b>Số nữ giữ chức vụ</b>	<b>Tổng số vị trí lãnh đạo</b>	<b>Tỷ lệ nữ (%)</b>
1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND, HĐND cấp tỉnh	2	7	28,57%
2	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND, HĐND cấp huyện	2	39	5,13%
3	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND, HĐND cấp xã	75	524	14,31%
4	Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ngành, đoàn thể tỉnh	16	112	14,29%
5	Trưởng, Phó trưởng các ban, ngành tỉnh	70	259	27,03%
6	Trưởng, Phó trưởng các ban cấp huyện, thị xã, thành phố	51	254	20,08%

*Nguồn: [128 và 21].*

## Phụ lục 10

**THÔNG KÊ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC BÌNH ĐẲNG GIỚI  
VÀ VÌ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ TỈNH AN GIANG**

TT	Chia theo cấp quản lý và chuyên trách/kiêm nhiệm	Số cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ			Trong đó: Số cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được tập huấn nghiệp vụ		
		<i>Tổng</i>	<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Tổng</i>	<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>
		$1 = 2 + 3$	(2)	(3)	$4 = 5 + 6$	(5)	(6)
1	Cấp tỉnh						
	<i>Chuyên trách</i>						
	<i>Kiểm nhiệm</i>	01		01	01		01
2	Cấp xã						
	<i>Chuyên trách</i>						
	<i>Kiểm nhiệm</i>						
	<b>Tổng cộng</b>	<b>01</b>		<b>01</b>	<b>01</b>		<b>01</b>

*Nguồn: [25].*

**Phụ lục 11****THỐNG KÊ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA  
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI 2021-2030 CỦA TỈNH AN GIANG**

<b>Năm</b>	<b>Kinh phí nguồn ngân sách nhà nước (triệu đồng)</b>
2021	257.584.000
2022	291.460.000
2023	286.500.000
2024	270.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.105.544.000</b>

*Nguồn: [25].*

## Phụ lục 12

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO HỘI LIÊN HIỆP PHỤ  
NỮ TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2021-2025**

STT	Chỉ tiêu nhiệm kỳ 2021-2026	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (100%)
<b>I. CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI</b>			
<b>1</b>	<b>Mỗi cơ sở Hội và tương đương có ít nhất 1 loại hình hoạt động để phụ nữ rèn luyện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng.</b>	165	<b>Đạt</b>
-	Số Hội LHPN cấp cơ sở duy trì thường xuyên ít nhất 1 loại hình hoạt động	165	100%
<b>2</b>	<b>Hàng năm, Hội giúp ít nhất 453 hộ [(Bạc Liêu cũ): 10% hộ (Cà Mau cũ): 240 hộ] phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng.</b>		<b>Vượt</b>
-	Số hộ có phụ nữ nghèo, cận nghèo được Hội giúp	13,369	
+	Trong đó, số hộ có phụ nữ DTTS	1,327	
-	Số hộ có phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo	4.609/3.229	143%
+	Trong đó, số hộ có phụ nữ DTTS	997	
<b>3</b>	<b>Đến cuối nhiệm kỳ, Hội hỗ trợ nâng cao năng lực cho 1.700 [(Bạc Liêu cũ): 350. (Cà Mau cũ): 1.350 phụ nữ, doanh nghiệp, quản lý HTX, chủ hộ kinh doanh.] phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý HTX, chủ hộ kinh doanh; vận động, hỗ trợ thành lập mới 10 [(Bạc Liêu cũ): 05 HTX. (Cà Mau cũ): 05 HTX.] HTX có phụ nữ tham gia quản lý, điều hành.</b>		<b>Vượt</b>
-	Hỗ trợ nâng cao năng lực cho 1.700 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý HTX, chủ hộ kinh doanh	3.096/1.700	182%
-	Hỗ trợ thành lập mới 10 HTX có phụ nữ tham gia quản lý, điều hành	38/10	380%
<b>4</b>	<b>Phấn đấu hỗ trợ ít nhất 80% phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực gia đình, 100% nạn nhân mua bán người trở về (khi được phát hiện) tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội; ít nhất 80% phụ nữ khuyết tật được các cấp Hội hỗ trợ bằng các</b>		<b>Đạt</b>

	<b>hình thức khác nhau trong nhiệm kỳ.</b>		
-	Số phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân mua bán người trở về được phát hiện trong kỳ báo cáo	266	100%
+	Số phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện	264	100%
+	Số phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực gia đình được hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội	264	99%
+	Số phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của mua bán người trở về được phát hiện	2	100%
+	Số phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của mua bán người trở về được hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội	2	
5	<b>Hàng năm vận động, hỗ trợ 1.588 [(Cà Mau cũ): 888 chi hội. Bạc Liêu cũ): 700 hộ] hộ gia đình đạt tiêu chí gia đình 5 không, 3 sạch” hoặc “gia đình 5 có, 3 sạch” (đối với địa bàn xây dựng nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu, đô thị văn minh) bền vững; Mỗi cơ sở Hội đăng ký và thực hiện 01 công trình/phần việc góp phần xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và đô thị văn minh.</b>		<b>Vượt</b>
-	Số Hội LHPN cấp cơ sở vận động, hỗ trợ thêm 5 hộ gia đình đạt tiêu chí "gia đình 5 không, 3 sạch" hoặc “gia đình 5 có, 3 sạch”	6.928/6.352	109%
-	Số hộ gia đình đạt 8 tiêu chí tăng thêm	6,227	
-	Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở thực hiện ít nhất 1 công trình/phần việc	165	100%
6	<b>Đến cuối nhiệm kỳ, phát triển 13.500 [(Bạc Liêu cũ): 5.500 hội viên (Cà Mau cũ): 8.000 hội viên.] hội viên, 100% cơ sở đạt tỷ lệ hội viên trên 60% phụ nữ có mặt tại địa phương. Tỷ lệ tổ chức Hội cơ sở hàng năm được đánh giá vững mạnh 80% trở lên, tỷ lệ yếu kém dưới 2%. Phần đầu hạn chế tối đa số lượng hội viên không đạt tiêu chuẩn, chất lượng;</b>		<b>Vượt</b>
-	Phát triển 13.500	15.394/13.500	114%
-	100% cơ sở đạt tỷ lệ hội viên trên 60% phụ nữ có mặt	165	100%

	tại địa phương		
-	Tổ chức Hội cơ sở hàng năm được đánh giá vững mạnh 80% trở lên, tỷ lệ yếu kém dưới 2%	165	100%
7	<b>Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ, 100% Hội phụ nữ cấp xã được trang bị máy vi tính phục vụ hoạt động Hội, 100% cán bộ Hội chuyên trách các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản trong công tác Hội. 90% cơ quan chuyên trách Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.</b>		<b>Đạt</b>
	100% Hội phụ nữ cấp xã được trang bị máy vi tính phục vụ hoạt động Hội	165	100%
-	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản trong công tác Hội	826	100%
+	Cấp tỉnh	33	
+	Cấp huyện	44	
+	Cấp cơ sở	303	
-	Số Chi hội trưởng được tập huấn nghiệp vụ công tác Hội	1,771	
8	<b>Hàng năm, Hội LHPN cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và chủ trì/tham gia phản biện xã hội ít nhất 01 dự thảo văn bản của Đảng, Nhà nước hoặc của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh. Mỗi Hội LHPN cấp huyện phối hợp/tham gia, Hội LHPN cấp xã tham gia giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện, góp ý ít nhất 02 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền.</b>		<b>Đạt</b>
-	Số chính sách Hội LHPN cấp tỉnh chủ trì giám sát	11	
-	Số Hội LHPN cấp cơ sở giám sát ít nhất 1 chính sách	555	
-	Số dự thảo văn bản Hội LHPN tỉnh, thành chủ trì phản biện xã hội	287	
-	Số Hội LHPN cấp cơ sở góp ý ít nhất 01 văn bản của cấp ủy, chính quyền	1.595	
9	<b>Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ, Hội LHPN cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 vấn đề của phụ nữ và bình đẳng giới vào kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các kế</b>		<b>Đạt</b>

	<b>hoạch của địa phương. Hội LHPN huyện tham mưu đề xuất ít nhất 01 chính sách/chương trình/đề án liên quan đến phụ nữ.</b>		
-	Số chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ được Hội LHPN tỉnh đề xuất thành công	01 (BL cũ) nâng mức phụ cấp từ 750.000đ/tháng lên 900.000đ/tháng	100%
-	Hội LHPN huyện tham mưu đề xuất ít nhất 01 chính sách/chương trình/đề án liên quan đến phụ nữ.	8	100%
<b>10</b>	<b>Trong nhiệm kỳ, có 70% hộ gia đình có con từ 0-16 tuổi được cung cấp kiến thức và kỹ năng nuôi, dạy con, cháu theo các giai đoạn phát triển của trẻ; 80% trở lên hội viên, phụ nữ được tuyên truyền, tiếp cận các kiến thức, kỹ năng về xây dựng gia đình hạnh phúc, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống bạo lực gia đình. Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ có ít nhất 94,5% hội viên, phụ nữ tham gia bảo hiểm y tế.</b>		<b>Vượt</b>
-	có 70% hộ gia đình có con từ 0-16 tuổi được cung cấp kiến thức và kỹ năng nuôi, dạy con, cháu theo các giai đoạn phát triển của trẻ		100%
-	80% trở lên hội viên, phụ nữ được tuyên truyền, tiếp cận các kiến thức, kỹ năng về xây dựng gia đình hạnh phúc, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống bạo lực gia đình	545,178	102%
-	có ít nhất 94,5% hội viên, phụ nữ tham gia bảo hiểm y tế	295.548/300.440	98%

*Nguồn: Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Cà Mau*

**Phụ lục 13****PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN****VỀ TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO****THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI HIỆN NAY**

Xin chào đồng chí!

Hiện nay tôi đang tiến hành nghiên cứu “*Tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới hiện nay*”, những ý kiến đóng góp của đồng chí sẽ giúp tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Kính mong đồng chí quan tâm, dành thời gian trả lời bằng câu hỏi sau. Mọi thông tin trả lời của đồng chí sẽ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu, đảm bảo tính khuyết danh, đồng chí không cần ghi tên.

(Xin đánh dấu nhân (x) vào ô  bên cạnh, hoặc dấu nhân (x) vào dòng, cột trong biểu, bảng tương ứng có nội dung phù hợp với ý kiến của đồng chí hoặc ghi thêm ý kiến khác vào ô cuối cùng trong biểu, bảng của câu hỏi).

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Năm sinh: .....

Giới tính:       Nam       Nữ

Tỉnh:             Vĩnh Long     Đồng Tháp  An Giang  Cà Mau

Trình độ học vấn:  Dưới đại học  Đại học       Sau đại học

Đơn vị công tác hiện tại:

Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

Cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới

Hội Liên hiệp phụ nữ và các tổ chức chính trị - xã hội

Phụ nữ và người dân trên địa bàn tỉnh

Chức vụ hiện tại:

Lãnh đạo, quản lý

Cán bộ, công chức, viên chức

Người dân

## II. NỘI DUNG

**Câu 1. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên tắc bình đẳng giới?** (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.			
2	Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.			
3	Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.			
4	Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.			
5	Bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.			
6	Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân.			
7	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 2. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung bình đẳng giới?** (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.			
2	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.			
3	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.			
4	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.			
5	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình.			
6	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 3. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.			
2	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.			
3	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.			
4	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.			
5	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình.			
6	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 4. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương pháp thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Xác định chủ trương, nghị quyết, quyết định...; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện BDG ở cơ quan, đơn vị, nhân dân địa phương trong phạm vi, địa bàn hoạt động của mình.			
2	Phổ biến, quán triệt trong cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị mình, đoàn viên, hội viên nhân dân địa phương về chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới, chủ trương, chương trình, kế hoạch của mình về thực hiện bình đẳng giới.			
3	Tổ chức thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện bình đẳng giới đã xây dựng, ban hành trong cơ quan, đơn vị và nhân dân thuộc địa bàn hoạt động của mình.			
4	Phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các tổ chức như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ trong cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện bình đẳng giới đã ban hành.			
5	Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng;			

	đưa nội dung thực hiện bình đẳng giới vào nội dung các cuộc sinh hoạt, hoạt động văn hóa, văn nghệ...			
6	Kết hợp các hoạt động thực hiện bình đẳng giới với việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ở địa phương, nhất là phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công bằng xã hội.			
7	Tiến hành kiểm tra, giám sát về thực hiện bình đẳng giới; sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm.			
8	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 5. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).**

Nội dung	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa tốt
1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt quan điểm, chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng, ban hành các quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.			
2. Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới.			
3. Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh.			
4. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới; lãnh đạo sự phối hợp các tổ chức này với chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu trong thực			

hiện công việc này.			
5. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đạt hiệu quả việc sơ kết, tổng kết thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới, đúc rút kinh nghiệm.			

**Câu 6. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).**

Nội dung	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa tốt
1. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới bằng các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh.			
2. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới.			
3. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới bằng công tác tổ chức, cán bộ của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị có chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện thắng lợi quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới.			
4. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới thông qua tổ chức đảng, đảng viên và bằng hành động gương mẫu của đảng viên của đảng bộ tỉnh trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về bình đẳng giới.			
5. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới bằng công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với cấp ủy, các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về bình đẳng giới.			

**Câu 7. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân của ưu điểm về tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đồng ý</b>	<b>Không đồng ý</b>	<b>Khó trả lời</b>
1	Hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc cho các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo tổ chức thực hiện.			
2	Điều kiện chính trị ổn định, kinh tế - xã hội từng bước phát triển, đời sống văn hóa - xã hội và trình độ dân trí của nhân dân các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long ngày càng được nâng lên, tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai thực hiện bình đẳng giới.			
3	Tỉnh ủy viên và phần lớn cán bộ trực tiếp làm công tác lãnh đạo, quản lý và cán bộ tham mưu về công tác bình đẳng giới đã nhận thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm của mình đối với thắng lợi của việc tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới, tích cực học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.			
4	Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy đối với việc phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện bình đẳng giới ngày càng được nâng cao.			
5	Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị ngày càng được hoàn thiện, nâng cao khả năng định hướng, điều hành và tổ chức thực hiện các chủ trương về bình đẳng giới.			
6	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 8. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân của hạn chế về tình ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Ở một số địa phương, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bình đẳng giới của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có mặt chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và phát huy nguồn lực con người trong bối cảnh mới.			
2	Việc lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu, tổ chức thực hiện công tác bình đẳng giới ở một số địa phương còn có mặt chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.			
3	Việc thể chế hóa trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở một số địa phương chưa đầy đủ, đồng bộ, làm giảm hiệu quả huy động sức mạnh tổng hợp trong thực hiện bình đẳng giới.			
4	Nhận thức và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng đối với việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và sự tham gia của nhân dân trong thực hiện bình đẳng giới có lúc chưa đầy đủ; cơ chế hướng dẫn, hỗ trợ từ cấp trên đối với địa phương trong tổ chức thực hiện còn chưa thật sự kịp thời và đồng bộ.			
5	Những tác động của mặt trái kinh tế thị trường, định kiến giới còn tồn tại trong xã hội, cùng với những khó khăn của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.			
6	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 9. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về kinh nghiệm từ thực tiễn tình ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không	Khó
----	----------	--------	-------	-----

			đồng ý	trả lời
1	Tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy xác định rõ thực hiện bình đẳng giới là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và phát triển nguồn nhân lực của địa phương.			
2	Tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy chú trọng lãnh đạo công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thực hiện bình đẳng giới.			
3	Tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các tổ chức của hệ thống chính trị trong thực hiện bình đẳng giới.			
4	Quan tâm lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò tham gia của các tổ chức trong hệ thống chính trị cùng nhân dân trong thực hiện bình đẳng giới.			
5	Duy trì nền nếp công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện bình đẳng giới, coi đây là khâu quan trọng trong nâng cao hiệu lực lãnh đạo.			
6	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 10. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới ở đồng bằng sông Cửu Long đối với việc thực hiện bình đẳng giới.			
2	Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi các chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.			
3	Lãnh đạo đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh về bình đẳng giới.			
4	Hoàn thiện cơ chế, chính sách và hiện đại hóa công			

	tác lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với sự phát triển của đội ngũ cán bộ nữ tại địa phương.			
5	Tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long trong việc xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về bình đẳng giới đồng bộ và hiệu quả.			
6	Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới.			
7	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Cửu Long đối với việc thực hiện bình đẳng giới.			
8	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 11. Đồng chí có ý kiến gì khác để tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới?**

.....  
.....

***Trân trọng cảm ơn đồng chí!***

**Phụ lục 14**  
**SỐ LIỆU CHẠY TÀN SUẤT**

- Số phiếu phát ra: 800
- Số phiếu thu về: 776
- Số phiếu hợp lệ: 761
- Số phiếu không hợp lệ: 15

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**Giới tính:**

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ
Nam	342	44,9%
Nữ	419	55,1%
Tổng	761	100%

**Tỉnh:**

Tỉnh	Số lượng	Tỷ lệ
Vĩnh Long	198	26,0%
Đồng Tháp	187	24,6%
An Giang	171	22,5%
Cà Mau	205	26,9%
Tổng	761	100%

**Trình độ học vấn:**

Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ
Dưới đại học	209	27,5%
Đại học	315	41,4%
Sau đại học	237	31,1%
Tổng	761	100%

**Cơ quan công tác:**

Cơ quan	Số lượng	Tỷ lệ
Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy	105	13,8%
Cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới	197	25,9%
Hội Liên hiệp phụ nữ và các tổ chức chính trị - xã hội	186	24,4%

Phụ nữ và người dân trên địa bàn tỉnh	273	35,9%
Tổng	761	100%

**Đối tượng:**

<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Lãnh đạo, quản lý	98	12,9%
Cán bộ, công chức, viên chức	282	37,1%
Người dân	381	50,1%
Tổng	761	100%

## II. NỘI DUNG

### Câu 1. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên tắc bình đẳng giới?

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.	690	90,7%	46	6,0%	25	3,3%
2	Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.	694	91,2%	43	5,7%	24	3,1%
3	Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.	676	88,8%	60	7,9%	25	3,3%
4	Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.	669	87,9%	67	8,8%	25	3,3%
5	Bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.	683	89,7%	54	7,1%	24	3,2%
6	Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân.	697	91,6%	40	5,3%	24	3,1%

### Câu 2. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung bình đẳng giới?

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.	673	88,4%	59	7,8%	29	3,8%
2	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.	659	86,6%	73	9,6%	29	3,8%
3	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.	651	85,6%	81	10,6%	29	3,8%

4	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	666	87,5%	69	9,1%	26	3,4%
5	Nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình.	674	88,6%	58	7,6%	29	3,8%

**Câu 3. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long?**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.	642	84,4%	89	11,7%	30	3,9%
2	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.	629	82,6%	102	13,4%	30	3,9%
3	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.	623	81,9%	108	14,2%	30	3,9%
4	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	636	83,6%	95	12,5%	30	3,9%
5	Thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình.	648	85,2%	83	10,9%	30	3,9%

**Câu 4. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương pháp thực hiện bình đẳng giới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long?**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Xác định chủ trương, nghị quyết, quyết định...; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện BDG ở cơ quan, đơn vị, nhân dân địa phương trong phạm vi, địa bàn hoạt động của mình.	666	87,5%	69	9,1%	26	3,4%

2	Phổ biến, quán triệt trong cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị mình, đoàn viên, hội viên nhân dân địa phương về chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới, chủ trương, chương trình, kế hoạch của mình về thực hiện bình đẳng giới.	659	86,6%	76	10,0%	26	3,4%
3	Tổ chức thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện bình đẳng giới đã xây dựng, ban hành trong cơ quan, đơn vị và nhân dân thuộc địa bàn hoạt động của mình.	670	88,0%	66	8,7%	25	3,3%
4	Phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các tổ chức như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ trong cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện bình đẳng giới đã ban hành.	657	86,3%	79	10,4%	25	3,3%
5	Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng; đưa nội dung thực hiện bình đẳng giới vào nội dung các cuộc sinh hoạt, hoạt động văn hóa, văn nghệ...	649	85,3%	87	11,4%	25	3,3%
6	Kết hợp các hoạt động thực hiện bình đẳng giới với việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ở địa phương, nhất là phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công bằng xã hội.	644	84,6%	91	12,0%	26	3,4%
7	Tiến hành kiểm tra, giám sát về thực hiện bình đẳng giới; sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm.	652	85,7%	84	11,0%	25	3,3%

**Câu 5. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới?**

Nội dung	Tốt		Đạt yêu cầu		Chưa tốt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt quan điểm, chủ trương, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng, ban hành các quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.	646	84,9%	95	12,5%	20	2,6%
2. Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới.	639	83,9%	101	13,3%	21	2,8%
3. Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh.	633	83,2%	104	13,7%	24	3,1%
4. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới; lãnh đạo sự phối hợp các tổ chức này với chính quyền tỉnh, xã, phường, đặc khu trong thực hiện công việc này.	627	82,4%	110	14,5%	24	3,1%
5. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đạt hiệu quả việc sơ kết, tổng kết thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới, đúc rút kinh nghiệm.	635	83,4%	104	13,7%	22	2,9%

**Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới?**

Nội dung	Tốt		Đạt yêu cầu		Chưa tốt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới bằng các quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh.	638	83,8%	101	13,3%	22	2,9%
2. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội và nhân dân trong tỉnh thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới.	631	82,9%	108	14,2%	22	2,9%
3. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới bằng công tác tổ chức, cán bộ của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị có chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện thắng lợi quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về thực hiện bình đẳng giới.	623	81,9%	114	15,0%	24	3,1%
4. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới thông qua tổ chức đảng, đảng viên và bằng hành động gương mẫu của đảng viên của đảng bộ tỉnh trong thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về bình đẳng giới.	634	83,3%	104	13,7%	23	3,0%
5. Lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới bằng công tác kiểm	629	82,6%	108	14,2%	24	3,2%

tra, giám sát của tỉnh ủy đối với cấp ủy, các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về thực hiện quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về bình đẳng giới.						
---	--	--	--	--	--	--

**Câu 7. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân của ưu điểm về tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới?**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc cho các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo tổ chức thực hiện.	668	87,8%	68	8,9%	25	3,3%
2	Điều kiện chính trị ổn định, kinh tế - xã hội từng bước phát triển, đời sống văn hóa - xã hội và trình độ dân trí của nhân dân các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long ngày càng được nâng lên, tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai thực hiện bình đẳng giới.	655	86,1%	81	10,6%	25	3,3%
3	Tỉnh ủy viên và phần lớn cán bộ trực tiếp làm công tác lãnh đạo, quản lý và cán bộ tham mưu về công tác bình đẳng giới đã nhận thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm của mình đối với thắng lợi của việc tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới, tích cực học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, thực hiện tốt nhiệm vụ	647	85,0%	89	11,7%	25	3,3%

	được giao.						
4	Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy đối với việc phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện bình đẳng giới ngày càng được nâng cao.	661	86,9%	77	10,1%	23	3,0%
5	Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị ngày càng được hoàn thiện, nâng cao khả năng định hướng, điều hành và tổ chức thực hiện các chủ trương về bình đẳng giới.	652	85,7%	86	11,3%	23	3,0%

**Câu 8. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân của hạn chế về tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới?**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Ở một số địa phương, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bình đẳng giới của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có mặt chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và phát huy nguồn lực con người trong bối cảnh mới.	482	63,3%	246	32,3%	33	4,4%
2	Việc lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu, tổ chức thực hiện công tác bình đẳng giới ở một số địa phương còn có mặt chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.	468	61,5%	261	34,3%	32	4,2%
3	Việc thể chế hóa trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở một số địa	490	64,4%	239	31,4%	32	4,2%

	phương chưa đầy đủ, đồng bộ, làm giảm hiệu quả huy động sức mạnh tổng hợp trong thực hiện bình đẳng giới.						
4	Nhận thức và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng đối với việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và sự tham gia của nhân dân trong thực hiện bình đẳng giới có lúc chưa đầy đủ; cơ chế hướng dẫn, hỗ trợ từ cấp trên đối với địa phương trong tổ chức thực hiện còn chưa thật sự kịp thời và đồng bộ.	459	60,3%	271	35,6%	31	4,1%
5	Những tác động của mặt trái kinh tế thị trường, định kiến giới còn tồn tại trong xã hội, cùng với những khó khăn của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.	498	65,4%	236	31,0%	27	3,6%

**Câu 9. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về kinh nghiệm từ thực tiễn tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới?**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy xác định rõ thực hiện bình đẳng giới là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và phát triển nguồn nhân lực của địa phương.	653	85,8%	84	11,0%	24	3,2%
2	Tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy chú trọng lãnh đạo	642	84,4%	95	12,5%	24	3,1%

	công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thực hiện bình đẳng giới.						
3	Tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các tổ chức của hệ thống chính trị trong thực hiện bình đẳng giới.	637	83,7%	100	13,1%	24	3,2%
4	Quan tâm lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò tham gia của các tổ chức trong hệ thống chính trị cùng nhân dân trong thực hiện bình đẳng giới.	648	85,2%	90	11,8%	23	3,0%
5	Duy trì nền nếp công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện bình đẳng giới, coi đây là khâu quan trọng trong nâng cao hiệu lực lãnh đạo.	640	84,1%	99	13,0%	22	2,9%

**Câu 10. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới?**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới ở đồng bằng sông Cửu Long đối với việc thực hiện bình đẳng giới.	704	92,5%	39	5,1%	18	2,4%
2	Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi các chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	697	91,6%	46	6,0%	18	2,4%
3	Lãnh đạo đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương	690	90,7%	52	6,8%	19	2,5%

	của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh về bình đẳng giới.						
4	Hoàn thiện cơ chế, chính sách và hiện đại hóa công tác lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với sự phát triển của đội ngũ cán bộ nữ tại địa phương.	685	90,0%	57	7,5%	19	2,5%
5	Tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long trong việc xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về bình đẳng giới đồng bộ và hiệu quả.	693	91,1%	49	6,4%	19	2,5%
6	Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới.	681	89,5%	61	8,0%	19	2,5%
7	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Cửu Long đối với việc thực hiện bình đẳng giới.	674	88,6%	68	8,9%	19	2,5%

**Câu 11. Đồng chí có ý kiến gì khác để tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với thực hiện bình đẳng giới?**

1. Nâng cao nhận thức của cấp ủy về vai trò của bình đẳng giới trong phát triển bền vững.

2. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

3. Gắn kết quả thực hiện bình đẳng giới với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng.

4. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức giới cho cán bộ lãnh đạo.

5. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên.

6. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các tỉnh trong vùng.

7. Rà soát, bổ sung các văn bản lãnh đạo liên quan đến bình đẳng giới.

8. Lồng ghép nội dung giới trong xây dựng nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội.

9. Hoàn thiện cơ chế giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu về giới.

10. Cụ thể hóa chỉ tiêu nữ tham gia cấp ủy các cấp.

11. Bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan.

12. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ cán bộ nữ.

13. Tăng cường lồng ghép giới trong quy hoạch, đào tạo cán bộ.

14. Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê giới đồng bộ.

15. Bố trí, sử dụng cán bộ nữ phù hợp năng lực.

16. Quan tâm đào tạo cán bộ nữ trẻ.

17. Tăng tỷ lệ nữ trong quy hoạch chức danh lãnh đạo.

18. Có cơ chế hỗ trợ cán bộ nữ vùng khó khăn.

19. Thực hiện luân chuyển cán bộ nữ để rèn luyện thực tiễn.

20. Bảo đảm môi trường làm việc không phân biệt giới.

21. Đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng cụ thể, sát thực tiễn.

22. Tăng cường đối thoại giữa cấp ủy với phụ nữ và người dân.

23. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi chỉ tiêu giới.

24. Phân công rõ trách nhiệm từng cơ quan trong hệ thống chính trị.

25. Đưa nội dung bình đẳng giới vào chương trình công tác năm của cấp ủy.

26. Đẩy mạnh sơ kết, tổng kết và nhân rộng mô hình hiệu quả.

27. Tăng cường phối hợp liên ngành.

28. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát việc thực hiện chỉ tiêu giới.

29. Công khai kết quả thực hiện các mục tiêu về giới.

30. Tăng cường giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

31. Gắn kết quả thực hiện với thi đua, khen thưởng.

32. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về bình đẳng giới.

33. Tăng cường phản biện xã hội trong lĩnh vực này.

34. Đẩy mạnh truyền thông thay đổi nhận thức về vai trò của phụ nữ.

35. Phát huy vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp.

36. Tăng cường tuyên truyền ở vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số.
37. Huy động sự tham gia của nam giới trong thúc đẩy bình đẳng giới.
38. Xây dựng các mô hình gia đình bình đẳng, tiến bộ.
39. Lòng ghép nội dung giới vào hoạt động văn hóa, cộng đồng.
40. Tăng cường giáo dục giới trong trường học.
41. Bố trí ngân sách phù hợp cho hoạt động bình đẳng giới.
42. Hỗ trợ kỹ thuật từ Trung ương.
43. Mở rộng hợp tác với tổ chức quốc tế.
44. Đầu tư nghiên cứu khoa học về giới tại địa phương.
45. Cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ nữ vùng khó khăn.
46. Ứng dụng chuyển đổi số trong theo dõi thực hiện.
47. Kết hợp mục tiêu bình đẳng giới với phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững.
48. Tăng cường lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới gắn với bảo đảm an sinh xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long.